



HONDA

CITY

Hướng dẫn sử dụng

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng **CHÚ Ý**. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản, hoặc môi trường.

Các biểu tượng    trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng để vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng   được mã hóa bằng màu để thể hiện “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “chú ý” (màu hổ phách).

 **Nhãn An Toàn** Tr. 89

Một Vài Chú Ý Về An Toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, các thông tin này không thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải tự xử lý được các tình huống.

Bạn sẽ thấy thông tin an toàn quan trọng này theo những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Nhãn An Toàn** - trên xe.
- **Cảnh Báo An Toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo  và một trong các từ sau: **NGUY HIỂM, CẢNH BÁO** hoặc **LƯU Ý**. Những cụm từ này có nghĩa:

NGUY HIỂM

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

CẢNH BÁO

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

CẢNH BÁO

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

LƯU Ý

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Đề Mục An Toàn** - những Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.
- **Phản Hướng Dẫn An Toàn** - Lái Xe An Toàn.
- **Hướng Dẫn Chung Khác** - cách sử dụng xe sao cho đúng và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc kỹ.

Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thông thường nhằm mục đích Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố. Thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi của các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe. Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này được coi như một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho tất cả các loại xe. Bạn có thể tìm thấy các miêu tả về các thiết bị và các tính năng mà xe bạn không có.

Các hình ảnh trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này (bao gồm cả bìa) mô tả các tính năng, thiết bị và màn hình Đồng Hồ Đo chỉ là ví dụ và có thể không minh họa cho loại xe cụ thể nào.

Thông tin và các thông số kỹ thuật có trong tài liệu có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor giữ bản quyền này và được quyền cất bỏ và thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên trái và vô lăng bên phải, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên phải.

➤ Lái Xe An Toàn Tr. 33		
Lái Xe An Toàn Tr. 34	Dây đai An Toàn Tr. 39	Túi Khí Tr. 49

➤ Bảng Điều Khiển Tr. 91		
Đèn Báo Tr. 92	Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị Thông Tin Tr.115	

➤ Điều Khiển Tr. 165		
Đồng Hồ Tr. 166	Khóa và Mở Khóa Cửa Tr. 169	
Cửa Kính Tr. 194	Cửa Sổ Trời Tr. 199	
Ghế Ngồi Tr. 226		
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr. 250		

➤ Tính Năng Tr. 255		
----------------------------	--	--

➤ Lái Xe Tr. 257		
Trước Khi Lái Xe Tr. 258	Kéo Rơ-moóc Tr. 261	Khi Lái Xe Tr. 262
Nạp Nhiên Liệu Tr. 369	Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO ₂ Tr. 371	

➤ Bảo Dưỡng Tr. 373		
Trước Khi Tiến Hành Bảo Dưỡng Tr. 374	Lịch Bảo Dưỡng Tr. 377	
Thay Bóng Đèn Tr. 392	Bảo Dưỡng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Tr. 419	
Ắc Quy Tr. 415	Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 428	
Vệ Sinh Tr. 423		

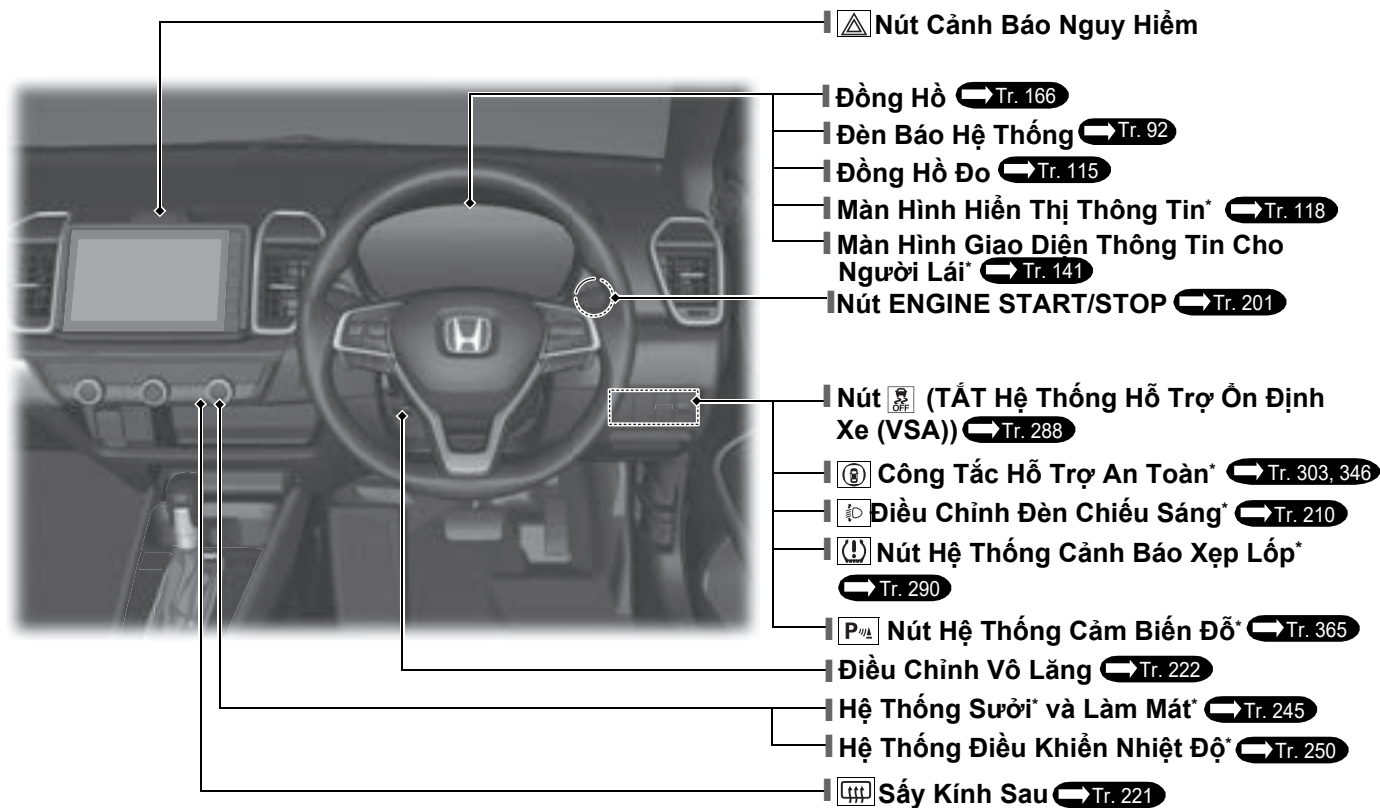
➤ Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 431		
Dụng Cụ Tr. 432	Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 433	
Quá Nhiệt Tr. 450	Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy Tr. 453	

➤ Thông Tin Tr. 479		
Thông Số Kỹ Thuật Tr. 480	Số Nhận Dạng Xe Tr. 485	

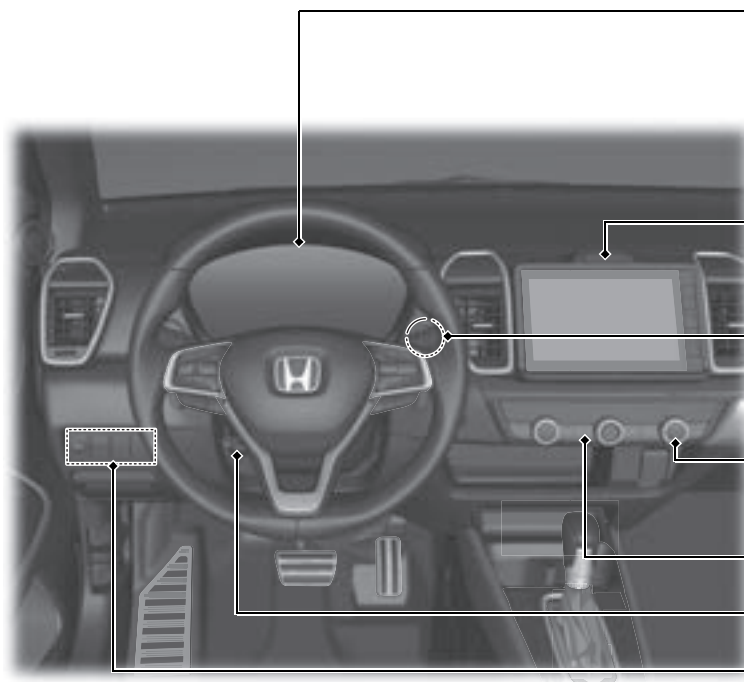
			Nội Dung	
An Toàn Cho Trẻ Tr. 60			Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 88	Nhân An Toàn Tr. 89
Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý Tr. 188			Hệ Thống An Ninh Tr. 191	
Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lăng Tr. 201			Gương Tr. 223	
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Tr. 235			Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát* Tr. 245	
Honda Sensing* Tr. 296			Phanh Tr. 358	Đỗ Xe Tr. 363
Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô Tr. 382			Thay Bóng Đèn Tr. 392	
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Tr. 406			Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 408	
Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi* và Hệ Thống Làm Mát*/Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ* Tr. 421				
Động Cơ Không Khởi Động Tr. 443			Nếu Ấc Quy Chết Tr. 446	Không Gạt Được Cần Số Tr. 449
Câu Chi Tr. 459			Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 473	Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)* Tr. 4 74
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio* Tr. 486			Giấy Phép Mã Nguồn Mở TCU* Tr. 496	
			Hướng Dẫn Tham Khảo Nhanh Tr. 4	
			Lái Xe An Toàn Tr. 33	
			Bảng Điều Khiển Tr. 91	
			Điều Khiển Tr. 165	
			Tính Năng Tr. 255	
			Lái Xe Tr. 257	
			Bảo Dưỡng Tr. 373	
			Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 431	
			Thông Tin Tr. 479	
			Mục Lục Tr. 497	

Mục Lục Trực Quan

Loại Vô Lãng Bên Phải



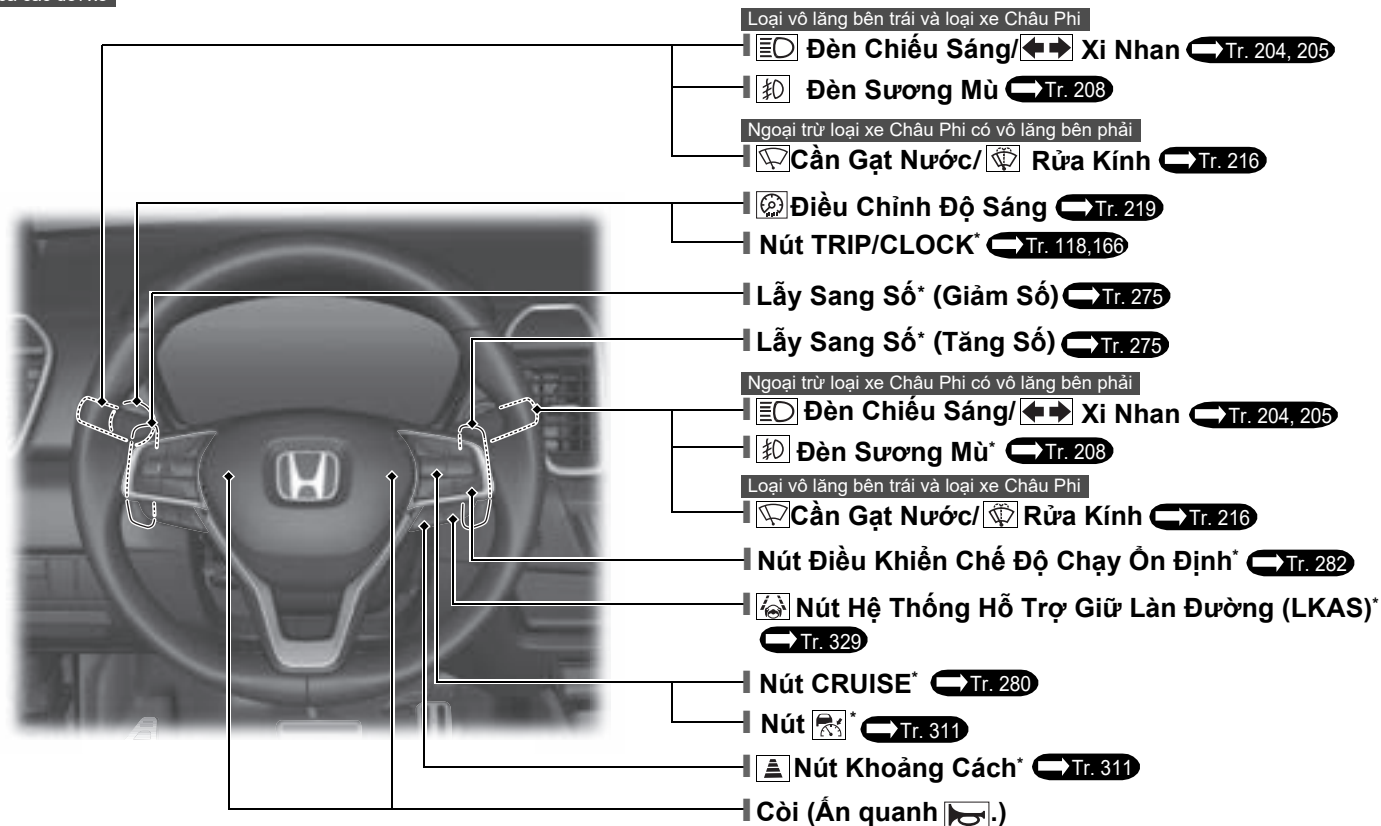
Loại Vô Lãng Bên Trái

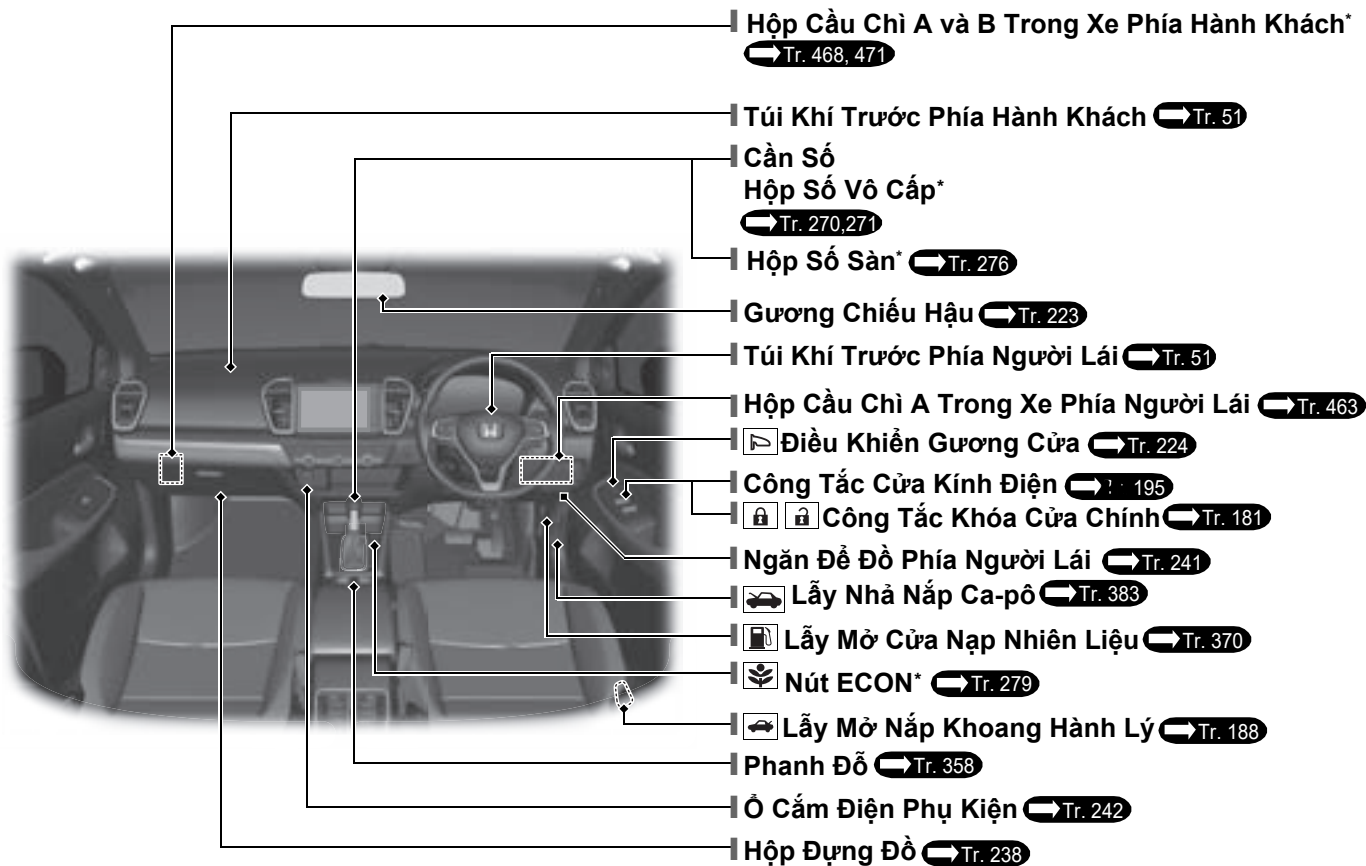


- | Đồng Hồ ➡ Tr. 166
- | Đèn Báo Hệ Thống ➡ Tr. 92
- | Đồng Hồ Đo ➡ Tr. 115
- | Màn Hình Hiển Thị Thông Tin* ➡ Tr. 118
- | Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* ➡ Tr. 120, 141
- |  Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm
- | Nút ENGINE START/STOP ➡ Tr. 201
- | Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát* ➡ Tr. 245
- | Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ* ➡ Tr. 250
- |  Sấy Kính Sau ➡ Tr. 221
- | Điều Chỉnh Vô Lãng ➡ Tr. 222
- | Nút  (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)) ➡ Tr. 288
- |  Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn* ➡ Tr. 303, 346
- |  Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng* ➡ Tr. 210
- |  Nút Hệ Thống Cảnh Báo Xếp Lốp* ➡ Tr. 290

Mục Lục Trực Quan

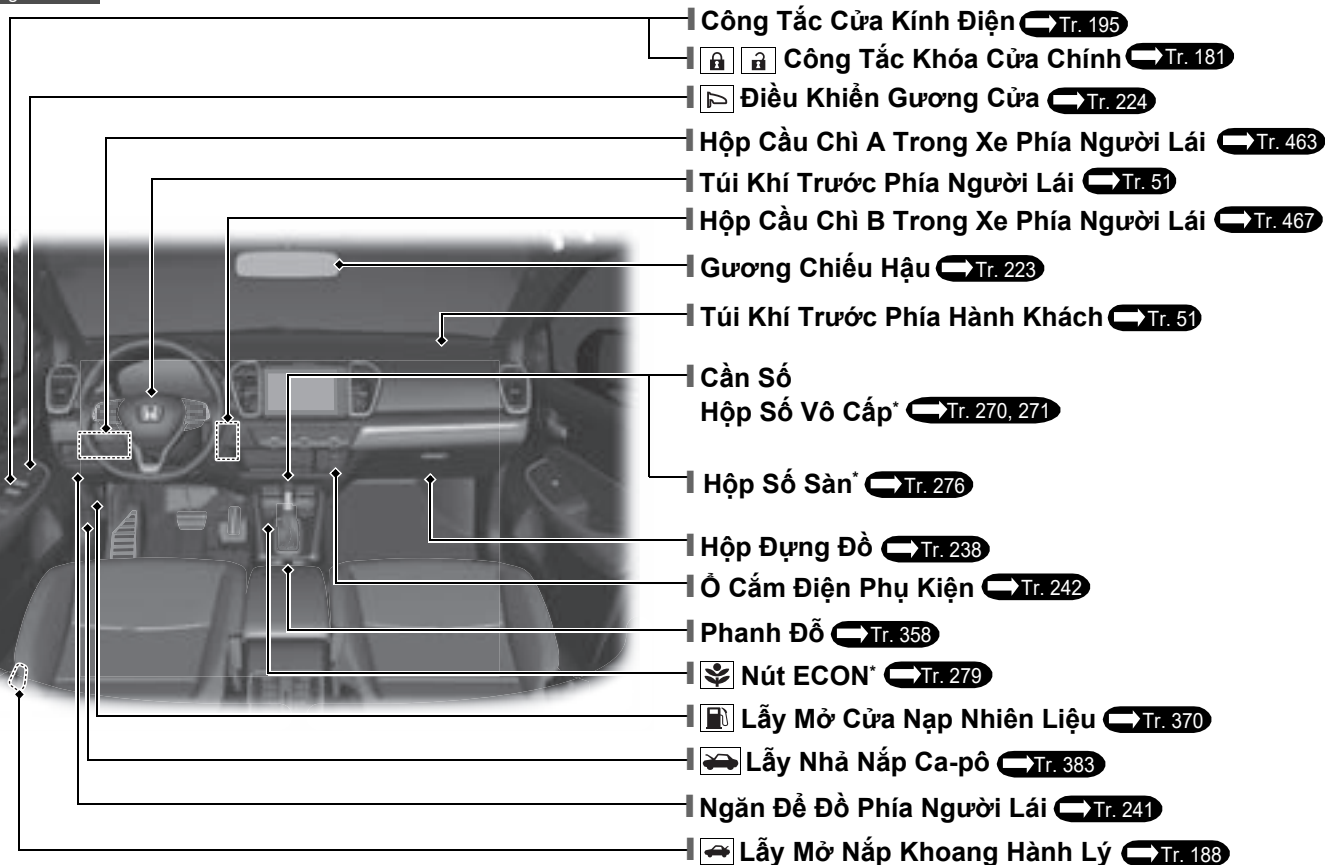
Tất cả các đời xe



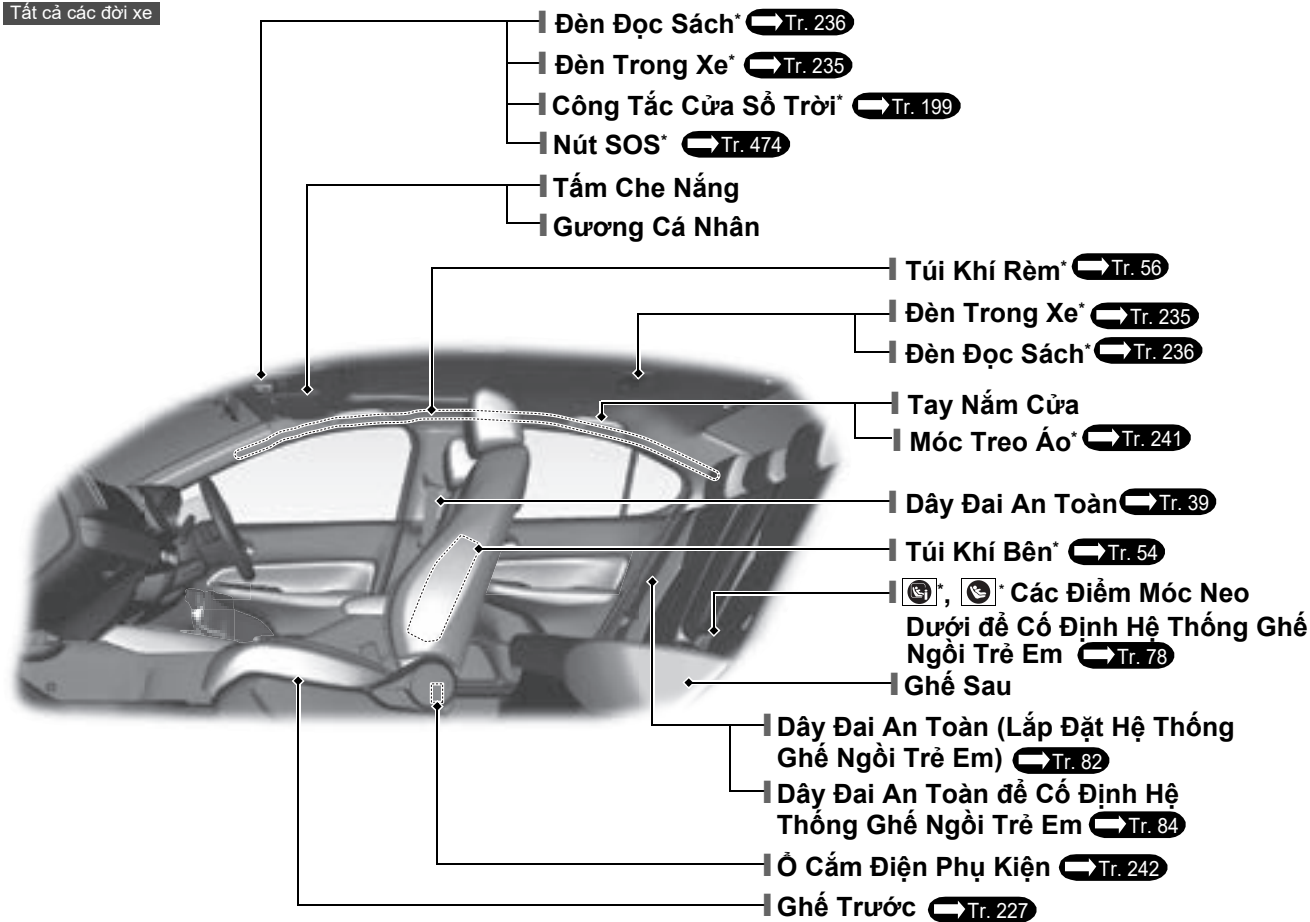


Mục Lục Trực Quan

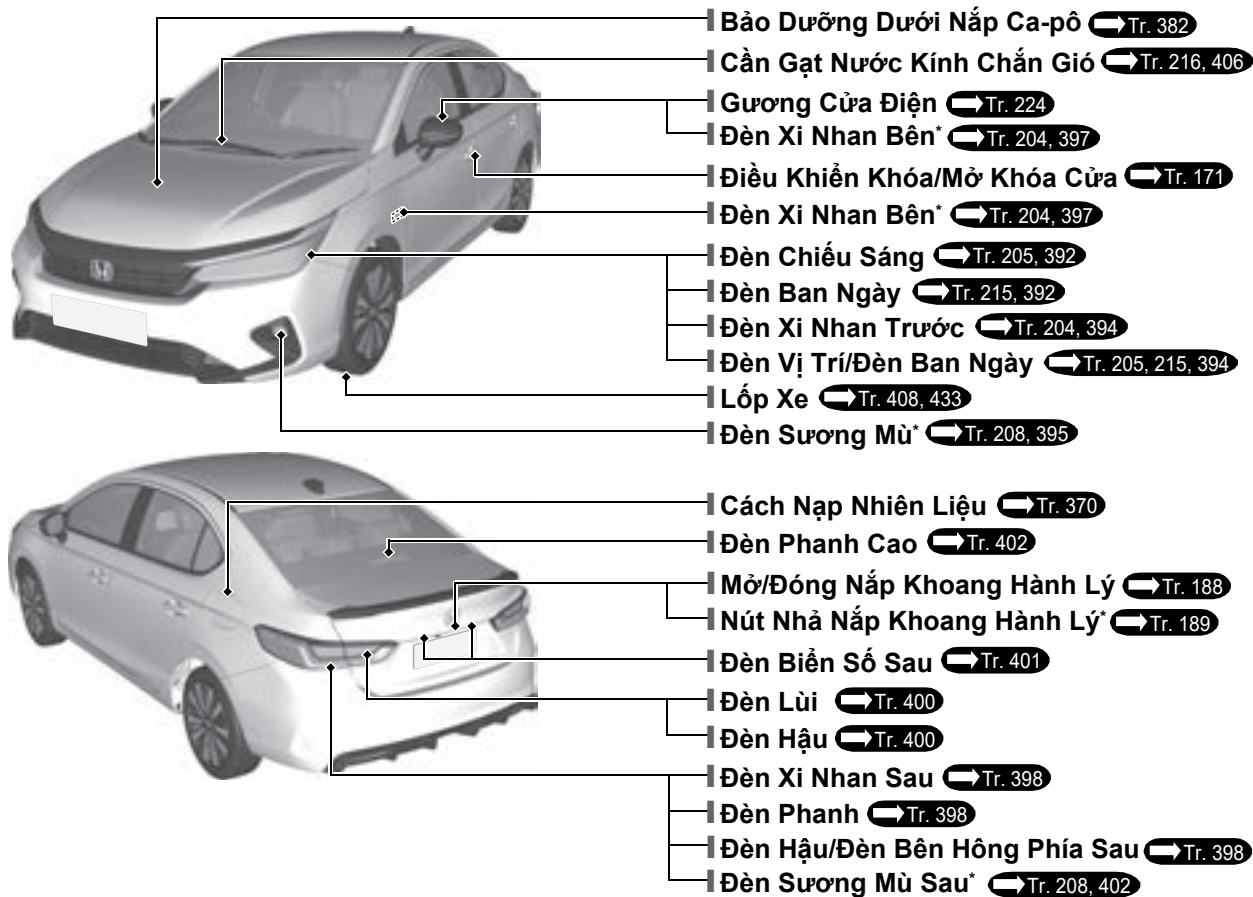
Loại Vô Lãng Bên Trái



Tất cả các đời xe



Mục Lục Trực Quan



Hệ Thống Hỗ Trợ Eco*

Đèn Viên Đồng Hồ

- Màu của đèn viên đồng hồ chuyển sang màu xanh lục cho biết xe đang được lái ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu.



Đèn Báo Chế Độ ECON → Tr. 105
Sáng khi ấn nút ECON.



Nút ECON → Tr. 279
Giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa.



- * 1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin
- * 2: Loại xe có đồng hồ đo loại A
- * 3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Lái Xe An Toàn ➡ Tr. 33

Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe ➡ Tr. 37

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra xem các ghế trước, tựa đầu, vô lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng chưa.

Dây Đai An Toàn ➡ Tr. 39

- Thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.
- Kiểm tra xem hành khách của bạn đã thắt dây đai an toàn đúng cách chưa.



Thắt dây đai an toàn
hông căng thấp căng tốt.

Khí Xả Nguy Hiểm ➡ Tr. 88

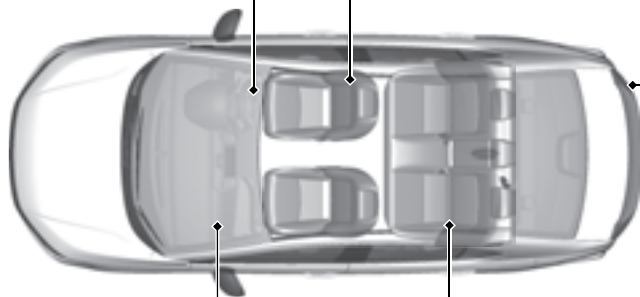
- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không được khởi động xe ở không gian hẹp, kín nơi có thể tích tụ CO.

An Toàn Cho Trẻ ➡ Tr. 60

- Tất cả các trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.

Túi Khí ➡ Tr. 49

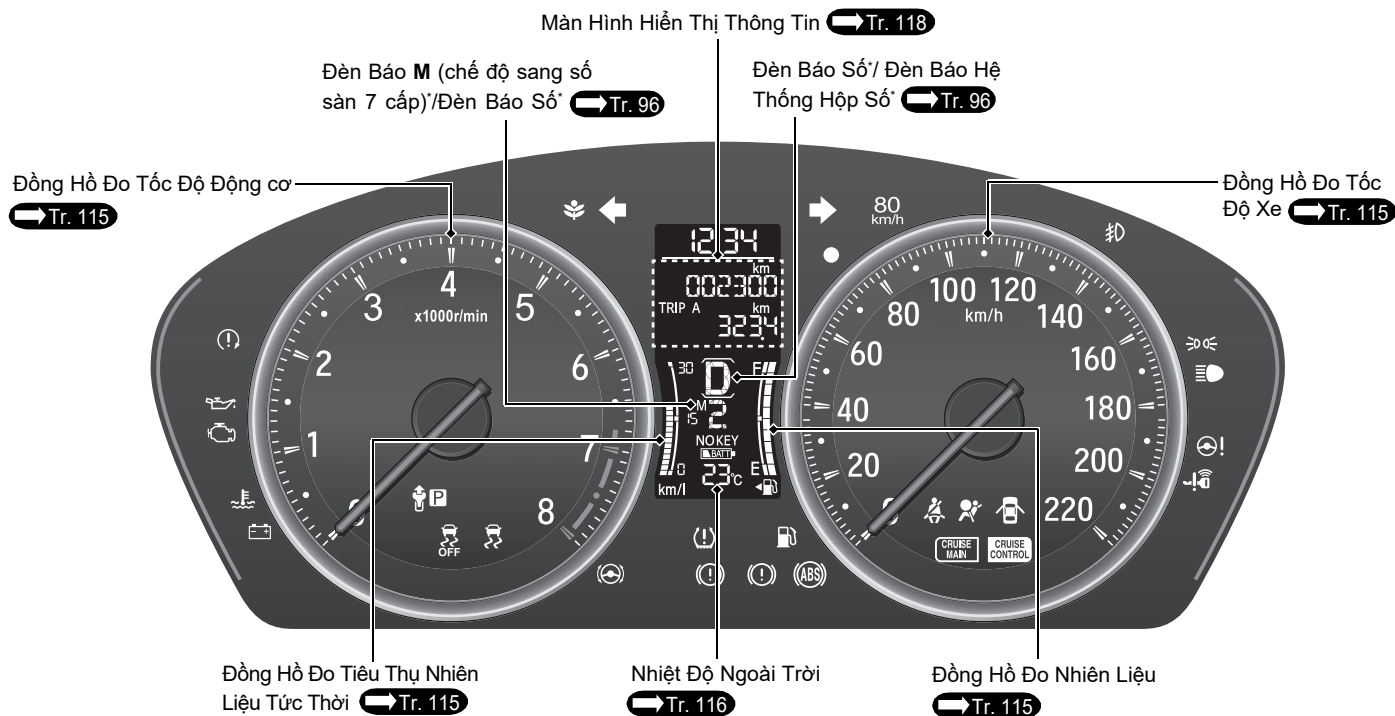
- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh.



Bảng Điều Khiển ➡Tr. 91

Đèn Báo ➡Tr. 92/Đồng Hồ Đo ➡Tr. 115/Màn Hình Hiển Thị Thông Tin* ➡Tr. 118
/Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* ➡Tr. 120, 141

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ➔ Tr. 120

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ ➔ Tr. 115

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe ➔ Tr. 115

Đèn Báo Số/ Đèn Báo Hệ Thống Hộp Số

➔ Tr. 96

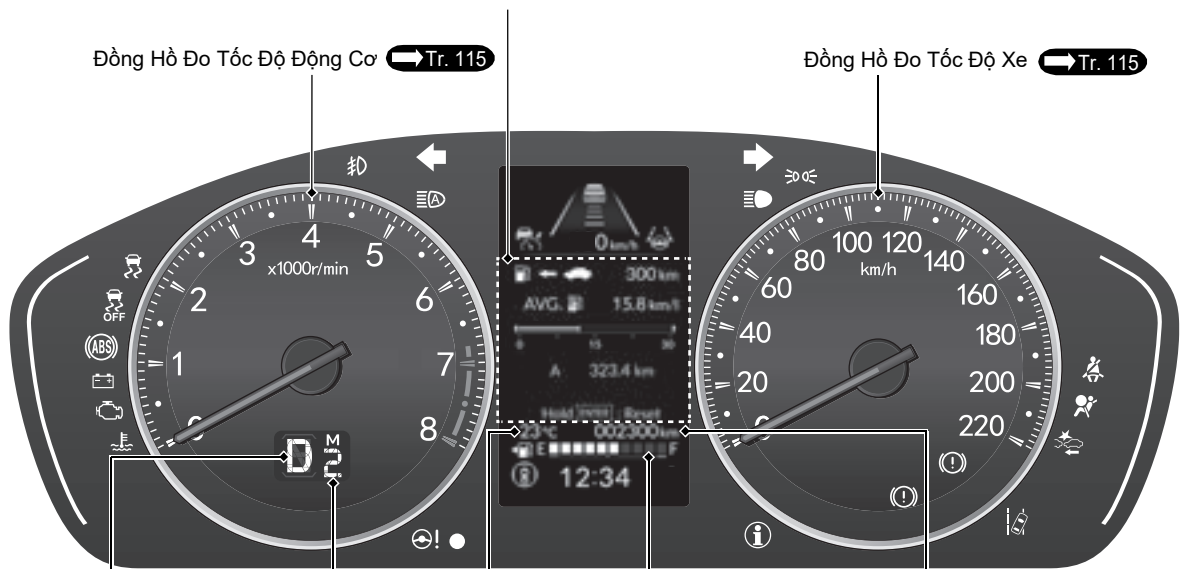
Đèn Báo M (chế độ sang số sàn 7 cấp)/Đèn Báo Số

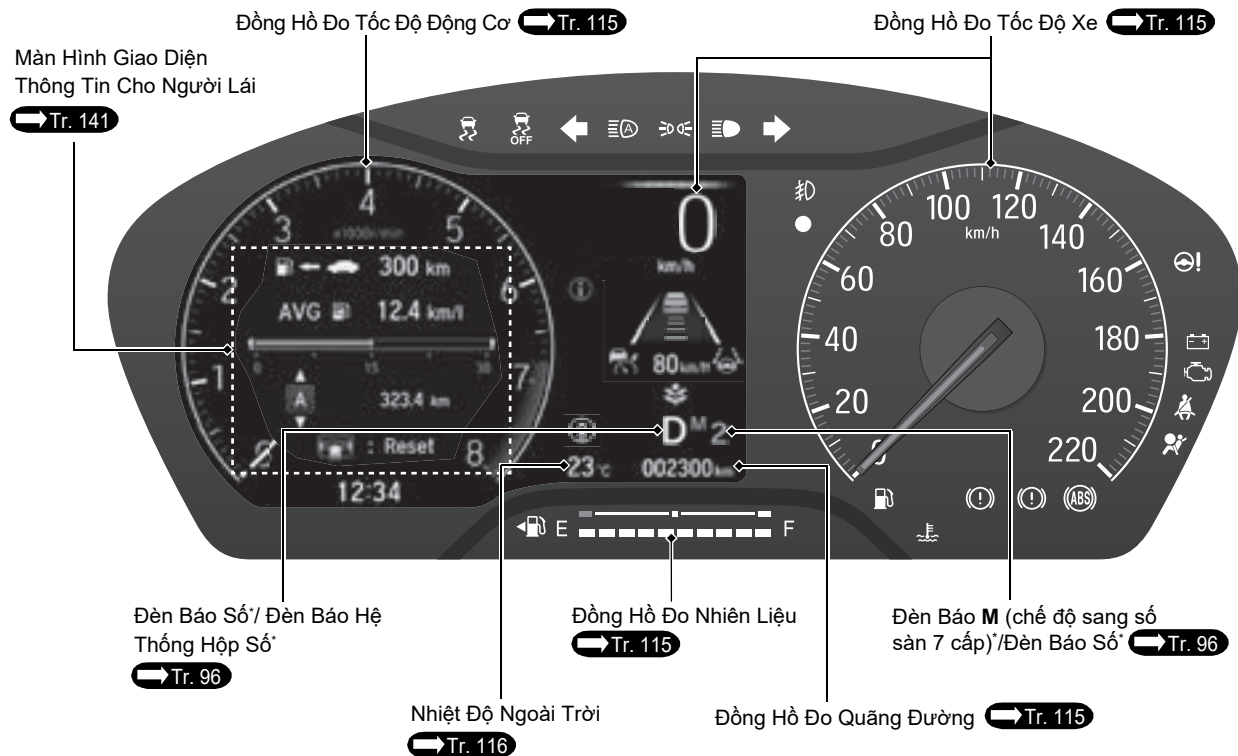
➔ Tr. 96

Nhiệt Độ Ngoài Trời ➔ Tr. 116

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu ➔ Tr. 115

Đồng Hồ Đo Quãng Đường ➔ Tr. 115





Điều Khiển ↔ Tr. 165

Đồng Hồ ↔ Tr. 166

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Sử dụng nút **TRIP/CLOCK**, **+** hoặc **-** để điều chỉnh thời gian trong màn hình hiển thị thông tin.



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)



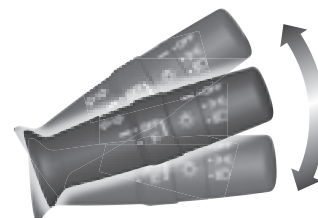
Nút ENGINE START/STOP ↔ Tr. 201

Ấn nút này để thay đổi chế độ nguồn của xe.



Xi Nhan ↔ Tr. 204

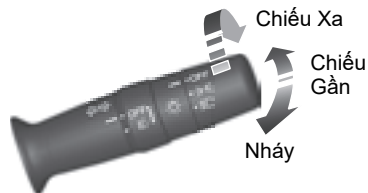
Cần Điều Khiển Xi Nhan



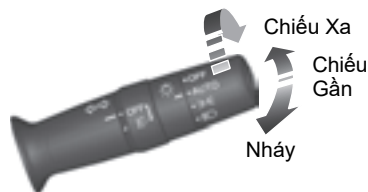
Đèn ➡ Tr. 205

Công Tác Điều Khiển Đèn

Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động



Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động



Cần Gạt Nước và Rửa Kính ➡ Tr. 216

Cần Điều Khiển Cần Gạt Nước/Rửa Kính

MIST

OFF

AUTO^{*1}: Gạt tự động

INT^{*2}: Gạt tốc độ chậm và ngắt quãng

LO: Gạt tốc độ chậm

HI: Gạt tốc độ nhanh

Kéo về phía bạn để phun nước rửa kính.

Vòng Điều Chỉnh^{*}

☐: Độ Nhảy Thấp^{*1}

⬇: Tốc độ chậm, gạt ít^{*2}

⬆: Độ Nhảy Cao^{*1}

⬇⬇: Tốc độ nhanh, gạt nhiều^{*2}

* 1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

* 2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

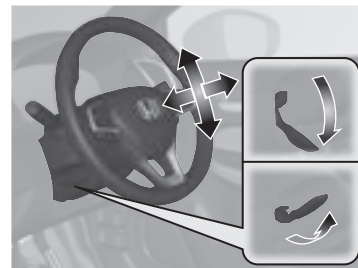
Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Luôn **TẮT** chế độ **AUTO** trong các tình huống sau để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Không có mưa

Vô Lãng ➡ Tr. 222

- Để điều chỉnh, kéo cần điều chỉnh xuống, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.



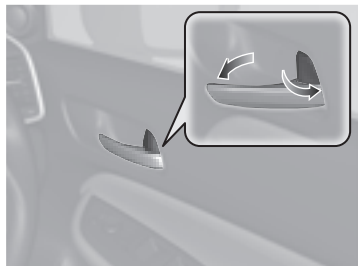
Mở Khóa Cửa Trước từ Bên Trong ➡ Tr. 180

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải và loại xe Mỹ La Tinh

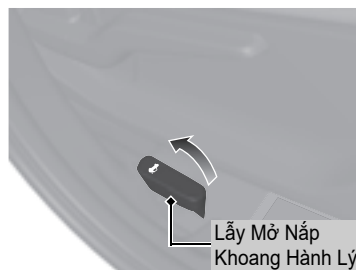
- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải và loại xe Mỹ La Tinh

- Kéo tay nắm bên trong một trong hai cửa trước để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.



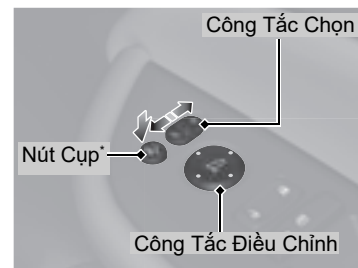
Khoang Hành Lý ➡ Tr. 188



- Kéo lấy mở nắp khoang hành lý ở phía ngoài ghế người lái để mở khóa và mở khoang hành lý.
- Ấn nút nhả nắp khoang hành lý trên nắp khoang hành lý để mở khóa và mở khoang hành lý.
- Ấn nút nhả nắp khoang hành lý trên điều khiển từ xa để mở khóa và mở khoang hành lý.

Gương Cửa Điện ➡ Tr. 224

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, gạt công tắc chọn đến **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp* để cụp và mở các gương cửa.



Cửa Kính Điện ➡ Tr. 194

- Mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn ở BẬT.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở và đóng từng cửa kính điện hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí bật (đèn báo sáng), các công tắc cửa kính điện phía hành khách sẽ không thể hoạt động.



Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát* Tr. 245

- Ấn nút  để bật hoặc tắt hệ thống.
- Xoay núm điều khiển quạt để điều chỉnh tốc độ quạt.
- Xoay núm điều khiển chế độ đến  /  /  /  để chọn hướng khí thổi ra từ khe thông gió.
- Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ để điều chỉnh nhiệt độ.
- Ấn nút  để làm tan băng kính chắn gió.

 Khí thổi ra từ khe thông gió bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm*.

 Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn.

 Khí thổi ra từ khe thông gió sàn, bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm*.

 Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió.

Nút  (Lấy Gió Trong)*⁴

Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)*⁴

Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ*⁴

Nút **MÁT TỐI ĐA***^{1, *4}

Núm Điều Khiển Chế Độ

Nút  (Sấy Kính Chắn Gió)*³

Nút  (BẬT/TẮT)*⁴

Nút **A/C TỐI ĐA***²

Núm Điều Khiển Quạt*⁴

Loại xe có vô lăng bên trái



Nút  (Sấy Kính Chắn Gió)

* 1: Loại xe không có nút **MÁT TỐI ĐA**.

* 2: Loại xe có nút **A/C TỐI ĐA**

* 3: Loại xe có vô lăng bên phải

* 4: Hình vẽ mô phỏng cho loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở phía đối xứng với loại vô lăng bên phải.

Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ* Tr. 250

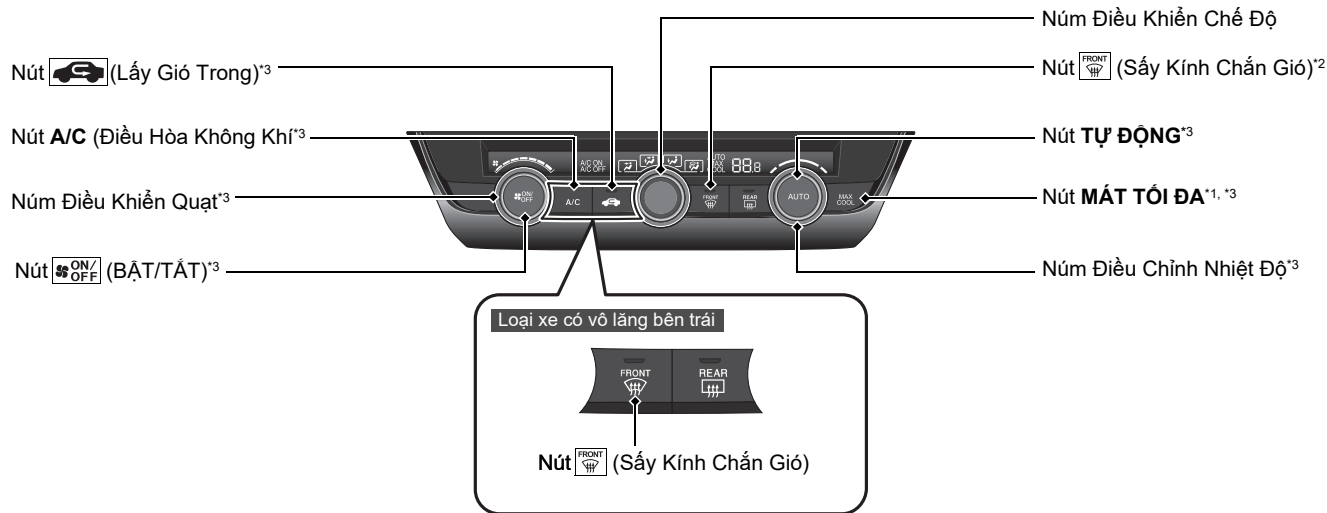
- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều khiển nhiệt độ.
- Ấn nút **ON/OFF** để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút **FRONT** để làm tan sương kính chắn gió.

 Khí thổi ra từ khe thông gió bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm.

 Khí thổi ra từ khe thông gió sàn, bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm.

 Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn.

 Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió.



* 1: Loại xe có nút **MÁT TỐI ĐA**.

* 2: Loại xe có vô lăng bên phải

* 3: Hình vẽ mô phỏng cho loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở phía đối xứng với loại vô lăng bên phải.

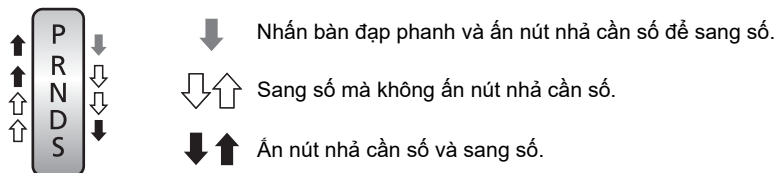
Lái Xe ➡ Tr. 257

Hộp Số Sàn* ➡ Tr. 276

Hộp Số Vô Cấp* ➡ Tr. 270, 271

- Sang số [P] và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Sang Số



P **Số Đỗ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R **Số Lùi**
Dùng khi lùi xe.

N **Số Không**
Hộp số không bị khóa.

D **Số Lái**
Dùng:
 ● Để lái thường.
 Loại xe có lấy sang số
 ● Khi lái tạm thời ở chế độ sang số sàn 7 cấp.

S **Số Lái (Số S)**
Dùng:
 ● Để tăng tốc tốt hơn.
 ● Để tăng phanh động cơ.
 ● Khi lên dốc hoặc xuống dốc.
 Loại xe không có lấy sang số
 ● Khi lái ở chế độ sang số sàn 7 cấp.

Chế Độ Sang Số Sàn 7 Cấp* ➡ Tr. 274

- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

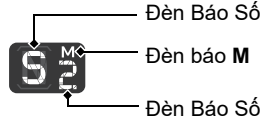
Khi cần số ở **S**

- Kéo lấy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số sàn 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

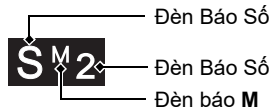
Khi cần số ở **D**

- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số sàn 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.

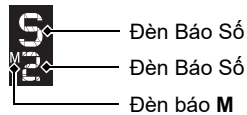
Loại xe có đồng hồ đo loại A



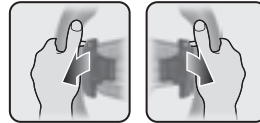
Loại xe có đồng hồ đo loại B



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Lấy Giảm Số **-** Lấy Tăng Số **+**



Bật và Tắt CMBS* ➡ Tr. 303

- Khi khả năng xảy ra va chạm phía trước là không thể tránh được, CMBS có thể giảm tốc độ của xe và giảm va chạm mạnh.
- CMBS bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt CMBS, sử dụng công tắc hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bật và Tắt VSA ➡ Tr. 288

- Hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì bám đường khi xe tăng tốc hoặc trên bề mặt trơn hoặc lầy.
- VSA tự động sáng mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt VSA, ấn và giữ nút  (TẮT VSA) đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* ➡ Tr. 280

- Điều khiển chế độ chạy ổn định cho phép bạn duy trì tốc độ đã cài đặt mà không cần giữ chân trên bàn đạp ga.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

- Để sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định, ấn nút **CRUISE**, sau đó ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** khi bạn đã đạt được tốc độ mong muốn (trên 40 km/h).

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

- Để sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định, ấn nút **CRUISE**, sau đó ấn nút **SET/-** khi bạn đã đạt được tốc độ mong muốn (trên 40 km/h).

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* ➡ Tr. 290

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng lốp và kích thước tổng thể do áp suất lốp giảm.
- Hệ thống cảnh báo xẹp lốp tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Phải thực hiện hiệu chỉnh khi xuất hiện một số tình trạng nhất định.

Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr. 369

Nhiên liệu khuyên dùng:

Loại xe Indonesia

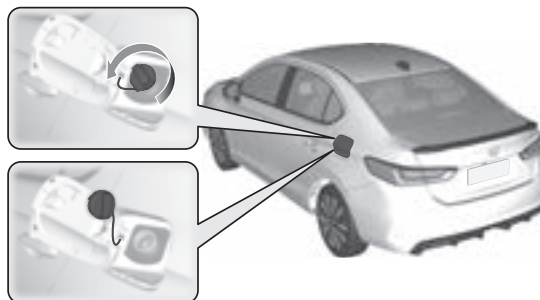
Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên.

Ngoại trừ loại xe Indonesia

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên.

Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

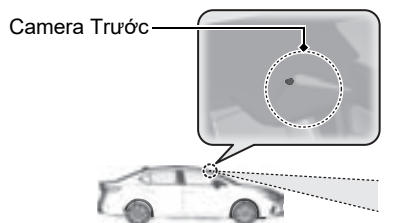
- 1** Kéo lấy nhả cửa nạp nhiên liệu bên dưới bảng điều khiển phía người lái lên.
- 2** Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để mở nắp.
- 3** Đặt nắp trên ngăn cửa nạp nhiên liệu.
- 4** Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.



Honda Sensing*

➡ Tr. 296

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng camera trước được gắn ở bên trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.



Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

➡ Tr. 299

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với xe (gồm cả xe máy) vượt lên từ phía sau, xe đang đến từ phía trước, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp.

CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

➡ Tr. 311

Duy trì tốc độ ổn định cho xe và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe của bạn với xe phía trước mà không cần giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

➡ Tr. 329

Hệ thống giúp điều khiển hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường đã phát hiện và đưa ra các cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và hình ảnh nếu phát hiện xe ra ngoài làn đường.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

➡ Tr. 342

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường và/hoặc ra khỏi làn đường xe chạy.

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

➡ Tr. 350

Đưa ra thông báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại đang bắt đầu di chuyển.

Bảo Dưỡng ➡ Tr. 373

Dưới Nắp Ca-pô ➡ Tr. 382

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính. Bổ sung thêm nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh/ly hợp*.
- Kiểm tra tình trạng ốc quy hàng tháng.

- 1** Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở góc ngoài bên dưới bảng táp-lô phía người lái.



- 2** Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, nâng nó lên, sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



- 3** Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

Lưới Gạt Nước ➡ Tr. 406

- Thay lưới gạt nếu nó để lại vết trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.



Lốp Xe ➡ Tr. 408

- Kiểm tra lốp và bánh xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp xe thường xuyên.
- Lắp lốp xe mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

Đèn ➡ Tr. 392

- Kiểm tra thường xuyên tất cả các đèn.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ ➡ Tr. 431

Xẹp Lốp ➡ Tr. 433

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lấy dụng cụ vá lốp trong khoang hành lý để vá lốp kẹp.



Động Cơ Không Khởi

Động ➡ Tr. 443

- Nếu ắc quy chết, khởi động bằng ắc quy tăng cường.



Quá Nhiệt ➡ Tr. 450

- Đỗ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



Đèn Báo Sáng

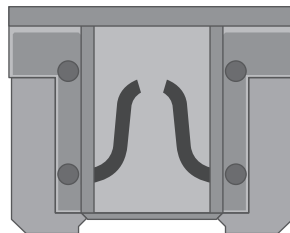
➡ Tr. 453

- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng để nhận diện đèn báo.



Nổ Cầu Chì ➡ Tr. 459

- Kiểm tra nổ cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



Kéo Xe Khẩn Cấp ➡ Tr. 473

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.



Làm Gì Nếu

Q Tại sao không thể thay đổi chế độ nguồn từ **TẮT MÁY (KHÓA)** sang **PHỤ KIỆN**?

A

- Vô lăng có thể bị khóa.
- Xoay vô lăng lái sang trái và phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q Tại sao Không thay đổi được chế độ nguồn từ **PHỤ KIỆN** sang **TẮT MÁY (KHÓA)**?

Loại xe có hộp số vô cấp

A Nên gạt cần số sang **P**.



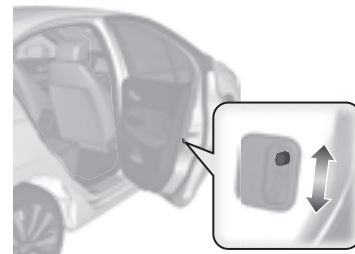
Q Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?

A Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đó là điều bình thường. Hãy nhấn phanh hết cỡ, chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

► Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) ➡ Tr. 360

Q Tại sao không thể mở cửa sau từ bên trong xe?

A Kiểm tra xem khóa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa. Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.



Q Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?

A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?

A Tiếng bíp vang lên khi:

- Chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN.
- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Q Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái
Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe sau khi tôi đóng cửa?

A Tiếng bíp vang lên nếu bạn đi ra ngoài phạm vi hoạt động của chức năng khóa cửa tự động khi ra khỏi xe trước khi cửa đóng hoàn toàn.

➡ Khóa cửa và nắp khoang hành lý (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe) ➡ Tr. 174

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?

A Tiếng bíp vang lên khi:

- Người lái và/hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn.
- Chưa nhả hết phanh đỗ.

Q Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp
Tôi thấy đèn báo lốp màu đỏ phách có một dấu chấm than. Đó là gì?

A Cần chú ý đến Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp. Nếu bạn vừa bơm hoặc thay lốp, cần hiệu chỉnh lại hệ thống.
 Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*  Tr. 290

Q Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?

A Cần thay má phanh. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Lái Xe An Toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

Lái Xe An Toàn

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn	34
Tính Năng An Toàn Của Xe	36
Danh Mục Kiểm Tra An Toàn	37

Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe	39
Thắt Dây Đai An Toàn	44
Kiểm Tra Dây Đai An Toàn	47
Điểm Treo	48

Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí	49
Loại Túi Khí	51

Túi Khí Trước (SRS)	51
Túi Khí Bên*	54
Túi Khí Rèm*	56
Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí	57
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí	59

An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ	60
An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ	64
An Toàn Cho Trẻ Lớn	85

Khí Xả Nguy Hiểm

Khí CO	88
--------------	----

Nhãn An Toàn

Vị Trí Nhãn An Toàn	89
---------------------------	----

Những trang sau đây trình bày các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng các tính năng đó một cách chính xác. Các chú ý an toàn dưới đây là những điều quan trọng nhất cần phải lưu ý.

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi dành riêng cho trẻ. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót đặc biệt và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi chúng có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót đặc biệt.

■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể làm người trên xe bị thương nếu ngồi quá gần chúng, hoặc được bảo vệ không đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Thậm chí một lượng nhỏ bia rượu cũng làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi của xung quanh, và tốc độ phản ứng của bạn sẽ càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

☒ Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

■ Tập trung lái xe an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm.

Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến điều khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Tốc độ quá cao là nguyên nhân chính gây ra thương tích và tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi đang ở tốc độ chậm.

Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa được phép là bao nhiêu.

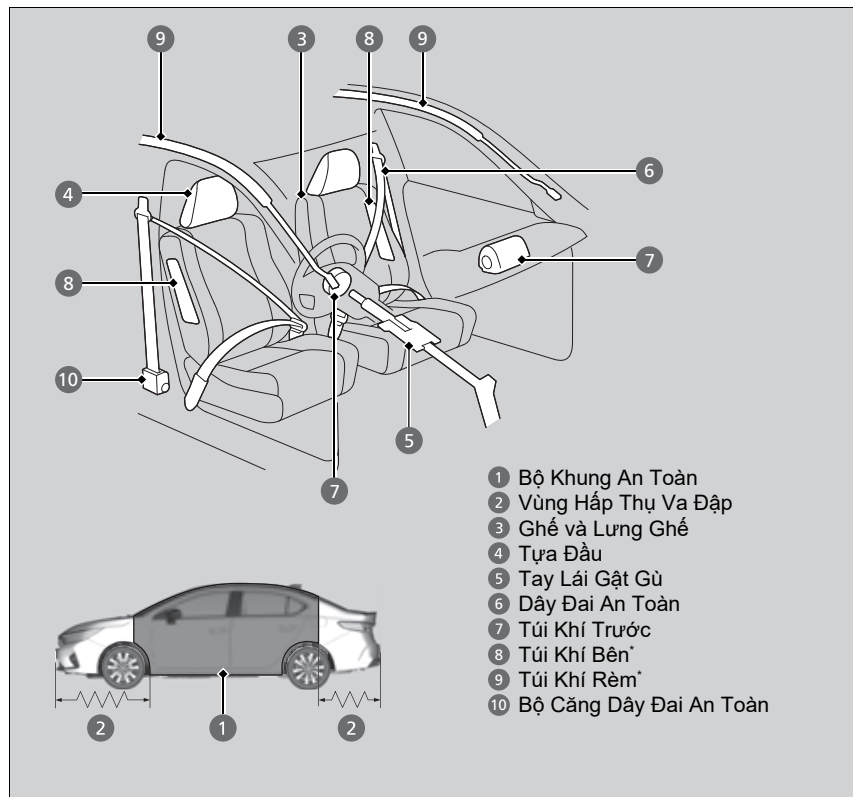
■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Xẹp lốp hoặc trục trặc kỹ thuật có thể cực kỳ nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát khi trẻ ngồi trên xe

Nếu để trẻ nhỏ, vật nuôi hoặc người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận thì các đối tượng này có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ bên trong xe có thể tăng lên mức cao nhất, khiến họ bị nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều khiển nhiệt độ đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều khiển nhiệt độ có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

Tính Năng An Toàn Của Xe



Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Có một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những bộ phận này bao gồm bộ khung thép khoẻ tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ lực va đập lực phía trước và phía sau, tay lái gật gù và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước khi xảy ra va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Vì sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng lùi về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể bị trọng thương hoặc thậm chí tử vong khi xảy ra va chạm.

► **Ghế Ngồi** Tr. 226

- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với phần giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.

► **Điều Chỉnh Tựa Đầu Trước** Tr. 232

- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.

► **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 44

- Bảo vệ trẻ em bằng cách thắt dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng của trẻ.

► **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 60

►►Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu đèn báo cửa/khoang hành lý sáng, cửa và/hoặc khoang hành lý không đóng hoàn toàn. Đóng chặt tất cả các cửa và khoang hành lý đến khi thông báo biến mất.

► **Đèn Báo Cửa và Nắp Khoang Hành Lý Mở**
Tr. 99



►►Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu có thông báo cửa và/hoặc nắp khoang hành lý mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, cửa và/hoặc nắp khoang hành lý không đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và nắp khoang hành lý cho đến khi thông báo biến mất.

► **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng hồ đo loại A)* Tr. 120**

► **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng hồ đo loại B)* Tr. 141**

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



* 1: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma

* 2: Loại xe ở các quốc gia khác

* 3: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn bên trong. Dây đai an toàn giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp khi xảy ra va chạm để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn hầu hết trong các tình huống va chạm, bao gồm:

- Va chạm phía trước
- Va chạm bên
- Va chạm phía sau
- Lộn vòng

» Dây Đai An Toàn Của Xe

CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo rằng bạn và hành khách của bạn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc chắn càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Dây đai an toàn thắt lỏng sẽ giảm khả năng bảo vệ rất lớn cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người. Sẽ cực kỳ nguy hiểm khi vòng dây đai an toàn ngang qua người trẻ đang ngồi trong lòng người sử dụng.

■ Dây đai an toàn hông/vai

Cả năm ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai có bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi xảy ra va chạm hoặc khi xe dừng đột ngột, bộ rút dây đai an toàn sẽ khóa lại để bảo vệ bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

► **Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hông/Vai** Tr. 82

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thẳng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần đai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn để tránh làm bạn bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho cả hai người để tránh làm cả hai có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Các phụ kiện làm cho bạn ngồi thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

►► Dây Đai An Toàn Của Xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, dây đai sẽ bị khóa lại. Nếu gặp tình huống như vậy, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nói ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị trọng thương.

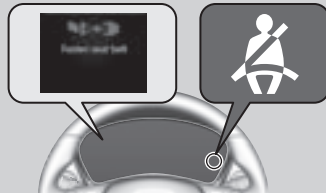
Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia mà bạn lái xe.

■ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn

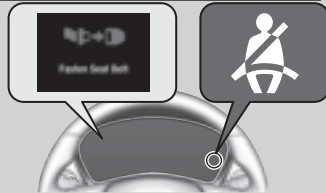
Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái đồng hồ đo loại A



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái đồng hồ đo loại B



■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước hoặc cả hai thắt dây đai an toàn.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT trước khi người lái thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng. Nếu người lái không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ vẫn sáng.

Tiếng bíp vang từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy trong khi xe chạy cho đến khi thắt dây đai an toàn.

►► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ sau khi chế độ nguồn được đặt ở BẬT.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách phía trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên mà không có hành khách nào ngồi ở ghế trước. Hãy kiểm tra để đảm bảo:

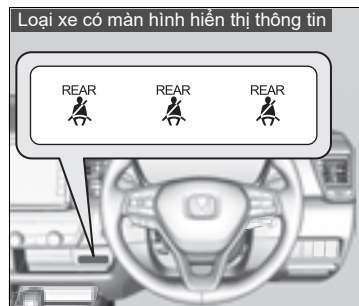
- Không có vật nặng nào ở trên ghế hành khách trước.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn.

Nếu đèn báo không sáng khi có hành khách ngồi vào ghế mà không thắt dây đai an toàn, có thể cảm biến nhận biết người ngồi có sự cố.

Hãy kiểm tra để đảm bảo:

- Không có đệm đặt trên ghế.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



■ Ghế sau*

Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn ghế sau sẽ thông báo cho bạn biết nếu dây đai an toàn ghế sau không được thắt.

Đèn báo sáng khi:

- Hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn khi chế độ nguồn ở BẬT.
- Có hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn.



Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình giao diện thông tin người lái sẽ thông báo cho bạn biết nếu có bất kỳ dây đai an toàn ghế sau nào không được thắt.

Màn hình hiển thị xuất hiện khi:

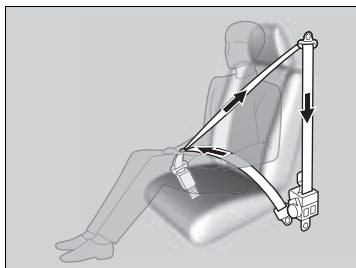
- Có hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn khi chế độ nguồn ở BẬT.
- Một cửa sau được mở và sau đó đóng.
- Có hành khách ngồi ghế sau thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu có hành khách nào ở ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi đang lái xe.

■ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Các ghế trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước khi xảy ra va chạm trước với mức độ từ trung bình đến mạnh, thậm chí đôi khi va chạm không đủ mạnh để làm bung túi khí phía trước.



►► Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất. Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy đưa xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

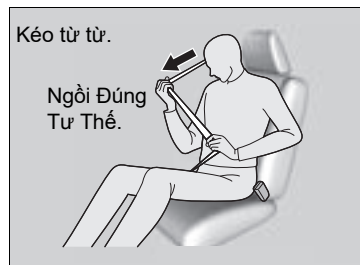
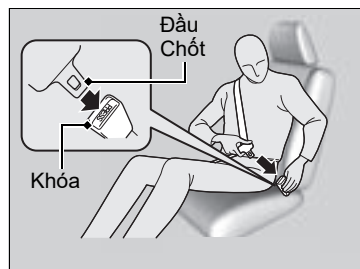
Loại xe có túi khí rèm

Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai ở phía có va chạm cũng sẽ kích hoạt.

Thắt Dây Đai An Toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, ngồi thẳng và tựa vào lưng ghế:

► Ghế Ngồi Tr. 226



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.

2. Gài chốt cài vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

►► Thắt Dây Đai An Toàn

Không nên để ai ngồi vào ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không được đưa bất kỳ vật lạ nào vào khóa hoặc cơ cấu rút dây đai an toàn.

Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai ra một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại.

Sau đó rút từ kéo dây ra khỏi bộ rút dây đai và thắt chặt. Nếu bạn không thể nhả dây an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy đưa xe đến đại lý để sửa chữa.

► Dây Đai An Toàn Của Xe Tr. 39

► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn Tr. 47

Thắt dây đai
an toàn hông
càng thấp
càng tốt



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn, sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Làm như vậy để nếu xảy ra va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe hơn trên cơ thể sẽ chịu lực và giúp giảm nguy cơ bị nội thương.
4. Nếu cần thiết, kéo phần đai lần nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem phần đai vai này có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Việc này có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương khỏe nhất ở nửa phần trên cơ thể.

► Thắt Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

Dây đai an toàn nếu không được thắt đúng có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong nếu có va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi nó rút lại hoàn toàn.

Khi bạn đã ra khỏi xe, đảm bảo xếp gọn dây đai an toàn để nó không vướng vào lối đi và không bị mắc khi đóng cửa.

■ Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi xác định vị trí của dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.



►► Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần kiểm tra sức khỏe, bạn hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng do nổ túi khí trước:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị xước, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
 - Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng dung dịch tẩy rửa hoặc dung môi để làm sạch. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi rút nó lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt. Nếu dây đai an toàn bị mòn do xe bị va chạm sẽ không đảm bảo hiệu quả bảo vệ an toàn trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

►►Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.

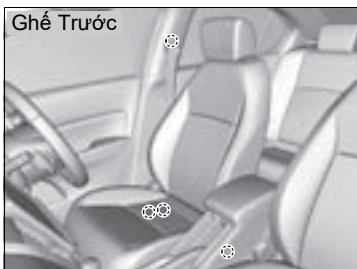
Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Người sử dụng không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

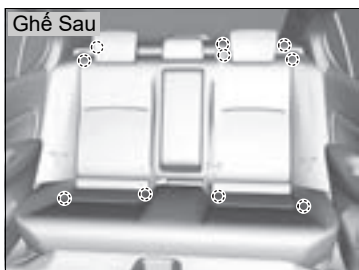
CẢNH BÁO: Phải thay cả cụm dây đai an toàn nếu đã xảy ra va chạm nghiêm trọng gây mòn dây đai, hoặc ngay cả khi dấu hiệu hư hỏng cụm dây đai là không rõ ràng.

CẢNH BÁO: Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu nó bị xơ xước, quá bẩn hoặc bị hỏng.

Điểm Treo



Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm treo như hình vẽ. Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.



Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí bên* và túi khí rèm* nổ theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) bao gồm túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng và túi khí phía hành khách trước được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

Loại xe có túi khí bên

- Hai túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Loại xe có túi khí rèm

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Tại trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm, cảm biến dây đai và khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và các thông tin khác của xe. Trong quá trình xảy ra va chạm, bộ này sẽ ghi lại thông tin như vậy.
- Bộ căng dây đai an toàn tự động phía trước.
- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc từ hai bên*.
- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo cho bạn khi hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải nổ với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí đôi khi sẽ gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều kiện lái xe thoải mái. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm với cường độ mạnh, thậm chí ngay cả khi thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí nổ.

Không được để vật nặng hoặc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước.

Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước nổ.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước. Vật thể được đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở hoạt động túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí nổ.

» Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực nổ của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Loại Túi Khí

Xe bạn được trang bị 3 loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước các ghế người lái và ghế hành khách trước.
- **Túi khí bên*:** Các túi khí ở lưng ghế người lái và hành khách trước.
- **Túi khí rèm*:** Các túi khí phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách trước.

SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ chứ không thể thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ quan trọng nhất.

■ Vị Trí Lắp Đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và trong bảng táp-lô cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

►►Loại Túi Khí

Túi khí có thể nổ bất cứ khi nào chế độ nguồn ở BẬT.

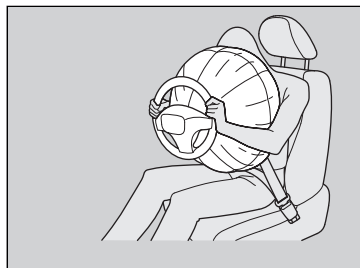
Sau khi túi khí nổ khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một thứ giống như khói bay ra. Đây thực chất là một loại bột tạo ra do quá trình cháy. Mặc dù bột này không có độc hại nhưng nó cũng gây khó chịu cho người hít phải. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

■ Hoạt Động

Túi khí trước được thiết kế để nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển. Bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ nổ.

Khi xảy ra va chạm từ phía trước có thể là vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

■ Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên nó không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí nổ và xẹp đi trong thời gian nhanh tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã nổ cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

■ Túi khí trước không nổ khi

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ dưới mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách phía trước nhào về phía trước. Túi khí bên* và túi khí rèm* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ thương tích khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để nổ trong trường hợp va chạm này.

Xe bị lộn vòng: Dây đai an toàn và các túi khí rèm* mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước có thể mang lại hiệu quả bảo vệ kém vì chúng không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

■ Túi khí trước nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí cảm nhận sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống treo của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi gầm xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm xe nên hư hỏng có thể không thấy rõ.

■ Túi khí trước không nổ kể cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

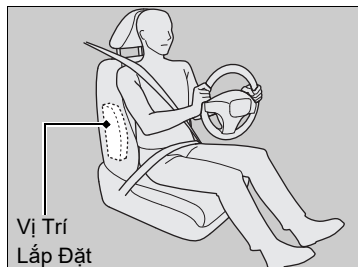
Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nổ.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Túi Khí Bên*

Túi khí bên giúp bảo vệ phần trên thân mình và xương chậu của người lái hoặc hành khách phía trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

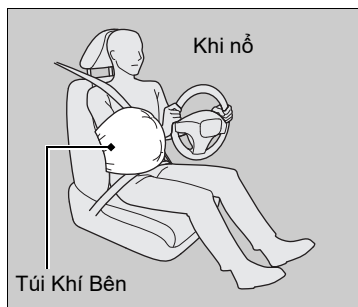
Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí bên được lắp vào cạnh ngoài của lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách.

Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Hoạt Động



Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên ở phía có va chạm để nổ ngay lập tức.

►►Túi Khí Bên*

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên để không làm cản trở túi khí hoạt động, hoặc không làm ai đó bị thương khi có một túi khí nổ.

Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế trước mà không tham khảo đại lý.

Thay thế hoặc bọc vỏ lưng ghế trước không đúng cách có thể làm túi khí bên nổ không đúng cách khi có va chạm bên.

Không để hành khách phía trước dựa nghiêng sang một bên và đầu nghiêng về hướng nổ của túi khí bên.

Khi túi khí bên nổ sẽ tạo ra lực rất mạnh và gây thương tích cho hành khách.

■ Túi khí bên nổ khi xe bị hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên khi xảy ra va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm nổ túi khí. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhỏ hoặc không hư hỏng nhưng cảm biến bên phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để nổ túi khí.

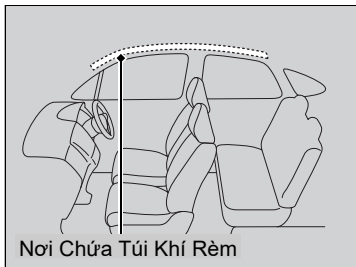
■ Túi khí bên không thể nổ ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng

Túi khí bên có thể không nổ khi xảy ra va chạm mạnh gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi đâm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ nếu nó nổ.

Túi Khí Rèm*

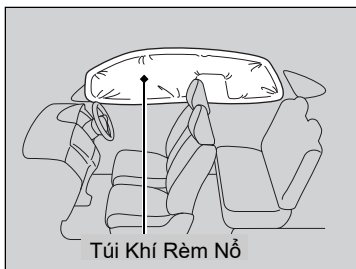
Các túi khí rèm giúp bảo vệ đầu người lái và hành khách ngồi ở ghế bên ngoài khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí rèm được đặt trên trần xe, ngay phía trên các cửa kính ở hai bên của xe.

Hoạt Động



Túi khí rèm được thiết kế để nổ khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Túi khí rèm nổ khi xảy ra va chạm từ phía trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể nổ khi xảy ra va chạm từ góc phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

►► Túi Khí Rèm*

Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc trụ đỡ nóc xe vì nó có thể khiến túi khí rèm hoạt động không tốt.

Loại xe có móc treo áo

Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo để tránh bị thương tích nếu túi khí rèm nổ.

Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

Loại xe có màn hình thông tin

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

Loại xe có màn hình thông tin



■ Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT

Đèn báo sáng trong vài giây, sau đó tắt chứng tỏ hệ thống đang hoạt động tốt.

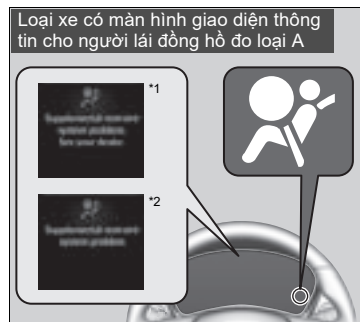
Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

►►Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

⚠ CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây thương tích hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo có thể xảy ra sự cố.



*1: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma

*2: Loại xe của các quốc gia khác

*3: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Khi túi khí đã nổ

Nếu túi khí đã nổ, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, khi bộ căng dây đai an toàn tự động đã được kích hoạt, phải thay nó.

■ Sau khi xe bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không nổ, hãy đến đại lý để kiểm tra bộ căng dây đai an toàn ghế trước và từng dây đai an toàn xem có bị mòn sau khi xảy ra va chạm không.

►►Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động hoặc sau khi túi khí nổ/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, cần yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

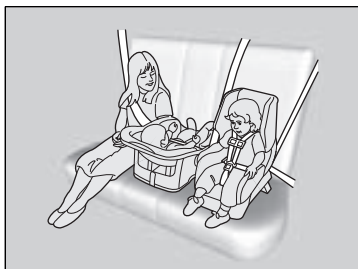
Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi, bởi vì chúng không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương tích và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

Trẻ em phải được ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau vì những lý do sau:



- Túi khí trước nổ có thể gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ em với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

» Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

⚠ CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc được bảo vệ không đúng cách có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, chúng cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ thấp hơn 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia có quy định sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở bất kỳ ghế hành khách nào. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc 129* của Liên Hợp Quốc hoặc quy định của quốc gia bạn.

➡ **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 67**

- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ chúng khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ. Khi xảy ra va chạm, dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn. Cả hai trẻ có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, chúng phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Tám Che Năng Hành Khách Phía Trước

Ngoại trừ loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal không có cửa sổ trời

⚠ CẢNH BÁO



KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước để tránh làm TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal không có cửa sổ trời

⚠ CẢNH BÁO



KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước để tránh làm TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng vì nhiệt độ bên trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển làm cho di chuyển xe.

► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Thanh Dọc Cửa Phía Hành Khách Trước*

⚠ CẢNH BÁO



Cảnh Báo Nguy Hiểm!

KHÔNG ĐƯỢC đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí phía trước!

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để tránh trẻ nghịch cửa kính bởi việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm hoặc làm cho người lái mất tập trung.

Mở/Đóng Cửa Kính Điện Tr. 194

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng và thanh dọc cửa* phía hành khách. Hãy đọc và làm theo các hướng dẫn trên nhãn này.

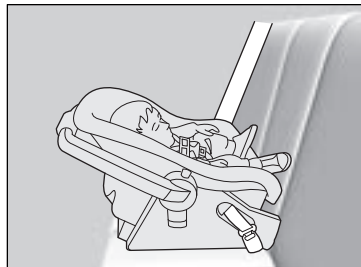
► **Nhãn An Toàn** Tr. 89

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- Bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ở ghế ngay phía sau ghế hành khách trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em và để trống ghế ngồi đó.
- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau hoặc bạn có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho trẻ ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước sẽ không thể ngả hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

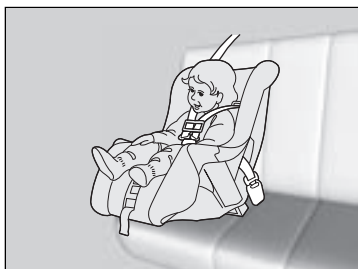
Không được lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị trọng thương.

■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

►► Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí nổ.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy di chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới. Một số hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một số loại khác có móc treo mềm. Cả hai loại này đều dễ sử dụng. Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo an toàn tối đa cho trẻ.

Loại móc treo mềm có thể không có sẵn ở quốc gia của bạn.

Đối với các ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt ở phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyên bạn nên sử dụng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Những lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc 129* của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của mỗi quốc gia. Hãy tìm nhãn kiểm duyệt và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên ghế.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

Loại xe Malaysia và Ấn Độ

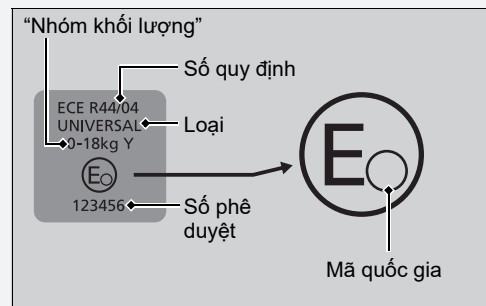
Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau hoặc quay mặt về phía trước phù hợp cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ loại ISOFIX chính hiệu Honda. Hãy tham khảo đại lý.

■ Tiêu Chuẩn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

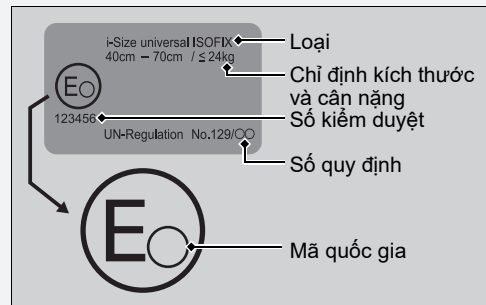
Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em (loại i-Size*/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc, nó sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình minh họa trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo ghế ngồi trẻ em tương thích với xe của bạn và trẻ nhỏ và đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc.

✎ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 44 của Liên Hợp Quốc



Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 129 của Liên Hợp Quốc*



Loại Xe Ấn Độ

■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ISOFIX

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Nhóm Kích Thước	Đồ gá	Vị trí ISOFIX trên xe				Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng ¹
			Ghế hành khách trước	Ghế sau			
				Trái	Phải	Giữa	
Trẻ nằm nôi	F	ISO/L1	X	X	X	X	
	G	ISO/L2	X	X	X	X	
Nhóm 0 đến 10 kg	E	ISO/R1	X	IL	IL	X	Honda genuine ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Nhóm 0+ đến 13 kg	E	ISO/R1	X	IL	IL	X	Honda genuine ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
	D	ISO/R2	X	IL	IL	X	Honda genuine ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
	C	ISO/R3	X	IL	IL	X	Honda genuine ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9 đến 18kg	D	ISO/R2	X	IL	IL	X	
	C	ISO/R3	X	IL	IL	X	
	B	ISO/F2	X	IUF, IL	IUF, IL	X	IL: Honda genuine ISOFIX (Quay mặt về phía trước)
	B1	ISO/F2X	X	IUF, IL	IUF, IL	X	IL: Honda genuine ISOFIX (Quay mặt về phía trước)
	A	ISO/F3	X	IUF, IL	IUF, IL	X	IL: Honda genuine ISOFIX (Quay mặt về phía trước)
Nhóm II 15 đến 25 kg			X	X	X	X	
Nhóm III 22 đến 36 kg			X	X	X	X	

►► Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ISOFIX

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

Nhóm Kích Thước ISOFIX	Đồ Gá (CRF)	Mô Tả
G	ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nôi)
F	ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nôi)
E	ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
D	ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước nhỏ
C	ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích thước lớn
B1	ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
B	ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
A	ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao

-
- IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX thông dụng quay mặt về phía trước được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- IL: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX (CRS) cụ thể, được liệt kê ở mục tương ứng ở cột bên phải của bảng. Những ISOFIX CRS này thuộc hạng mục 'specific vehicle' (xe cụ thể), 'restricted' (hạn chế), hoặc 'semiuniversal' (bán thông dụng).
- X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- *1: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về CRS. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
-

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai

Không phải tất cả các loại hệ thống ghế ngồi trẻ em đều phù hợp để sử dụng cho xe của bạn. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy tham khảo bảng bên dưới để đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đó phù hợp với xe của bạn, với vị trí ghế ngồi, cân nặng (nhóm khối lượng) và tầm vóc của trẻ.

►► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em có quy định về nhóm khối lượng. Đảm bảo kiểm tra nhóm khối lượng được quy định trong hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Các hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể được liệt kê trong bảng là sản phẩm chính hiệu của Honda có ở các đại lý. Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Loại Xe Ấn Độ

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Vị trí ghế ngồi				Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng ^{*1}
	Ghế hành khách trước	Ghế sau			
		Bên trái	Bên phải	Giữa	
Nhóm từ 0 đến 10 kg	X	U	U	X	
Nhóm từ 0+ đến 13 kg	X	U	U	X	
Nhóm I 9 kg đến 18 kg	UF ^{*2}	U	U	UF	
Nhóm II 15 kg đến 25 kg	UF ^{*2}	U	U	UF	
Nhóm III 22 kg đến 36 kg	UF ^{*2}	U	U	UF	

- U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em "universal" (thông dụng) được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- UF: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước "universal" (thông dụng) được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- L: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em được liệt kê trong danh sách này. Những hệ thống ghế ngồi trẻ em này có thể thuộc hạng mục "specific vehicle" (xe cụ thể), "restricted" (hạn chế), hoặc "semi-universal" (bán thông dụng).
- X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- * 1: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về CRS. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Hãy tham khảo ý kiến của nhà sản xuất CRS về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
- * 2: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau và điều chỉnh lưng ghế trước đến vị trí thẳng đứng nhất.
Và nếu CRS vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu ra. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
Hãy tháo CRS nếu người lớn ngồi vào ghế đó, lắp lại tựa đầu vào ghế đã tháo và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.

Loại Xe Ấn Độ

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra kích thước được nêu trong hướng dẫn của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và trên nhãn hệ thống ghế ngồi trẻ em.
Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

Loại xe Malaysia

Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng có dây đai an toàn.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước thông dụng có dây đai an toàn.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

*1: Ngả ghế hết cỡ về phía sau và lưng ghế về phía trước đến vị trí khóa.

*2: Chỉ quay mặt về phía trước

*4: Phải tháo tựa đầu khi lắp ghế lót đặc biệt cho trẻ quay mặt về phía trước theo tiêu chuẩn R129 của Liên Hợp Quốc. Cất tựa đầu trong khoang hành lý để tựa đầu không bị rơi ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, sau khi tháo ghế lót đặc biệt cho trẻ, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế đã tháo và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn

*5: Nếu bạn không thể cố định được hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với mặt sau của hệ thống ghế ngồi trẻ em, đồng thời giữ ghế hướng về phía trước so với móc neo vai dây đai an toàn.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữ.

Số vị trí ghế	Nhóm Kích Thước Nhóm Trọng Lượng		Vị trí ghế ngồi			
			①	②	③	④
			Hành khách phía trước* ^{1, *5}	Hàng ghế thứ hai		
				Bên trái	Giữa	Bên phải
Vị trí ghế thích hợp cho loại dây đai an toàn thông dụng (có/không)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	Có	Không	Có
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg	Có* ²	Có	Có* ²	Có
	Nhóm II	15-25 kg				
	Nhóm III	22-36 kg				
Vị trí ghế i-Size (có/không)	≤ 150 cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ghế thích hợp cho CRS chính hiệu khuyến dùng* ³	Tham khảo danh sách loại CRS chính hiệu		Không	Có	Không	Có
Vị trí ghế thích hợp với loại gá hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Thích hợp nhất để lắp ghế quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg				
Thích hợp nhất để lắp ghế quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18 kg	Không	F3	Không	F3
Thích hợp nhất để lắp ghế lót đặc biệt cho trẻ (B2/B3)	≤ 150 cm		B3* ⁴	B3	B3	B3

- *1: Ngả ghế hết cỡ về phía sau và lưng ghế về phía trước đến vị trí khóa.
- *2: Chỉ quay mặt về phía trước
- *3: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về CRS. CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng cho xe của bạn. Hãy tham khảo nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
- *4: Phải tháo tựa đầu khi lắp ghế lót đặc biệt cho trẻ quay mặt về phía trước theo tiêu chuẩn R129 của Liên Hợp Quốc. Cất tựa đầu trong khoang hành lý để tựa đầu không bị rơi ra khi xe phanh đột ngột hoặc xảy ra va chạm. Ngoài ra, sau khi tháo ghế lót đặc biệt cho trẻ, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế đã tháo và đảm bảo lắp chắc chắn.
- *5: Nếu bạn không thể cố định được hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với mặt sau của hệ thống ghế ngồi trẻ em, đồng thời giữ ghế hướng về phía trước so với móc neo vai dây đai an toàn.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

►►Vị Trí Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

Gồ Gá (CRF)	Mô Tả
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nổi)
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nổi)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại cao
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt cho trẻ quay mặt về trước loại thấp
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt cho trẻ quay mặt về trước loại cao

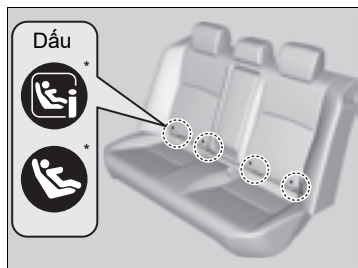
■ Danh Sách Loại CRS Chính Hiệu Dùng Cho Loại Xe Malaysia

R129

Đối tượng sử dụng	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
40 đến 83 cm đến 13 kg (Sơ sinh - 15 tháng)	Honda Baby & Kids i-size	i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
76 đến 105 cm 8 đến 22 kg (15 tháng - 4 tuổi)	Honda Baby & Kids i-size	i-Size Universal ISOFIX

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau bên ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm.



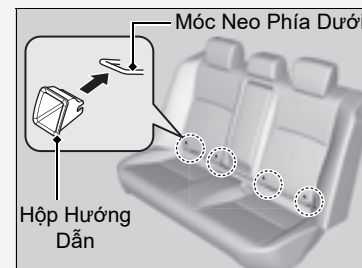
1. Cố định móc neo phía dưới vào các điểm đánh dấu.

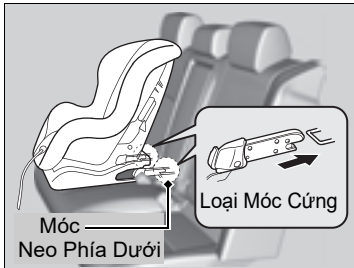
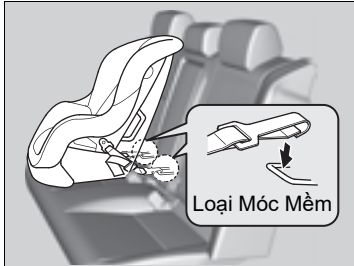
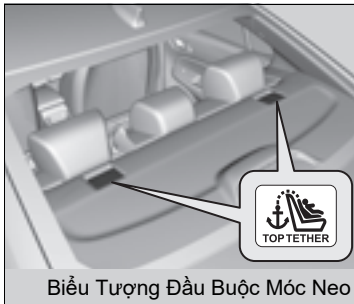
► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

⚠ CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong.

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo giống như hình vẽ.





2. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe, sau đó gắn hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo hướng dẫn lắp đặt của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

► Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai hoặc bất kỳ vật gì khác.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt

3. Mở nắp che móc neo phía sau tựa đầu.

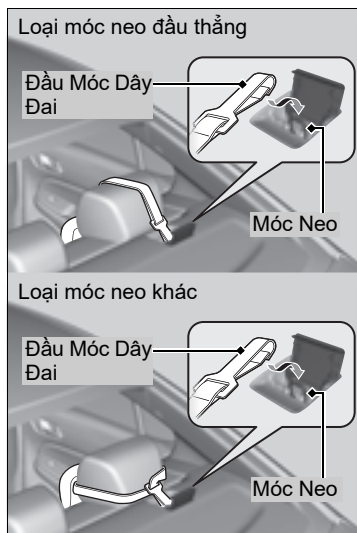
► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.

Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, đảm bảo hệ thống ghế ngồi được cố định chắc chắn trên xe.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ hiệu quả khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.



4. Loại móc neo đầu thẳng

Luồn dây thắt qua đỉnh tựa đầu.

Đảm bảo dây không bị xoắn.

Loại móc neo khác

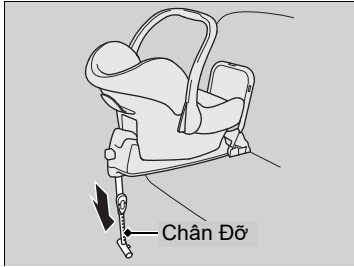
Luồn dây thắt quanh tựa đầu.

Đảm bảo dây không bị xoắn.

5. Gắn chặt móc dây thắt vào móc neo.

6. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

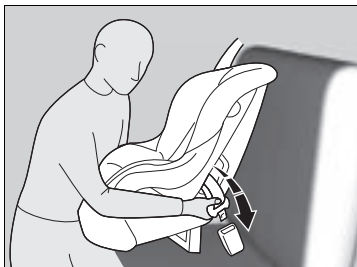
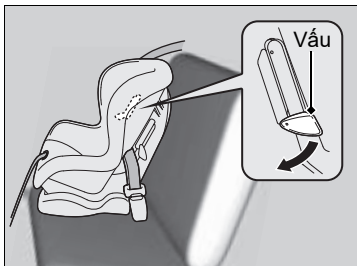
7. Để kiểm tra xem hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.



Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

3. Duỗi chân đỡ ra cho đến khi nó chạm đến sàn như trong hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
 - Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được.
 - Đảm bảo ghế của trẻ và ghế phía trước không va vào nhau.

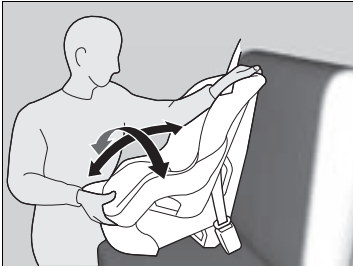
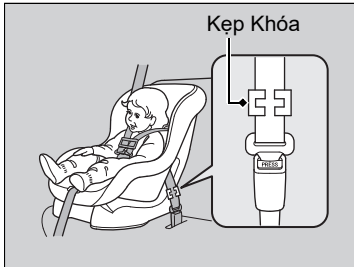
■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai



1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
► Đưa đầu chốt vào hết cỡ cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
3. Ấn vấu xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào khe ở cạnh của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
4. Giữ phần vai của dây đai gần khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
► Khi thực hiện thao tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy ghế vào trong ghế xe.
5. Định vị dây đai an toàn vào đúng vị trí, sau đó đẩy vấu khóa lên trên. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
► Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần vai phía trên của dây đai để dây đai hết chùng.

►►Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ hiệu quả khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.



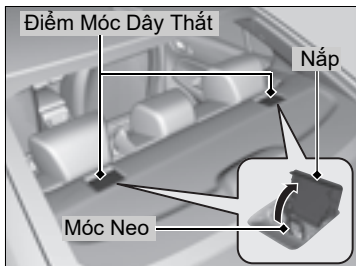
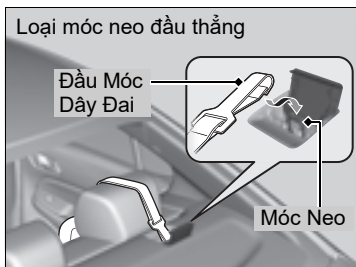
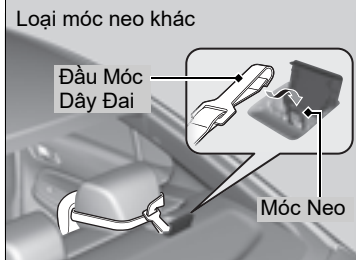
6. Lắc ghế ngồi trẻ em về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển để đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn.
7. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ khi chưa sử dụng đến.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em trên xe không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa trên dây đai an toàn.

Sau khi thực hiện xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

3. Ghì chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt. Mở khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như trong hình. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
5. Gài đầu chốt vào trong đầu khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

■ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



Điểm móc dây thắt được đặt ở phía sau của mỗi ghế sau phía ngoài. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định ghế và có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Xác định điểm móc dây thắt phù hợp.

2. **Loại móc neo đầu thẳng**

Luồn dây thắt qua đỉnh tựa đầu. Đảm bảo dây thắt không bị xoắn.

Loại móc neo khác

Luồn dây thắt quanh tựa đầu. Đảm bảo dây không bị xoắn.

3. Gắn chặt móc dây thắt vào móc neo.

4. Siết chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

►► Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

CẢNH BÁO: Các móc neo của hệ thống ghế ngồi trẻ em được thiết kế chỉ để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng chúng làm dây đai an toàn cho người lớn, làm dây buộc hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước khi sử dụng dây đai an toàn hoặc móc neo phía dưới.

An Toàn Cho Trẻ Lớn

■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, loại ghế lót đặc biệt được sử dụng cho trẻ khi cần và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng cách sử dụng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau.



■ Danh Mục Kiểm Tra

- Đầu gối của trẻ có gấp thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có đặt vào vị trí giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

►► An Toàn Cho Trẻ Lớn

⚠ CẢNH BÁO

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm chúng bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế ngồi càng lùi về sau càng tốt. Để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

■ Ghế Lót Đặc Biệt



Nếu trẻ chưa thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai hiệu quả, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót không.

Phần tựa lưng ghế được thiết kế riêng cho ghế lót đặc biệt. Lắp ghế lót đặc biệt vào tựa lưng và điều chỉnh nó cho vừa ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm hoặc vắt ngang qua cổ của trẻ.

►► Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn ghế lót cho phép trẻ thắt dây đai an toàn hiệu quả.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.

■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối Cùng

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để chúng được bảo vệ hiệu quả. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Ngả ghế hành khách phía trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra dây đai an toàn đã ở đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi đi xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc nhở về dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất không màu, không mùi, độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không lọt vào xe bạn.

■ Phải kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:

- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả bị hỏng.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà mở nắp khoang hành lý, luồng khí có thể lừa khí thải vào trong xe và gây nguy hại. Nếu bạn lái xe mà mở nắp khoang hành lý, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống sưởi* và làm mát* hoặc hệ thống điều khiển nhiệt độ* như hình minh họa bên dưới.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống sưởi* và làm mát* hoặc hệ thống điều khiển nhiệt độ* theo cách tương tự nếu bạn ngồi trong xe đang đỗ với động cơ đang chạy.

Khí CO

⚠ CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc.

Hít phải khí độc hại có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

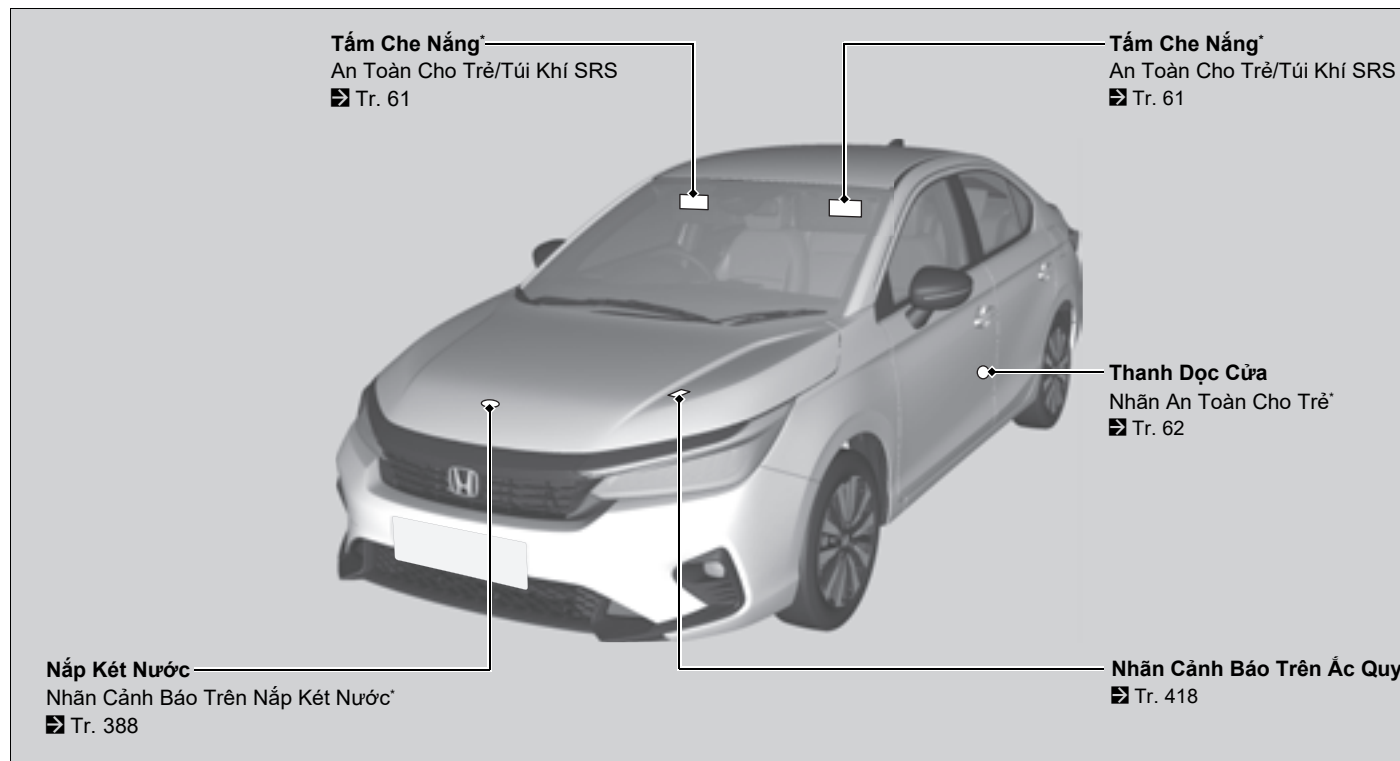
Lượng khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.

Không được nổ máy khi cửa gara đang đóng. Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

Vị Trí Nhãn

Các nhãn an toàn này ở các vị trí như hình vẽ. Chúng cảnh báo cho bạn nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây trọng thương hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu nhãn này bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

Đèn Báo	92
Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển	
Thị	115
Đồng Hồ Đo	115
Màn Hình Thông Tin*	118
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho	
Người Lái (Đồng hồ đo loại A)*	120
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho	
Người Lái (Đồng hồ đo loại B)*	141

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các đèn báo sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào tình trạng xe. Các thông báo có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái cùng lúc. Hãy làm theo hướng dẫn của thông báo hiển thị, như liên hệ với đại lý.

 *1	Đèn Báo Phanh Đổ Và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	→ Tr. 94
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hồ Phách)	→ Tr. 94
 *1	Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp*	→ Tr. 95
 *1	Đèn Báo Sự Cố	→ Tr. 95
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	→ Tr. 95
 *2	Đèn Báo Hệ Thống Số*	→ Tr. 96
 *3		
 *2	Đèn Báo M (chế độ sang số sàn 7 cấp)/Đèn Báo Số*	→ Tr. 96
 *3		
 *2		
 *3	Đèn Báo Vị Trí Số*	→ Tr. 96
	Đèn Báo Tăng Số*	→ Tr. 96
	Đèn Báo Giảm Số*	→ Tr. 96
	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	→ Tr. 97
 *1	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau*	→ Tr. 97
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hồ Phách)	→ Tr. 98
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	→ Tr. 98
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	→ Tr. 98
 *1	Đèn Báo Cửa và Nắp Khoang Hành Lý Mở*	→ Tr. 99
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	→ Tr.100
 *1	Đèn Báo TẮT VSA	→ Tr.100
		
		
		

<p>ECO Đèn Báo ECO* → Tr. 105</p> <p>*2 Đèn Báo CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH CHÍNH* → Tr. 105</p> <p>*3</p> <p>*2 Đèn Báo ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH → Tr. 105</p> <p>*3</p> <p>*1 Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động* → Tr. 106</p> <p> Đèn Báo Xoay Vô Lãng* → Tr. 106</p> <p> Đèn Báo Sang Số Đỗ* → Tr. 106</p> <p>*1 Đèn Báo Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)* → Tr. 106</p> <p>*1 Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp* → Tr. 107</p> <p>80 *1 Đèn Cảnh Báo Tốc Độ* → Tr. 108</p>	<p>120 *1 Đèn Cảnh Báo Tốc Độ* → Tr. 108</p> <p> Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống* → Tr. 108</p> <p>NO KEY Đèn Báo KHÔNG CÓ CHÌA KHÓA* → Tr. 114</p> <p>  Đèn Báo PIN ÁC QUY* → Tr. 114</p> <p>*1 Đèn Báo Nhiệt Độ Cao (Màu Đỏ)* → Tr. 99</p> <p> Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Màu Xanh Lam) → Tr. 99</p> <p> Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy → Tr. 103</p> <p> Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh → Tr. 104</p> <p>*1 Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Hổ Phách)* → Tr. 109</p> <p> Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Trắng/ Xanh Lục)* → Tr. 109</p>	<p>*1 Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hổ Phách) → Tr. 110</p> <p> Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/Xanh Lục)* → Tr. 110</p> <p>*1 Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hổ Phách) → Tr. 110</p> <p> Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)* → Tr. 110</p> <p>*1 Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hổ Phách)* → Tr. 111</p> <p> Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường* → Tr. 111</p> <p> Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Xám)* → Tr. 111</p> <p>*1 Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)* → Tr. 112</p> <p> Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/ Xám)* → Tr. 114</p>
--	--	--

*1: Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo hệ thống đang được kiểm tra. Đèn sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động.

Nếu đèn báo không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

*2: Loại xe có màn hình thông tin

*3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 (Màu Đỏ)	Đèn Báo Phanh Đổ Và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi nhấn phanh đổ và tắt khi nhả. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếng bip vang lên và đèn báo sáng lên khi bạn lái xe mà không nhả phanh đổ hoàn toàn.
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi mức dầu phanh thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Đảm bảo phanh đổ đã được nhả. Dừng ngay xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh.  Phải làm gì nếu đèn báo sáng khi đang lái xe Tr. 456
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống phanh có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng cùng với đèn báo ABS - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.  Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng Tr. 456
 (Màu Hở Phách)	Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hở Phách)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh ngoại trừ hệ thống phanh thông thường có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn này sáng, xe vẫn có thể phanh bình thường.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi áp suất dầu động cơ thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng trong khi lái xe - Dừng ngay xe ở nơi an toàn. ➤ Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng Tr. 453
	Đèn Báo Sự Cố	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí xả có sự cố. Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 456
	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý. ➤ Kiểm Tra Ác Quy Tr. 415 ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Tr. 455

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 *1  *2	Đèn Báo Số*	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi đang lái xe - Tránh khởi động, tăng tốc đột ngột và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
 *1  *2	Đèn Báo M (Chế độ sang số sàn 7 cấp* /Đèn Báo Số*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi kích hoạt chế độ sang số sàn 7 cấp. 	 Chế Độ Sang Số Sàn 7 Cấp Tr. 274
 *1  *2	Đèn Báo Vị Trí Số*	<ul style="list-style-type: none"> Báo vị trí số hiện tại. 	 Sang Số Tr. 271
	Đèn Báo Tăng Số*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi cần tăng số. 	 Đèn Báo Tăng/Giảm Số* Tr. 277
	Đèn Báo Giảm Số*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi cần giảm số. 	 Đèn Báo Tăng/Giảm Số* Tr. 277

* 1: Loại xe có màn hình thông tin hoặc đồng hồ đo loại A

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT. Nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng trong vài giây sau đó. <p>Loại xe Mỹ La Tinh và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng một lúc khi người ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi chế độ nguồn ở BẬT. Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn và/hoặc hành khách bất kỳ không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng. <p>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái</p> <p>Loại xe có màn hình thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn và/hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng. 	<p>Loại xe Mỹ La Tinh và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách đã thắt dây đai an toàn. Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách đã thắt (các) dây đai an toàn - Có thể xảy ra lỗi phát hiện trong cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <p>► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 41</p> <p>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái</p> <p>Loại xe có màn hình thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách phía trước đã thắt dây đai an toàn. Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách phía trước đã thắt (các) dây đai an toàn - Có thể xảy ra lỗi phát hiện trong cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <p>► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 41</p>
REAR 	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu người ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT. Nhấp nháy và tiếng bíp vang lên khi đang lái xe nếu người ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> Tắt khi hành khách ghế sau thắt dây đai an toàn. <p>► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 41</p>

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hở Phách)	• Sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 6,0 lít).	• Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt.
		• Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.	• Nhấp Nháy - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	• Sáng nếu ABS có sự cố.	<ul style="list-style-type: none"> • Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng. ▣ Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) Tr. 360
	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	<ul style="list-style-type: none"> • Sáng nếu phát hiện sự cố của các hệ thống sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ - Hệ thống túi khí bên* - Hệ thống túi khí rèm* - Bộ căng dây đai an toàn 	• Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Nhiệt Độ Cao (Màu Đỏ)*	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng và tiếp tục sáng nếu nhiệt độ tiếp tục tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng màu xanh lam khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp. Nhấp nháy khi đang lái xe - Hãy lái chậm để tránh bị quá nhiệt. Vẫn sáng trong khi lái xe - Hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và để động cơ nguội.  Quá Nhiệt Tr. 450
	Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Màu Xanh Lam)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ ở mức nhiệt độ hoạt động bình thường chứng tỏ cảm biến nhiệt độ có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Cửa và Nắp Khoang Hành Lý Mở*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu cửa bất kỳ hoặc nắp khoang hành lý không đóng hoàn toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng nếu cửa bất kỳ hoặc nắp khoang hành lý mở trong khi lái xe. 	<ul style="list-style-type: none"> Tắt khi nắp khoang hành lý và tất cả các cửa đóng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	• Nhấp nháy khi VSA hoạt động.	—
		• Sáng hệ thống VSA, hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc có sự cố.	<ul style="list-style-type: none"> • Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <ul style="list-style-type: none"> ☑ Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) Tr. 287 ☑ Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp Tr. 361 ☑ Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Dốc Tr. 267
		• Sáng nếu hệ thống VSA tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe	• Sáng khi bạn tắt VSA.	☑ Bật và Tắt VSA Tr. 288
		• Sáng nếu hệ thống VSA dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	• Sáng lên nếu hệ thống EPS có sự cố.	<ul style="list-style-type: none"> • Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <p>Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái</p> <ul style="list-style-type: none"> • Do Not Drive (Không lái xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái - Hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý. <ul style="list-style-type: none"> ☑ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng Tr. 457

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi bạn vận hành cần xi nhan. Nhấp nháy cùng với tất cả các đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh  Thay Bóng Đèn Tr. 394, 397, 398
		<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy cùng với tất cả các đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao. 	 Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp Tr. 362
	Đèn Báo Đèn Bật	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật các đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe khác. 	 Công Tắc Đèn Tr. 205
	Đèn Báo Chiếu Xa	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật các đèn chiếu xa. 	—
	Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện vận hành của chiếu xa tự động. 	 Chiếu Xa Tự Động* Tr. 211

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật đèn sương mù trước. 	 Đèn Sương Mù Trước* và Sau* Tr. 208
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật đèn sương mù sau. 	 Đèn Sương Mù Trước* và Sau* Tr. 208
	Đèn Báo Điều Khiển Đèn*	<div>Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống điều khiển chiếu sáng tự động có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Bật đèn bằng tay và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		<div>Loại xe có đèn chiếu sáng LED</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu đèn chiếu sáng có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Đèn chiếu sáng có thể không bật. Lái xe vào nơi an toàn và đưa xe đến đại lý kiểm tra sớm nhất có thể.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 <p>*1 Đèn Báo</p> <p>*2 Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy</p> <p>*3 Đèn Báo</p>		<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy - Bạn không thể khởi động động cơ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó chọn lại chế độ BẬT. Nhấp nhiều lần - Hệ thống có thể có sự cố. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị khác vào hệ thống để tránh sự cố điện có thể xảy ra.

* 1: Loại xe có màn hình thông tin

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại A

* 3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 <p>*1 Đèn Báo</p> <p>*2 Đèn Báo</p> <p>*3 Đèn Báo</p>	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh đã được cài đặt. 	<p>► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh Tr. 192</p>

* 1: Loại xe có màn hình thông tin

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại A

* 3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên ngay khi phát hiện hệ thống truy cập từ xa* hoặc hệ thống khởi động từ xa có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt hoặc không sáng - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Chế Độ ECON*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật chế độ ECON. 	 Chế Độ ECON* Tr. 279
ECO	Đèn Báo ECO*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi động cơ đang hoạt động trong phạm vi tiết kiệm nhất. 	—
 *1  *2	Đèn Báo CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH CHÍNH*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn ấn nút CRUISE. 	 Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 280
 *1  *2	Đèn Báo ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu bạn cài đặt tốc độ cho điều khiển chế độ chạy ổn định. 	 Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 280

* 1: Loại xe có màn hình thông tin

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi hệ thống khởi động có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Giải pháp tạm thời là ấn và giữ nút ENGINE START/STOP trong 15 giây đồng thời nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (sổ sàn), sau đó khởi động động cơ bằng tay. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Xoay Vô Lãng*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi vô lăng được khóa. 	<ul style="list-style-type: none"> Xoay vô lăng sang trái và phải đồng thời ấn nút ENGINE START/STOP.
	Đèn Báo Sang Số Đỗ*	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy nếu bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt máy mà không gạt cần số sang P. 	<ul style="list-style-type: none"> Gạt cần số đến P, sau đó ấn nút ENGINE START/STOP hai lần.
	Đèn Báo Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống cuộc gọi khẩn cấp có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.  Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)* Tr. 474

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể sáng một lúc khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây để thông báo quá trình khởi tạo vẫn chưa hoàn tất. • Sáng và tiếp tục sáng khi: <ul style="list-style-type: none"> - Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp. - Hệ thống chưa được khởi tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> • Sáng khi đang lái - Dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp xe nếu cần. • Tiếp tục sáng sau khi lốp đã được bơm đến áp suất khuyến cáo - Cần khởi tạo hệ thống.  Khởi Tạo Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Tr. 292
		<ul style="list-style-type: none"> • Nhấp nháy khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố hoặc khi lắp tạm thời lốp dự phòng loại nhỏ*. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhấp nháy và sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe vừa với lốp dự phòng loại nhỏ*, mang lốp bị hỏng đi và hoặc thay rồi lắp lại vào xe bạn càng sớm càng tốt.
		<ul style="list-style-type: none"> • Sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ốc quy, sau đó lắp lại. 	<ul style="list-style-type: none"> • Lái xe quãng đường ngắn trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
80 km/h	Đèn Cảnh Báo Tốc Độ*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi tốc độ xe vượt quá 80 km/h. Âm thanh nhắc nhở vang lên khoảng hai phút một lần. Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh nhắc nhở vang lên liên tục. 	<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo này tiếp tục sáng khi tốc độ xe trên 80 km/h. Đèn báo này tiếp tục nhấp nháy khi tốc độ xe trên 120 km/h.
120 km/h	Đèn Cảnh Báo Tốc Độ*	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh nhắc nhở vang lên. 	<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo này tiếp tục nhấp nháy khi tốc độ xe trên 120 km/h.
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng đồng thời tiếng bíp cũng vang lên khi phát hiện sự cố. Đồng thời thông báo hệ thống sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. 	<ul style="list-style-type: none"> Trong khi đèn báo sáng, ấn nút  (màn hình chính) và chọn  để xem lại thông báo. ► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị Tr. 120, 141 Tham khảo thông tin về Đèn Báo ở chương này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng. Màn hình giao diện thông tin cho người lái không trở về màn hình bình thường trừ khi cảnh báo được hủy hoặc ấn vòng lựa chọn bên trái.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Hở Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu ACC có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng trong khi lái xe - Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra.
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu ACC dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại. Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép. ACC bị hủy tự động. 	<ul style="list-style-type: none"> Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa. <div> <div></div> Giới Hạn Tải Tr. 260 </div> Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Trắng/ Màu Xanh Lục)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng màu trắng khi bạn ấn nút . Sáng màu xanh lục khi bạn ấn nút RES/+ hoặc nút SET/-. 	<div> <div></div> Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Tr. 311 </div>

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hồ Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống LKAS có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép. ☑ Giới Hạn Tải Tr. 260 Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/Xanh Lục)*	<ul style="list-style-type: none"> Đèn sáng màu trắng khi bạn ấn nút LKAS. Đèn sáng màu xanh lục khi LKAS đang hoạt động. 	☑ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 329
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hồ Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu CMBS có sự cố hoặc không thể sử dụng hệ thống tạm thời do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách) sáng cùng lúc. ☑ Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)* Tr. 113
		<div>Loại xe có đồng hồ đo loại A</div> <ul style="list-style-type: none"> Sáng khi CMBS tắt. 	☑ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn Tr. 126
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi CMBS tắt. 	☑ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn Tr. 126

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hồ Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có sự cố hoặc không thể sử dụng hệ thống tạm thời do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách) sáng cùng lúc. ► Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)* Tr. 113
		Loại xe có đồng hồ đo loại A <ul style="list-style-type: none"> Sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tự động tắt. 	► Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 342
		Loại xe có đồng hồ đo loại A <ul style="list-style-type: none"> Sáng khi Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tắt. 	► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn Tr. 126
	Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tự động tắt. 	► Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 342
	Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Xám)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tắt. 	► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn Tr. 126

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hở Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép. Giới Hạn Tải Tr. 260 Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại. 	<ul style="list-style-type: none"> Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hồ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và/hoặc CMBS tự tắt. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ bên trong camera giảm. Camera Trước Tr. 356
			<ul style="list-style-type: none"> Sáng suốt - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bùn bám. Dừng xe ở nơi an toàn, dùng giẻ sạch, mềm lau sạch bụi bẩn. Đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn hiển thị trên màn hình thậm chí sau khi đã lau sạch vùng xung quanh camera. Camera Trước Tr. 356 Đèn có thể sáng khi điều kiện môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/Xám)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng màu xanh lục khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS bật. Sáng màu xanh lục và xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS tắt. Sáng màu xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS tắt. 	<p>➤ Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 346</p> <p>➤ Bật và Tắt CMBS Tr. 303</p>
	Đèn Báo KHÔNG CÓ CHÌA KHÓA*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bạn đóng cửa với chế độ nguồn ở BẬT và không có chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe. 	<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo tắt nếu bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại xe và đóng cửa.
	Đèn Báo PIN CHÌA KHÓA*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay pin càng sớm càng tốt. <p>➤ Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Tr. 419</p>

Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan khác. Các đồng hồ đo này hiển thị khi chế độ nguồn ở BẬT.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ xe bằng km/h.

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn trong bình chứa nhiên liệu.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ vòng/phút.

Loại xe có màn hình thông tin

Đồng Hồ Đo Lượng Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ tính bằng km/l* hoặc l/100 km*.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng chỉ đến **[E]**. Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ và làm hỏng bộ trung hòa khí xả.

Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Có thể bật và tắt màn hình đồng hồ đo tốc độ động cơ.

➡ Cài Đặt Tr. 151

■ Nhiệt Độ Ngoài Trời

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời theo đơn vị độ C.

Loại xe có màn hình thông tin

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, đèn báo nhiệt độ ngoài trời sẽ nhấp nháy trong 10 giây.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, thông báo **Outside Temperature Low** (Nhiệt Độ Ngoài Trời Thấp) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu nhiệt độ không chính xác.

Loại xe có màn hình thông tin

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn và giữ nút **TRIP/CLOCK** trong 10 giây trở lên trong khi nhiệt độ ngoài trời hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin.
 - Màn hình thông tin chuyển sang chế độ điều chỉnh nhiệt độ. Màn hình bắt đầu hiển thị từ -3°C đến $+3^{\circ}\text{C}$.
3. Nhả nút **TRIP/CLOCK** khi mức điều chỉnh đúng hiển thị trên màn hình.
 - Việc điều chỉnh hoàn tất.

■ Đồng Hồ

Hiển thị đồng hồ.

» Nhiệt Độ Ngoài Trời

Cảm biến nhiệt độ nằm ở cản trước. Hơi nóng từ mặt đường và khí xả của xe có thể làm ảnh hưởng tới chỉ báo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

» Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể điều chỉnh chỉ số nhiệt độ.

► **Cài Đặt** Tr. 128, 151

» Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay và thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

► **Đồng Hồ** Tr. 166

■ Chế Độ Hiện Tại cho ACC và LKAS*

Hiện thị chế độ hiện tại cho ACC và LKAS.

📺 Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Tr. 311

📺 Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 329

■ Tốc Độ Xe Được Cài Đặt ở Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

Hiện thị tốc độ xe được cài đặt ở điều khiển chế độ chạy ổn định.

📺 Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 280

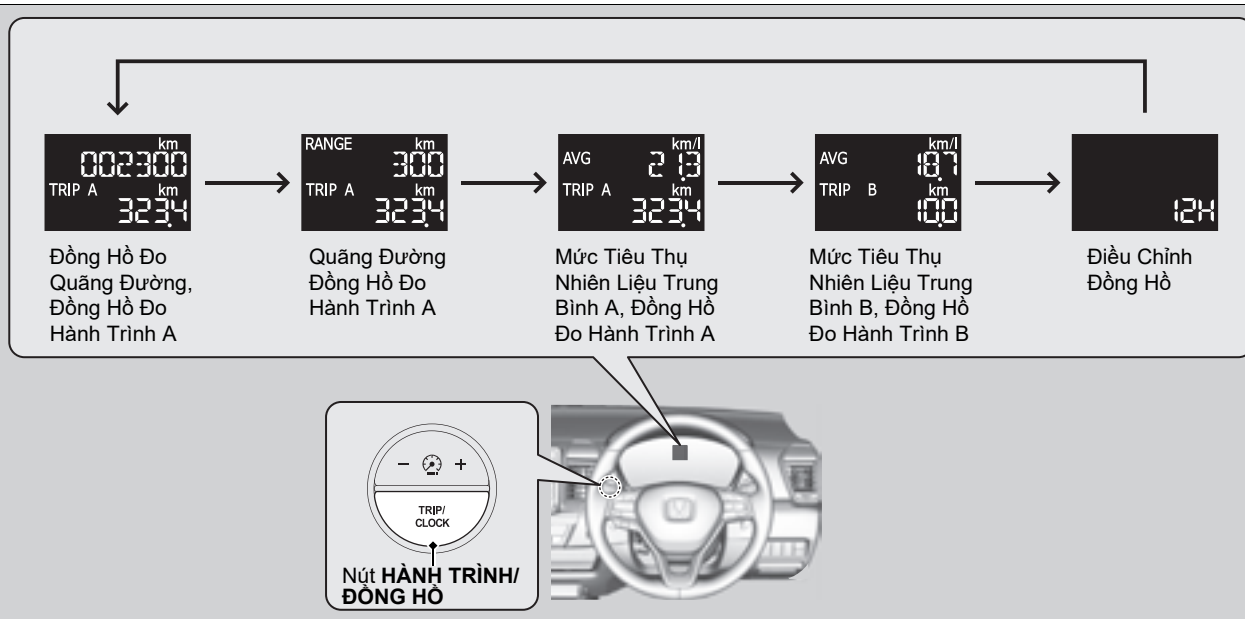
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Màn Hình Thông Tin*

Màn hình thông tin hiển thị đồng hồ đo quãng đường xe đi được, đồng hồ đo hành trình và các đồng hồ khác.

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Ấn nút **TRIP/CLOCK** để thay đổi màn hình hiển thị.



■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi.

■ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt gần đây nhất. Có thể sử dụng Đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị rồi ấn và giữ nút **TRIP/CLOCK**. Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Mức Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l* hoặc l/100 km*. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Quãng Đường

Hiển thị quãng đường ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

► Đồng Hồ Đo Hành Trình

Ấn nút **TRIP/CLOCK** để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng hồ đo loại A)*

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị các thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý và đưa xe tới đại lý để kiểm tra nếu cần thiết. Hãy tham khảo các phần sau nếu thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá nóng) xuất hiện.

➤ **Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện** Tr. 454

➤ **Quá Nhiệt** Tr. 450

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

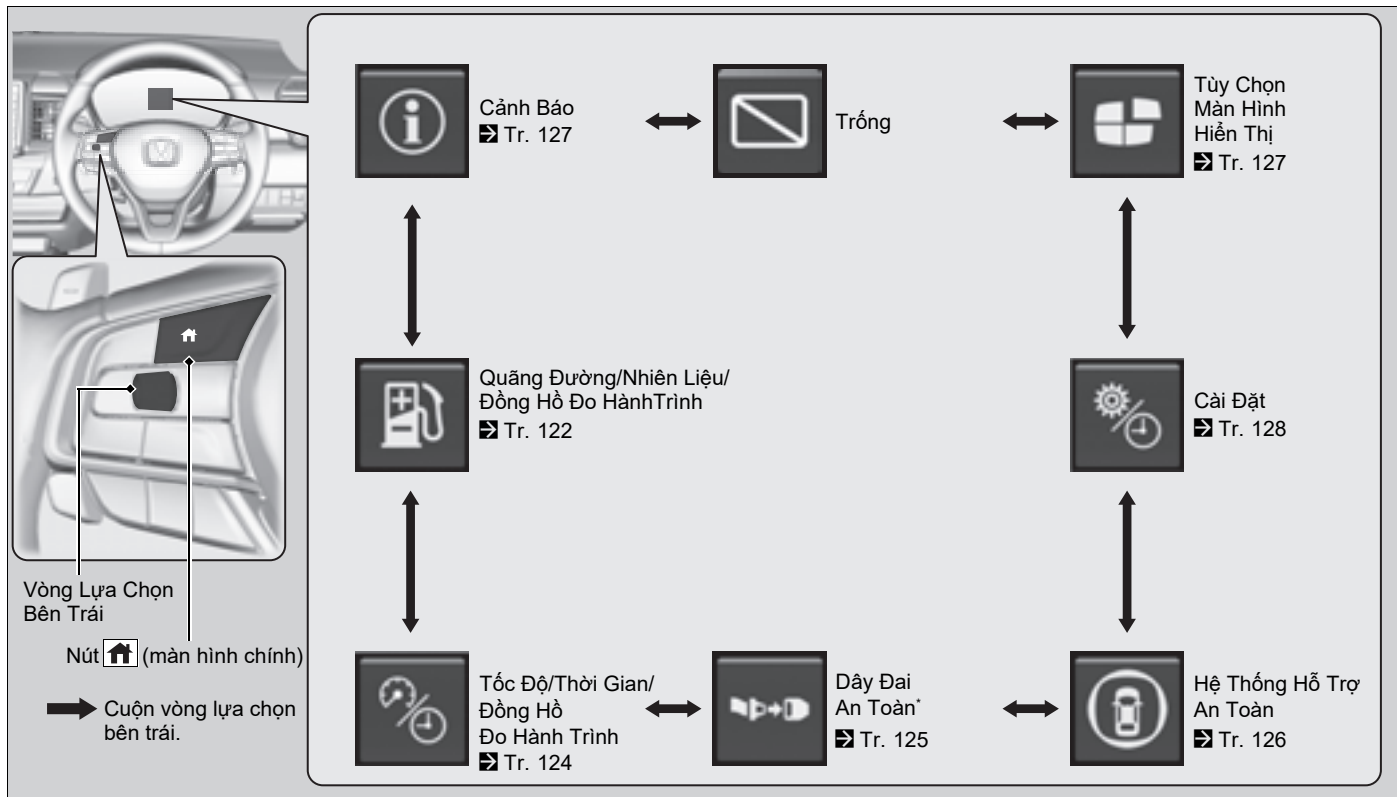
Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

►► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Để trở lại màn hình chính, ấn nút  (màn hình chính).

Bạn có thể bổ sung hoặc xóa nội dung trên đồng hồ.

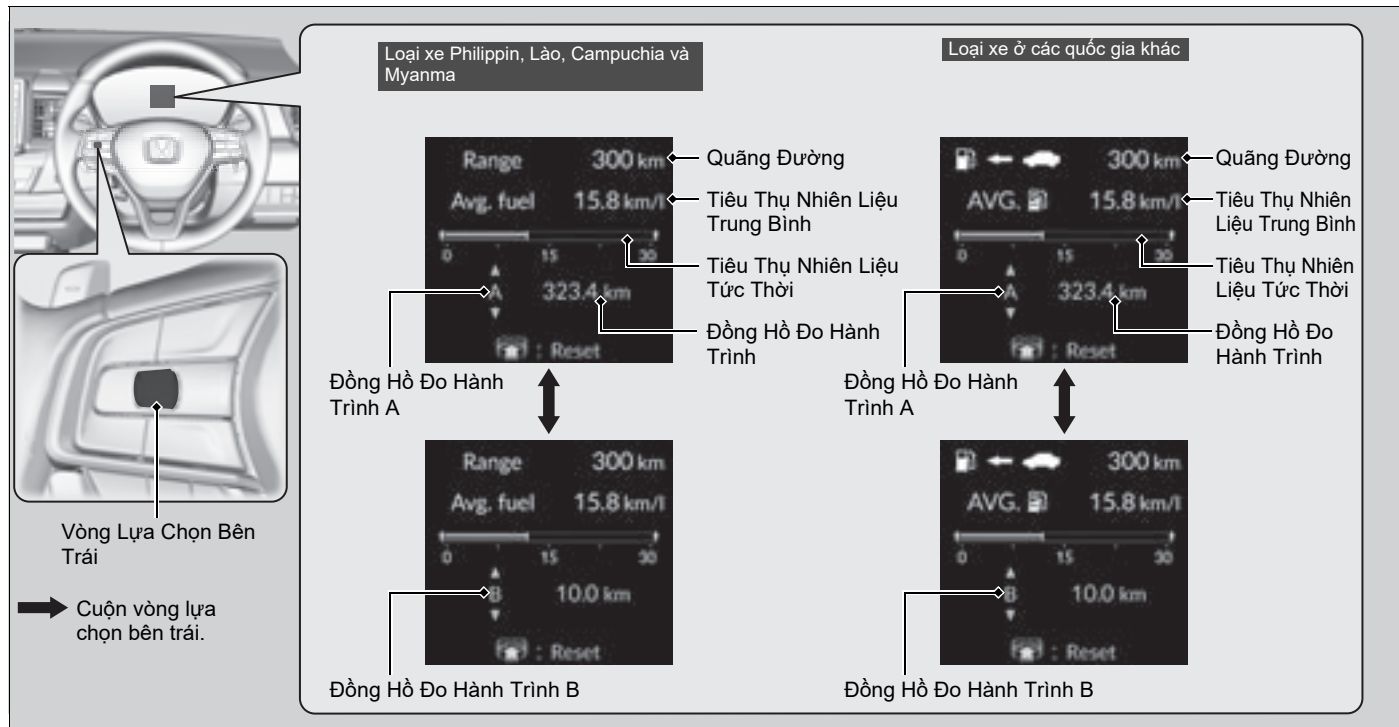
➤ **Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị** Tr. 127



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Quãng Đường/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ 0.0.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l hoặc l/100 km. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Chỉ lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng km/l hoặc l/100 km.

■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

»Quãng Đường/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lường tiêu thụ nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

► Cài Đặt Tr. 128

»Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

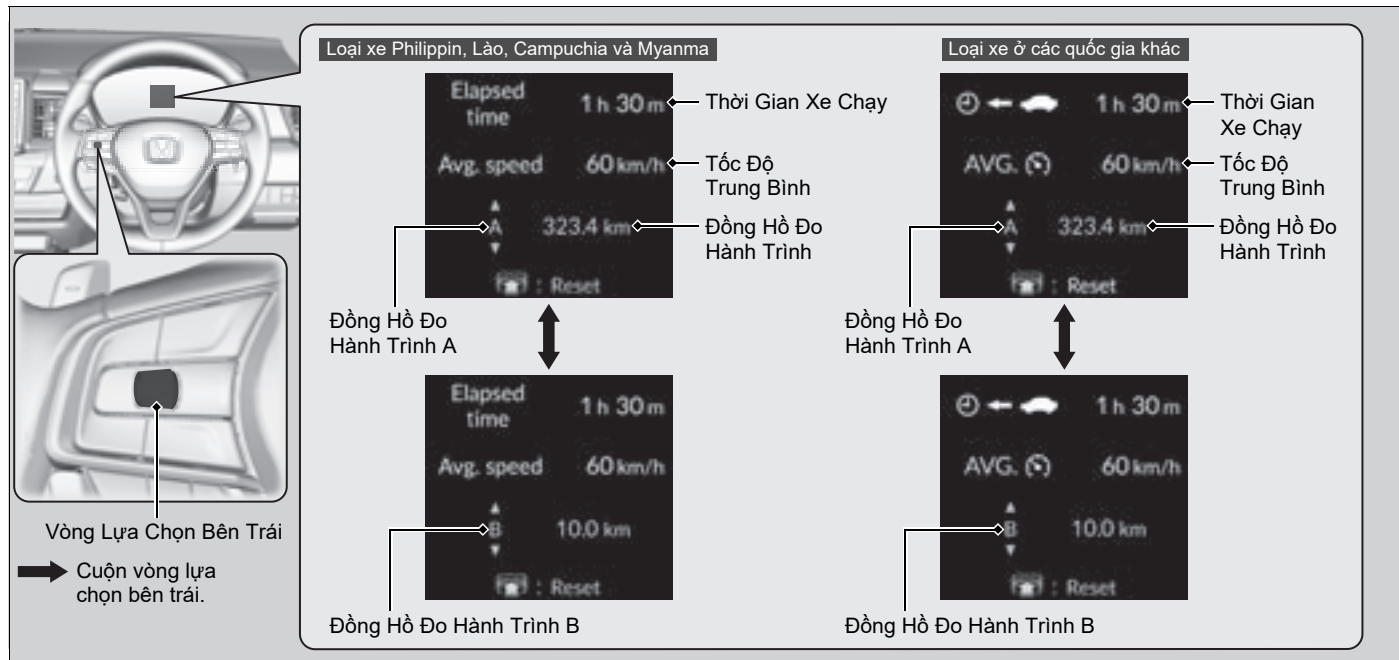
► Cài Đặt Tr. 128

»Quãng Đường

Quãng đường xe đã đi được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể chạy được.

■ Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



■ Đồng hồ đo hành trình

➡ Đồng hồ đo hành trình Tr. 123

■ Thời gian xe chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ khi cài đặt lại đồng hồ đo Hành Trình A và Hành Trình B.

■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ khi cài đặt lại đồng hồ đo Hành Trình A và Hành Trình B.

■ Dây Đai An Toàn*

Xuất hiện khi thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

➡ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 41

» Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

➡ Cài Đặt Tr. 128

» Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

➡ Cài Đặt Tr. 128

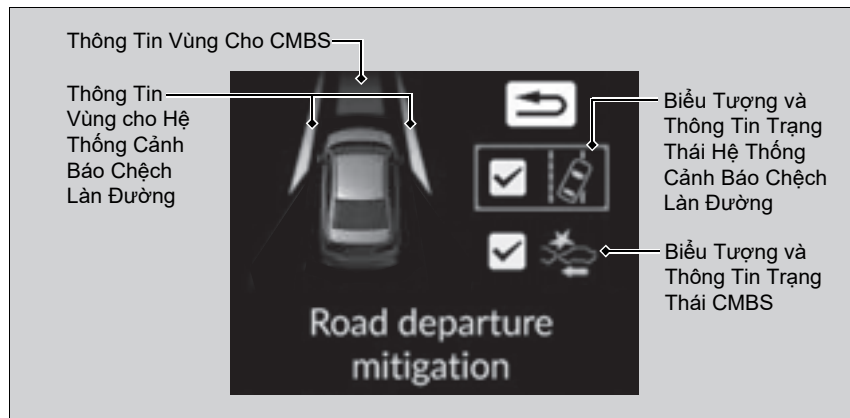
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Biểu thị trạng thái của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS như Bật, Tắt hoặc Lỗi bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Màu Xám: Hệ thống tắt.
- Màu Hồ Phách: Hệ thống có sự cố.



►► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hồ phách, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► **Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 346

► **Bật và Tắt CMBS** Tr. 303

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

► **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hồ Phách)*** Tr. 110

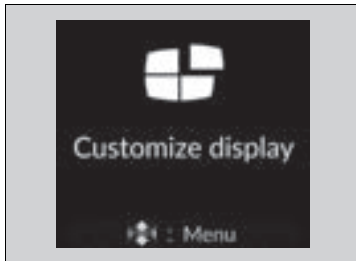
► **Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hồ Phách)*** Tr. 111

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)*** Tr. 112

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/Xám)*** Tr. 114

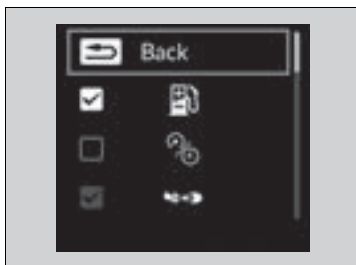
■ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể lựa chọn biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn ,

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.



3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn một trong số các biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn.

■ Cảnh Báo

Bạn có thể kiểm tra xem có bất kỳ thông báo cảnh báo nào không.

» Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Không thể xóa các biểu tượng màu xám ở màn hình chính.

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi bạn tùy chọn cài đặt, hãy sang số  P.

Loại xe số sàn

Khi bạn tùy chọn cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

» Cảnh Báo

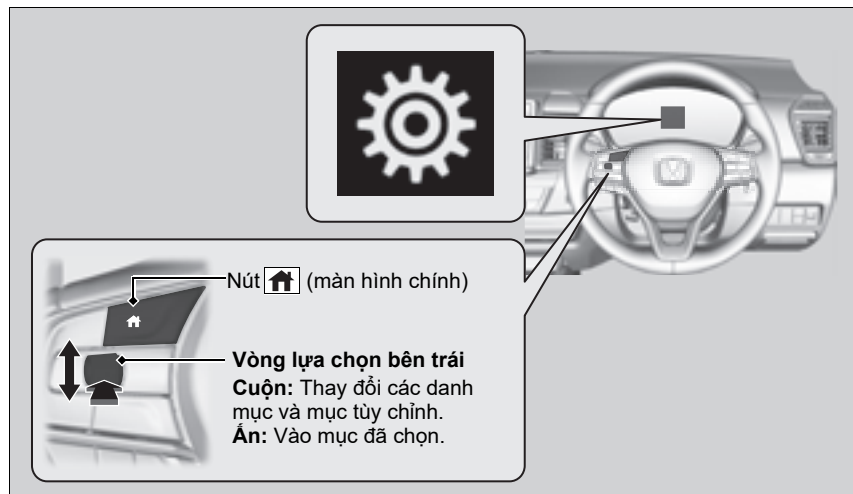
Nếu có nhiều cảnh báo, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

■ Cài Đặt

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chọn một số tính năng.

■ Cách tùy chọn

Chọn màn hình  bằng cách ấn nút  (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái trong khi chế độ nguồn ở BẬT và xe đã dừng hoàn toàn. Ấn vòng lựa chọn bên trái.



►► Cài Đặt

Để tùy chọn các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

► **Danh sách tùy chọn** Tr. 129

► **Ví dụ về các cài đặt tùy chọn** Tr. 137

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi bạn tùy chọn cài đặt, hãy sang số **P**.

Loại xe số sàn

Khi bạn tùy chọn cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Deflation warning system*	—	Khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp.	Initialise/Cancel (Khởi Tạo/Hủy)
Clock setup	Adjust clock	Điều chỉnh thời gian ► Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 166	—
	Clock display	Cài đặt kiểu hiển thị thời gian 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h*/OFF (12h/24h*/TẮT)
Driver assist system setup	Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma Forward collision warning distance	Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) cảnh báo.	Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma Long/Normal*/Short (Dài/Trung Bình*/Ngắn)
	Loại xe ở các quốc gia khác Preceding vehicle proximity warning distance		Loại xe ở các quốc gia khác Far/Normal*/Near (Xa/Trung Bình*/Gần)
	Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma ACC forward vehicle detect beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện xe khác, hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC.	ON/OFF* (BẬT/TẮT* ¹)
	Loại xe ở các quốc gia khác ACC vehicle ahead detected beep		
	Lead car departure notification system	Thay đổi cài đặt hệ thống cảnh báo xe phía trước khởi hành.	Normal*/Early/OFF (Trung Bình*/Sớm/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Driver assist system setup	Road departure mitigation setting	Thay đổi cài đặt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar</div> Narrow/Normal^{*1}/Wide/Warning only (Hẹp/Trung Bình ^{*1} /Rộng/chỉ Cảnh Báo) <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Early/Normal^{*1}/Delayed/Warning only (Sớm/Trung Bình ^{*1} /Hoãn/chỉ Cảnh Báo)
	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar</div> Lane keeping assist suspend beep <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Lane keep assist beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter setup	Adjust outside temp. display	Điều chỉnh hiển thị tăng giảm một vài độ.	-3°C ~ ±0°C*1 ~ +3°C
	“Trip A” reset timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar</div> When fully refueled/IGN OFF/Manually reset*1 (Khi đổ đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài đặt lại bằng tay*1) <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset*1 (Khi đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Cài đặt lại bằng tay*1)
	“Trip B” reset timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar</div> When fully refueled/IGN OFF/Manually reset*1 (Khi đổ đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài đặt lại bằng tay*1) <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset*1 (Khi đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Cài đặt lại bằng tay*1)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter setup	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma</div> Adjust alarm volume <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Alarm volume control	Thay đổi âm lượng của tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma</div> High/Mid^{*1}/Low (Cao/Trung bình ^{*1} /Thấp) <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Max/Mid^{*1}/Min (Cao nhất/Trung bình ^{*1} /Thấp nhất)
	Fuel efficiency backlight	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Rear seat reminder	Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Fuel economy unit	Chọn đơn vị tính mức tiêu thụ nhiên liệu.	km/l²/l/100km³
	Keyless access beep volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	High^{*1}/Low (Cao ^{*1} /Thấp)
Keyless access setup*	Keyless access beep	Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Remote start system ON/OFF*	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

*2: Cài Đặt Mặc Định không dành cho loại xe Việt Nam

*3: Cài Đặt Mặc Định cho loại xe Việt Nam

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting setup	Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma Auto high-beam Loại xe ở các quốc gia khác Auto High-Beam	Bật và tắt chiếu xa tự động.	ON^{*1}/OFF (BẬT^{*1}/TẮT)
	Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma Interior light dimming time Loại xe ở các quốc gia khác Interior light dimmer duration	Thay đổi thời gian sáng của đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.	60sec/30sec^{*1}/15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)
	Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma Headlight auto off timer Loại xe ở các quốc gia khác Headlight auto OFF timer	Thay đổi thời gian sáng của đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.	60sec/30sec/15sec^{*1}/0sec (60 giây/30 giây/15 giây ^{*1} /0 giây)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting setup	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma</div> Auto interior illumination sensitivity <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Instrument illumination sensitivity	Thay đổi độ nhạy sáng của bảng điều khiển khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO .	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Cao Nhất/Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp/Thấp Nhất)
	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma</div> Auto headlight ON with wiper ON <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Headlight integration with wipers	Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO .	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door setup	Auto door lock	Thay đổi cài đặt khi khóa cửa tự động.	With vehicle speed^{*1}/Shift from P^{*2}/OFF (Có tốc độ động cơ ^{*1} /Sang số từ P ^{*2} /TẮT)
	Auto door unlock	Thay đổi cài đặt khi mở khóa cửa tự động.	Shift to P^{*2}, ^{*3}/IGN OFF^{*4}/OFF (Sang số P ^{*2} , ^{*3} /TẮT KHÓA ĐIỆN ^{*4} /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

*2: Loại xe có hộp số vô cấp

*3: Cài Đặt Mặc Định cho loại xe có hộp số vô cấp

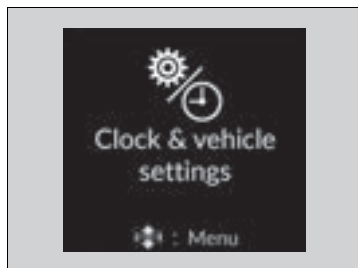
*4: Cài Đặt Mặc Định cho loại xe số sàn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door setup	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma</div> Walk away auto lock*	Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	ON/OFF* ¹ (BẬT/ TẮT* ¹)
	<div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Walk away lock*		
	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma</div> Keyless lock answer back	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHOÁ (ấn 2 lần) - Tiếng bíp vang lên.	ON* ¹ /OFF (BẬT* ¹ / TẮT)
	<div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Keyless lock notification		
	Security relock timer	Thay đổi thời gian để các cửa khóa lại và hệ thống an ninh thiết lập sau khi bạn mở khóa xe mà không mở bất kỳ cửa nào.	90sec/60sec/30sec* ¹ (90 giây/ 60 giây/ 30 giây* ¹)
Default all	—	Hủy các thay đổi tùy chọn mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại chúng về cài đặt mặc định.	<div>Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma</div> Cancel/Set (Hủy/Cài đặt) <div>Loại xe ở các quốc gia khác</div> Cancel/OK (Hủy/OK)

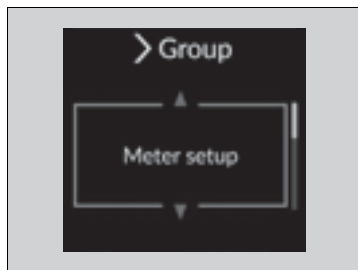
*1: Cài Đặt Mặc Định

■ Ví dụ về cài đặt tùy chọn

Các bước thay đổi cài đặt “**Trip A**” **reset timing** (thời gian cài đặt lại "Hành Trình A") sang **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu) được thể hiện bên dưới. Cài đặt mặc định cho “**Trip A**” **reset timing** là **Manually reset**^{*1/} **Manual reset**^{*2} (Cài đặt lại bằng tay).



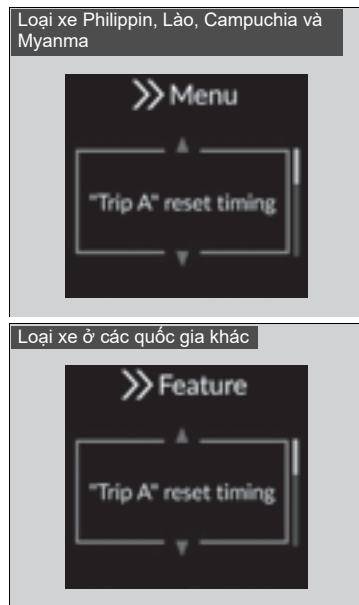
1. Ấn nút  (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter setup** (Cài đặt đồng hồ) xuất hiện trên màn hình.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

* 1: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar

*2: Loại xe ở các quốc gia khác



4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **"Trip A" reset timing** (Thời gian cài đặt lại "Hành Trình A") xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, ở màn hình này bạn có thể chọn **When fully refueled, IGN OFF^{*1}/When ignition is turned OFF^{*2}, Manually reset^{*1}/Manual reset^{*2}** (Khi nạp đầy nhiên liệu, TẮT KHÓA ĐIỆN^{*1}/ Khi xoay khóa điện sang TẮT^{*2}, Cài đặt lại bằng tay^{*1 *2}) hoặc **Back** (Quay lại).

*1: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma

*2: Loại xe ở các quốc gia khác

Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar

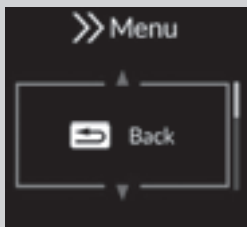


Loại xe ở các quốc gia khác



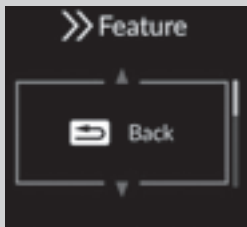
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **When Fully Refueled** (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- **Selected** (Đã chọn) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.

Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và
Myanma



6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Back** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Lặp lại Bước 6 cho tới khi bạn quay trở về màn hình bình thường.

Loại xe ở các quốc gia khác



Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Đồng hồ đo loại B)*

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị các thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý và đưa xe tới đại lý để kiểm tra nếu cần thiết. Hãy tham khảo các phần sau nếu thông báo **Engine Oil Pressure Low** (Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp) hoặc **Engine Temperature Too Hot** (Nhiệt Độ Động Cơ Quá Nóng) xuất hiện.

📌 **Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện** Tr. 454

📌 **Quá Nhiệt** Tr. 450

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

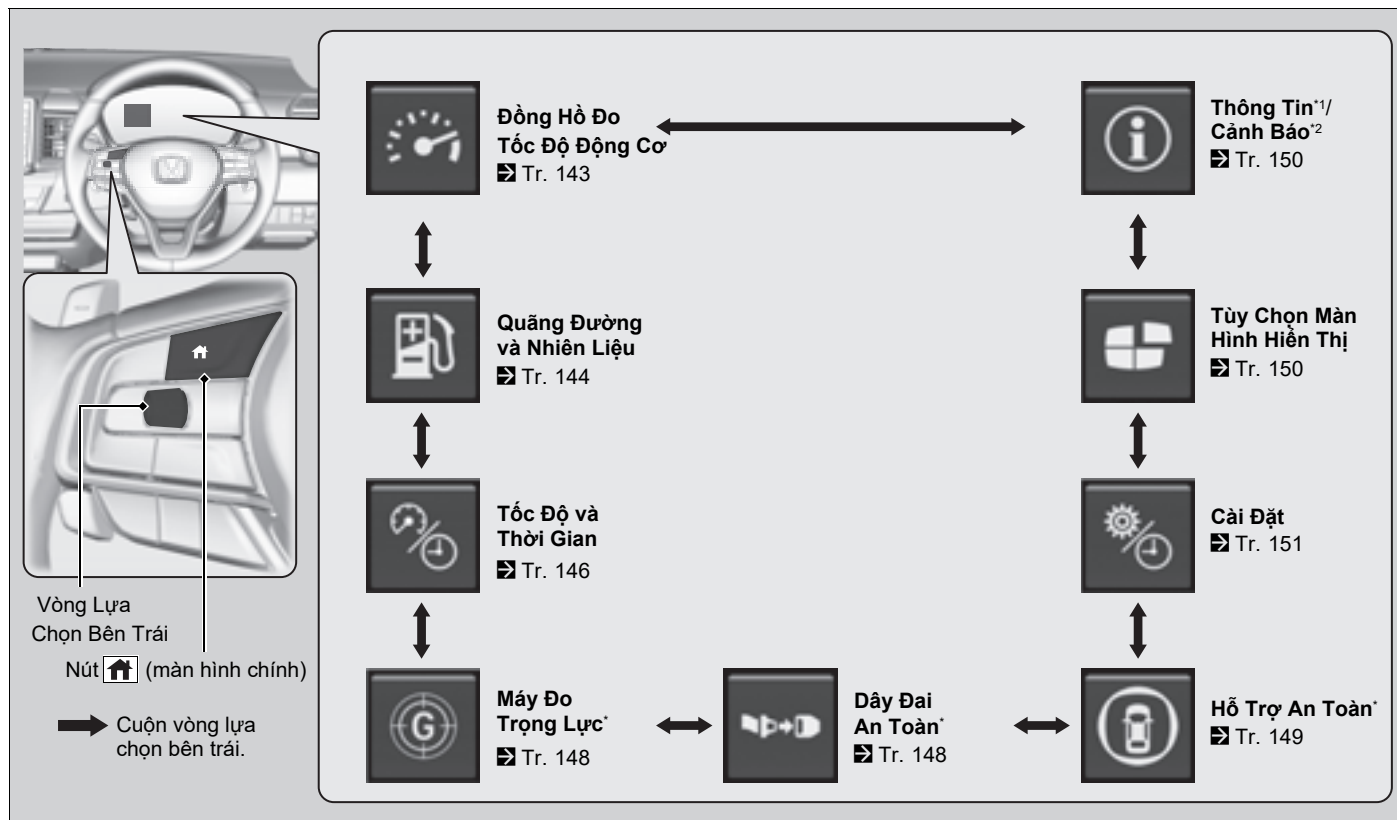
Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái đến nội dung bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

►► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Để quay trở lại màn hình chính, ấn nút  (màn hình chính).

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ.

📌 **Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị** Tr. 150



*1: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

*2: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ vòng/phút và các nội dung khác sẽ bị ẩn.

» Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ ở mục **Cài Đặt**.

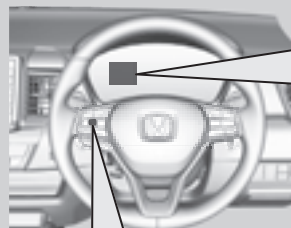
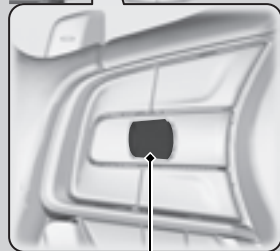
📌 Cài Đặt Tr. 151

Ngay cả khi bạn đã tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ ở mục **Cài Đặt**, nếu chọn **Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thì sẽ chỉ chuyển sang màn hình đồng hồ đo tốc độ động cơ.

📌 Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị Tr. 141

■ Quãng Đường/Nhiên Liệu/Đồng Hồ Đo Hành Trình

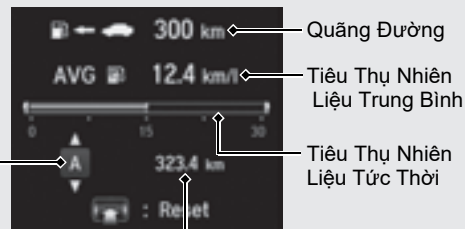
Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



Vòng Lựa Chọn Bên Trái

➡ Cuộn vòng lựa chọn bên trái.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

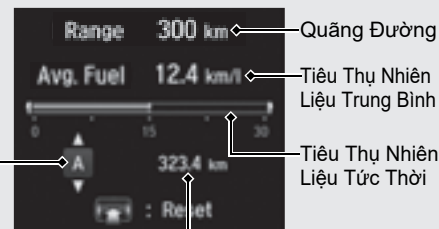


Đồng Hồ Đo Hành Trình A

Đồng Hồ Đo Hành Trình

Đồng Hồ Đo Hành Trình B

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái



Đồng Hồ Đo Hành Trình A

Đồng Hồ Đo Hành Trình

Đồng Hồ Đo Hành Trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái sau đó chọn **Reset**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l* hoặc l/100 km*. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Chỉ lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng km/l* hoặc l/100 km*.

■ Quãng Đường

Cho biết quãng đường ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào lượng tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

»Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

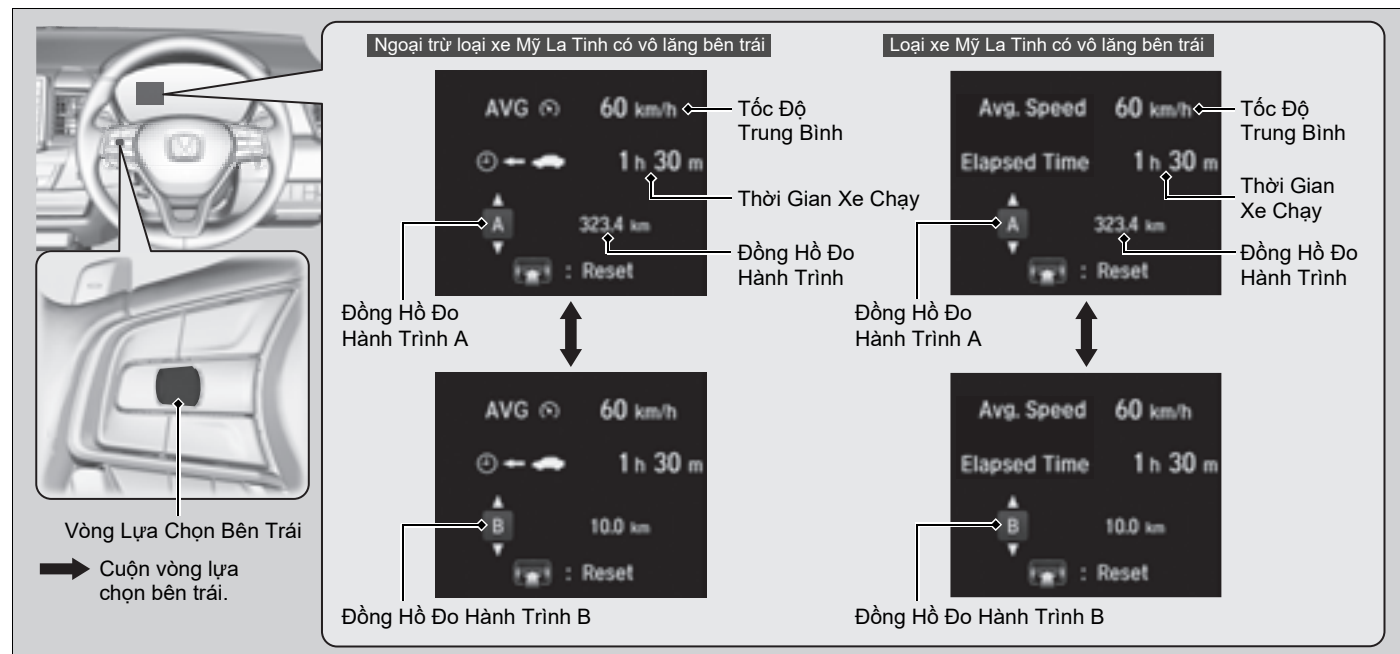
➡ **Cài Đặt Tr. 151**

»Quãng đường

Quãng đường xe đã đi được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể chạy được.

■ Tốc Độ/Thời Gian/Đồng Hồ Đo Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



■ Đồng hồ đo hành trình

➤ Đồng hồ đo hành trình Tr. 145

■ Thời Gian Xe Chạy

Cho biết thời gian xe chạy kể từ khi cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B ở lần gần đây nhất.

■ Tốc Độ Trung Bình

Cho biết tốc độ trung bình tính bằng km/h kể từ khi cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B ở lần gần đây nhất.

⌘ Thời Gian Xe Chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

➤ Cài Đặt Tr. 151

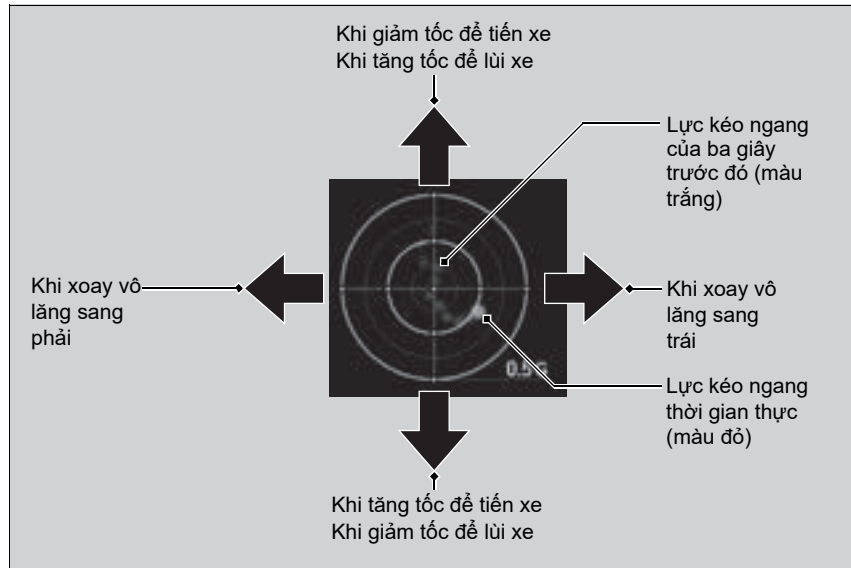
⌘ Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

➤ Cài Đặt Tr. 151

■ Máy Đo Trọng Lực*

Hiển thị cường độ (G) và hướng của tải trọng tác động vào xe khi xe chạy.



■ Dây Đai An Toàn*

Xuất hiện khi bất kỳ dây đai an toàn nào được thắt hoặc không thắt.

► **Nhắc Thắc Dây Đai An Toàn** Tr. 41

►► Máy Đo Trọng Lực*

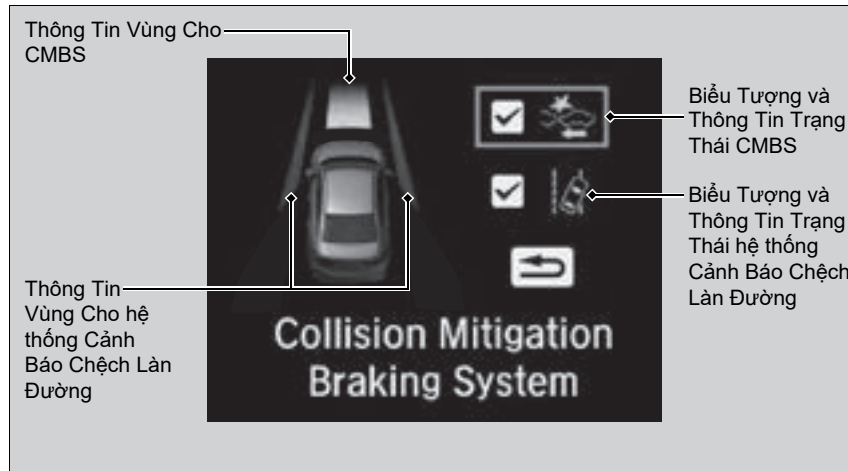
Máy đo trọng lực không hiển thị lực kéo ngang quá 0,5 G.

■ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn*

Biểu thị trạng thái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS như Bật, Tắt hoặc Lỗi bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Màu Xám: Hệ thống tắt.
- Màu Hở Phách: Hệ thống có sự cố.



► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn*

Nếu hệ thống hiển thị màu hở phách, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► **Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 346

► **Bật và Tắt CMBS** Tr. 303

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

► **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hở Phách)** Tr. 110

► **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)*** Tr. 110

► **Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hở Phách)*** Tr. 111

► **Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Xám)*** Tr. 111

► **Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*** Tr. 111

► **Đèn Báo An Toàn (Màu Hở Phách)*** Tr. 112

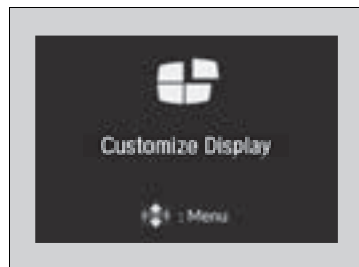
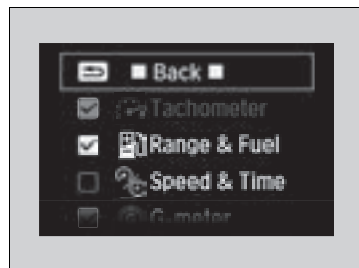
► **Đèn Báo An Toàn (Màu Xanh Lục/Xám)*** Tr. 114

■ Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Thay đổi cài đặt theo ý muốn của bạn.

■ Sắp xếp nội dung

Bạn có thể lựa chọn biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize Display** (Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn một trong số các biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn.

■ Thông Tin*¹/Cảnh Báo*²

Bạn có thể kiểm tra nếu có bất kỳ thông báo cảnh báo nào xuất hiện.

*1: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

*2: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

»» Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị

Không thể xóa các biểu tượng màu xám ở màn hình chính.

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi bạn tùy chọn cài đặt, sang số **P**.

Loại xe số sàn

Khi bạn tùy chọn cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

»» Thông Tin*¹/Cảnh Báo*²

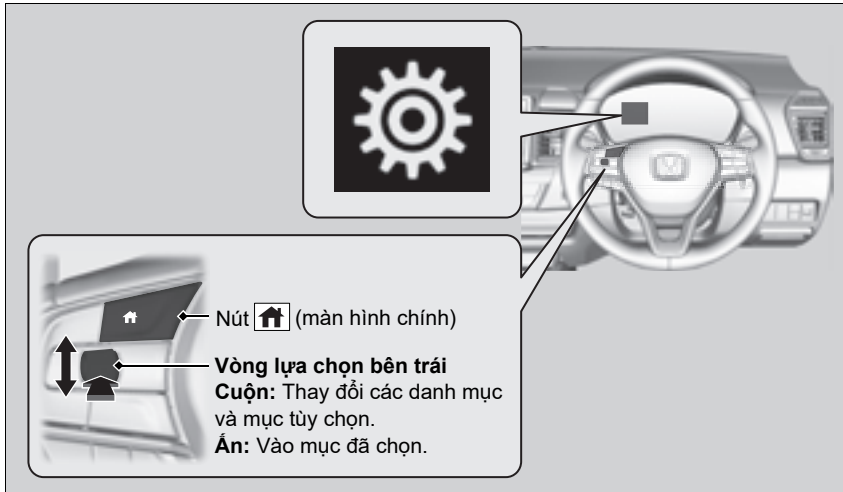
Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

■ Cài Đặt

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chọn một số tính năng.

■ Cách Tùy Chọn

Chọn màn hình  bằng cách ấn nút  (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái trong khi chế độ nguồn ở BẬT và xe đã dừng hoàn toàn. Ấn vòng lựa chọn bên trái.



►► Cài Đặt

Để tùy chọn các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

► **Danh sách tùy chọn** Tr. 152

► **Ví dụ về các cài đặt tùy chọn** Tr. 162

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi bạn tùy chọn cài đặt, hãy sang số **P**.

Loại xe số sàn

Khi bạn tùy chọn cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Deflation Warning System*	—	Khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp.	Initialise/Cancel (Khởi Tạo/Hủy)
Clock Setup	Clock Adjustment	Điều chỉnh thời gian ⏸ Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 166	—
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Clock Display	Cài đặt kiểu hiển thị thời gian 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h*/OFF (24h/12h*/TẮT)
	Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
Driver Assist System Setup*	Clock Format		
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Preceding Vehicle Proximity Warning Distance	Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) cảnh báo.	Far/Normal*/Near (Xa/Trung Bình*/Gần)
	Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Forward Collision Warning Distance		Long/Normal*/Short (Dài/Trung Bình*/Ngắn)

*1: Cài Đặt Mặc Định

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Driver Assist System Setup*	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> ACC Vehicle Ahead Detected Beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện xe khác hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC.	ON/OFF*1 (BẬT/TẮT*1)
	<div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> ACC Forward Vehicle Detect Beep		
	Road Departure Mitigation Setting	Thay đổi cài đặt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Early/Normal*1/Delayed/Warning Only (Sớm/Bình Thường*1/Muộn/Chỉ Cảnh Báo) <div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Narrow/Normal*1/Wide/Warning Only (Hẹp/Bình Thường*1/Rộng/Chỉ Cảnh Báo)
	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Lane Keep Assist Beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo.	ON/OFF*1 (BẬT/TẮT*1)
	<div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Lane Keeping Assist Suspend Beep		

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Driver Assist System Setup*	Lead Car Departure Notification System*	Thay đổi cài đặt hệ thống cảnh báo xe phía trước khởi hành.	Normal**/Early/OFF (Trung Bình**/Sớm/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter Setup	<div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Language Selection	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	<div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> English/Français/Español ^{*1} (Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Tây Ban Nha ^{*1})
	<div>Loại xe Trung Đông</div> Language		<div>Loại xe Trung Đông</div> ENGLISH/Arabic ^{*1} (TIẾNG ANH, Tiếng Ả-rập ^{*1})
	Adjust Outside Temp. Display	Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ tăng giảm một vài độ.	-3°C ~ ±0°C^{*1} ~ +3°C
	“Trip A” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> When Fully Refueled/When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset ^{*1} (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu/Khi Xoay Khóa Điện Đến TẮT/Cài Đặt Lại Bằng Tay ^{*1})
			<div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset ^{*1} (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu/ KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/Cài Đặt Lại Bằng Tay ^{*1})

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter Setup	“Trip B” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> When Fully Refueled/When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset ^{*1} (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu/Khi Xoay Khóa Điện Đến TẮT/Cài Đặt Lại Bằng Tay ^{*1}) <div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset ^{*1} (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu/ KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/ Cài Đặt Lại Bằng Tay ^{*1})
	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Alarm Volume Control	Thay đổi âm lượng của tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Max/Mid^{*1}/Min (Cao Nhất/Trung Bình ^{*1} /Thấp Nhất)
	<div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Adjust Alarm Volume		<div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> High/Mid^{*1}/Low (Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp)
	Fuel Efficiency Backlight[*]	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Rear Seat Reminder	Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây đai An Toàn Ghế Sau.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Tachometer	Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Keyless Access Setup	Door Unlock Mode*	Thay đổi cài đặt mở khóa cửa khi bạn nắm tay nắm cửa người lái.	Driver Door Only*¹/All Doors (Chỉ Cửa Người Lái* ¹ /Tất Cả Các Cửa)
	Keyless Access Beep Volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	High*¹/Low (Cao* ¹ /Thấp)
	Keyless Access Beep	Cài đặt bật hoặc tắt tiếng bíp khi bạn nắm tay nắm cửa trước.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Remote Start System ON/OFF*	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting Setup	Auto High-Beam*	Bật và tắt chiếu xa tự động.	ON**/OFF (BẬT*/TẮT)
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Interior Light Dimmer Duration	Thay đổi khoảng thời gian đèn trong xe sáng sau khi bạn đóng các cửa.	60sec/30sec*/15sec (60 giây/30 giây*/15 giây)
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Interior Light Dimming Time		
Lighting Setup	Headlight Auto OFF Timer	Thay đổi khoảng thời gian đèn ngoài xe sáng sau khi bạn đóng cửa người lái.	60sec/30sec/15sec*/0sec (60 giây/30 giây/15 giây*/0 giây)
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Instrument Illumination Sensitivity	Thay đổi độ nhạy sáng của bảng điều khiển khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO .	Max/High/Mid*/1/Low/Min (Cao Nhất/Cao/Trung Bình*/Thấp/Thấp Nhất)
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Auto Interior Illumination Sensitivity		

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting Setup	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Headlight Integration With Wipers	Thay đổi cài đặt vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO .	ON *1/ OFF (BẬT*/TẮT)
	Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái		
	Auto Headlight ON With Wiper ON		

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door Setup	Auto Door Lock*	Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa tự động.	With Vehicle Speed*¹/Shift From P²/OFF (Có Tốc Độ Xe ¹ /Sang Số Từ P ² /TẮT)
	Auto Door Unlock*	Thay đổi cài đặt tính năng mở khóa cửa tự động.	Loại xe Ấn Độ và Malaysia Shift To P², *³/IGN OFF⁴/OFF (Sang Số P ² , * ³ /KHÓA ĐIỆN Ở TẮT ⁴ /TẮT) Loại xe Châu Phi Driver Door With Shift To P¹/Driver Door With IGN OFF/All Doors With Shift To P/All Doors With IGN OFF/OFF (Cửa Người Lái Khi Sang Số P ¹ /Cửa Người Lái Khi KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/Tắt Cả Các Cửa Khi Sang Số P/Tắt Cả Các Cửa Khi Khóa Điện ở TẮT/TẮT)
	Key And Remote Unlock Mode*	Cài đặt mở khóa cửa người lái hoặc tắt cả các cửa khi vận hành chìa khóa điều khiển từ xa lần thứ nhất.	Driver Door Only*¹/All Doors (Chỉ Cửa Người Lái* ¹ /Tắt Cả Các Cửa)
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái Walk Away Lock Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái Walk Away Auto Lock	Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	ON/OFF*¹ (BẬT/TẮT* ¹)

*1: Cài Đặt Mặc Định

*2: Loại xe có hộp số vô cấp

*3: Cài Đặt Mặc Định cho loại xe có hộp số vô cấp

*4: Cài Đặt Mặc Định cho loại xe số sàn

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

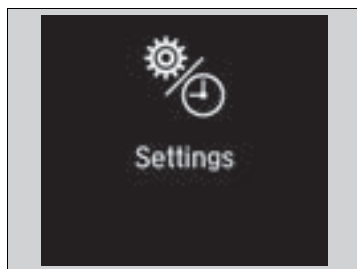
Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door Setup	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Keyless Lock Notification <div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Keyless Lock Answer Back	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHÓA (ấn lần thứ 2) - Tiếng bíp vang lên.	ON*/OFF (BẬT*/TẮT)
	Security Relock Timer	Thay đổi thời gian cho các cửa khóa lại và hệ thống an ninh được thiết lập sau khi bạn mở khóa xe mà không mở bất kỳ cửa nào.	90sec/60sec/30sec*¹ (90 giây/60 giây/30 giây* ¹)
	Auto Folding Door Mirror*	Thay đổi cách cụp gương cửa.	Auto Fold With Keyless*¹/Manual Only (Tự Động Cụp Bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa* ¹ /Chỉ Cụp Bằng Tay)
Default All	—	Hủy các thay đổi tùy chọn mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục về cài đặt mặc định.	<div>Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Cancel/OK (Hủy/OK) <div>Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái</div> Cancel/Set (Hủy/Cài Đặt)

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Ví dụ về các cài đặt tùy chọn

Các bước thay đổi cài đặt “**Trip A**” **Reset Timing** (Hẹn Giờ Cài Đặt Lại “Hành Trình A”) sang **When Fully Refueled** (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu) hiển thị như bên dưới. Cài đặt mặc định cho “**Trip A**” **Reset Timing** là **Manual Reset**^{*1/} **Manual Reset**^{*2} (Cài Đặt Lại Bằng Tay).



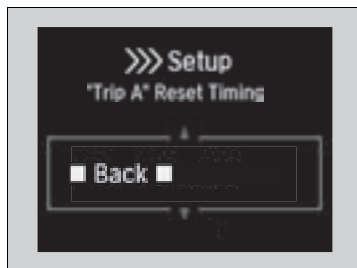
1. Ấn nút  (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn  rồi ấn vòng lựa chọn bên trái.



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho tới khi **Meter Setup** xuất hiện trên màn hình.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

*1: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

*2: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái



4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **"Trip A" Reset Timing** (Thời Gian Cài Đặt Lại "Hành Trình A") xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, lúc này bạn có thể chọn **When Fully Refueled** (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu), **When Ignition Is Turned OFF**^{*1} (Khi Xoay Khóa Điện Sang TẮT^{*1})/**IGN OFF**^{*2} (KHÓA ĐIỆN Ở TẮT^{*2})/**Manual Reset**^{*1}/**Manually Reset**^{*2} (Cài Đặt Bằng Tay^{*2}) hoặc **Back** (Trở Lại).
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **When Fully Refueled** (Khi Nạp Đầy Nhiên Liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình hiển thị quay lại màn hình danh mục tùy chọn.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho tới khi **Back** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Lặp lại Bước 6 cho tới khi bạn quay trở về màn hình bình thường.

* 1: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

* 2: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

Điều Khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số điều khiển cần thiết khi lái xe.

Đồng Hồ	166
Khóa và Mở Khóa Cửa	
Chìa Khóa.....	169
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài	171
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong	180
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em.....	181
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*	182
Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*	183
Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý	188
Hệ Thống An Ninh	
Hệ Thống Chống Nổ Máy.....	191
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh.....	192

Cửa Kính	194
Cửa Sổ Trời*	199
Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lãng	
Nút ENGINE START/STOP	201
Xi Nhan	204
Công Tác Đèn.....	205
Đèn Sương Mù Trước* và Sau*	208
Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*	210
Chiếu Xa Tự Động*	211
Đèn Ban Ngày.....	215
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	216
Điều Chỉnh Độ Sáng	219
Nút Sấy Kính Sau.....	221
Điều Chỉnh Vô Lãng	222

Gương	
Gương Chiếu Hậu Trong Xe	223
Gương Cửa Điện	224
Ghế Ngồi	
Ghế Trước	226
Tựa Tay	234
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong	235
Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát*	
Sử Dụng Thông Gió, Sưởi* và A/C	245
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ*	
Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động	250
Cảm Biến Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động	254

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Đồng Hồ

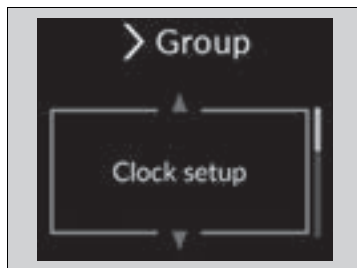
Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình đồng hồ khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Điều Chỉnh Thời Gian



Loại xe có màn hình thông tin

1. Ấn đi ấn lại nút **TRIP/CLOCK** cho đến khi thời gian hiển thị bắt đầu nhấp nháy.
2. Ấn và giữ nút **TRIP/CLOCK** để thay đổi cài đặt từ 12h sang 24h, hoặc để tắt đồng hồ.
3. Ấn nút **+** hoặc **-** để điều chỉnh phút. Khi bạn tăng hoặc giảm phút, giờ cũng sẽ tăng hoặc giảm theo tương ứng.
4. Ấn nút **TRIP/CLOCK** để hoàn thành việc điều chỉnh.



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)

1. Chọn màn hình **Settings**.
 ► **Cài Đặt** Tr. 128, 151
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock setup** (Cài đặt đồng hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Adjust clock** (Điều chỉnh đồng hồ) xuất hiện trên màn hình.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

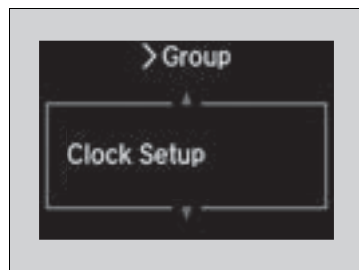
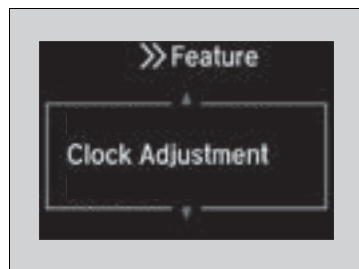
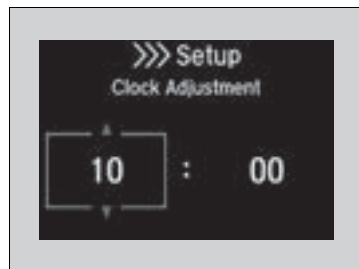
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Ấn nút  để trở lại màn hình thông thường.

►► Điều Chỉnh Thời Gian

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể tùy chọn kiểu hiển thị đồng hồ để hiển thị 12 giờ hoặc 24 giờ.

► **Cài Đặt** Tr. 128, 151



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)

1. Chọn màn hình **Settings**.

▣ Cài Đặt Tr. 128, 151

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Setup** (Cài Đặt Đồng Hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Clock Adjustment** (Điều Chỉnh Đồng Hồ) xuất hiện trên màn hình.

4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

7. Ấn nút để trở lại màn hình thông thường.

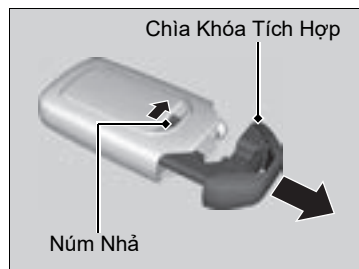
Chìa Khóa

Xe này có những chìa khóa sau:



Sử dụng chìa khóa để khởi động và dừng động cơ, để khóa và mở khóa tất cả các cửa và để mở nắp khoang hành lý.

Chìa Khóa Tích Hợp



Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để khóa/mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu và không thể khóa/mở khóa cửa điện.

Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt nút nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

Chìa Khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nổ giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 191

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc để vật nặng lên chìa khóa.
- Để chìa khóa cách xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận chìa khóa ra trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động. Nếu chìa khóa không hoạt động tốt, hãy mang chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

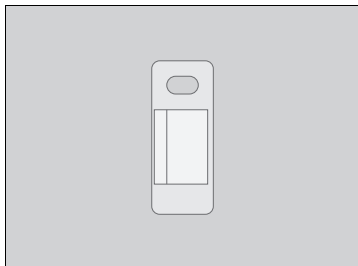
Loại xe có khởi động động cơ từ xa

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng khởi động động cơ từ xa.

Khởi Động Động Cơ Từ Xa* Tr. 264

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Nhãn Mã Số Chìa Khóa



Chứa mã số mà bạn sẽ cần nếu bạn mua một cái thay thế.

Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

Xe truyền tín hiệu sóng radio để xác định vị trí chìa khóa điều khiển từ xa để khởi động động cơ, khóa và mở khóa các cửa* và mở nắp khoang hành lý*.

Trong các trường hợp sau, việc khởi động động cơ, khóa/mở khóa các cửa hoặc mở nắp khoang hành lý hoặc vận hành không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát ra sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc đè lên chìa khóa điều khiển từ xa.

»»Nhãn Mã Số Chìa Khóa

Để nhãn mã số chìa khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe. Nếu bạn muốn mua thêm một chìa khóa nữa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu bạn mất chìa khóa và bạn không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

»»Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

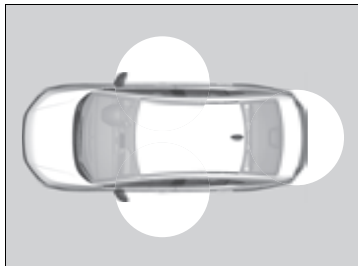
Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa. Tuổi thọ của pin được khoảng hai năm nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng. Pin sẽ tiêu thụ điện mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio mạnh. Không để chìa khóa gần các thiết bị điện tử như tivi và máy tính cá nhân.

Có thể giảm mức tiêu thụ pin bằng cách tắt tính năng thu sóng radio. Khi bạn giữ các nút khóa và mở khóa cùng lúc trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và tính năng thu sóng radio sẽ tắt.

Nếu bạn ấn nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa một lần, chìa khóa sẽ bắt đầu nhận lại sóng radio.

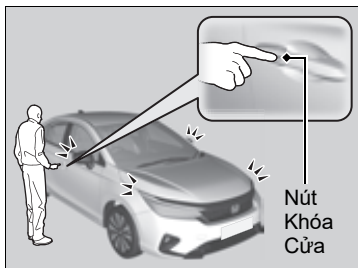
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*



Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và mở nắp khoang hành lý.

Bạn có thể khóa/mở khóa các cửa hoặc mở nắp khoang hành lý trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm bên ngoài cửa hoặc nút nhả nắp khoang hành lý



■ Khóa cửa và nắp khoang hành lý

Ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; tắt các cửa và nắp khoang hành lý khóa; hệ thống an ninh được thiết lập.

►►Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa. Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây. Khóa lại các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa: Đèn tắt ngay lập tức.

► Đèn Trong Xe Tr. 235

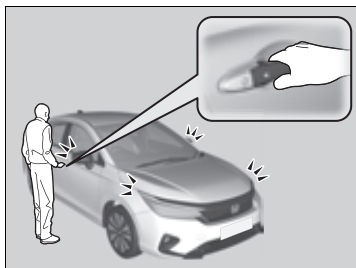
►►Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống truy cập từ xa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Hệ thống truy cập từ xa không thể khóa xe khi có một cửa nào đó mở.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ Mở khóa các cửa và nắp khoang hành lý

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Nắm tay nắm cửa người lái:

- Cửa người lái mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên hai lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách trước:

- Tất cả các cửa mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên hai lần.

Loại xe ở các quốc gia khác

Nắm tay nắm cửa trước:

- Tất cả các cửa và nắp khoang hành lý mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên hai lần.

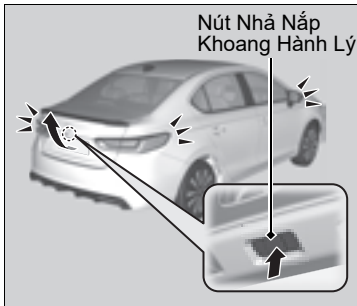
►►Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe khi bạn ra khỏi xe.
- Hãy mang theo bên mình. Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể khóa/mở khóa các cửa khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.
- Cửa có thể mở khóa nếu tay nắm cửa bị dính nước mưa hoặc khi rửa xe cho dù chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm vào tay nắm cửa trước, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi mở khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, bạn phải chờ 2 giây rồi mới có thể kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa có được khóa không. Nếu bạn cần mở khóa ngay sau khi khóa cửa, hãy đợi ít nhất hai giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không sẽ không thể mở khóa cửa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo cửa ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và chắc chắn rằng cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn cũng không thể khóa/mở khóa cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu để nó lên trên hoặc dưới tay nắm bên ngoài cửa.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần cửa hoặc kính cửa.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Có thể tùy chọn cài đặt tiếng bip và chế độ mở khóa cửa* bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► Cài Đặt Tr. 128, 151



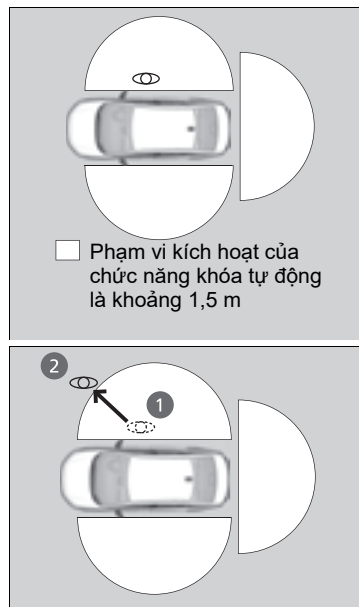
Ấn nút nhả nắp khoang hành lý:

- Nắp khoang hành lý mở khóa và mở.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên.

☒ Sử Dụng Nút Nhả Nắp Khoang Hành Lý*

Tr. 189

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ Khóa cửa và nắp khoang hành lý (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Khi bạn ra khỏi xe sau khi đóng tất cả các cửa và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa sẽ tự động khóa.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động khi tất cả các cửa đều đóng và chìa khóa điều khiển từ xa cách tay nắm bên ngoài cửa hoặc nút nhả nắp khoang hành lý 1,5 m. Hãy ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng (các) cửa.

1. Cách xe khoảng 1,5 m.

► Tiếng bíp vang lên, chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động.

2. Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa sẽ khóa.

►►Khóa cửa (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Chức năng khóa cửa tự động được cài đặt ở TẮT là cài đặt mặc định tại nhà máy. Có thể thay đổi cài đặt sang BẬT cho chức năng này bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nếu bạn đặt chức năng khóa cửa tự động ở BẬT bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái, chỉ có thể sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa cửa người lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt khóa cửa tự động.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt khi bạn ở trong phạm vi vận hành khóa/mở khóa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ tiếp tục nhấp nháy cho tới khi các cửa được khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi hoạt động, các cửa sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên.

Khi bạn mở cửa sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên, chức năng khóa cửa tự động sẽ bị hủy.

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
 - Tiếng bíp không vang lên.
- Chìa khóa điều khiển từ xa bị mang ra khỏi phạm vi hoạt động trước khi tất cả các cửa đóng.
 - Tiếng bíp vang lên.

Để tạm thời dừng hoạt động chức năng này:

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT.
2. Mở cửa người lái.
3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa → Mở Khóa → Khóa → Mở Khóa.
► Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động.
- Mở cửa bất kỳ.

►►Khóa cửa và nắp khoang hành lý (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động ở điều kiện bất kỳ sau.

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Một cửa hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Chế độ nguồn được đặt ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa cách xe 1,5 m khi bạn ra khỏi xe và đóng các cửa.

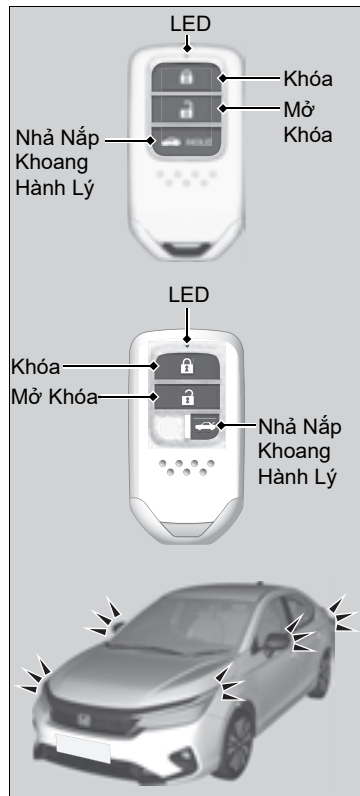
Tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động

Sau khi chức năng khóa cửa tự động hoạt động, tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa vang lên trong khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. Sau đó, mở/đóng một cửa và xác nhận tiếng bíp báo khóa cửa tự động hoạt động vang lên một lần.

■ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



■ Khóa cửa

Ấn nút khóa.

Một lần:

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tắt cả các cửa khóa và hệ thống an ninh được thiết lập.

Hai lần (trong vòng năm giây sau lần ấn đầu tiên):

- Tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

►►Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa, tất cả các cửa sẽ tự động khóa lại.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái
Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ khóa lại.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Chìa khóa điều khiển từ xa sử dụng tín hiệu công suất thấp, vì vậy phạm vi hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không thể khóa xe khi một cửa đang mở.

Nếu phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa hay bị thay đổi, pin có thể sẽ bị yếu. Hãy thay pin càng sớm càng tốt. Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể pin bị hết điện.

► Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
Tr. 419

■ Mở khóa cửa

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Ấn nút mở khóa.

Một lần:

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và cửa người lái mở khóa.

Hai lần:

- Các cửa còn lại mở khóa.

Loại xe ở các quốc gia khác

Ấn nút mở khóa.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tất cả các cửa mở khóa.

■ Khóa/Mở Khóa Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu nút khóa hoặc mở khóa cửa của chìa khóa điều khiển từ xa không hoạt động, hãy sử dụng chìa khóa.



Cắm hết cỡ chìa khóa vào ổ và xoay chìa khóa.

»Khóa/Mở Khóa Cửa Bằng Chìa Khóa

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Khi bạn khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác sẽ khóa cùng một lúc.
Khi mở khóa, hãy mở khóa cửa người lái trước.
Xoay chìa khóa lần thứ hai trong vài giây không làm mở khóa các cửa còn lại.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi (có vô lăng bên Trái),
Trung Đông và Mỹ La Tinh

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, chuông cảnh báo sẽ tắt.

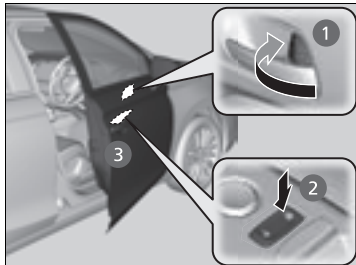
Loại xe Châu Phi có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khóa cửa.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

■ Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc vì lý do nào đó bạn không khóa được cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa.



■ Khóa cửa người lái

Đẩy tay khóa về phía trước ❶ hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ❷, sau đó kéo và giữ tay nắm bên ngoài cửa ❸. Đóng cửa sau đó thả tay ra.

■ Khóa cửa hành khách

Đẩy tay khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

Không thể khóa các cửa khi chìa khóa điều khiển từ xa ở bên trong xe.

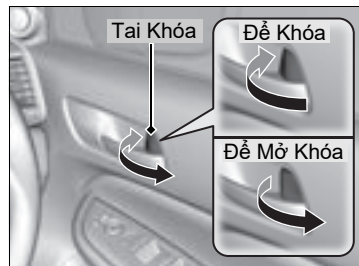
►►Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Khi bạn khóa cửa người lái, tất cả các cửa khác sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong

■ Sử Dụng Tai Khóa



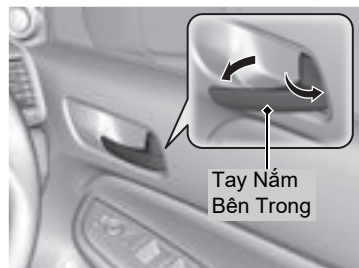
■ Khóa cửa

Đẩy tai khóa về phía trước.

■ Mở khóa cửa

Kéo tai khóa về phía sau.

■ Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước



Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải và loại xe Mỹ La Tinh

Kéo tay nắm bên trong cửa người lái.

- Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải và loại xe Mỹ La Tinh

Kéo tay nắm bên trong cửa trước.

- Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

►►Sử Dụng Tai Khóa

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác sẽ khóa/mở khóa cùng lúc.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Khi bạn khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác sẽ khóa cùng lúc.
Khi bạn mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, chỉ có cửa người lái mở khóa.

►►Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải và loại xe Mỹ La Tinh

Tay nắm bên trong cửa người lái được thiết kế cho phép người lái mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người lái không được phép kéo tay nắm bên trong cửa khi xe đang chạy.

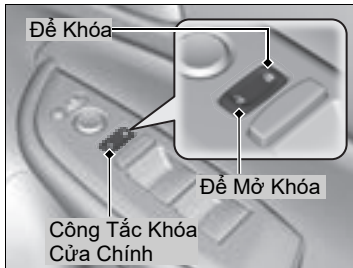
Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải và loại xe Mỹ

Tay nắm bên trong cửa trước được thiết kế cho phép người ngồi ghế trước mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không được phép kéo tay nắm bên trong cửa trước khi xe đang chạy.

Trẻ em luôn phải ngồi ghế sau có khóa phòng ngừa trẻ em.

►►Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em Tr. 181

■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

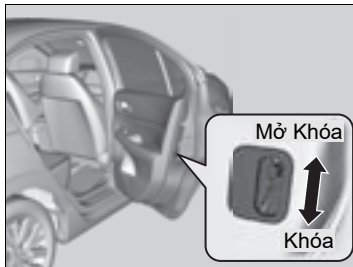


Ấn công tắc khóa cửa chính như hình vẽ để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa.

Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tay khóa ở đâu.

■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm bên ngoài cửa.

►►Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

►►Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tay khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, thò tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm bên ngoài cửa.

Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Xe của bạn sẽ tự động khóa tất cả các cửa hoặc mở khóa tất cả các cửa/cửa người lái khi đáp ứng một số điều kiện nhất định.

■ Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ khóa khi lái xe

Tất cả các cửa sẽ khóa khi tốc độ xe đạt 15 km/h.

■ Mở Khóa Cửa Tự Động

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Chế độ mở khóa khi đỗ xe

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi gạt cần số đến **[P]** và nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Cửa người lái sẽ mở khóa khi gạt cần số đến **[P]** và nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe số sàn

■ Chế độ mở khóa khi có nguồn điện

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi chế độ nguồn không ở BẬT.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

Cửa người lái sẽ mở khóa khi chế độ nguồn không ở BẬT.

►►Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Loại xe không có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khác cho chức năng khóa/mở khóa cửa tự động bằng công tắc khóa cửa chính.

► **Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*** Tr. 183

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khác cho chức năng khóa/mở khóa cửa tự động bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► **Cài Đặt** Tr. 128, 151

Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Bạn có thể tùy chọn cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động theo ý muốn bằng công tắc khóa cửa chính.

■ Danh Sách Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode * ¹ (Chế Độ Khóa Khi Lái Xe* ¹)	Tất cả các cửa sẽ khóa khi tốc độ xe đạt 15 km/h.
Park Lock Mode * ² (Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe* ²)	Tất cả các cửa sẽ khóa khi nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số ra khỏi P .
Off (Tắt)	Khóa cửa tự động không hoạt động mọi lúc.

*1: Cài đặt mặc định

*2: Chỉ đối với loại xe có hộp số vô cấp

■ Mở khóa cửa tự động

Loại xe có hộp số vô cấp

Chế Độ		Mô Tả
Park Unlock Mode * ¹ (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe* ¹)	ĐỂ MỞ KHÓA CỬA NGƯỜI LÁI * ²	Cửa người lái sẽ mở khóa khi gạt cần số đến P và nhấn bàn đạp phanh.
	ĐỂ MỞ KHÓA TẤT CẢ CÁC CỬA	Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi gạt cần số đến P và nhấn bàn đạp phanh.
Power Mode Unlock Mode (Chế Độ Mở Khóa Khi Có Nguồn Điện)	ĐỂ MỞ KHÓA CỬA NGƯỜI LÁI * ²	Cửa người lái sẽ mở khóa khi chế độ nguồn không ở BẬT.
	ĐỂ MỞ KHÓA TẤT CẢ CÁC CỬA	Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi chế độ nguồn không ở BẬT.
Off (Tắt)		Mở khóa cửa tự động không hoạt động mọi lúc.

*1: Cài đặt mặc định

*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Loại xe số sàn

Chế Độ		Mô Tả
Power Mode Unlock Mode * ¹ (Chế Độ Mở Khóa Khi Có Nguồn Điện* ¹)	ĐỂ MỞ KHÓA CỬA NGƯỜI LÁI * ²	Cửa người lái sẽ mở khóa khi chế độ nguồn không ở BẬT.
	ĐỂ MỞ KHÓA TẤT CẢ CÁC CỬA	Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi chế độ nguồn không ở BẬT.
Off (Tắt)		Mở khóa cửa tự động không hoạt động mọi lúc.

*1: Cài đặt mặc định

*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

■ Các Bước Tùy Chọn để Khóa Cửa Tự Động

Bước	Chế Độ Khóa Khi Lái Xe	Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe ^{*1}	Tắt
1	Gài phanh đỗ. Đảm bảo cần số ở P ^{*1} .		
2	Đặt chế độ nguồn ở BẬT.		
3	Đóng cửa người lái.		Mở cửa người lái.
4	Gạt cần số ra khỏi P ^{*1} và nhấn bàn đạp phanh.	—	
5	<p>Ấn và giữ biểu tượng khóa bên phải của công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn 5 giây cho đến khi nghe thấy tiếng tách thì nhả ra.</p> <div></div>		
6	Gạt cần số đến P ^{*1} .	—	
7	<p>Ấn nút ENGINE START/STOP một lần và không nhả bàn đạp phanh trong vòng 20 giây.</p> <p>► Hoàn thành tùy chọn.</p>		

*1: Chỉ đối với loại xe có hộp số vô cấp

■ Các Bước Tùy Chọn để Mở Khóa Cửa Tự Động

Bước	Chế Độ Mở Khóa Khi Có Nguồn Điện		Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe ^{*2}		Tắt	
	Để mở khóa cửa người lái ^{*1}	Để mở khóa tất cả các cửa	Để mở khóa cửa người lái ^{*1}	Để mở khóa tất cả các cửa		
1	Gài phanh đỗ. Đảm bảo cần số ở P ^{*2} .					
2	Đặt chế độ nguồn ở BẬT.					
3	Đóng cửa người lái.				Mở cửa người lái.	
4	Gạt cần số ra khỏi P và nhấn bàn đạp phanh ^{*2} .		—			
5	Ấn và giữ biểu tượng khóa bên trái của công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây, bạn sẽ nghe thấy tiếng tách.					



* 1: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

* 2: Chỉ đối với loại xe có hộp số vô cấp

Bước	Chế Độ Mở Khóa Khi Có Nguồn Điện		Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe ^{*2}		Off
	Để mở khóa cửa người lái ^{*1}	Để mở khóa tất cả các cửa	Để mở khóa cửa người lái ^{*1}	Để mở khóa tất cả các cửa	
6	Nhả công tắc.	<div>Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải</div> <div>Nhả công tắc.</div> <div>Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải</div> <div>Ấn và giữ công tắc thêm 5 giây, bạn sẽ nghe thấy một tiếng tách nữa.</div>	Nhả công tắc.	<div>Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải</div> <div>Nhả công tắc.</div> <div>Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải</div> <div>Ấn và giữ công tắc thêm 5 giây, bạn sẽ nghe thấy một tiếng tách nữa.</div>	Nhả công tắc.
7	Gạt cần số đến P ^{*2} .		—		
8	Ấn nút ENGINE START/STOP một lần và không nhấn bàn đạp phanh trong vòng 20 giây. ▶ Hoàn thành tùy chọn.				

*1: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên Phải

*2: Chỉ đối với loại xe có hộp số vô cấp

Lưu Ý khi Mở/Đóng Nắp Khoang Hành Lý

■ Mở nắp khoang hành lý

Mở hết cỡ nắp khoang hành lý.

- ▶ Nếu nắp khoang hành lý không mở hết, nắp sẽ tự đóng lại bởi sức nặng của nắp.

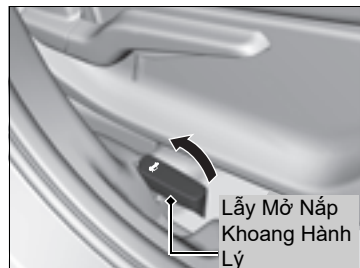
■ Đóng nắp khoang hành lý

Đảm bảo luôn đóng nắp khoang hành lý khi lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào xe.

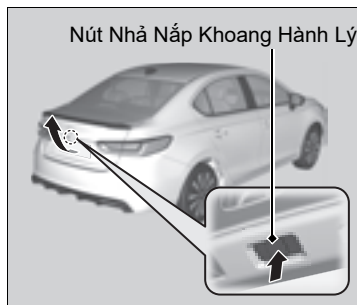
🚨 **Khí Xả Nguy Hiểm** Tr. 88

Sử Dụng Lẫy Mở Nắp Khoang Hành Lý



Kéo lẫy mở nắp khoang hành lý ở bên ngoài ghế người lái để mở khóa và mở nắp khoang hành lý.

Sử Dụng Nút Nhả Nắp Khoang Hành Lý*



Ấn nút nhả trên nắp khoang hành lý sau khi tắt cả các cửa được mở khóa.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Ngay cả khi nắp khoang hành lý bị khóa, bạn vẫn có thể mở nắp khoang hành lý nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên một lần.

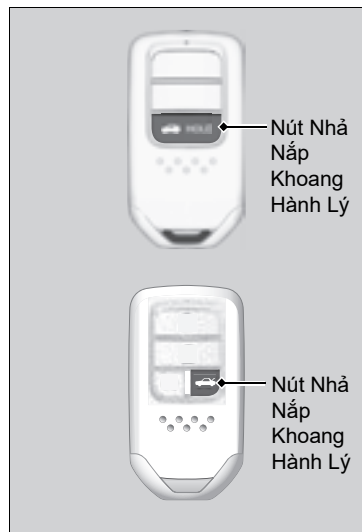
►► Sử Dụng Nút Nhả Nắp Khoang Hành Lý*

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Nếu bạn quên chìa khóa điều khiển từ xa ở bên trong xe, tiếng bíp sẽ vang lên và nắp khoang hành lý sẽ không đóng.
- Trường hợp bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể mở khóa nắp khoang hành lý nếu ai đó cầm chìa khóa ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu tiếng bíp vang lên sau khi bạn đóng nắp khoang hành lý, hãy mang chìa khóa điều khiển từ xa ra xa khoang hành lý và đóng nắp lại.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu chúng ở quá gần khoang hành lý.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



Ấn nút nhả nắp khoang hành lý trong khoảng một giây để mở khóa và mở nắp khoang hành lý.

►► Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Nếu cửa người lái đã khóa, nắp khoang hành lý sẽ tự động khóa khi bạn đóng nắp khoang hành lý. Nếu không, bạn sẽ phải khóa bằng tay.

Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống chống nổ máy giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký trước.

Chú ý những điểm sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để đồ vật có sóng radio mạnh gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị những vật thể bằng kim loại đè lên hoặc chạm vào.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính như các thiết bị điện tử bao gồm tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

»Hệ Thống Chống Nổ Máy

CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể bị mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển. Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi bạn ra khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống hoặc gắn thêm thiết bị khác vào hệ thống để tránh làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Nếu hệ thống liên tiếp không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động khi nắp khoang hành lý, nắp ca-pô hoặc các cửa bị mở khi bị tác động với một lực mạnh. Cảnh báo an ninh không hoạt động nếu mở nắp khoang hành lý hoặc các cửa bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động

Còi kêu liên tục và một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

►►Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không thay đổi hoặc gắn thêm thiết bị vào hệ thống này để tránh làm hỏng hệ thống và làm xe không thể khởi động được.

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống ngừng hoạt động. Hệ thống sẽ tiến hành đủ mười chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ kêu và đèn báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy.

Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

■ Tắt hệ thống cảnh báo an ninh

Mở khóa xe bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*, hoặc đặt chế độ nguồn ở BẬT. Hệ thống cùng với còi và đèn đang nhấp nháy sẽ ngừng hoạt động.

■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tự động được cài đặt nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Nắp ca-pô đóng.
- Tất cả các cửa được khóa từ bên ngoài bằng chìa khóa, chìa khóa điều khiển từ xa, hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy. Thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh được hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa* hoặc khi đặt chế độ nguồn ở BẬT. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh cũng sẽ tắt.

►► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

- Mở khóa cửa bằng tay khóa.
- Mở nắp khoang hành lý bằng lẫy mở nắp khoang hành lý.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy nhả nắp ca-pô.

Nếu ắc quy chết sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể ngừng hoạt động khi nạp lại hoặc thay ắc quy. Nếu trường hợp này xảy ra, hãy tắt hệ thống cảnh báo an ninh bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa* để mở khóa cửa.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi (có vô lăng bên Trái), Trung Đông và Mỹ La Tinh

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ tắt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể sử dụng các công tắc trên các cửa để mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn ở BẬT.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Nút khóa cửa kính điện ở phía người lái phải tắt (đèn báo tắt) thì mới mở và đóng được các cửa kính từ vị trí bất kỳ ngoại trừ ghế người lái.

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính phía người lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

» Mở/Đóng Cửa Kính Điện

⚠ CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi có người đang để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính đó có thể gây trọng thương.

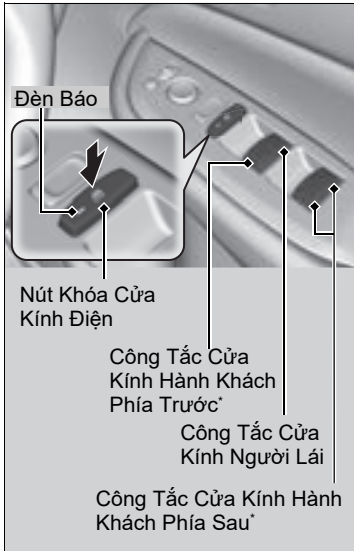
Đảm bảo tay của hành khách ở xa cửa kính trước khi đóng cửa.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Loại xe có chức năng mở/đóng cửa kính điện tự động ở tất cả các cửa kính

Cửa kính điện có thể hoạt động được khoảng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY. Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

■ Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chức Năng Mở/Đóng Tự Động



■ Vận hành bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ và giữ công tắc cho đến khi kính di chuyển đến vị trí mong muốn.

Để đóng: Kéo nhẹ và giữ công tắc cho đến khi kính di chuyển đến vị trí mong muốn.

■ Vận hành tự động

Để mở: Ấn dứt khoát công tắc xuống.

Để đóng: Kéo dứt khoát công tắc lên.
Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa kính bất kỳ lúc nào, ấn hoặc kéo nhanh công tắc.

►► Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Tự Động Đảo Chiều

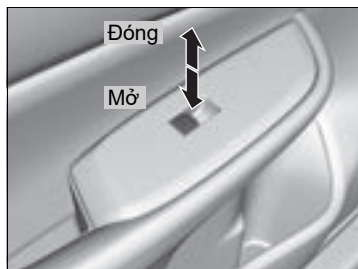
Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi cửa đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính phía người lái bị vô hiệu hoá khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần như hoàn toàn để đảm bảo cửa sẽ đóng hoàn toàn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Mở/Đóng Cửa Kính không sử dụng Chức Năng Mở/Đóng Tự Động*

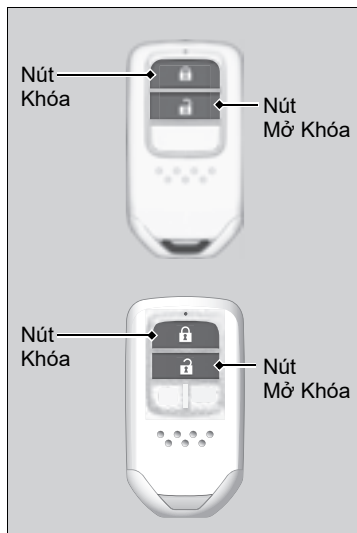


Để mở: Ấn công tắc xuống.

Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính dịch chuyển đến vị trí mong muốn.

■ Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Để mở: Ấn nút mở khóa, sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm lần nữa và giữ.

Để đóng: Ấn nút khóa, sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm lần nữa và giữ.

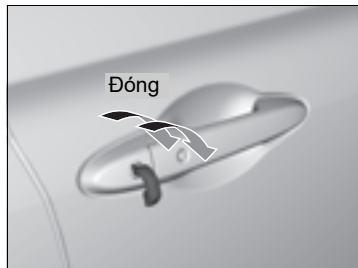
Nếu cửa kính dừng ngang chừng, làm lại bước này.

►►Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*

Nếu bạn mở/đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa, cửa sổ trời sẽ tự động mở/đóng cùng cửa kính.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa*



Khóa cửa người lái bằng chìa khóa. Khi chìa khóa đến vị trí giữa trong vòng 10 giây, xoay chìa khóa theo hướng khóa và giữ chìa khóa tại đó.

Nhả chìa khóa để dừng cửa kính tại vị trí bạn muốn. Nếu bạn muốn điều chỉnh thêm, làm lại các bước trên.

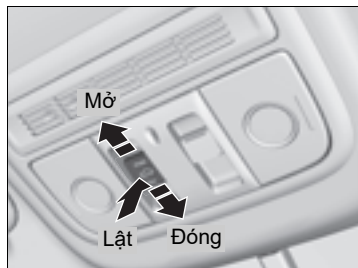
►► Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa*

Nếu bạn đóng cửa kính bằng chìa khóa, cửa sổ trời cũng sẽ tự động đóng.

Mở/Đóng Cửa Sổ Trời

Bạn chỉ có thể vận hành cửa sổ trời khi chế độ nguồn ở BẬT. Sử dụng công tắc ở phía trước trần xe để mở và đóng cửa sổ trời.

Sử Dụng Công Tắc Cửa Sổ Trời



■ Vận hành tự động

Để mở: Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.

Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Cửa sổ trời sẽ tự động mở hoặc đóng hết cỡ. Để dừng cửa sổ trời giữa chừng, chạm nhanh vào công tắc.

■ Vận hành bằng tay

Để mở: Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ cho đến khi đến vị trí bạn muốn.

Để đóng: Đẩy nhẹ công tắc về phía trước và giữ cho đến khi đến vị trí bạn muốn.

■ Lật cửa sổ trời lên

Để lật: Ấn vào giữa công tắc cửa sổ trời.

Để đóng: Đẩy công tắc dứt khoát về phía trước, sau đó thả tay ra.

»Cửa Sổ Trời*

⚠ CẢNH BÁO

Mở hoặc đóng cửa sổ trời trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa sổ trời có thể gây trọng thương.

Đảm bảo không ai để tay và ngón tay lên cửa sổ trời trước khi mở hoặc đóng.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

CHÚ Ý

Mở cửa sổ trời khi nhiệt độ đóng băng hoặc khi cửa bị tuyết hoặc băng che phủ có thể làm hỏng khung hoặc mô-tơ cửa sổ trời.

Loại xe có chức năng mở/đóng cửa kính điện tự động ở tất cả các cửa kính

Cửa sổ trời có thể vận hành trong 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

Khi phát hiện vật cản, chức năng đảo chiều tự động sẽ làm cho cửa sổ trời đảo chiều, sau đó dừng lại. Đảo chiều tự động dừng cảm nhận khi cửa sổ trời đóng gần như hoàn toàn để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn. Đảm bảo không để bất cứ vật gì, gồm cả ngón tay gần cửa sổ trời.

»Cửa Sổ Trời*

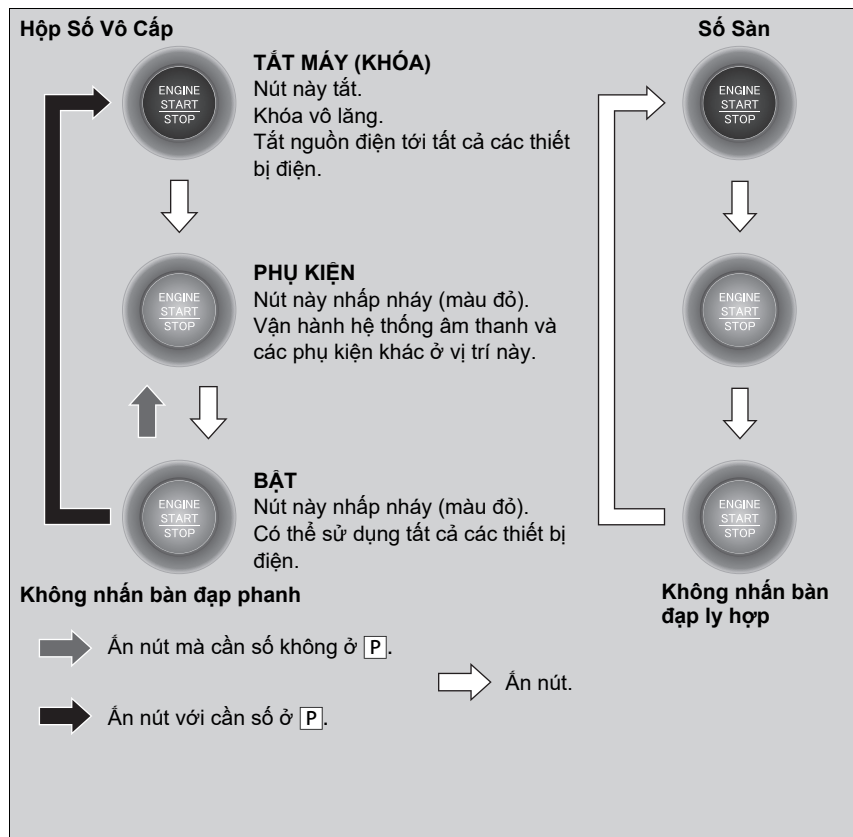
Bạn có thể dùng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc chìa khóa để vận hành cửa sổ trời*.

► **Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*** Tr. 197

► **Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa*** Tr. 198

Nút ENGINE START/STOP

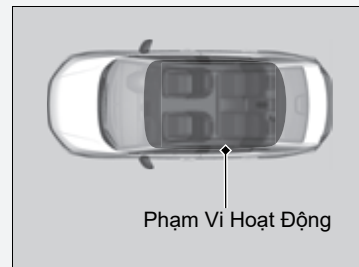
Thay Đổi Chế Độ Nguồn



▶▶ Nút ENGINE START/STOP

Phạm Vi Hoạt Động Của Nút ENGINE START/STOP

Bạn có thể khởi động động cơ khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.



Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu, động cơ có thể không khởi động khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu động cơ không khởi động, hãy tham khảo mục sau.

▶▶ Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu Tr. 444

Động cơ cũng có thể khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa ở gần cửa hoặc cửa kính, ngay cả khi chìa khóa ở bên ngoài xe.

Chế độ BẬT:

Nút **ENGINE START/STOP** sáng (màu đỏ) khi động cơ đang chạy.

■ Tắt Nguồn Tự Động

Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để cần số ở **P** (hộp số vô cấp) và chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc quy.

Khi xe ở chế độ này:

Vô lăng không khóa. Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

■ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

►► Nút ENGINE START/STOP

Nếu chế độ nguồn không chuyển từ TẮT MÁY sang PHỤ KIẾN, ấn nút **ENGINE START/STOP** đồng thời xoay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ mở khóa để cho phép thay đổi chế độ.

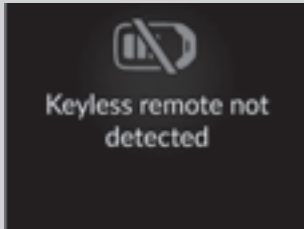
Không để chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN hoặc BẬT khi bạn ra khỏi xe.

■ Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

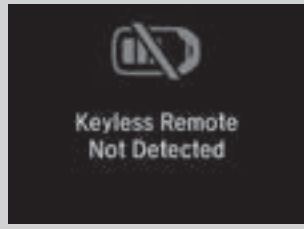
Loại xe có màn hình thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)



Khi chế độ nguồn được đặt ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT và bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe và đóng cửa lại, cảnh báo sẽ vang lên. Nếu cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa ở một vị trí khác.

■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Cảnh báo sẽ vang lên cả bên trong và bên ngoài xe. Ngoài ra, đèn cảnh báo sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển.

►► Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

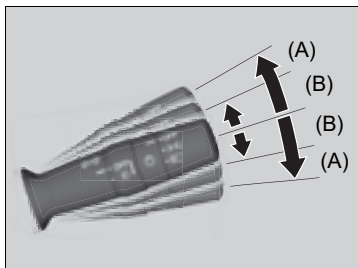
Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và cửa người lái đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe sau khi động cơ khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ được nữa. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn vận hành nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt được bộ phát tiếng bíp cảnh báo.

Không để chìa khóa điều khiển từ xa trên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ. Việc này có thể làm cho bộ phát tiếng bíp cảnh báo ngừng hoạt động. Ở một số điều kiện khác, việc này có thể làm cho xe không xác định được vị trí của chìa khóa điều khiển từ xa, bộ phát tiếng bíp cảnh báo có thể ngừng hoạt động ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

Xi Nhan



Có thể sử dụng xi nhan khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ (A): Bật xi nhan

Đẩy cần gạt lên hoặc xuống theo hướng bạn muốn rẽ và đèn xi nhan sẽ nhấp nháy.

■ (B): Gạt xi nhan một lần

Khi bạn gạt nhẹ cần lên hoặc xuống và thả tay, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

- Nếu bạn đẩy nhẹ cần xi nhan theo hướng đối diện trong khi đèn xi nhan đang nhấp nháy, đèn xi nhan sẽ dừng nhấp nháy.

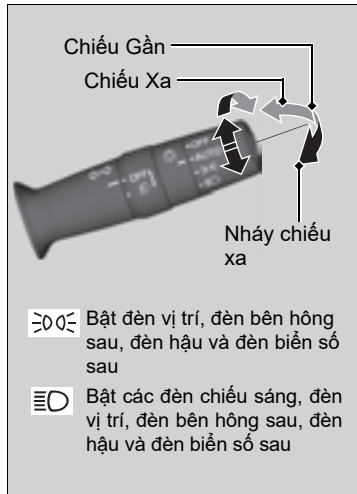
►► Xi Nhan

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài nhấp nháy.

► Đèn Báo Tr. 92

Công Tác Đèn

Vận Hành Bằng Tay



Xoay công tắc đèn để bật và tắt các đèn, bất kể đang ở chế độ nguồn nào.

■ Chiếu xa

Đẩy cần về phía trước cho đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.

■ Chiếu gần

Khi ở chế độ chiếu xa, kéo cần trở lại để về chế độ chiếu gần.

■ Nháy đèn chiếu xa

Kéo cần về phía sau và thả ra.

■ Tắt đèn*

Xoay công tắc đèn sang **OFF** hoặc khi:

- Cần số ở **P** (Loại xe có Hộp Số Vô Cấp).
- Gài phanh đỗ.

Để bật lại các đèn, xoay công tắc sang OFF để hủy chế độ tắt đèn. Ngay cả khi bạn không hủy chế độ tắt đèn, các đèn cũng tự động sáng khi:

- Gạt cần số ra khỏi **P** (Loại xe có Hộp Số Vô Cấp) và nhả phanh đỗ.
- Xe bắt đầu di chuyển.

► Công Tác Đèn

Nếu bạn để chế độ nguồn ở **TẮT MÁY** trong khi các đèn đang bật, chuông cảnh báo sẽ vang lên khi bạn mở cửa người lái.

Khi các đèn được bật, đèn báo đèn bật trên bảng điều khiển sẽ sáng.

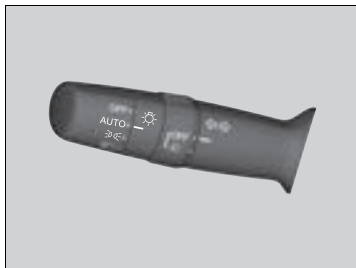
► Đèn Báo Tr. 92

Không để đèn sáng khi động cơ tắt để tránh làm hao điện ắc quy.

Loại xe không có điều chỉnh đèn chiếu sáng

Nếu bạn nhận thấy độ cân bằng của đèn chiếu sáng bất thường, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*



Điều khiển chiếu sáng tự động có thể được sử dụng khi chế độ nguồn ở BẬT.

Khi công tắc đèn ở **AUTO**, đèn chiếu sáng và các đèn ngoài xe khác sẽ bật và tắt tự động tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh.

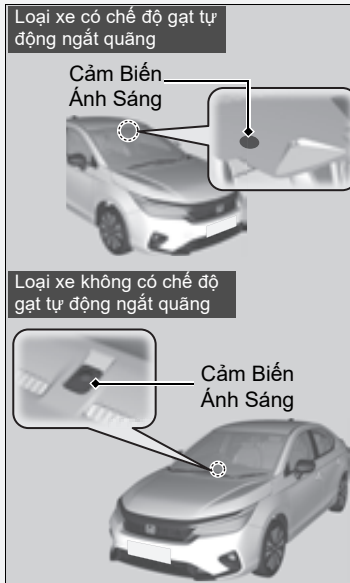
Đèn chiếu sáng sẽ bật khi bạn mở khóa một cửa ở khu vực tối với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.

- Khi bạn khóa cửa, đèn chiếu sáng sẽ tắt.

►► Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Bạn nên bật đèn bằng tay khi lái xe vào ban đêm, có sương mù dày đặc hoặc ở các khu vực tối như đường hầm dài hoặc bãi đỗ xe.

Cảm biến ánh sáng nằm ở vị trí như hình vẽ bên dưới. Không che cảm biến ánh sáng này bằng bất cứ vật gì; nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động có thể không hoạt động tốt.



■ Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp Cần Gạt Nước*

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**. Các đèn chiếu sáng sẽ tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng hoạt động.

■ Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt trong 15 giây sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, hãy mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng cửa người lái.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY khi các đèn chiếu sáng bật, nhưng không mở cửa, các đèn sẽ tắt sau 10 phút (3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở khóa cửa, nhưng không mở cửa trong 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc đèn đang bật.

►► Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp Cần Gạt Nước*

Tính năng này được kích hoạt trong khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO**. Độ sáng bằng điều khiển không thay đổi khi bật các đèn chiếu sáng.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

Bạn có thể bật và tắt chức năng đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

►► Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái
Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Sương Mù Trước* và Sau*

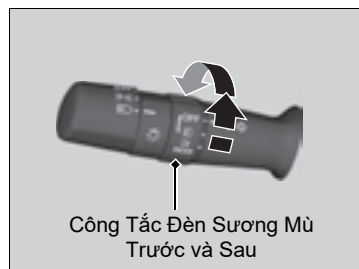
■ Đèn sương mù trước*

Có thể được sử dụng khi bật đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng.

■ Đèn sương mù sau*

Có thể được sử dụng khi bật đèn chiếu sáng hoặc đèn sương mù trước.

■ Đèn Sương Mù Trước và Sau*



■ Bật đèn sương mù trước

Xoay công tắc lên trên từ vị trí **OFF** tới vị trí . Đèn báo sẽ sáng.

■ Bật đèn sương mù trước và sau

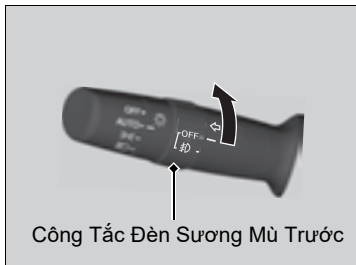
Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí . Đèn báo và sẽ sáng.

■ Bật đèn sương mù sau

Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí , sau đó xoay công tắc xuống một nấc từ vị trí . Đèn báo vẫn sáng.

Để tắt đèn sương mù sau, xoay công tắc đèn chiếu sáng đến vị trí **OFF**.

■ Đèn Sương Mù Trước*



■ Bật đèn sương mù trước

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.

■ Đèn Sương Mù Sau*

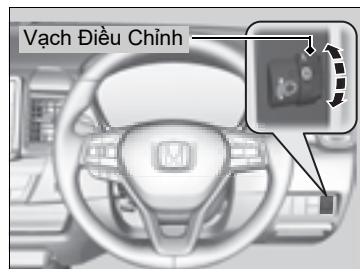


■ Bật đèn sương mù sau

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*



Bạn có thể điều chỉnh góc đối đỉnh của đèn chiếu gần.

Xoay núm điều chỉnh để lựa chọn góc phù hợp cho đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn thì góc chiếu càng nhỏ.

■ Chọn vị trí điều chỉnh

Tham khảo bảng sau để biết vị trí vạch phù hợp cho điều kiện tải trọng và số người ngồi trên xe.

Điều kiện	Vị Trí Vạch
Một người lái	0
Một người lái và một hành khách phía trước	1
Năm người ở ghế trước và ghế sau	2
Năm người ở ghế trước và ghế sau và hành lý trong khoang hành lý, nằm trong giới hạn trọng lượng tối đa cho phép trên cầu và trọng tải xe tối đa cho phép	2 ^{*1} , 3 ^{*2}
Một người lái và hành lý trong khoang hành lý, nằm trong giới hạn trọng lượng tối đa cho phép trên cầu và trọng lượng xe tối đa cho phép	

*1: Loại xe Malaysia có đèn chiếu sáng halogen

*2: Ngoại trừ loại xe Malaysia có đèn chiếu sáng halogen

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Chiếu Xa Tự Động*

Camera trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe bạn như đèn xe phía trước hoặc đèn xe ngược chiều đang đến gần hoặc đèn đường. Khi bạn lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng điều kiện.

►► Chiếu Xa Tự Động*

Hệ thống chiếu xa tự động không thể hoạt động trong mọi tình huống mà chỉ có thể hỗ trợ người lái. Vì thế bạn cần phải luôn quan sát xung quanh khi lái xe và dùng tay chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh.

Tham khảo phần sau về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.

► Camera Trước Tr. 356

Để hệ thống chiếu xa tự động hoạt động tốt:

- Không để bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera. Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió bắn vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

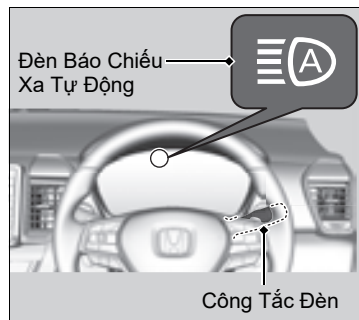
Nếu bạn gạt cần từ vị trí chiếu gần, đèn báo chiếu xa tự động sẽ tắt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

Kích hoạt hệ thống

Đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại tùy từng trường hợp khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn ở **AUTO**.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

Nếu đèn báo chiếu xa tự động vẫn không sáng kể cả khi đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hãy thực hiện theo quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến rồi đến **AUTO**.

Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

- Lái xe một lúc.

Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống chiếu xa tự động không thể chuyển chế độ chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy chuyển bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe đang đến gần quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Mức độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường xá gồ ghề, có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay phía trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe chạy ngược chiều đang đến gần thường khuất sau các lùm cây bên đường hoặc vật cản giữa đường.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống chiếu xa tự động sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera bị mờ do có lớp sương dày phủ lên.

■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi chế độ chiếu xa tự động được kích hoạt, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

Chuyển sang chế độ chiếu xa:

Phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu xa.

- Tốc độ xe từ 30 km/h^{*1}/40 km/h^{*2} trở lên.
- Xe cùng chiều phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần không bật đèn pha hoặc đèn hậu.
- Có ít đèn đường phía trước.



Chuyển sang chế độ chiếu gần:

Phải đáp ứng một trong các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu gần.

- Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống.
- Xe cùng chiều phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần bật đèn pha hoặc đèn hậu.
- Có nhiều đèn đường phía trước.

» Cách Sử Dụng Chế Độ Tự Động

Cách tắt Hệ Thống Chế Độ Tự Động

Bạn có thể bật và tắt hệ thống chế độ chiếu xa tự động.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

* 1: Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

* 2: Ngoại trừ loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Ngoại trừ loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Nếu bạn muốn chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Cần lưu ý khi bạn chuyển chế độ, đèn báo chiếu xa tự động sẽ tắt và chế độ chiếu xa tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa sau đó thả ra hoặc đẩy cần về phía trước đến vị trí chiếu xa.

- Để kích hoạt lại chế độ chiếu xa tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo chế độ chiếu xa sẽ sáng.
- Kéo cần về phía bạn, sau đó thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến  rồi đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần.

Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn đến .

- Để kích hoạt lại chế độ chiếu xa tự động, xoay công tắc đèn đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần, đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng.

Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện quy trình dưới đây. Cần lưu ý khi bạn chuyển chế độ, đèn báo chiếu xa tự động sẽ tắt và chế độ chiếu xa tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn đến .

- Để kích hoạt lại chế độ chiếu xa tự động, xoay công tắc đèn đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần, đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng.

Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:

Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn chiếu sáng tắt.

Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY sẽ làm tắt đèn ban ngày.

Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.

Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY sẽ làm tắt đèn ban ngày.

Đèn ban ngày sẽ tắt khi bật công tắc đèn chiếu sáng, hoặc khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** và bên ngoài trời tối dần.

Cần Gạt Nước và Rửa Kính

■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính Chấn Gió



Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính chấn gió khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ MIST

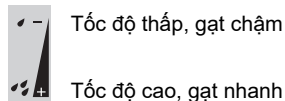
Các cần gạt nước gạt ở tốc độ cao cho đến khi bạn nhà cần.

■ Công tắc cần gạt (OFF, INT¹/AUTO², LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước*

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động cần gạt nước.



■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn. Khi bạn thả cần trong hơn một giây, nước sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần nữa trước khi dừng hẳn.

►► Cần Gạt Nước và Rửa Kính

■ CHÚ Ý

Không vận hành cần gạt nước khi kính chấn gió khô để tránh làm kính chấn gió bị xước, hoặc các lưỡi cao su bị hỏng.

■ CHÚ Ý

Tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra để tránh làm hỏng bơm.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

■ Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu tốc độ xe tăng trong khi các cần gạt nước đang vận hành ngắt quãng, cần gạt sẽ gạt nhanh hơn. Khi xe tăng tốc, tốc độ gạt của cần gạt nước khi cài đặt ở chế độ gạt nhanh nhất (HI) và chế độ LO là như nhau.

*1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

*2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Cần Gạt Nước và Rửa Kính

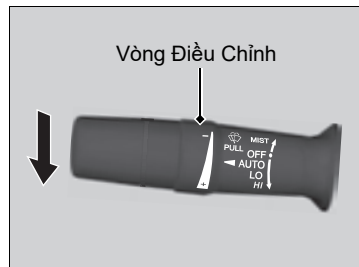
CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưới gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.

Vận hành các cần gạt ở điều kiện này có thể làm hỏng các cần gạt nước. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật các cần gạt.

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở nơi an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF** và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó loại bỏ vật cản.

■ Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*



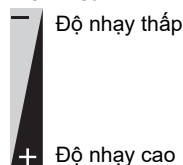
Khi bạn gạt cần đến **AUTO**, cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần, rồi chuyển sang chế độ tự động.

Cần gạt nước gạt ngắt quãng, gạt chậm, hoặc gạt nhanh và dừng tùy theo lượng mưa mà cảm biến lượng mưa phát hiện.

■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

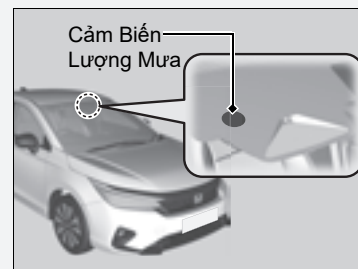
Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **AUTO**, bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến lượng mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) để cần gạt hoạt động theo ý muốn của bạn.

Độ nhạy cảm biến



►► Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*

Cảm biến lượng mưa nằm ở vị trí như hình minh họa bên dưới.

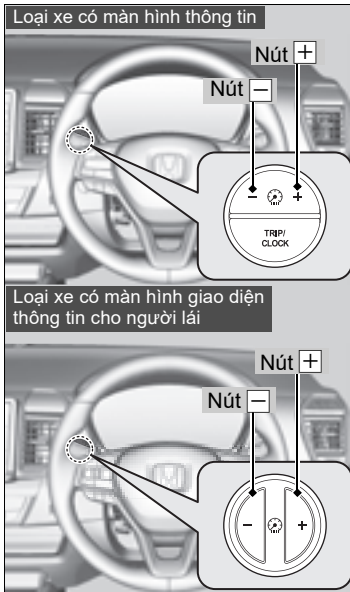


CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Trời không mưa

Điều Chỉnh Độ Sáng



Loại xe có màn hình thông tin

Khi độ sáng của đồng hồ đo giảm xuống, bạn có thể sử dụng nút **+** hoặc **-** để điều chỉnh độ sáng bằng điều khiển.

Sáng lên: Ấn nút **+**.

Mờ đi: Ấn nút **-**.

Khi chế độ nguồn ở **BẬT**, bạn có thể sử dụng nút **+** hoặc **-** để điều chỉnh độ sáng bằng điều khiển.

Sáng lên: Ấn nút **+**.

Mờ đi: Ấn nút **-**.

Bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp khi độ sáng đạt tối thiểu hoặc tối đa*. Sau vài giây bạn điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở lại màn hình trước đó.

►► Điều Chỉnh Độ Sáng

Độ sáng bằng điều khiển sẽ giảm khi:

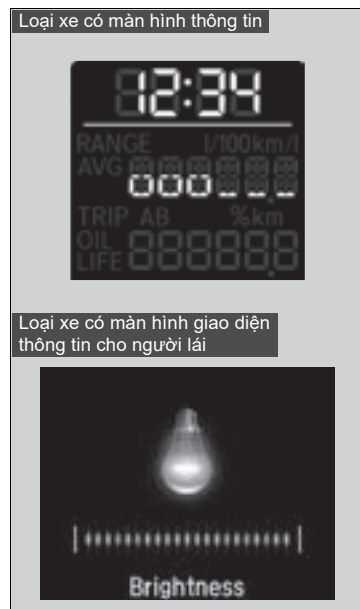
Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

- Chế độ nguồn ở **BẬT**.
- Các đèn vị trí bật.

Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

- Chế độ nguồn ở **BẬT**.
- Công tắc đèn ở vị trí bất kỳ trừ vị trí tắt và bên ngoài trời tối.

Có thể cài đặt độ sáng khác nhau khi các đèn ngoài xe bật và tắt.

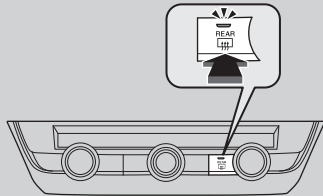


■ Vạch biểu thị mức độ sáng

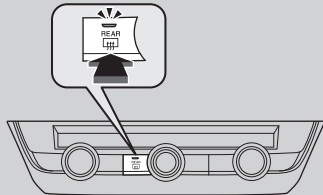
Vạch biểu thị độ sáng sẽ xuất hiện trên màn hình khi bạn điều chỉnh độ sáng.

Nút Sấy Kính Sau

Loại xe có vô lăng bên phải



Loại xe có vô lăng bên trái



Ấn nút sấy kính sau để làm tan sương cửa kính sau khi chế độ nguồn ở BẬT.

Hệ thống sấy kính sau tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời.

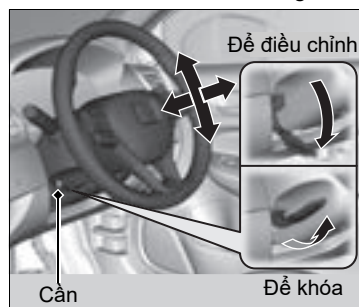
Tuy nhiên, nếu nhiệt độ ngoài trời là từ 0°C trở xuống, hệ thống sẽ không tự động tắt.

►► Nút Sấy Kính Sau

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi các cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu ngay cả khi động cơ chạy không tải để tránh làm ắc quy bị yếu điện và tránh làm động cơ khó khởi động.

Điều Chỉnh Vô Lãng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao vô lãng và khoảng cách từ vô lãng đến người bạn để có thể điều khiển vô lãng một cách thoải mái theo tư thế lái.



1. Khi xe dừng, kéo cần điều chỉnh vô lãng xuống.
 - Cần điều chỉnh vô lãng nằm dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lãng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
 - Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo bảng điều khiển.
3. Kéo cần điều chỉnh vô lãng lên để khóa vô lãng vào đúng vị trí.
 - Sau khi điều chỉnh, để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lãng đúng vị trí, hãy thử di chuyển vô lãng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

►► Điều Chỉnh Vô Lãng

⚠ CẢNH BÁO

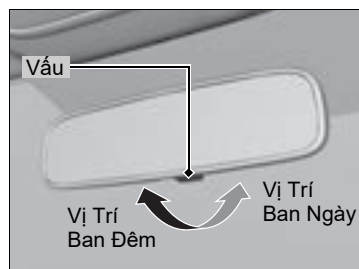
Điều chỉnh vị trí vô lãng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Chỉ điều chỉnh vô lãng khi xe đã dừng.

Gương Chiếu Hậu Trong Xe

Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

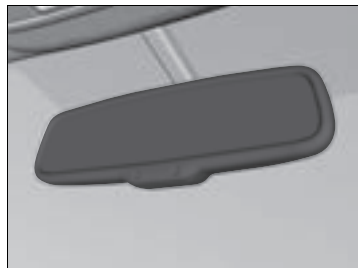
■ Gương Chiếu Hậu ở Các Vị Trí Ban Ngày và Ban Đêm*



Lật vấu để thay đổi vị trí.

Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe lúc trời tối.

■ Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động*



Khi bạn lái xe lúc trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn dựa vào tín hiệu nhận được từ cảm biến gương. Tính năng này luôn hoạt động.

»Gương

Làm sạch mặt trong, mặt ngoài của gương và điều chỉnh gương để nhìn rõ nhất.

Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.

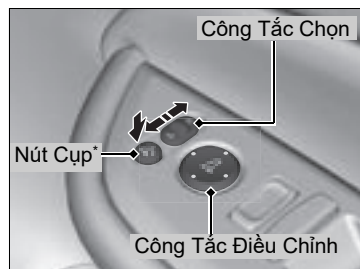
➔ **Ghế Trước Tr. 226**

»Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động*

Chức năng làm mờ tự động bị hủy khi cần số ở **R**.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Gương Cửa Điện



Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Điều chỉnh vị trí gương

Công tắc chọn L/R: Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc đến vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

■ Cụp gương cửa*

Ấn nút cụp để cụp và mở các gương cửa.

■ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

■ Cụp các gương cửa

Ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

- Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

■ Mở các gương cửa

Mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

- Các gương bắt đầu tự động mở ra.

►►Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

Bạn không thể sử dụng chức năng mở gương tự động nếu chúng đã được cụp bằng nút cụp.

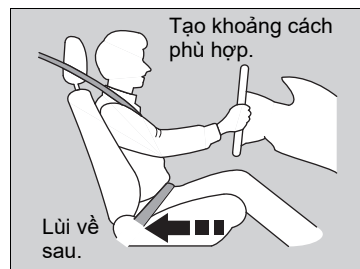
Bạn có thể bật và tắt chức năng cụp gương cửa tự động.

► **Cài Đặt** Tr. 128, 151

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi khóa từ bên trong xe bằng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Ghế Trước



Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe tốt. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế để có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Điều chỉnh ghế hành khách theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

» Ghế Ngồi

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

» Ghế Trước

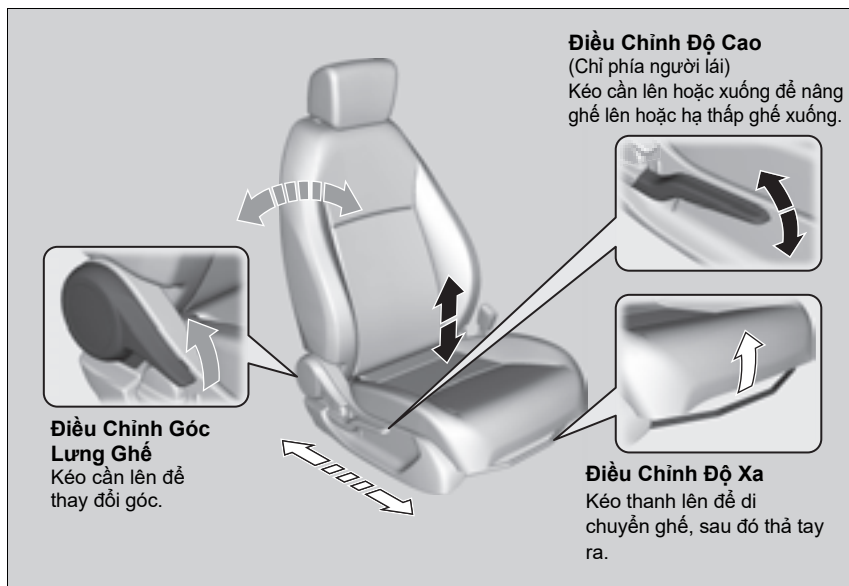
⚠ CẢNH BÁO

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên, xuống, vào, ra. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.

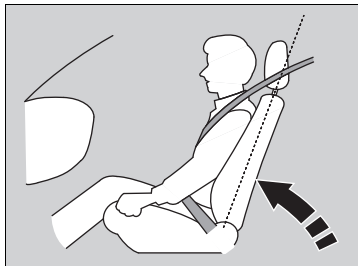
■ Điều Chỉnh Vị Trí Ghế Ngồi



►► Điều Chỉnh Vị Trí Ghế Ngồi

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa đúng vị trí.

■ Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, vuông góc để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ở ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, vuông góc.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây đai không thắt qua ngực người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai, làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai khi xảy ra va chạm và dẫn đến trọng thương. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

►► Điều Chỉnh Lưng Ghế

⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí vuông góc và dựa thoải mái vào lưng ghế.

Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn để tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai hoặc túi khí.

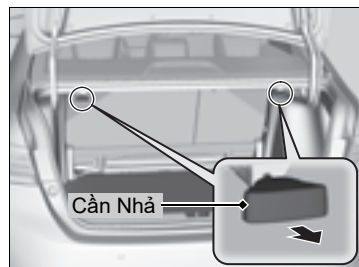
Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp.

Ghế Sau

■ Gập Ghế Sau*



1. Tháo dây đai an toàn vai ghế giữa ra khỏi dẫn hướng.



2. Kéo cản nhả trong nắp khoang hành lý để nhả khóa.



3. Gập lưng ghế xuống.

►► Gập Ghế Sau*

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo lưng ghế được chốt chặt trước khi lái xe.

Có thể gập lưng ghế sau xuống để chứa các vật dụng công kênh trong khoang hành lý.

Không lái xe khi lưng ghế đang gập xuống và nắp khoang hành lý mở.

⚠ **Khí Xả Nguy Hiểm** Tr. 88

Để khóa thẳng lưng ghế, đẩy lưng ghế về phía sau cho đến khi lưng ghế khóa lại.

Khi đẩy lưng ghế trở về vị trí ban đầu, đẩy mạnh về phía sau. Đồng thời, đảm bảo tất cả các dây đai vai ghế sau đều ở phía trước lưng ghế và đặt lại dây đai vai giữa vào dẫn hướng.

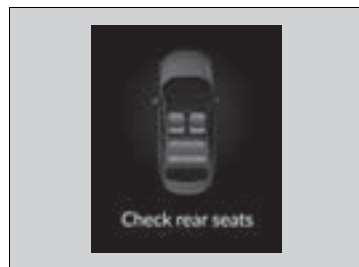
Đảm bảo các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên các ghế sau phải được buộc chặt. Đồ vật buộc lỏng có thể bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.

Tháo bất kỳ vật dụng nào ở đệm ghế sau và trên sàn xe trước khi bạn gập ghế sau.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Nhắc Ghế Sau*

Tính năng này cảnh báo cho bạn biết có thể có người ngồi hoặc có vật gì ở các ghế sau trước khi bạn ra khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nếu các cửa sau mở hé trước khi hoặc sau khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.



Thông báo nhắc bạn kiểm tra ghế sau sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và âm báo sẽ vang lên khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

►► Nhắc Ghế Sau*

Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, nhắc ghế sau sẽ tắt, sau đó chức năng này sẽ dừng hoạt động.

Tính năng nhắc sẽ không hoạt động nếu chế độ nguồn không được đặt ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi đóng/mở các cửa sau.

Hệ thống sẽ không phát hiện ra có người ở ghế sau mà chỉ có thể phát hiện cửa sau đóng hoặc mở, tức là có cái gì đó ở ghế sau.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tắt cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu* và đã thắt dây đai an toàn, họ cần phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, ngã dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngã người về phía trước hoặc sang bên cạnh, để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang nổ.

►► Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

⚠ CẢNH BÁO

Ngồi không đúng cách hoặc ngồi lệch có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

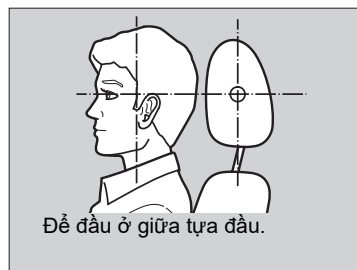
Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

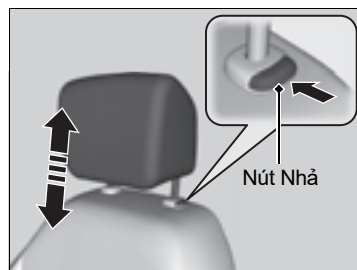
Tựa Đầu

Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ghế ngồi.

■ Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước



Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.



Để nâng tựa đầu: Kéo tựa đầu lên.

Để hạ tựa đầu: Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

►► Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước

⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh tựa đầu không hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ trọng thương khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo đặt đúng vị trí các tựa đầu và điều chỉnh hợp lý trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động tốt:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu Ghế Trước

Có thể tháo các tựa đầu để vệ sinh hoặc sửa chữa.

Tháo tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhả đồng thời kéo lên và kéo tựa đầu ra.

Lắp lại tựa đầu:

Lắp các chân vào lỗ, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhả. Kéo tựa đầu lên để đảm bảo tựa đầu được khóa chặt vào đúng vị trí.

▶▶ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu Ghế Trước

⚠ CẢNH BÁO

Không lắp lại tựa đầu hoặc lắp lại tựa đầu không chính xác có thể dẫn đến trọng thương khi xảy ra va chạm.

Luôn lắp lại các tựa đầu trước khi lái.

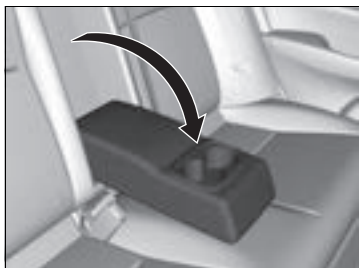
Tựa Tay*

■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước*



Có thể dùng nắp hộp đựng đồ làm tựa tay.

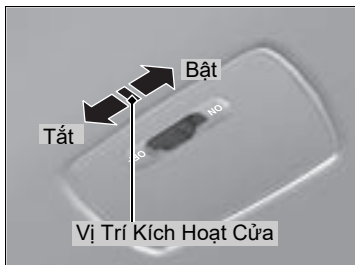
■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Sau*



Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

Đèn Trong Xe

■ Công Tắc Đèn Trong Xe



■ BẬT

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

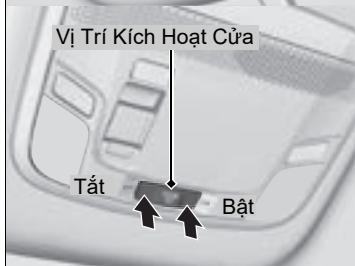
■ Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi cửa bất kỳ mở.
- Khi bạn mở khóa cửa người lái.
- Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

■ TẮT

Các đèn trong xe vẫn tắt cho dù cửa mở hay đóng.



» Công Tắc Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây. Đèn sẽ tắt sau 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khóa cửa người lái nhưng không mở cửa.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ dần của các đèn trong xe.

➡ Cài Đặt Tr. 128, 151

Đèn trong xe tắt ngay lập tức trong những trường hợp sau:

- Khi bạn khóa cửa người lái.
- Khi bạn đóng cửa người lái và xe ở chế độ PHỤ KIỆN.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Nếu bạn để bất kỳ cửa nào mở khi xe đang ở chế độ TẮT MÁY, các đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

Để tránh làm hao điện ắc quy, không để đèn trong xe bật trong thời gian dài khi đã tắt động cơ.

■ Công Tắc Đèn Đọc Sách



Ấn vào thấu kính để bật và tắt đèn đọc sách.

» Công Tắc Đèn Đọc Sách

Khi công tắc đèn trong xe phía trước ở vị trí kích hoạt cửa và có cửa nào đó mở, đèn đọc sách không tắt khi bạn ấn vào thấu kính.



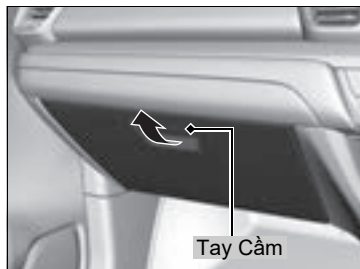
Ấn nút  để bật và tắt đèn đọc sách.

»»Công Tắc Đèn Đọc Sách

Khi công tắc đèn trong xe phía trước ở vị trí kích hoạt cửa và có cửa nào đó mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn nút .

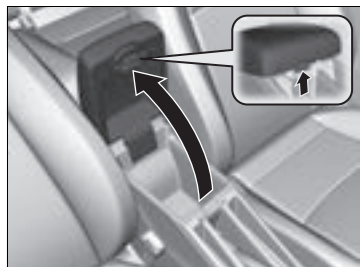
Ngăn Đồ Đồ

■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

■ Hộp Đựng Đồ Trung Tâm*



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

»Hộp Đựng Đồ

⚠CẢNH BÁO

Để hộp đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị trọng thương khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt dây đai an toàn.

Luôn đóng hộp đựng đồ khi lái xe.

■ Ngăn Để Cốc



■ Ngăn để cốc ghế trước



■ Ngăn để cốc ghế trước (loại bốn ngăn)*

»»Ngăn Để Cốc

CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ **Ngăn để cốc ở cánh cửa trước**

Nằm ở hai cánh cửa trước.



■ **Ngăn để cốc ở cánh cửa sau**

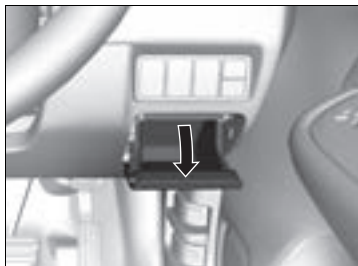
Nằm ở hai cánh cửa sau.



■ **Ngăn để cốc ở ghế sau***

Gập tựa tay xuống để sử dụng ngăn để cốc ở hàng ghế sau.

■ Ngăn Để Đồ Phía Người Lái



Kéo tay cầm để mở ngăn để đồ.

■ Móc Treo Áo*



Có một móc treo áo trên tay nắm cửa sau bên phải. Kéo móc treo áo xuống để sử dụng.

»Móc Treo Áo*

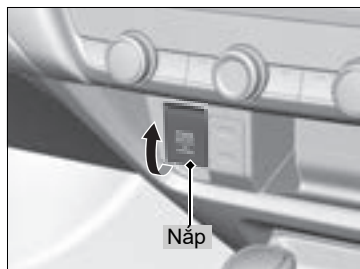
Không treo các đồ vật to hoặc nặng lên móc treo áo này.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác

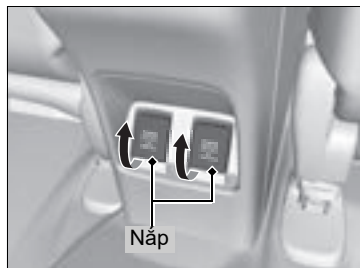
■ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



■ Ổ cắm điện phụ kiện ở hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng.



■ Ổ cắm điện phụ kiện trên ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm*

Mở nắp để sử dụng.

»» Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

CHÚ Ý

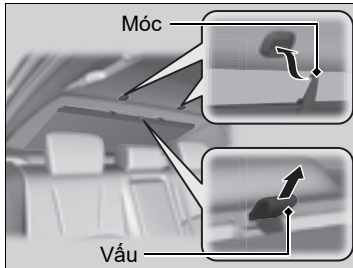
Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm điện phụ kiện để tránh làm ổ cắm bị quá nhiệt.

Ổ cắm điện phụ kiện cung cấp nguồn điện một chiều 12 vôn với công suất từ 180 W (15 ampe) trở xuống.

Để tránh ắc quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang chạy.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp để ngăn không cho bất kỳ vật gì lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.

■ Tầm Che Nắng Phía Sau*



Kéo vấu và cuộn tầm che nắng lên hết cỡ.
Sử dụng các móc để treo tầm che nắng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

»Tầm Che Nắng Phía Sau*

CHÚ Ý

Cẩn thận tránh làm xước các bộ phận sườn trên kính chắn gió sau khi sử dụng tầm che nắng phía sau.

Loại xe Ấn Độ

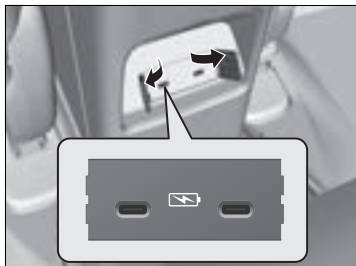
Không sử dụng tầm che nắng trong khi lái xe để tránh che khuất tầm nhìn của người lái.

Sử dụng tầm che nắng để bảo vệ nội thất của xe khi đỗ xe ngoài trời nắng trong khoảng thời gian dài.

Kiểm tra và tuân theo các yêu cầu pháp lý tại địa phương của bạn trước khi sử dụng tầm che nắng.

■ Cổng USB để Nạp Điện*

Cắm đầu USB vào cổng USB (3.0 A) để nạp điện cho các thiết bị. Cổng USB có biểu tượng  chỉ dùng để nạp điện.



▣ Cổng USB để Nạp Điện*

- Không để thiết bị cần sạc trong xe để tránh bị hỏng do ánh nắng mặt trời chiếu vào và do nhiệt độ cao.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm USB vào cổng USB.
- Không kết nối thiết bị cần sạc bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các file.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.

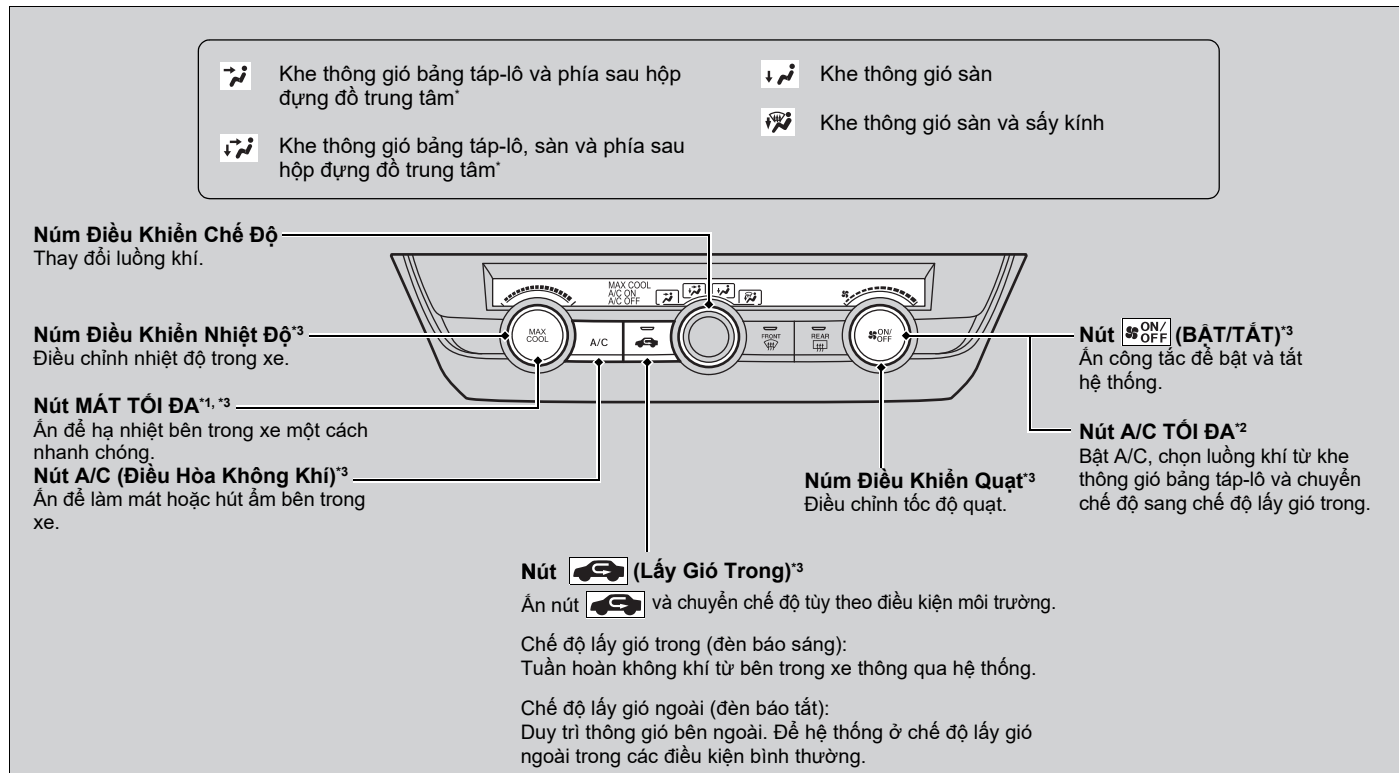
Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 3,0 A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 3,0 A nếu thiết bị không yêu cầu.

Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần nạp. Trước tiên, đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

Nếu USB bị quá nhiệt, quá trình nạp điện có thể bị tạm dừng.

Sử Dụng Hệ Thống Thông Gió, Sưởi* và A/C



*1: Loại xe có nút **MÁT TỐI ĐA**

*2: Loại xe có nút **A/C TỐI ĐA**

*3: Hình vẽ mô phỏng cho loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở phía đối xứng với loại vô lăng bên phải.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Sưởi*

Hệ thống sưởi sử dụng nước làm mát động cơ để làm ấm không khí.

1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng nút điều chỉnh quạt.
2. Chọn .
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng nút điều chỉnh nhiệt độ.
4. Ấn nút  (đèn báo tắt).

■ Làm ấm bên trong xe nhanh

1. Chọn quạt tới tốc độ tối đa.
2. Chọn .
3. Chọn nhiệt độ đến ấm tối đa.
4. Ấn nút  (đèn báo sáng).

■ Hút ẩm bên trong xe

Khi được sử dụng cùng với hệ thống sưởi, hệ thống điều hòa không khí làm bên trong xe ấm lên, làm khô và có thể ngăn việc đọng sương trên cửa kính.

1. Bật quạt.
2. Ấn nút **A/C** (**A/C ON** xuất hiện) để bật điều hòa không khí.
3. Chọn  và ấn nút  (đèn báo tắt).
4. Điều chỉnh nhiệt độ theo nhu cầu của bạn.

»» Làm ấm bên trong xe nhanh

Thay đổi chế độ lấy gió ngoài ngay khi nhiệt độ bên trong xe đủ ấm. Các cửa kính sẽ bị đọng sương nếu vẫn để ở chế độ lấy gió trong.

■ Làm Mát

1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng núm điều chỉnh quạt.
2. Chọn .
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng núm điều chỉnh nhiệt độ.
4. Ấn nút **A/C** (**A/C ON** xuất hiện).
5. Ấn nút  (đèn báo tắt).

■ Hạ nhiệt bên trong xe nhanh

Loại xe có nút **A/C TỐI ĐA**

1. Đặt quạt tới tốc độ tối đa.
2. Ấn nút **A/C TỐI ĐA** (**MAX A/C** xuất hiện).

Loại xe có nút **MÁT TỐI ĐA**

Ấn nút **MÁT TỐI ĐA** (**MAX COOL** xuất hiện).

»»Làm Mát

Loại xe có hộp số vô cấp

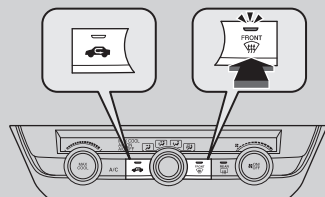
Khi kích hoạt chế độ **ECON**, hiệu suất làm mát của hệ thống sẽ bị giảm.

»»Hạ nhiệt bên trong xe nhanh

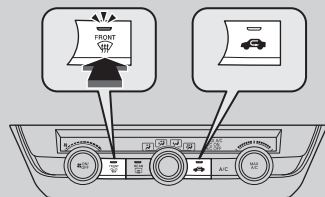
Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể hạ nhiệt nhanh hơn bằng cách mở hé cửa kính.

■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

Loại vô lăng bên phải



Loại vô lăng bên trái



1. Đặt quạt tới tốc độ cao.
2. Ấn nút .
3. Ấn nút  (đèn báo tắt).
4. Điều chỉnh nhiệt độ đến khi cảm nhận thấy luồng khí ấm.
 - Nếu bạn muốn sấy cửa kính nhanh:
Đặt quạt đến tốc độ tối đa và nhiệt độ cao hơn, sau đó ấn nút  (đèn báo sáng).

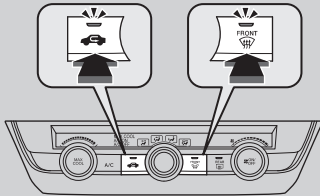
►► Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.

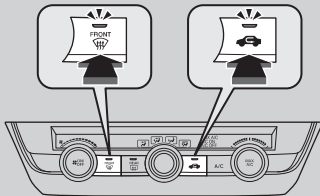
Không đặt nhiệt độ gần mức giới hạn dưới.
Khi khí nóng hoặc lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

■ Làm tan sương các cửa kính nhanh

Loại vô lăng bên phải



Loại vô lăng bên trái



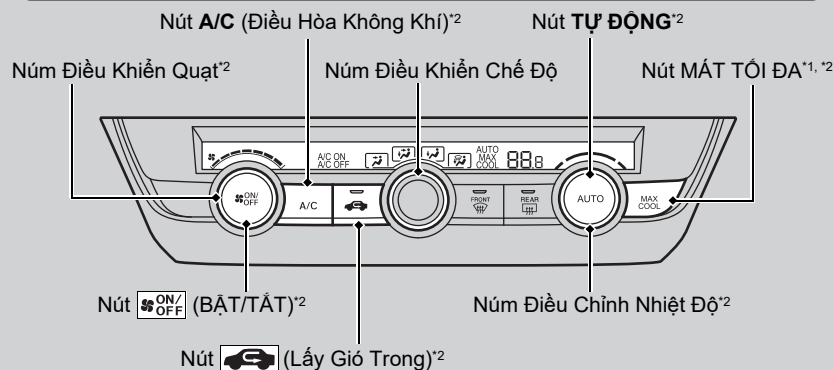
►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm, từ đó làm giảm tầm nhìn.

Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ chọn nhiệt độ nóng* hoặc lạnh một cách hợp lý để tăng* hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.

- | | |
|---|---|
|  Khe thông gió bằng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm* |  Thông gió sàn |
|  Khe thông gió bằng táp-lô, thông gió sàn và phía sau hộp đựng đồ trung tâm* |  Thông gió sàn và sấy kính |



*1: Loại xe có nút **MÁT TỐI ĐA**

*2: Hình vẽ mô phỏng cho loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở phía đối xứng với loại vô lăng bên phải.

Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **TỰ ĐỘNG**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng nút điều chỉnh nhiệt độ.
3. Ấn nút  (BẬT/TẮT) để hủy.

» Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Nếu bạn ấn nút bất kỳ khi đang sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động, chức năng của nút được ấn sẽ được ưu tiên.

Đèn báo nút **TỰ ĐỘNG** sẽ tắt, nhưng những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn được điều khiển tự động.

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi kích hoạt chế độ ECON, hiệu suất làm mát của hệ thống điều khiển nhiệt độ sẽ bị giảm.

Loại xe không có nút **MÁT TỐI ĐA**

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, chuyển hệ thống sang chế độ tự động và đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ giảm xuống.

Loại xe có nút **MÁT TỐI ĐA**

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, ấn nút **MÁT TỐI ĐA**.

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức giới hạn thấp hoặc cao*, **Lo hoặc Hi** sẽ hiển thị.

Ấn nút  (BẬT/TẮT) để bật và tắt hệ thống điều khiển nhiệt độ. Khi bật, hệ thống sẽ trở lại chế độ mà bạn đã chọn ở lần gần đây nhất.

■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài

Ấn nút  (Lấy Gió Trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường. Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

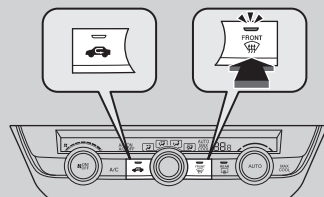
» Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Một số loại xe

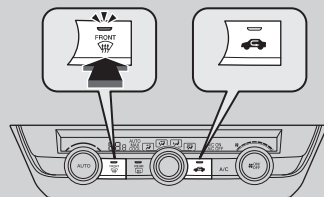
Để ngăn không khí lạnh bên ngoài tràn vào bên trong xe, quạt sẽ không khởi động ngay lập tức khi bạn ấn nút **AUTO**.

■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

Loại vô lăng bên phải



Loại vô lăng bên trái



Ấn nút  để bật hệ thống điều hoà không khí và để chuyển tự động hệ thống sang chế độ lấy gió ngoài.

Một số loại xe

Ấn nút  (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

- Nếu bạn muốn làm tan sương cửa kính nhanh:

Ấn nút  (đèn báo bật).

Ấn nút  thêm một lần nữa để tắt, hệ thống sẽ trở về chế độ cài đặt trước đó.

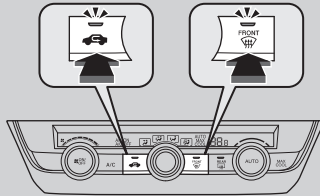
►► Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.

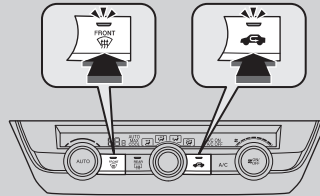
Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

■ Làm tan sương các cửa kính nhanh

Loại vô lăng bên phải



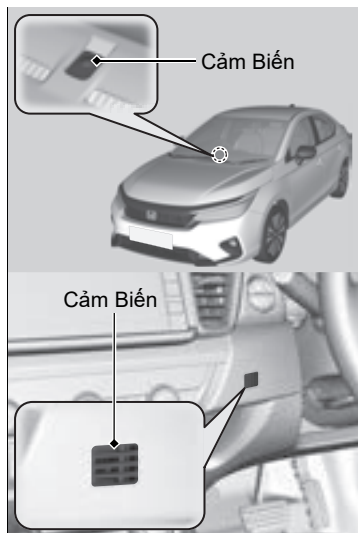
Loại vô lăng bên trái



►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

Cảm Biến Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động



Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm tràn chất lỏng vào các cảm biến này.

Tính Năng

Nếu xe này được trang bị hệ thống âm thanh, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng hệ thống âm thanh. Tham khảo đại lý để biết thông tin chi tiết.



Lái Xe

Chương này đề cập đến việc lái xe và nạp nhiên liệu.

Trước Khi Lái Xe	
Chuẩn Bị Lái Xe.....	258
Giới Hạn Tải	260
Kéo Rơ-moóc	261
Khi Lái Xe	
Khởi Động Động Cơ	262
Lưu Ý Khi Lái Xe.....	269
Hộp Số Vô Cấp*.....	270
Sang số	271, 276
Chế độ ECON*.....	279
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*.....	280
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	287
Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh	289

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*.....	290
Honda Sensing	296
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	299
Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)	311
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)	329
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường	342
Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*	350
Camera Trước	356
Phanh	
Hệ thống phanh.....	358

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS).....	360
Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp.....	361
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp.....	362
Đổ Xe	
Khi Xe Đã Dừng	363
Hệ Thống Cảm Biến Đổ*	365
Nạp Nhiên Liệu	
Thông Tin Nhiên Liệu	369
Cách Nạp Nhiên Liệu	370
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái (CO₂)	371

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Chuẩn Bị Lái Xe

Kiểm tra các mục sau trước khi lái xe.

Kiểm Tra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
 - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
 - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc xe, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái. Nếu tuyết đã đóng cứng, hãy gạt bỏ khi đã tan bớt.
 - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, cần đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
 - ▶ Nếu nắp ca-pô mở khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
 - ▶ Kiểm tra áp suất lốp, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
- ▶ **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 408
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
 - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

»Kiểm Tra Bên Ngoài

CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa để tránh làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Sau khi làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa vì nếu làm thế sẽ không thể cho chìa khóa vào được nếu nước bị đóng băng trong ổ khóa.

Nhiệt từ động cơ và ống xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám ở phía dưới nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe lâu ngày, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe, như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời, kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó vừa thực hiện bảo dưỡng xe.

Kiểm Tra Bên Trong

- Buộc hoặc để chắc chắn các đồ vật trong khoang hành lý.
 - Chở quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
 - ✚ **Giới Hạn Tải** Tr. 260
- Không để các đồ vật cao hơn ghế.
 - Chúng có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước khi bạn phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
 - Bỏ đồ vật hoặc thảm lót sàn không được gắn chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến việc nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có động vật trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
 - Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
 - Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
 - ✚ **Ghế Ngồi** Tr. 226
 - ✚ **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước** Tr. 232
- Điều chỉnh gương và vô lăng phù hợp khi lái.
 - Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
 - ✚ **Gương** Tr. 223
 - ✚ **Điều Chỉnh Vô Lăng** Tr. 222

✚ Kiểm Tra Bên Trong

Thường thì không cần điều chỉnh hướng của đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý, hãy đến đại lý để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có điều chỉnh đèn chiếu sáng

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.

✚ **Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*** Tr. 210

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

- Cần đảm bảo đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lặn dưới các ghế.
 - Chúng có thể ảnh hưởng đến việc vận hành bàn đạp của người lái, hoặc ảnh hưởng đến việc điều chỉnh các ghế.
- Mọi người ngồi trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
 - ❏ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 44
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
 - Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
 - ❏ **Đèn Báo** Tr. 92

Giới Hạn Tải

Khi xe bạn chờ hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

❏ **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 480

►► Giới Hạn Tải

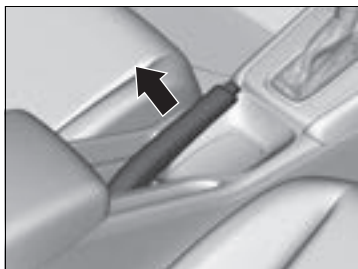
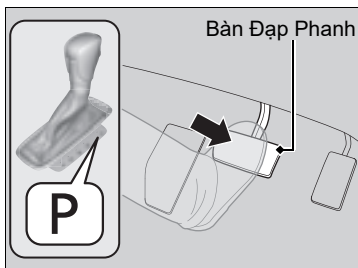
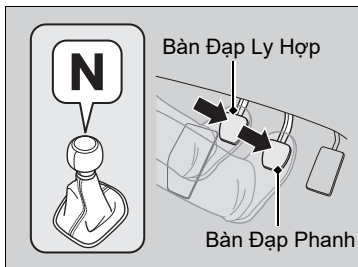
CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo tất cả các hướng dẫn về giới hạn tải và các hướng dẫn tải khác trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố kéo có thể làm mất hiệu lực bảo hành cho xe của bạn.

Khởi Động Động Cơ



1. Đảm bảo gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn phanh.

► Mặc dù có thể khởi động xe ở **N** nhưng khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

Loại xe có hộp số thường

2. Kiểm tra xem cần số có ở **N** không. Sau đó, dùng chân phải nhấn bàn đạp phanh, chân trái nhấn bàn đạp ly hợp.

► Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để khởi động động cơ.

Khởi Động Động Cơ

Đặt chân chắc chắn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

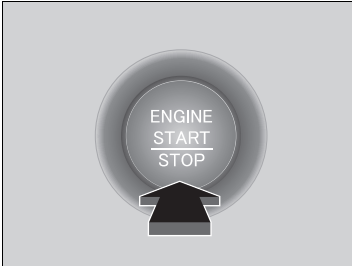
Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống Sưởi và làm mát/hệ thống điều khiển nhiệt độ và sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc có mùi khí xả bên trong xe, có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Để chia khóa điều khiển từ xa gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chia khóa điều khiển từ xa yếu.

► **Nếu Pin Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**
Tr. 444



Tất cả các loại xe

3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

»»Khởi Động Động Cơ

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa bị nhiễu sóng vô tuyến mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi khởi động lại động cơ.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► **Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 191**

■ Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

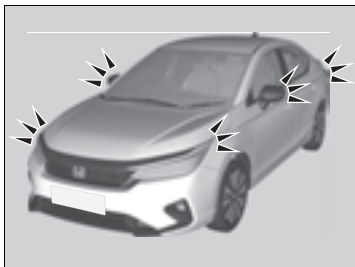
■ Khởi động động cơ

LED: Nhấp nháy khi
ấn nút bất kỳ.



Ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.



Nếu động cơ khởi động thành công, một số đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy sáu lần.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả từ động cơ có chứa khí CO.

Hít phải khí CO có thể gây chết người hoặc gây bất tỉnh.

Không được khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực khác có hệ thống thông gió kém.

Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương. Trước khi khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có tòa nhà hay vật cản giữa xe và chìa khóa điều khiển từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp. Khoảng cách này có thể hẹp hơn khi xe đang chạy. Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ tác động bên ngoài.



Đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy nếu động cơ không khởi động.

▶ Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khi khởi động từ xa, động cơ sẽ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc không đồng thời nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Nếu muốn chạy không tải thêm 10 phút nữa ở lần lần bánh đầu tiên, hãy ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

▶ Một số đèn ngoài xe nhấp nháy sáu lần nếu yêu cầu chạy không tải thêm 10 phút được gửi đi thành công.

▶▶ Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Không thể khởi động động cơ bằng khởi động động cơ từ xa nếu:

- Bạn đã tắt tính năng khởi động động cơ từ xa trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*.

▶ **Cài Đặt** Tr. 128, 151

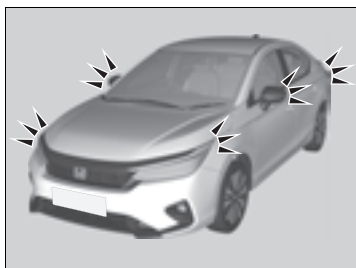
- Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY.
- Không ở số **P**.
- Nắp ca-pô mở, cửa bất kỳ hoặc nắp khoang hành lý mở.
- Bạn đã sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.
- Một chìa khóa điều khiển từ xa khác đã được đăng ký vẫn để trong xe.
- Có ăng ten nào đó bị lỗi.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Bộ viễn thông có sự cố*.
- Hệ thống cảnh báo an ninh không được thiết lập.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Dừng động cơ



Ấn và giữ nút  trong một giây.



Nếu động cơ dừng thành công, các đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy một lần.



Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi của hệ thống truy cập từ xa, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy. Động cơ sẽ không dừng lại.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không khởi động xe trong vòng 10 phút bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Không thiết lập hệ thống cảnh báo an ninh.
- Mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp.
- Nắp ca-pô, cửa bất kỳ hoặc nắp khoang hành lý mở.
- Bạn ấn nút nhả cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn báo sự cố sẽ sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải có sự cố.

Trong khi động cơ đang chạy, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe. Khi trời ấm:

- Hệ thống làm mát/hệ thống điều khiển nhiệt độ* sẽ hoạt động ở chế độ lấy gió trong.

Khi trời lạnh:

- Bộ sấy sẽ điều chỉnh nhiệt độ ấm vừa phải.
- Sấy kính sau được kích hoạt.

■ Bắt Đầu Lái Xe

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

1. Nhấn và giữ bàn đạp phanh, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi khởi động động cơ trong trường hợp bất kỳ

2. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, nhả phanh đỗ. Kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) đã tắt chưa.

➡ Phanh Đỗ Tr. 358

3. Đặt cần số ở **[D]**. Chọn **[R]** khi lùi xe.

4. Nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga để khởi hành.

■ Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn bám đường, giúp xe không bị trôi xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Loại xe có hộp số thường

Nhấn bàn đạp ly hợp, vào một số tiến khi lên dốc, hoặc vào số **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số vô cấp

Sang số **[D]** hoặc **[S]** khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

►► Bắt Đầu Lái Xe

Khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

Động cơ sẽ dừng khi gạt cần số ra khỏi **[P]** trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Thực hiện bước 1 khi bắt đầu lái.

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc quá cao hoặc dừng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

■ Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Gạt cần số đến **P**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Loại xe số sàn

- Nếu cần số ở **N**, ấn nút **ENGINE START/STOP**.
- Nếu cần số không ở **N**, nhấn bàn đạp ly hợp, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lưu Ý Khi Lái Xe

■ Khi có Sương Mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bạn nên bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch ở giữa đường, chú ý quan sát lan can và đèn hậu của xe phía trước.

■ Khi có Gió Mạnh

Khi đang lái xe nếu gió thổi mạnh, hãy giữ chặt vô lăng, từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cần thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông hay lái xe qua khu vực khai thác đá hoặc khi có một xe tải lớn đi qua.

■ Khi Trời Mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và chú ý hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường có nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước để tránh làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các thiết bị điện.

▶▶ Lưu Ý Khi Lái Xe

LƯU Ý: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe chỗ vũng nước sâu sẽ làm hỏng động cơ, hỏng các thiết bị điện và xe sẽ bị xuống cấp.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga để tránh làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc xoay và giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành và sẽ càng khó khăn hơn khi vận hành vô lăng. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ tiếp tục hoạt động. Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu chế độ nguồn được đặt ở PHỤ KIỆN trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ bị dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không chọn **N** khi đang lái để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

■ Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

Hộp Số Vô Cấp*

■ Chuyển Động Từ Từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao thì xe sẽ tự chuyển động từ từ. Nhấn bàn đạp phanh chắc chắn khi dừng.

■ Nhảy Về Số

Nhấn nhanh bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Hãy nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái ở đường trơn và vòng cua.

» Lưu Ý Khi Lái Xe

Khi lái xe ở 1.000 km đầu tiên, tránh tăng ga đột ngột hoặc vận hành bướm ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên sau khi mua xe mới hoặc thay má phanh hoặc rô-to để chạy roda đúng cách.

» Khi Trời Mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, nước dưới mặt đường sẽ bắn lên lốp xe làm bạn không thể xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

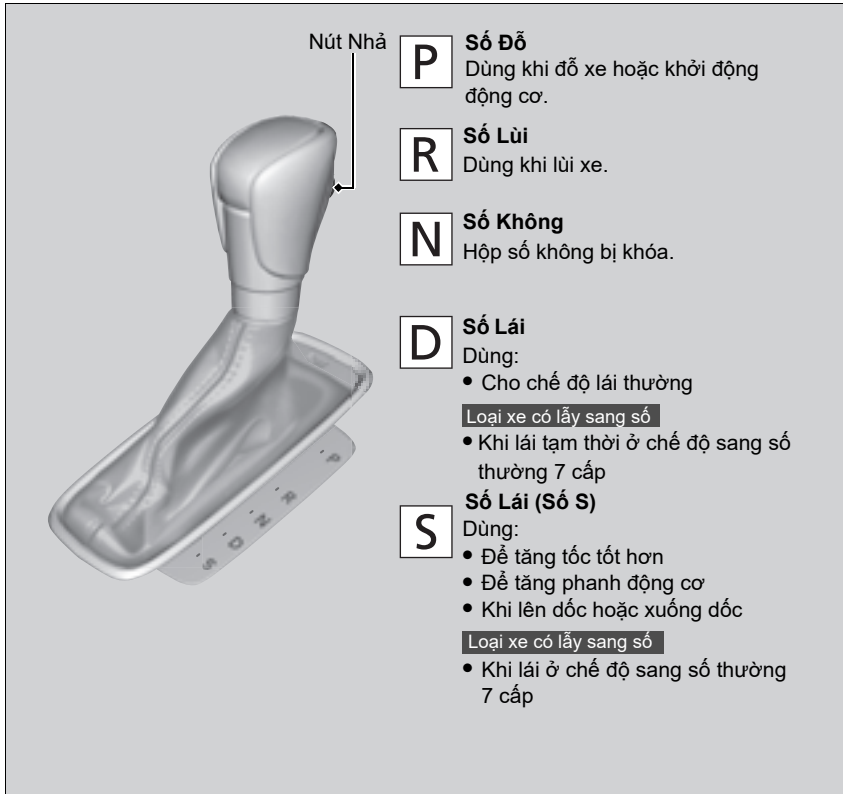
Từ từ giảm tốc khi bạn về số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

Loại xe có hộp số vô cấp

Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí cần số



Còn nữa

►► Vị trí cần số

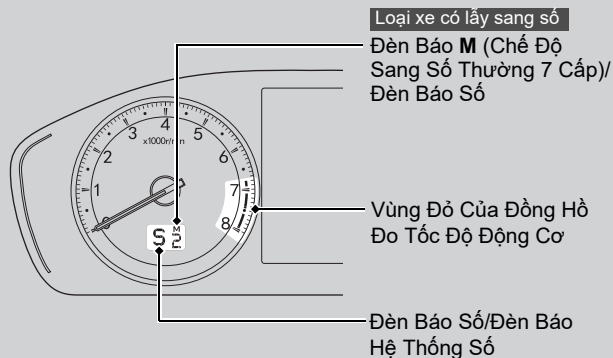
Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi cần số ở **P**.

Xe có thể di chuyển rất nhẹ ngay cả khi cần số ở **N** khi động cơ nguội.

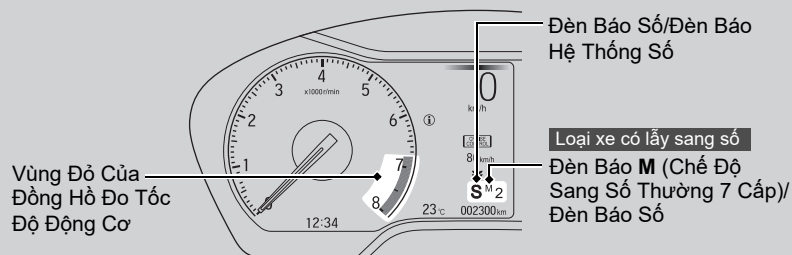
Nhấn chắc bàn đạp phanh, khi cần, hãy gài phanh đỗ.

■ Vận Hành Cần Số

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



►► Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn gạt cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Nhìn vào đèn báo số để kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo số nhấp nháy khi lái xe ở số bất kỳ chứng tỏ hộp số có sự cố.

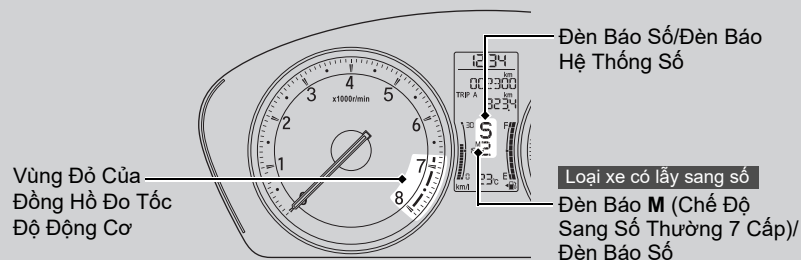
Tránh tăng tốc đột ngột và hãy đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

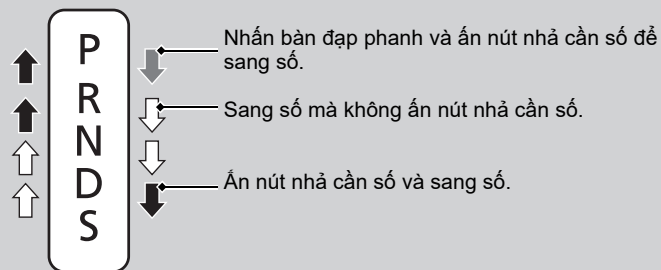
Có thể không vận hành được cần số nếu vừa nhấn bàn đạp phanh vừa ấn nút nhà cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số được hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở vị trí số đúng trước khi lái.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Tất cả các đời xe



Loại xe có lẫy sang số

■ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp nếu bạn kéo lẫy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở **[D]**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số thường 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số **[+]** trong vài giây. Chế độ sang số thường 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở **[S]**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp. Đèn báo **M** và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, hộp số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, hệ thống sẽ tự động giảm xuống số 1.

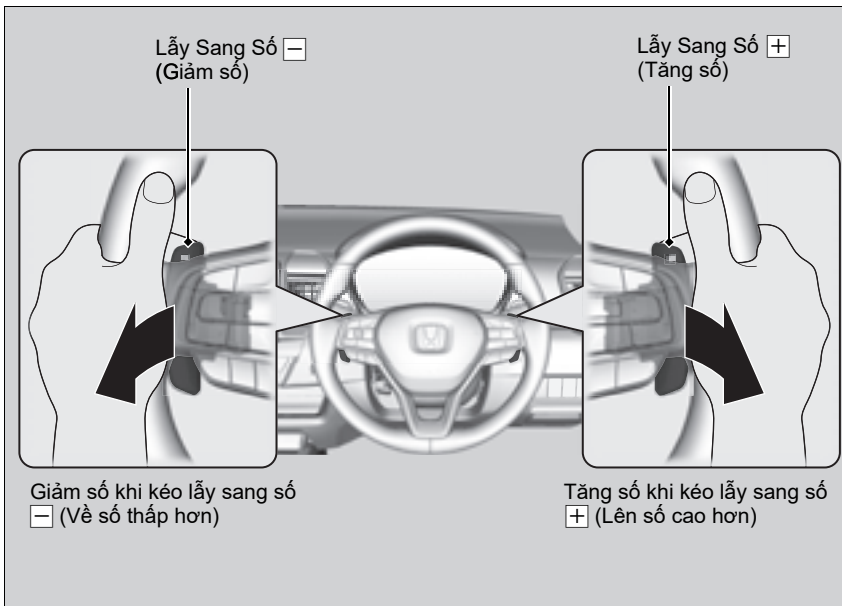
Nếu tốc độ xe tăng và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Khi hủy chế độ sang số thường 7 cấp, gạt cần số từ **[S]** sang **[D]**. Khi chế độ sang số thường 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

Bạn chỉ có thể khởi hành khi xe ở số 1.

Loại xe có lẫy sang số

■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp



►► Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Ở chế độ sang số thường 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số khi đáp ứng các điều kiện sau:

Tăng Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.

Giảm Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số. Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số thường 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường [D].

Mỗi lần vận hành lẫy sang số sẽ làm thay đổi một cấp tốc độ.

Để thay đổi liên tục, nhả lẫy sang số trước khi kéo lại để sang cấp tốc độ tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số để báo cho bạn biết không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.

Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

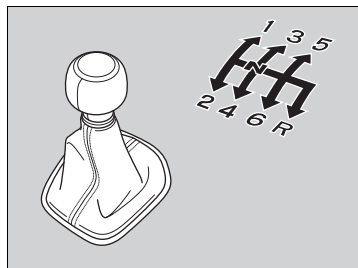
Loại xe có hộp số thường

Sang Số

Vận Hành Cần Số

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để vận hành cần số và sang số, sau đó nhả từ từ bàn đạp.

Nhấn bàn đạp ly hợp và tạm dừng vài giây trước khi sang số **[R]**, hoặc vào số tiến một lúc để bánh răng không "cọ sát" vào nhau.



Khi không sang số, không đặt chân lên bàn đạp ly hợp để tránh làm ly hợp bị mòn nhanh hơn.

►► Sang Số

CHÚ Ý

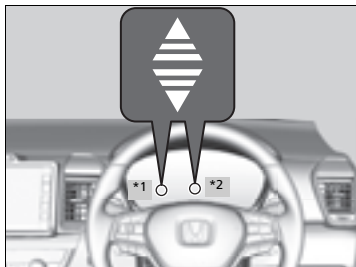
Không sang số **[R]** khi xe chưa dừng hẳn. Sang số **[R]** khi xe chưa dừng có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Trước khi giảm số, cần đảm bảo động cơ sẽ không nằm trong vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ để tránh làm hỏng động cơ nghiêm trọng.

Nếu bạn vượt quá tốc độ tối đa của số hiện tại, tốc độ động cơ sẽ đi vào vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ và lúc này bạn có thể cảm thấy xe rung nhẹ.

Đèn Báo Tăng/Giảm Số*



Sáng để thông báo rằng bạn phải tăng số hoặc giảm số để ngăn động cơ chạy quá vòng tua hoặc chết máy.

Đèn báo tăng số: Sáng để báo cần phải tăng số.

Đèn báo giảm số: Sáng để báo cần phải giảm số.

Đèn Báo Tăng/Giảm Số*

Đèn báo này sẽ không nhắc bạn giảm số để tăng lực phanh động cơ. Tuy bạn phải xác định được có cần giảm số để tăng phanh động cơ khi lái xe xuống dốc hay không.

Luôn giảm số ở tốc độ xe thích hợp.

Đèn báo giảm số không sáng khi bạn giảm từ số **2** xuống số **1**.

Số lần bạn cần sang số có thể khác so với số lần quy định tùy theo điều kiện đường xá và giao thông.

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

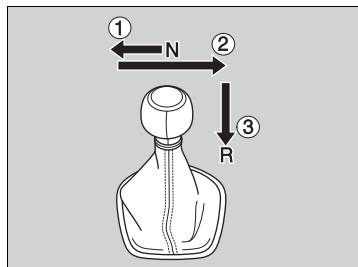
* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Khóa Số Lùi

Số sàn có cơ chế khóa tránh vô tình sang số **R** từ số tiến trong khi xe đang di chuyển quá tốc độ phù hợp.

Khi bạn không sang được số **R** khi xe đã dừng hẳn, hãy làm như sau:

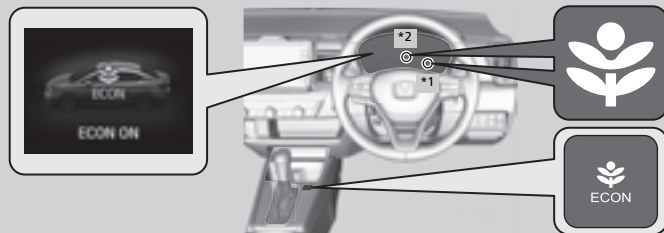


1. Nhấn bàn đạp ly hợp, gạt cần số hết cỡ sang trái và sang số **R**.
2. Nếu bạn vẫn không thể sang số **R**, hãy gài phanh đỗ và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY (KHÓA).
3. Nhấn bàn đạp ly hợp và sang số **R**.
4. Tiếp tục nhấn bàn đạp ly hợp và khởi động động cơ.

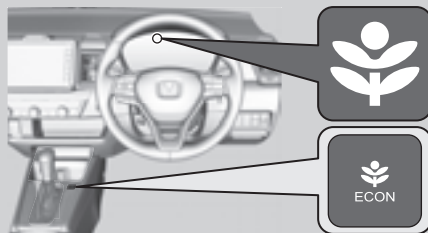
Hãy đưa xe đến đại lý nếu bạn phải lặp lại các bước này.

Chế Độ ECON*

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Nút **ECON** bật và tắt chế độ **ECON**.

Chế độ **ECON** giúp tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ và hệ thống Sưởi* và làm mát*/hệ thống điều khiển nhiệt độ*.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Chế Độ ECON*

Khi ở chế độ ECON, mức độ dao động nhiệt độ của hệ thống Sưởi* và làm mát*/hệ thống điều khiển nhiệt độ* sẽ lớn hơn.

Không thể thay đổi chế độ ở một số điều kiện lái nhất định.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

Duy trì tốc độ xe ổn định mà không để chân lên bàn đạp ga. Hãy sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định trên đường cao tốc hoặc đường thẳng bởi khi đó bạn có thể lái với tốc độ ổn định mà ít khi phải tăng tốc hoặc giảm tốc.

►► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định không phù hợp có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định khi lái xe ở đường cao tốc thẳng trong thời tiết tốt.

Không thể duy trì tốc độ ổn định khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc.

Khi không sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định:

Tắt điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **CRUISE**.

Loại xe số sàn

Khi tốc độ động cơ chậm lại, hãy giảm số.

Bạn có thể duy trì tốc độ cài đặt nếu bạn sang số trong vòng năm giây.

Loại xe có chế độ ECON

Khi đang ở chế độ ECON, có thể phải mất thêm thời gian tăng tốc nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập.

Thời điểm sử dụng

■ Tốc độ xe phù hợp để sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định: Tốc độ mong muốn ở mức trên 40 km/h

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Các vị trí số cho điều khiển chế độ chạy ổn định: Ở **D** hoặc **S**

Loại xe số sàn

■ Các vị trí số cho điều khiển chế độ chạy ổn định: Từ số **2** trở lên

Luôn giữ một khoảng cách an toàn giữa xe bạn và xe phía trước.



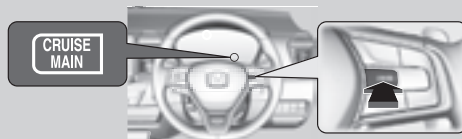
Cách sử dụng

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

CRUISE MAIN sáng trên bảng điều khiển.

Điều khiển chế độ chạy ổn định sẵn sàng để sử dụng.

■ Ấn nút **CRUISE** trên vô lăng.

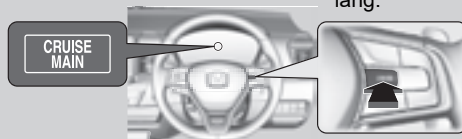


Loại xe có đồng hồ đo loại B

CRUISE MAIN sáng trên đồng hồ đo.

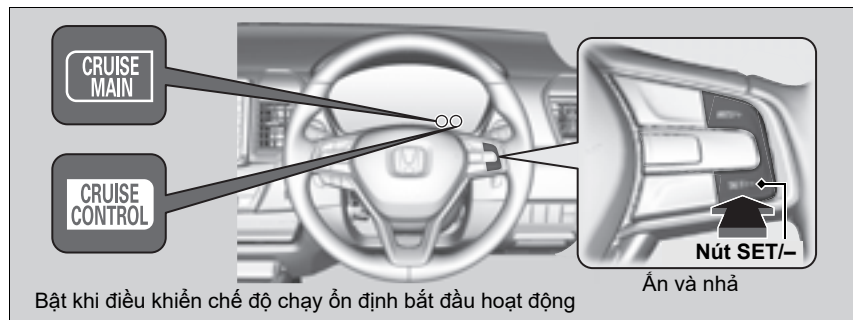
Điều khiển chế độ chạy ổn định sẵn sàng để sử dụng.

■ Ấn nút **CRUISE** trên vô lăng.



■ Thiết Lập Tốc Độ Xe

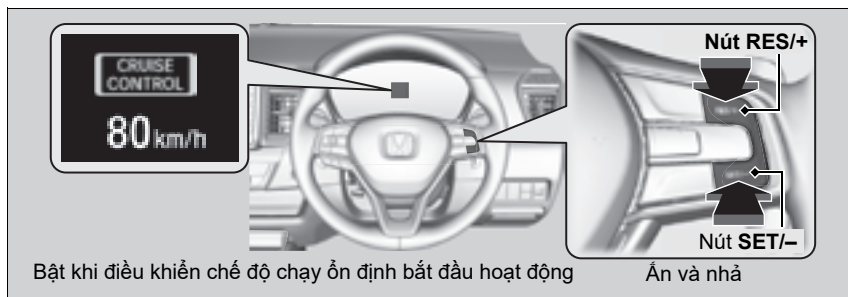
Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **SET/-** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn.

Vào thời điểm bạn nhả nút **SET/-**, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định và điều khiển chế độ chạy ổn định bắt đầu hoạt động. Đèn báo **CRUISE CONTROL** sẽ sáng.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

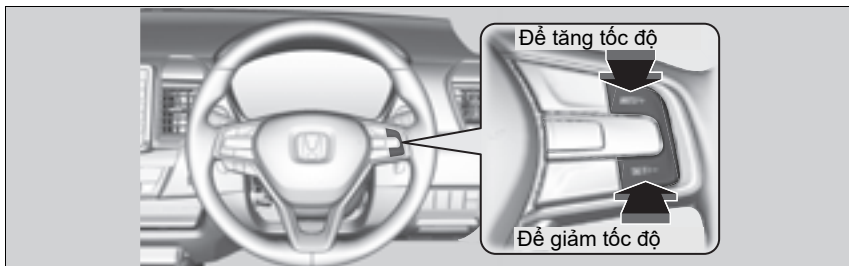


Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn.

Vào thời điểm bạn nhả nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định và điều khiển chế độ chạy ổn định bắt đầu hoạt động. Đèn báo **CRUISE CONTROL** sẽ sáng.

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Ấn các nút **RES/+** hoặc **SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ được tăng hoặc giảm khoảng 1,6 km/h.
- Nếu bạn tiếp tục ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm cho đến khi bạn nhả nút. Sau đó tốc độ được thiết lập.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ được tăng hoặc giảm khoảng 1 km/h.
- Nếu bạn tiếp tục ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ được tăng hoặc giảm khoảng 10 km/h.
- Có thể tăng tốc hoặc giảm tốc độ xe cho đến khi đạt tốc độ.

►► Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

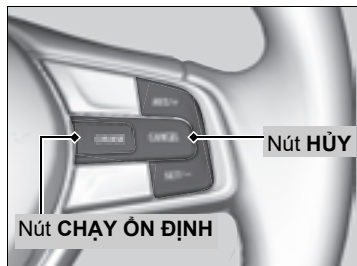
Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Bạn có thể cài đặt tốc độ xe bằng nút **SET/-** trên vô lăng khi điều chỉnh tốc độ bằng bàn đạp ga và bàn đạp phanh.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Bạn có thể cài đặt tốc độ xe bằng nút **RES/+** hoặc **SET/-** trên vô lăng khi điều chỉnh tốc độ bằng bàn đạp ga và bàn đạp phanh.

■ Hủy Chế Độ



Để hủy tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **CRUISE**.
- Nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe số sàn

- Nhấn bàn đạp ly hợp từ năm giây trở lên.

Tất cả các đời xe

Đèn báo **CRUISE CONTROL** tắt.

»Hủy Chế Độ

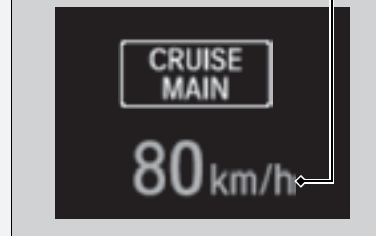
Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó:

Sau khi hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, bạn vẫn có thể kích hoạt điều khiển chế độ chạy ổn định với tốc độ được thiết lập trước đó hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn nút **RES/+** trong khi lái xe ở tốc độ ít nhất là từ 40 km/h trở lên.

Khi bạn tắt điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ đã thiết lập trước đó sẽ hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám). Khi ấn nút **RES/+**, điều khiển chế độ chạy ổn định sẽ hoạt động với tốc độ đã hiển thị. Nếu đèn báo **CRUISE MAIN** hiển thị và bạn ấn nút **RES/+**, nhưng tốc độ đã thiết lập trước đó không hiển thị (màu xám), tốc độ sẽ được cài đặt đến tốc độ hiện tại của xe.

Tốc Độ Thiết Lập Trước Đó (màu xám)



» Hủy Chế Độ

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó:

Sau khi hủy tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định, bạn vẫn có thể khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó bằng cách ấn nút **RES/+** trong khi lái xe ở tốc độ ít nhất là từ 40 km/h trở lên.

Tất cả các loại xe

Bạn không thể cài đặt hoặc khôi phục lại trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe dưới 40 km/h
- Khi tắt nút **CRUISE**

Với tốc độ xe từ 35 km/h trở xuống, tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định có thể tự động hủy.

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. VSA cũng hỗ trợ trong việc duy trì lực bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này có thể thực hiện như vậy bằng cách điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

Hoạt Động Của VSA



Khi VSA hoạt động, bạn có thể thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy âm thanh từ hệ thống phanh thủy lực. Bạn cũng sẽ thấy đèn báo nhấp nháy.

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA không thể thực hiện tốt chức năng nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức tiêu chuẩn.

Nếu đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng suốt trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên đưa ngay xe đến đại lý kiểm tra.

VSA không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi điều kiện và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp ở mọi điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA là Điều Khiển Ổn Định Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)* và Cảnh Báo Chệch Làn Đường* có thể sáng màu hỗ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi tháo ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bật và Tắt VSA



*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nút này ở trên bảng điều khiển phía người lái. Để tắt chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe của bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

Để bật lại chức năng/tính năng của VSA, ấn nút (TẮT VSA) cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

VSA sẽ được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, cho dù bạn đã tắt nó vào lần lái xe gần đây nhất.

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

Ở một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt VSA tạm thời.

Khi ấn nút (TẮT VSA), khả năng bám đường sẽ giảm. Điều này cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Khi cần, hệ thống sẽ phanh nhẹ bánh trước khi bạn xoay vô lăng, điều này sẽ giúp hỗ trợ ổn định và vận hành xe trong khi rẽ.

►► Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi điều kiện lái. Bạn vẫn cần lái và rẽ với tốc độ phù hợp trong mọi điều kiện và luôn giữ khoảng cách an toàn.

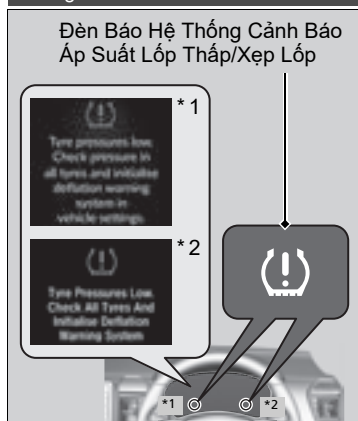
Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng suốt trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh hoạt động. Điều này là bình thường.

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp trên xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hay nhiều lốp bị non hơi.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



Điều này sẽ làm cho đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

►► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và có thể làm cho đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

Nếu kiểm tra và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ẩm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp có thể không thực hiện tốt chức năng nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.

► Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 408

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:

- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng đột ngột.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp*.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Điều này sẽ làm cho đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

►► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp có thể sáng trong những điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ*.
- Sử dụng xích bọc lốp*.

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)* và Cảnh Báo Chệch Làn Đường* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở **BẬT** sau khi tháo ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Khởi Tạo Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Bạn phải bắt đầu khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất ở một hoặc nhiều lốp.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp.

Trước khi khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Cài đặt áp suất lốp khi lốp nguội ở tất cả bốn lốp.

🔍 **Kiểm Tra Lốp** Tr. 408

Đảm bảo:

- Xe đã dừng hẳn.

Loại xe có hộp số vô cấp

- Cần số ở **P**.

Loại xe số sàn

- Cần số ở **N**.

Tất cả các loại xe

- Chế độ nguồn ở **BẬT**.

►► Khởi Tạo Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Không thể khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp nếu xe bạn được lắp lốp dự phòng loại nhỏ.

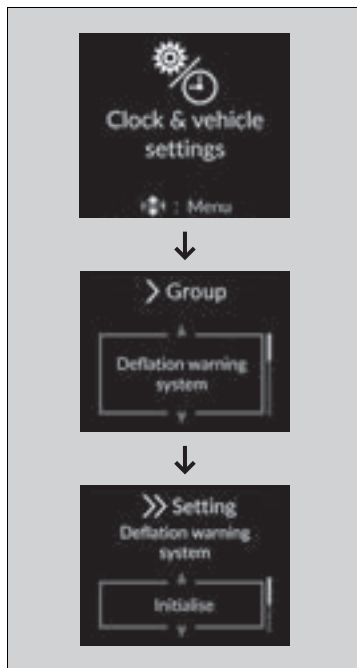
Quá trình khởi tạo phải mất khoảng 30 phút tính theo thời gian lái xe ở tốc độ từ 40-100 km/h.

Trong khoảng thời gian này, nếu khởi động động cơ và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn sẽ thấy đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng trong một thời gian ngắn. Điều này là bình thường và cho biết rằng quy trình khởi tạo chưa hoàn thành.

Nếu xe bạn đang sử dụng xích bọc lốp*, hãy tháo xích ra trước khi khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng ngay cả khi đã bơm lốp đúng quy định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng chủng loại và cùng kích cỡ với lốp ban đầu. Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

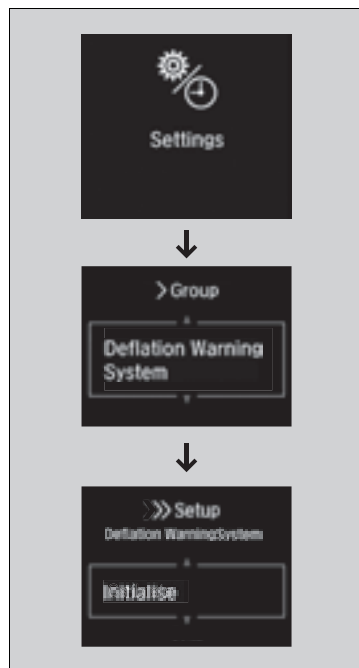


Loại xe có đồng hồ đo loại A

Bạn có thể khởi tạo hệ thống từ tính năng tùy chọn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút  (màn hình chính).
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
►  xuất hiện trên màn hình.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Deflation warning system** (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình sẽ chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, lúc này bạn có thể chọn **Cancel** (Hủy) hoặc **Initialise** (Khởi Tạo).
4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Initialise**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình **Completed** (Hoàn Thành) xuất hiện, sau đó sẽ trở lại màn hình cài đặt tùy chọn.

- Nếu thông báo **Failed** (Lỗi) xuất hiện, hãy lặp lại bước 3 – 4.
- Quá trình khởi tạo hoàn thành tự động.

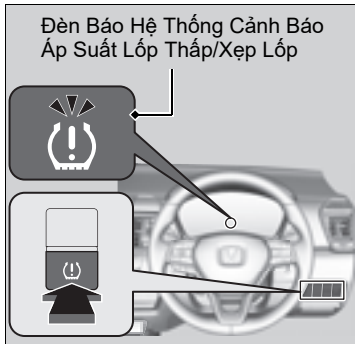


Loại xe có đồng hồ đo loại B

Bạn có thể khởi tạo hệ thống từ tính năng tùy chọn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút (màn hình chính).
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► xuất hiện trên màn hình.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Deflation Warning System** (Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình sẽ chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, lúc này bạn có thể chọn **Cancel** (Hủy) hoặc **Initialise** (Khởi Tạo).
4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Initialise**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình **Completed** (Hoàn Thành) xuất hiện, sau đó sẽ trở lại màn hình cài đặt tùy chọn.

- Nếu thông báo **Failed** (Lỗi) xuất hiện, hãy lặp lại bước 3 – 4.
- Quá trình khởi tạo hoàn thành tự động.



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Ấn và giữ nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp cho tới khi hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp nhấp nháy hai lần để báo quá trình khởi tạo đã bắt đầu.

- Nếu đèn báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp không nhấp nháy, hãy xác nhận các điều kiện trên rồi ấn và giữ nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp một lần nữa.
- Quá trình khởi tạo hoàn thành tự động.

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng camera trước được gắn ở bên trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.

Honda Sensing có các chức năng sau.

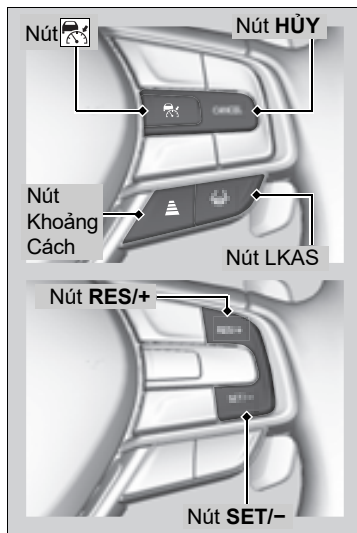
■ Chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) 📖 Tr. 299
- Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường 📖 Tr. 342
- Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* 📖 Tr. 350

■ Chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) 📖 Tr. 311
- Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) 📖 Tr. 329

■ Công Tắc Vận Hành Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)/Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)



■ Nút [ACC Icon]

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC hoặc ấn để hủy hệ thống.

■ Nút LKAS

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS hoặc ấn để hủy hệ thống.

■ Nút RES/+ và SET/-

Ấn nút **RES/+** để thiết lập hoặc bật lại ACC hoặc tăng tốc độ xe.
 Ấn nút **SET/-** để thiết lập ACC hoặc giảm tốc độ xe.

■ Nút Khoảng Cách

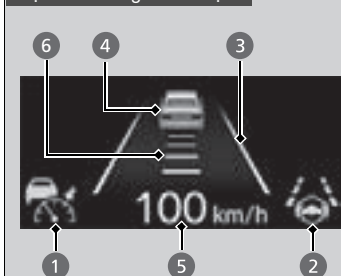
Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác sử dụng ACC.

■ Nút CANCEL

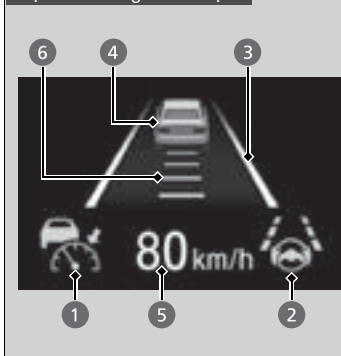
Ấn để hủy ACC.

Nội Dung Hiển Thị Trên Đồng Hồ Đo

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Bạn có thể thấy được trạng thái hiện tại của Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) và Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).

- 1 Biểu thị ACC đã sẵn sàng hoạt động.
 - Màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Màu trắng: Hệ thống chờ.
 - Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.
- 2 Biểu thị LKAS đã sẵn sàng hoạt động
 - Màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Màu trắng: Hệ thống chờ.
 - Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.
- 3 Biểu thị LKAS hoạt động và phát hiện được các vạch báo làn đường hay không.
 - Vạch báo làn đường màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Vạch báo làn đường màu trắng: Phát hiện vạch báo làn đường.
 - Vạch báo làn đường màu hổ phách: Phát hiện làn đường.
- 4 Biểu thị ACC phát hiện ra xe phía trước hay không.
- 5 Biểu thị tốc độ xe đã được thiết lập ở chế độ ACC.
 - Màu trắng: Tốc Độ Xe Được Thiết Lập
 - Màu xám: Tốc Độ Xe Được Thiết Lập Trước Đó
- 6 Biểu thị khoảng cách xe đã thiết lập ở chế độ ACC.

Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Hệ thống này có thể hỗ trợ bạn khi xe bạn có nguy cơ va chạm vào sau xe chạy phía trước, va chạm vào đầu xe đang đến gần (bao gồm cả xe máy), va chạm vào người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS được thiết kế để cảnh báo bạn khi xác định có khả năng xảy ra va chạm, đồng thời giúp giảm tốc độ xe, giảm thiểu va chạm và giảm nguy cơ thương vong do va chạm.

►►Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Nhắc Nhớ Quan Trọng Về Sự An Toàn CMBS
có chức năng làm giảm thương vong do va chạm không thể tránh khỏi. Hệ thống không thể giúp xe tránh va chạm hay dừng xe tự động. Bạn cần vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS không hoạt động hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:

►►**Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 304

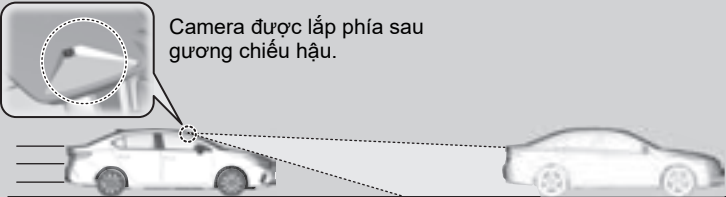
Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trang bị cho hệ thống này.

►►**Camera Trước** Tr. 356

Khi CMBS kích hoạt, hệ thống sẽ vẫn hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga. Tuy nhiên, hệ thống này sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

■ Cách hoạt động của hệ thống

Thời điểm sử dụng



Camera được lắp phía sau gương chiếu hậu.

Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng 5 km/h trở lên và sẽ tìm kiếm xe khác, tìm kiếm người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

CMBS hoạt động khi:

- Phát hiện chênh lệch giữa tốc độ xe của bạn và xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước khoảng 5 km/h trở lên và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe bạn khoảng 30 km/h trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với một xe đang đến gần được phát hiện khi bạn rẽ phải¹/rẽ trái² tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe bạn khoảng 100 km/h trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:
 - Xe phía trước đang đến gần hoặc không di chuyển.
 - Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

CMBS sẽ bị hủy khi xe bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn nguy cơ xảy ra va chạm.

CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái vận hành vô lăng và sử dụng bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh bị va chạm.

* 1: Loại Vô Lăng Bên Phải

* 2: Loại Vô Lăng Bên Trái

►►Cách hoạt động của hệ thống

Camera ở CMBS cũng có tính năng phát hiện người đi bộ.

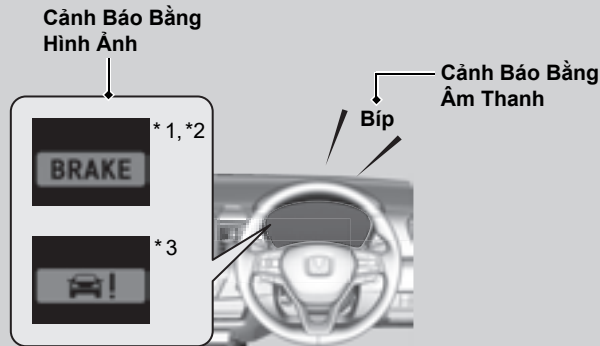
Tuy nhiên, tính năng phát hiện người đi bộ này không hoạt động hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe bạn ở các điều kiện nhất định. Tham khảo thông tin về hạn chế phát hiện người đi bộ.

►►Điều Kiện và Hạn Chế Của CMBS Tr. 304

■ Khi hệ thống hoạt động

Hệ thống cung cấp cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng lại nếu tránh được va chạm.

► Thực hiện thao tác phù hợp để tránh va chạm (gài phanh, chuyển làn, v.v.)



Ở giai đoạn cảnh báo và chạm sớm nhất của hệ thống, bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Long/Normal/Short**^{*1, *2}, **Far/Normal/Near**^{*3}) (Dài/Trung Bình/Ngắn^{*1, *2}, Xa/Trung Bình/Gần^{*3}) giữa các xe.

📖 Cài Đặt Tr. 128, 151

* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

* 2: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar

* 3: Loại xe ở các quốc gia khác

■ **Giai Đoạn Cảnh Báo Va Chạm**

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng xảy ra va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

Khoảng cách giữa các xe		CMBS		
		Cảm biến phát hiện xe	CẢNH BÁO bằng Âm Thanh và Hình Ảnh	Phanh
Giai đoạn một		Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước.	Khi cài đặt ở Long ^{*1, *2} / Far ^{*3} (Dài ^{*1, *2} / Xa ^{*3}), cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn từ xe phía trước so với cài đặt ở Normal (Trung Bình) và Short ^{*1, *2} / Near ^{*3} (Ngắn ^{*1, *2} / Gần ^{*3}), khoảng cách sẽ gần hơn so với cài đặt ở Normal (Trung Bình).	—
Giai đoạn hai		Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm.	Các cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.	Nhấn nhẹ
Giai đoạn ba		CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.		Nhấn mạnh

* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái
* 2: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma
* 3: Loại xe ở các quốc gia khác

■ **Bật và Tắt CMBS**

Bạn có thể tắt hoặc bật hệ thống bằng cách sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📺 **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr.118

📺 **Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn** Tr.126

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống này ở lần lái xe gần đây nhất.

📺 **Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)**

Không tắt được CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động, đèn báo hỗ trợ an toàn (hỗ phách) và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (hỗ phách) sẽ sáng và sáng suốt ở các điều kiện nhất định.

📺 **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr.304

CMBS không hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) và Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể sáng màu hỗ phách, đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở **BẬT** sau khi tháo ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Trong các điều kiện sau, camera có thể không phát hiện chính xác các phương tiện, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc điều kiện đường xá, điều này có thể làm cho CMBS hoạt động không tốt.

► **Camera Trước** Tr. 356

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc.
- Mặt đường có nước hoặc vũng nước.
- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

►►Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu phát hiện hệ thống có gì bất thường (như thông báo cảnh báo xuất hiện liên tục).

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do để hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lắp xích bọc lốp*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Phía trước camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*/lốp dự phòng tạm thời* v.v.).
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ **Ví dụ về các hạn chế phát hiện của camera do tình trạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển**

- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước quá gần.
- Xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển bắt ngờ cắt ngang phía trước mặt hoặc bất ngờ lao ra.
- Xe đạp đã dừng.
- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không nhận ra.
- Khi có nhóm người đi bộ hoặc xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước hoặc xe đang đến gần sáng ở một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi bộ phận trên cơ thể của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị hành lý che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hay ngồi xổm, hoặc khi họ giơ tay hoặc chạy.
- Khi người đi bộ cao dưới 1 mét hoặc cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.

►►Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Đảm bảo tất cả các lốp có cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu quy định và mòn đều. Nếu bạn sử dụng lốp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động kém hiệu quả.

■ **Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống**

- Khi xe phía trước xe bạn là xe máy nhỏ, xe máy có thùng bên cạnh, xe lăn, xe ba bánh* hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hàng lý, hoặc loại xe hẹp.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.
- Sự chênh lệch tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần hay người đi bộ phía trước quá lớn.
- Khi xe khác hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc đột ngột.
- Khi người lái vận hành bàn đạp phanh và vô lăng để tránh va chạm.
- Khi xe bạn đến gần xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển thì xe bạn tăng tốc nhanh hoặc xoay vô lăng (trừ khi rẽ trái^{*1}/phải^{*2} tại đoạn đường giao nhau, v.v.)^{*3}.
- Khi xe đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các loại xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi camera trước không nhận diện đúng hình dạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước rất cao.

* 1: Loại Vô Lăng Bên Phải

* 2: Loại Vô Lăng Bên Trái

* 3: Khi có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước với xe đang đến gần trong khi rẽ trái^{*1}/rẽ phải^{*2}, CMBS sẽ hoạt động. Tuy nhiên, hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn xoay vô lăng đột ngột.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■Tự động tắt

CMBS có thể tự động tắt, đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (màu hổ phách) sáng và sáng suốt khi:

- Bạn lái xe trên đường gồ ghề, đường núi, hoặc đường quanh co và gập ghềnh trong thời gian dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (lốp không cùng kích cỡ, lốp bị xẹp, v.v.).

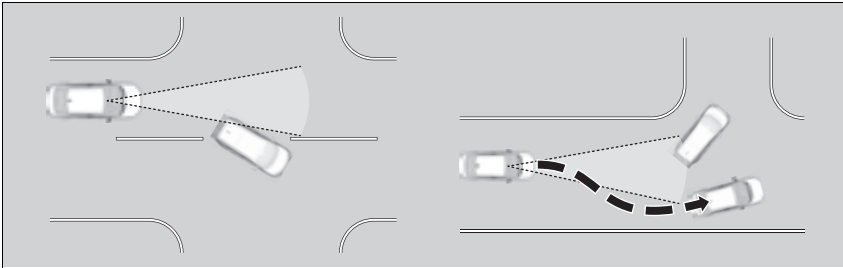
Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

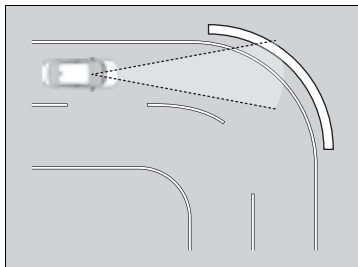
Ngay cả khi ít khả năng xảy ra va chạm, CMBS có thể hoạt động trong các điều kiện sau:

Đồng thời, hệ thống có thể hoạt động nếu phát hiện có khả năng xảy ra va chạm với người đi bộ, xe đạp đang di chuyển, hoặc xe khác.

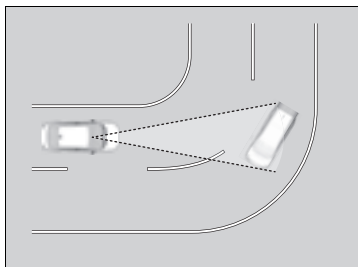
- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc phải.
- Xe của bạn tiến gần đến xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.



- Khi xe bạn tiến gần đến xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển vượt qua phía trước xe bạn.
- Khi bạn lái qua công trình thấp hoặc qua cổng hẹp với tốc độ cao.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.



- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang đến gần ở ngay phía trước mặt bạn.



- Khi xe bạn đến gần xe khác đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Khi ACC giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng.

Thời điểm sử dụng



Camera trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.



■ Tốc độ xe cho ACC: Tốc độ mong muốn trong khoảng hơn 30 km/h

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Vị trí số cho ACC: **D** hoặc **S**

Loại xe số sàn

■ Vị trí số cho ACC: **2** hoặc vị trí cao hơn

►► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng ACC không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện thời tiết tốt.

⚠ CẢNH BÁO

ACC có chức năng giới hạn khả năng phanh. Khi tốc độ xe dưới 25 km/h, ACC sẽ tự động hủy và bạn không thể sử dụng phanh.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

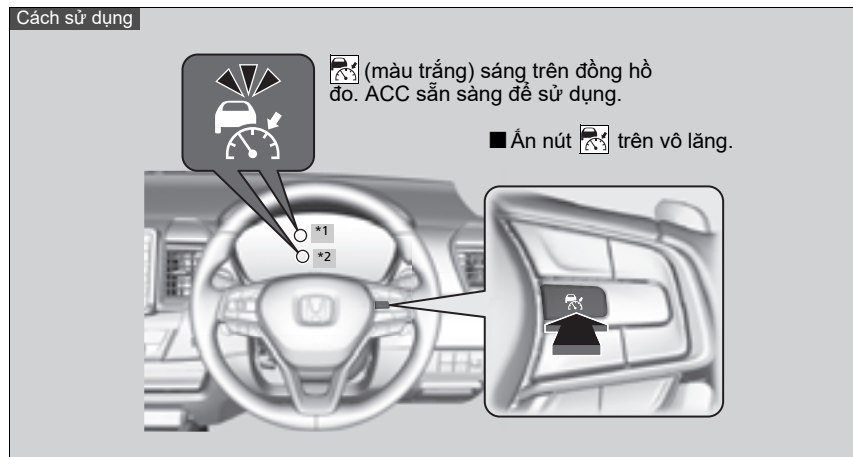
Nhắc Nhở Quan Trọng

Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

📷 **Camera Trước** Tr. 356

■ Cách kích hoạt hệ thống



*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

►► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

ACC có thể không hoạt động tốt trong một số điều kiện nhất định.

► Điều Kiện và Hạn Chế của ACC Tr. 319

Khi không sử dụng ACC: Ấn nút  để tắt chế độ chạy ổn định thích ứng.

Không sử dụng ACC trong những điều kiện sau:

- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và đi liên tục. ACC không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hay các vật thể khác chắn giữa làn đường hay ở khu vực đỗ xe hoặc các thiết bị truy cập khi lái.
- Lái xe trong thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến hệ thống không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Đường trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể bị trượt và làm xe có thể bị mất lái.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

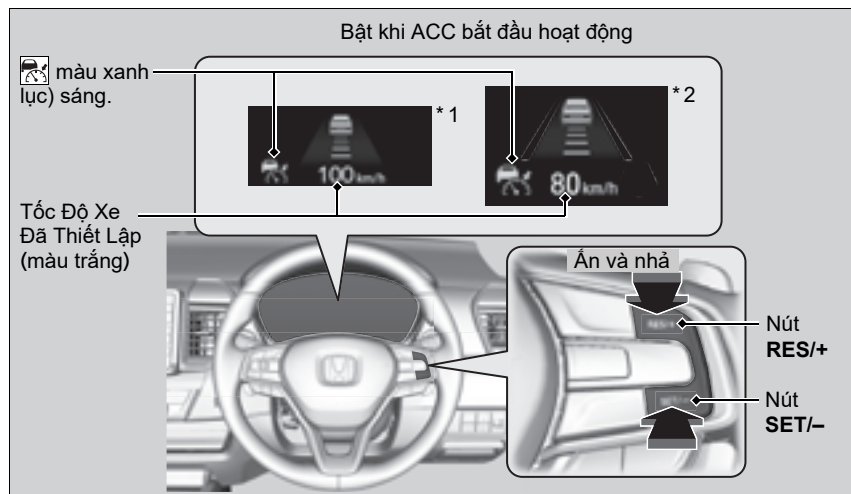
►►Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) và Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể sáng màu hổ phách, đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi tháo ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe số sàn

Khi tốc độ động cơ chậm lại, hãy giảm số.
Khi tốc độ động cơ tăng lên, hãy tăng số.
Bạn có thể duy trì tốc độ cài đặt nếu bạn sang số trong vòng năm giây.

■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **RES/+** hoặc **-/SET** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn.

Vào thời điểm bạn ấn nút, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định và ACC sẽ bắt đầu hoạt động.

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B



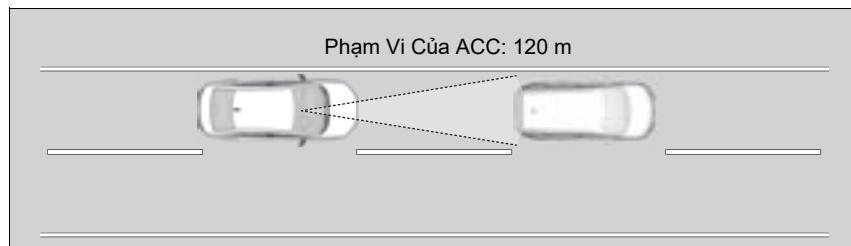
Khi ACC bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã được thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

■ Khi Hoạt Động

■ Có xe phía trước

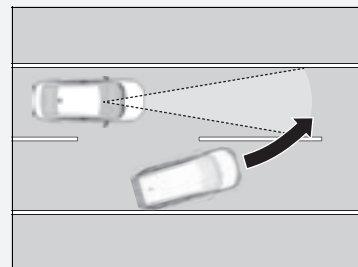
ACC sẽ giám sát nếu xe phía trước bạn đi vào phạm vi ACC. Trong trường hợp này, hệ thống ACC sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã được thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

📏 **Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Giữa Các Xe** Tr. 324

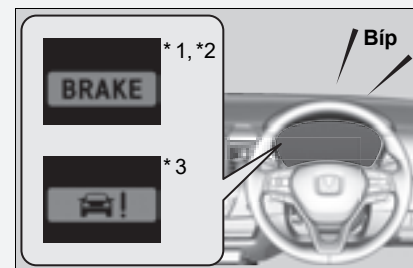


► Khi Hoạt Động

Nếu xe phía trước giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang phía trước, tiếng bíp sẽ vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



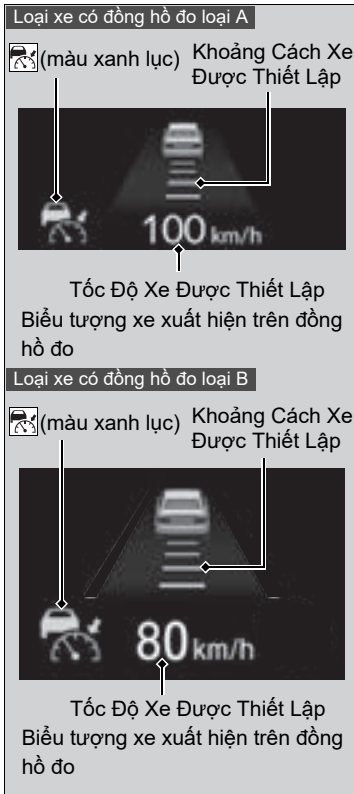
Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.



* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

* 2: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma

* 3: Loại xe ở các quốc gia khác



Khi có một xe khác chạy đến với tốc độ thấp hơn tốc độ xe bạn đã cài đặt và cắt ngang qua đầu xe bạn và được camera phát hiện, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

►► Khi Hoạt Động

Ngay cả khi phát hiện khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước ngắn, ACC có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước chạy với tốc độ bằng xe của bạn hoặc nhanh hơn.
- Xe cắt ngang phía trước xe của bạn chạy với tốc độ nhanh hơn xe của bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC. Chọn bật và tắt tiếng bíp phát hiện xe.

► Cài Đặt Tr. 128, 151

Hạn Chế

Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC. Bên cạnh đó, ACC có thể hoạt động không tốt trong một số điều kiện nhất định.

► Điều Kiện và Hạn Chế Của ACC Tr. 319

■ Không có xe phía trước

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Biểu tượng xe dưới dạng nét đứt xuất hiện trên đồng hồ đo

Loại xe có đồng hồ đo loại B



Biểu tượng xe dưới dạng nét đứt xuất hiện trên đồng hồ đo

■ Khi bạn nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có thông báo bằng âm thanh hay hình ảnh gì ngay cả khi có xe ở trong phạm vi của ACC.

ACC tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy nó. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ trở lại tốc độ đã thiết lập.

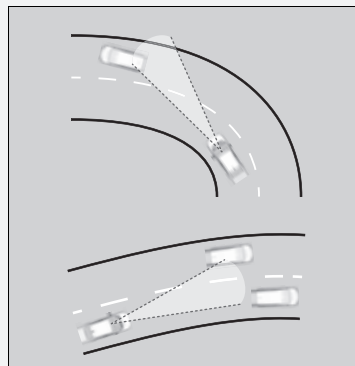
Xe của bạn duy trì tốc độ đã được thiết lập mà không phải dùng chân giữ bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Nếu trước đó có phát hiện ra xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã được thiết lập, ACC sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

Khi xuống dốc cao trong, ACC sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập. Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

►► Khi Hoạt Động

- ACC có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc vùng xung quanh tùy thuộc vào điều kiện đường xá (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc tình trạng xe (ví dụ: điều khiển vô lăng hoặc vị trí xe trong làn đường).



- Khi xe phía trước di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc khu vực trạm đỗ nghỉ, ACC có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

■ Điều Kiện và Hạn Chế Của ACC

Hệ thống có thể tự động tắt trong một số điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC.

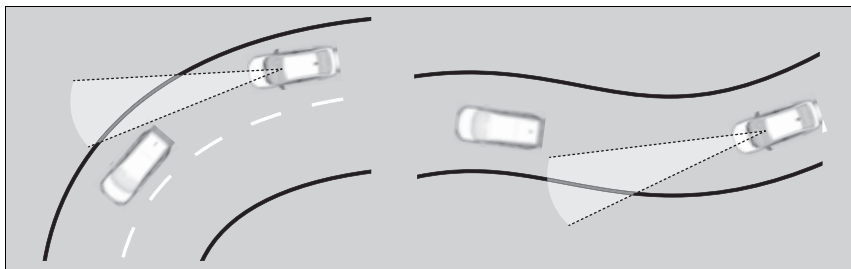
📷 **Camera Trước** Tr. 356

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong điều kiện tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc.



- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chở hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc hàng ghế sau.
- Lắp xích bọc lốp*.
- Phía trước của camera bị bao phủ bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc nơi tối (ví dụ: hầm) với đèn chiếu sáng bị tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc có tầm nhìn kém khi xe đi vào chỗ tối do đèn chiếu sáng được điều chỉnh không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, lốp bơm không đúng, dùng lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời*, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

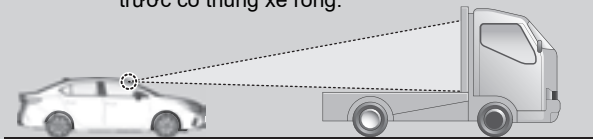
■ Ví dụ về các điều kiện mà camera có thể không phát hiện đúng xe phía trước

- Khi xe khác bất ngờ cắt ngang qua trước mặt bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá ngắn.
- Khi xe phía trước hòa lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không thể nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước sáng một bên hoặc cả hai bên đều không sáng khi xe đi vào chỗ tối.

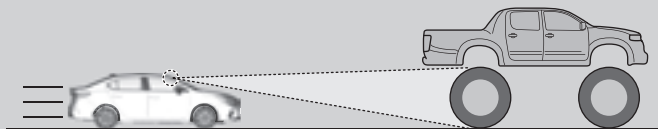
■ Ví dụ về các điều kiện khiến hệ thống có thể không hoạt động tốt

- Xe phía trước dừng và chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe phía trước quá lớn.
- Khi xe phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi xe phía trước xe bạn là xe ba bánh* hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe bạn có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hàng lý, hoặc loại xe hẹp.

Camera phát hiện xe tải phía trước có thùng xe rỗng.



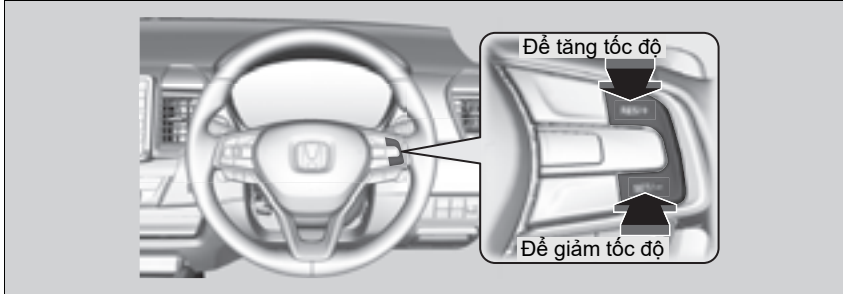
- Khi xe của bạn hoặc xe phía trước đang chạy ở rìa làn đường.
- Khi xe phía trước là xe kích cỡ nhỏ, chẳng hạn như xe máy.
- Khi khoảng sáng tối thiểu gầm xe của xe phía trước là quá cao.



- Khi camera không thể nhận diện chính xác hình dạng của xe phía trước.

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Ấn công tắc **RES/+** hoặc **/SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



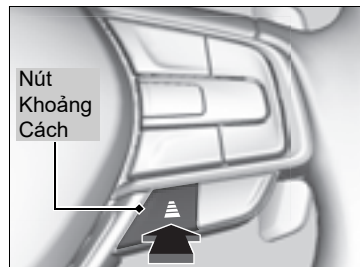
- Mỗi lần bạn ấn công tắc **RES/+** hoặc **/SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Nếu bạn ấn và giữ công tắc **RES/+** hoặc **/SET/-** lên hoặc xuống, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.

►►Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc, ACC không thể tăng tốc độ xe của bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã thiết lập giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả công tắc **RES/+** hoặc **/SET/-**, tốc độ xe khi đó sẽ được thiết lập.

■ Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác



Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác có ACC.

Mỗi khi bạn ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển từ rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo quy định của địa phương về khoảng cách lái.

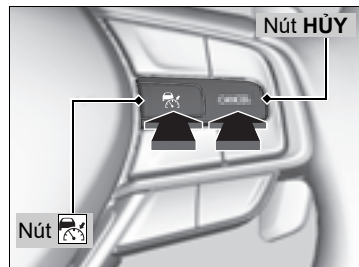
Tốc độ xe bạn càng cao, khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa và rất xa càng trở lên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

Khoảng Cách Xe		Khi Tốc Độ Xe Được Thiết Lập là:	
		80 km/h	104 km/h
Gần		26,6 mét 1,2 giây	33,7 mét 1,2 giây
Trung Bình		34,6 mét 1,6 giây	44,9 mét 1,6 giây
Xa		44,0 mét 2,0 giây	57,1 mét 2,0 giây
Rất Xa		53,6 mét 2,4 giây	70,0 mét 2,4 giây

⚠ Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác

Người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước trong mọi trường hợp và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu và thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao Thông ở địa phương và trách nhiệm của người lái là phải tuân thủ luật.

■ Hủy Chế Độ



Để hủy ACC, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
 - Đèn báo  (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo  (màu trắng).
- Ấn nút .
 - Đèn báo  (màu xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe tiến.
 - Đèn báo  (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo  (màu trắng).

Loại xe số sàn

- Nhấn bàn đạp ly hợp từ năm giây trở lên.
 - Đèn báo  (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo  (màu trắng).

►► Hủy Chế Độ

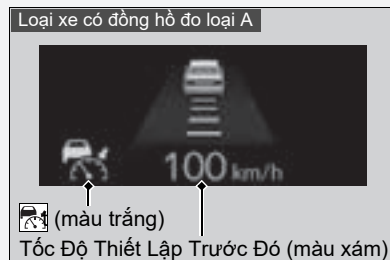
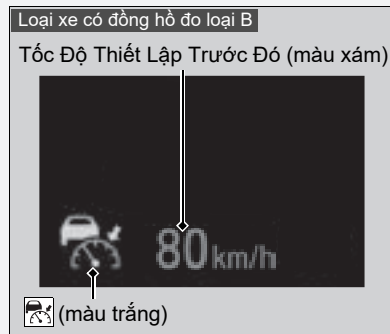
Khởi phục tốc độ cài đặt trước đó: Sau khi bạn hủy ACC, bạn có thể kích hoạt ACC theo tốc độ thiết lập trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn công tắc **RES/+**. Khi bạn tắt ACC bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ thiết lập trước đó sẽ được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám). Khi ấn công tắc **RES/+**, ACC sẽ được kích hoạt theo tốc độ đã hiển thị. Nếu đèn báo  (màu trắng) hiển thị và bạn ấn công tắc **RES/+**, nhưng tốc độ thiết lập trước đó (màu xám) không hiển thị, tốc độ hiện tại của xe sẽ được thiết lập.

■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi ACC bị hủy tự động. Bất kỳ trường hợp nào sau đây có thể làm ACC bị hủy tự động:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v).
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện ra tình trạng lốp xe bất thường hoặc lốp xe bị trượt.
- Lái trên đường đồi núi hoặc lái ở đường hiểm trở trong thời gian dài.
- Xoay vô lăng đột ngột.
- Khi kích hoạt ABS, VSA hoặc CMBS.
- Khi đèn báo hệ thống VSA sáng.
- Khi gạt phanh đỗ bằng tay.
- Khi tốc độ xe dưới 25 km/h.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe khi ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ: vào lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Khi phát hiện xe khác trong phạm vi ACC ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Xe chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc hàng ghế sau.
- Khi đi qua khu vực tối ví dụ như đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hồ phách) sáng.
- Nhấn phanh nhiều lần để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào của người lái trong một khoảng thời gian nhất định đồng thời LKAS cũng được kích hoạt.

» Hủy Chế Độ



Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC bằng nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó cài đặt tốc độ mong muốn.

Nếu tốc độ xe là dưới 30 km/h, bạn không thể khôi phục tốc độ.

Loại xe số sàn

- Bỏ qua đèn báo tăng số hoặc giảm số hiển thị trên đồng hồ đo sẽ làm hủy ACC sau khoảng 10 giây.
- Tốc độ động cơ đi vào vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ.
- Tốc độ động cơ giảm xuống 1.000 rpm.
- Tạm thời sang số trung gian khi sang số cao hơn hoặc thấp hơn.
- Khi gạt cần số đến **N** mà không nhấn bàn đạp ly hợp.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Hệ thống giúp điều khiển hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường đã phát hiện và cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và hình ảnh nếu phát hiện xe ra ngoài làn đường.

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện chứ không thể thay thế cho việc điều khiển xe của bạn. Hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển vì các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn đang đi chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ thống LKAS không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

LKAS không thể hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông đông đúc hoặc trên đường ngoằn ngoèo.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

► Camera Trước Tr. 356

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

► Điều Kiện và Hạn Chế của LKAS Tr. 338

▶▶ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

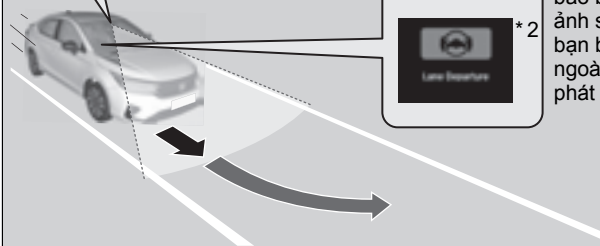
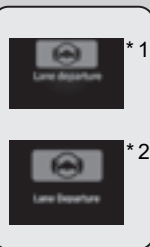
Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

■ Hỗ trợ hệ thống lái

Hệ thống tác động mô-men lực lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải. Mô-men lực sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch phân cách làn đường.



■ Camera trước
Giám sát vạch phân cách làn đường



■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và hình ảnh

Vô lăng rung liên tục và cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để bảo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường đã được phát hiện.

Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.

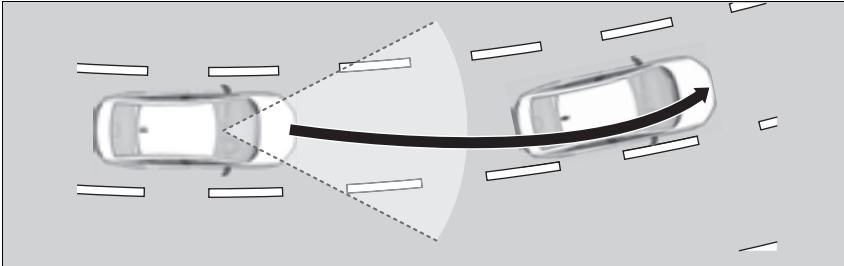
Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và lực mô-men sẽ tác động vào hệ thống lái.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

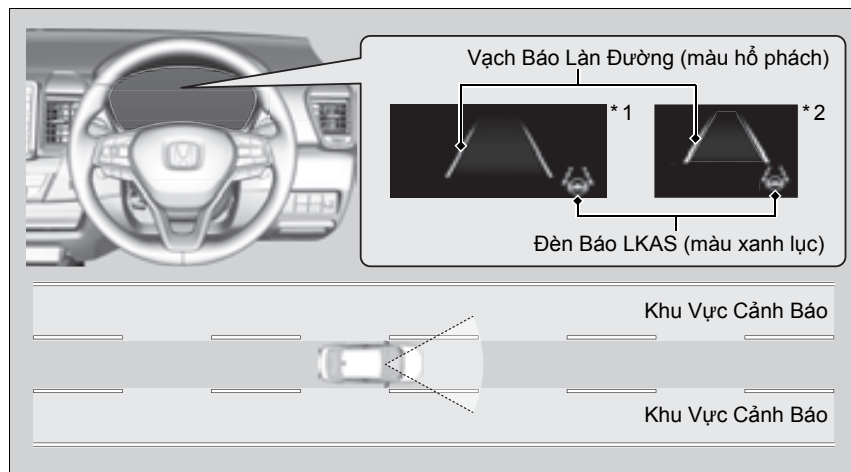
■ Chức Năng Hỗ Trợ Giữ Làn Đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống lái trợ lực điện sẽ tăng lên.



■ Chức Năng Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.



*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

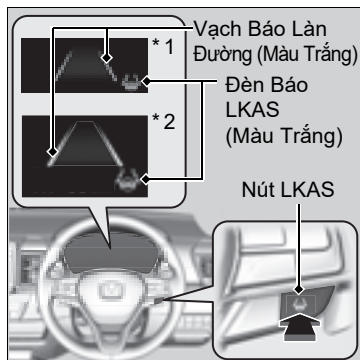
*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Hệ Thống có thể được Sử Dụng Khi

Hệ thống có thể được sử dụng khi đáp ứng điều kiện sau:

- Làn đường đang lái có các vạch báo làn đường để phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Tốc độ xe khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Lái trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

■ Cách kích hoạt hệ thống



1. Ấn nút LKAS.

- Đèn báo LKAS (màu trắng) sẽ sáng trên đồng hồ đo. Hệ thống đang ở chế độ chờ.
- Nếu phát hiện vạch phân cách làn đường, vạch màu trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

►►Hệ Thống có thể được Sử Dụng Khi

Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Thực hiện theo chỉ dẫn sau để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, lưu ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.
- Không dán nhãn vào khu vực xung quanh camera.

Nếu ấn nút LKAS khi hệ thống có thể được sử dụng, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Vạch Báo Làn Đường (Màu Xanh Lục)



Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vạch Báo Làn Đường (Màu Xanh Lục)

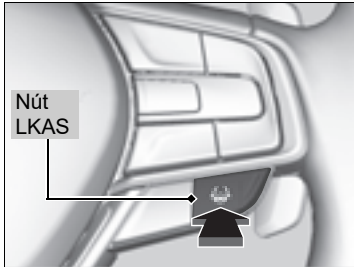


Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

2. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

- ▶ Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang xanh lục và vạch trắng chuyển sang xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch báo làn đường bên trái và bên phải.

■ Hủy Chế Độ



Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống vào lần lái xe gần đây nhất.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

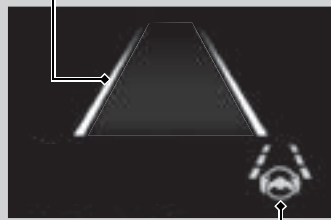
Vạch Báo Làn Đường (Màu Trắng)



Đèn báo LKAS (màu trắng)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vạch Báo Làn Đường (Trắng)



Đèn báo LKAS (màu trắng)

Khi LKAS tạm dừng, các vạch phân cách làn đường màu xanh lục trên đồng hồ đo chuyển sang màu trắng hoặc biến mất và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).

■ Hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:

- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h trở xuống.
 - ▶ Tăng tốc độ xe lên khoảng 72 km/h trở lên, LKAS sẽ hoạt động trở lại.
- Nhấn bàn đạp phanh.
 - ▶ LKAS tiếp tục hoạt động và bắt đầu phát hiện vạch phân cách làn đường khi nhả bàn đạp phanh.
- Bạn đang lái xe sang phải hoặc sang trái làn đường.

▶▶Hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho LKAS. Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.

▶▶Cài đặt Tr. 128, 151

■ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
 - Xoay vô lăng nhanh.
 - Xe bị mất lái.
 - Lái xe trên đường có góc cua hẹp.
 - Lái ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.
 - Hệ thống ABS hoặc VSA được kích hoạt.
- LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ LKAS có thể tự động hủy khi:

Trong những trường hợp sau, vạch phân cách làn đường có thể biến mất trên đồng hồ đo, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động bị hủy:

- Nhiệt độ camera quá cao.
- Camera ở phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera và kính chắn gió bị bẩn.

■ Điều Kiện và Hạn Chế Của LKAS

Hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

■ Điều kiện môi trường

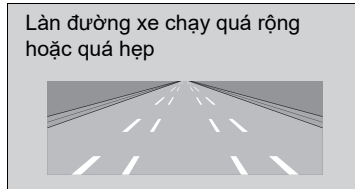
- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường là không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đây (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hoặc đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua hầm (do ánh sáng yếu, làn đường hoặc mặt đường có thể không được chiếu sáng).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần, không nhìn thấy vạch báo làn đường hoặc mặt đường.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách làn đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường đã cũ.

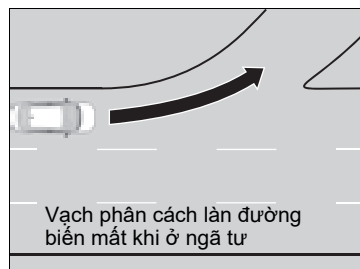


- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hoặc cắt nhau, ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.



- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc lái gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện, v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái trên đường gồ ghề hoặc không lát đá, mặt đường mấp mô.

- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường dính nước hoặc có vũng nước.
- Không nhận diện được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.



■ Điều kiện xe

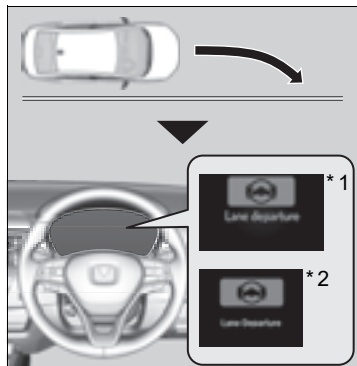
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời*, v.v).
- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo bị sửa đổi.
- Lắp xích bọc lốp*.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường và/hoặc ra khỏi làn đường xe chạy.

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống



Camera trước lắp ở sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và phải (màu trắng hoặc màu vàng). Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường được phát hiện mà không bật xi nhan, ngoài việc xuất hiện cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và thông báo cho bạn biết bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

▶ Cài đặt Tr. 128, 151

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure**^{*1}/**Lane Departure**^{*2} sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh cắt ngang qua vạch phân cách làn đường được phát hiện.

*1: Loại xe có đồng hồ loại A

*2: Loại xe có đồng hồ loại B

▶▶ Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cũng có hạn chế. Quá phụ thuộc vào hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần giữ xe đi đúng làn đường.

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện ra tất cả các vạch phân cách làn đường, làn đường hay vạch xuất phát đường bộ; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

Không kích hoạt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

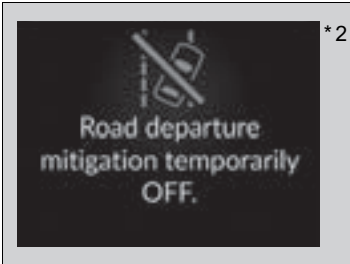
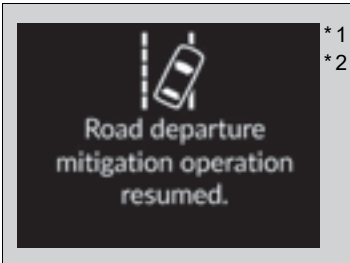
Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

▶ Camera Trước Tr. 356

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể hoạt động tốt ở một số điều kiện nhất định:

▶ Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 347

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Nếu hệ thống vận hành vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn. Sau đó, tính năng hỗ trợ lái hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tạm thời dừng và chỉ có âm thanh cảnh báo.

Sau một vài phút, thông báo ở hình bên trái sẽ xuất hiện và hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ được khôi phục hoàn toàn.

*1: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar

*2: Loại xe ở các quốc gia khác

►►Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

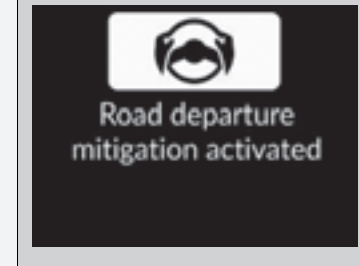
Đôi khi bạn không nhận thấy được các chức năng của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.

Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định xe bạn có khả năng đi qua các vạch phân cách làn đường đã phát hiện.

► Cài đặt Tr. 128, 151

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Nếu hệ thống vận hành vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn. Sau đó, đèn báo TẮT Tự Động Tính Năng Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sáng, tính năng hỗ trợ lái của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo cho bạn bằng âm thanh cảnh báo.

Sau vài phút, đèn báo TẮT Tự Động Tính Năng Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ tắt và hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường được khôi phục hoàn toàn.

▶▶ Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Loại xe có đồng hồ đo loại B



*1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

*2: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma

*3: Loại xe ở các quốc gia khác

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Các vạch phân cách làn đường là màu trắng (màu vàng).
- Tốc độ xe từ khoảng 72 đến 180 km/h.
- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Hệ thống xác định người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.

» Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường (màu hổ phách) sáng và sáng suốt.

► Đèn Báo Tr. 92

Chức năng hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở phía trong của đường vòng hoặc ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

■ **Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường**

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📺 **Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị** Tr. 120

📺 **Hỗ Trợ An Toàn** Tr. 126

Mỗi khi bạn khởi động động cơ, hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ ở bật hoặc tắt như ở lần lựa chọn trước đó.

▶▶ **Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường**

Khi bạn chọn **Warning only**^{*1}/**Warning Only**^{*2}, hệ thống sẽ không vận hành vô lăng.

📺 **Cài đặt** Tr. 128, 151

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp^{*}, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) và Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể sáng màu hổ phách, đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở **BẬT** sau khi tháo ắc quy.

Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường và vị trí của xe trong một số điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

■ Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hay đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua đường hầm (do ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường, mặt đường hoặc xe đang đến gần).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ.
- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hoặc cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) không được nhận dạng chính xác do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.

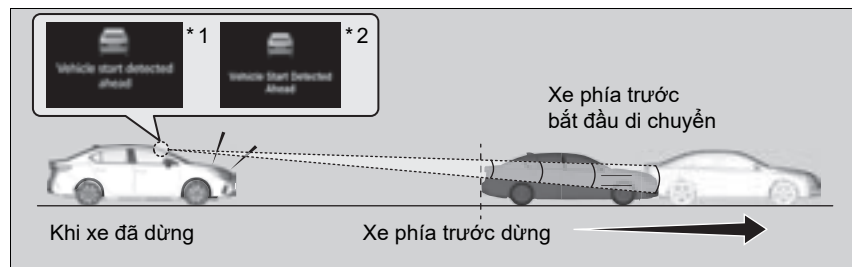
■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera trước bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái vận hành bàn đạp phanh và vô lăng.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ hoặc cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lắp xích bọc lốp*.
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

Thông báo cho bạn bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại mặc dù xe phía trước bạn đã bắt đầu di chuyển.



▶▶ Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

⚠ CẢNH BÁO

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Phải quan sát kỹ xung quanh để đảm bảo an toàn trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn giữa các xe trong khi lái.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trang bị cho hệ thống này.

▶▶ **Camera Trước** Tr. 356

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe kia di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Khi cần số ở **D** hoặc **S**

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh.

■ Khi cần số ở **N**

Hệ thống sẽ hoạt động khi đã đỗ xe, nhấn bàn đạp phanh hoặc phanh đỗ đang hoạt động.

Loại xe số sàn

■ Khi cần số không ở **R**

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh, phanh đỗ đang hoạt động.

Bạn có thể chọn một trong hai chế độ hoạt động của hệ thống, **Normal** (Trung Bình) và **Early** (Sớm).

▶ Cài đặt Tr. 128, 151

Ở chế độ **Normal**, hệ thống sẽ hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng khoảng 3 m.

Ở chế độ **Early**, hệ thống sẽ hoạt động ngay khi phát hiện xe phía trước di chuyển.

▶▶Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

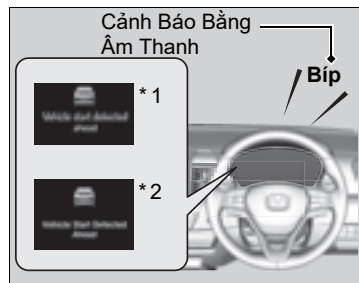
Bạn có thể tắt Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành.

▶ Cài đặt Tr. 128, 151

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành sẽ không hoạt động trong khi Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (màu hổ phách) sáng.

▶ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Tr. 311

■ Khi Hệ Thống Hoạt Động



Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

* 1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

* 2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành

Ở các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như trong đường hầm nơi có ánh sáng yếu không chiếu rõ toàn bộ xe.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô, có dốc hoặc rẽ trái hoặc rẽ phải đột ngột.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Xe chỉ dừng trong thời gian ngắn.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời, v.v).
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

■ Ví dụ về các điều kiện mà camera có thể không phát hiện chính xác xe phía trước

- Xe phía trước chỉ dừng lại một lúc.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước di chuyển quá chậm.
- Xe phía trước đột ngột quay đầu hoặc rẽ trái hoặc phải.
- Xe phía trước lấn vào không gian và không thể phát hiện ra.
- Xe phía trước chỉ bật một đèn hậu hoặc cả hai đèn hậu đều không sáng.

■ Ví dụ về các hạn chế phát hiện khác

- Có người đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc các xe có hình dạng đặc biệt khác ở phía trước xe bạn.
- Có xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đi giữa xe bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay phía trước xe bạn.

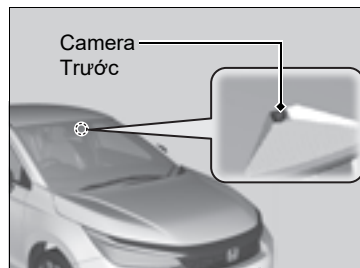
■ Ví dụ về các hạn chế khác về hoạt động của hệ thống

- Camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước.
- Xe phía trước có khoảng sáng gầm xe rất cao.
- Xe phía trước, ví dụ như xe tải không có rơ-moóc, có phía sau nhỏ hơn phía trước.

Camera Trước

Camera trước được sử dụng ở các hệ thống như Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS), Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS), Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* để giúp phát hiện vật thể làm cản trở hoạt động của các hệ thống này.

■ Lưu Ý Về Vị Trí và Việc Sử Dụng Camera



Camera trước này được lắp ở phía sau gương chiếu hậu.

Để tránh tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến camera tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm để đỗ xe hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không được che phần vỏ camera để tránh làm tập trung nhiệt vào camera.

►Camera Trước

Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera và làm cho hệ thống hoạt động bất thường.

Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu có thể làm cho hệ thống hoạt động bất thường.

Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên bảng điều khiển để tránh làm phản chiếu lên kính chắn gió và làm hệ thống không thể phát hiện chính xác các vạch phân cách làn đường.

»Camera Trước

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high**^{*1/} **Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Camera Temperature Too High**^{*2} (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Nhiệt độ camera quá cao) xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ để làm mát bên trong xe. Nếu cần, có thể sử dụng chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Nếu thông báo **Some driver assist system cannot operate: Clean front windshield or poor viewing condition**^{*3, *4/} **Some driver assist systems cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition**^{*5} (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Lau sạch kính chắn gió trước hoặc điều kiện quan sát kém) xuất hiện:

- Đỗ xe nơi an toàn và đảm bảo kính chắn gió luôn sạch. Lau sạch kính chắn gió nếu kính bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi đã lái xe đi được một đoạn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nếu thông báo **Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Clean Front Windshield Or Poor Viewing Condition**^{*3, *4/} **Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Clean Front Windscreen Or Poor Viewing Condition**^{*5} xuất hiện:

- Đỗ xe nơi an toàn và đảm bảo kính chắn gió luôn sạch. Lau sạch kính chắn gió nếu kính bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi đã lái xe đi được một đoạn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

*3: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

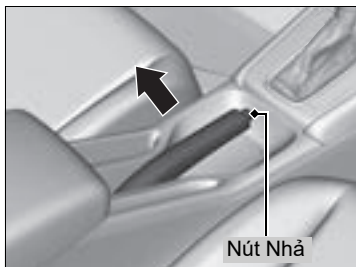
*4: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanmar

*5: Loại xe ở các quốc gia khác

Hệ Thống Phanh

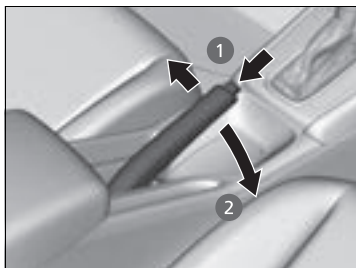
Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ.



Gài phanh:

Kéo cần lên hết cỡ mà không ấn nút nhả.



Nhả phanh:

1. Kéo nhẹ cần lên, ấn và giữ nút nhả.
2. Hạ cần xuống hết cỡ và bỏ tay ra khỏi nút.

Phanh Đỗ

CHÚ Ý

Nhả hết phanh đỗ trước khi lái xe. Nếu bạn lái xe trong khi phanh đỗ vẫn được gài có thể khiến các phanh sau và cầu xe bị hỏng.

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên và thông báo **Release parking brake**^{*1}/**Release Parking Brake**^{*2} (Nhả Phanh Đỗ) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn lái xe đi mà chưa nhả hết phanh đỗ.

Luôn gài phanh đỗ khi đỗ xe.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở các bánh trước và phanh tang trống ở các bánh sau. Trợ lực chân không giúp giảm lực tác dụng cần thiết lên bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp sẽ làm tăng lực phanh khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

► **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 361

► **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** Tr. 360

►►Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp phanh vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do kim loại cọ sát khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga và về số thấp hơn. Với loại xe số sàn, hãy dùng số thấp hơn để phanh hiệu quả hơn.

Không đặt chân lên bàn đạp phanh khi đang lái, vì hành động này sẽ tác dụng nhẹ lên phanh, dẫn đến làm giảm hiệu quả phanh, làm giảm tuổi thọ của má phanh và cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc chắn bàn đạp phanh. Khi lái xe trên đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay nếu bạn cố dừng xe trên đường có băng hoặc tuyết.

ABS có thể hoạt động khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:

- Đường ướt hoặc phủ tuyết.
- Đường được lát bằng đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, chẳng hạn như đường có ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

►►Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại và kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố.

ABS có thể không hoạt động ngay cả khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

ABS không có chức năng làm giảm thời gian và khoảng cách dừng xe vì hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe cần có khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:

- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lấp xích bọc lốp*.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau khi có hệ thống ABS:

- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động động cơ và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi ABS hoạt động.

Những tiếng rung và âm thanh này là bình thường đối với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Có chức năng hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

■ Hoạt động của hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

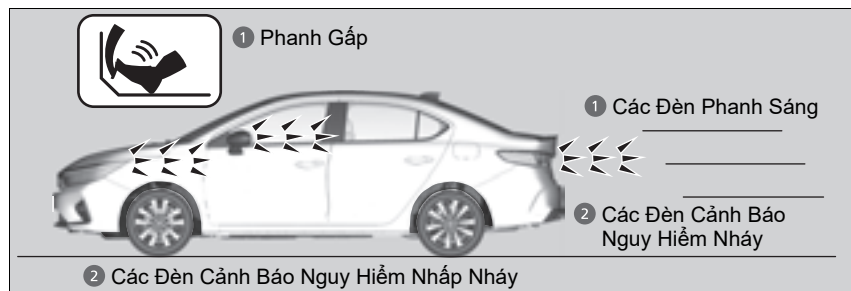
Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp hoạt động, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng ồn phát ra. Điều này là bình thường. Hãy nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Hoạt động khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái ở tốc độ 60 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh khẩn cấp bằng cách nhấp liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe của bạn.

■ Khi hệ thống hoạt động:



Đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nhấp nháy khi:

- Bạn nhả bàn đạp phanh.
- ABS bị vô hiệu hoá.
- Tốc độ giảm tốc xe của bạn trở nên vừa phải.
- Bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

►►Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nhấp khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Khi Xe Đã Dừng

1. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.

2. Gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

3. Gạt cần số đến **P**.

Loại xe số sàn

3. Gạt cần số đến **N**.

Loại xe có hộp số vô cấp

4. Tắt động cơ.

Loại xe số sàn

4. Tắt động cơ và gạt cần số đến **R** hoặc **1**.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

»Đỗ Xe

Loại xe có hộp số vô cấp

CẢNH BÁO

Xe có thể bị trượt nếu không đảm bảo đã gài phanh Đỗ.

Xe bị trượt có thể gây ra va chạm dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.

Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận **P** hiển thị trên đèn báo số.

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.

Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số đến **P** trước khi xe dừng hẳn.

»»Khi Xe Đã Dừng

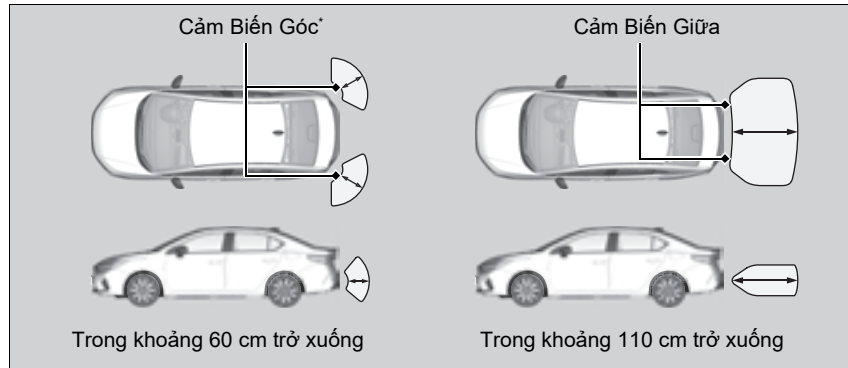
Tất cả các đời xe

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi đã gài. Nếu gặp phải tình trạng thời tiết như vậy, không gài phanh đỗ. Nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có nguy cơ lặn xuống, hoặc chèn các bánh xe để cho xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lặn bất ngờ, gây va chạm.

Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Các cảm biến góc sau* và cảm biến giữa theo dõi các vật cản phía sau xe bạn, bộ phát tiếng bíp và màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



Loại xe không có nút hệ thống cảm biến đỗ

Hệ thống hoạt động khi cần số ở **R** và tốc độ xe dưới 8 km/h.

►►Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động tốt khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi che phủ.
- Xe đỗ bên ngoài trời nóng hoặc lạnh.
- Có đồ vật gần đó phát ra sóng siêu âm hoặc âm thanh tần số cao.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Có phụ kiện bất kỳ đặt lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

Hệ thống không thể phát hiện các vật cản sau:

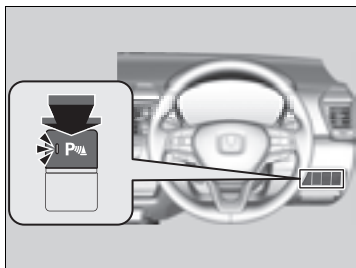
- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc vật xốp.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Hệ thống có thể phát hiện sai vật cản trong các trường hợp sau:

- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác hấp thụ sóng siêu âm.
- Nước bắn gần các cảm biến do mưa to, v.v.

Loại xe có nút hệ thống cảm biến đỗ

■ Bật và Tắt Hệ Thống Cảm Biến Đỗ



Khi chế độ nguồn ở BẬT, hãy ấn nút hệ thống cảm biến đỗ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên nút sẽ sáng khi bật hệ thống.

Cảm biến giữa sau và cảm biến góc bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở **R** và tốc độ xe dưới 8 km/h.

»Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Không đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

Loại xe có nút hệ thống cảm biến đỗ

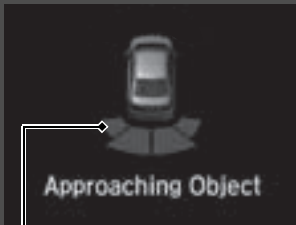
- Nếu bạn đặt phụ kiện bất kỳ (như giá để xe đạp) lên trên hoặc gần cảm biến sau, hệ thống có thể kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.

➤ **Tắt Tắt Cả Các Cảm Biến Sau** Tr. 368

»Bật và tắt Hệ Thống Cảm Biến Đỗ

Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT, hệ thống sẽ ở trạng thái đã chọn trước đó.

■ **Khi Khoảng Cách Giữa Xe BẠN và Chướng Ngại Vật Gần Hơn**

Độ dài tiếng bíp gián đoạn	Khoảng cách giữa Tầm Cản và Vật Cản		Đèn Báo ^{*1}	Màn hình giao diện thông tin cho người lái ^{*1}
	Cảm Biến Góc*	Cảm Biến Giữa		
Trung bình	—	Khoảng 60-110 cm	Nhấp Nháy Màu Vàng ^{*2}	 <p>Đèn báo sáng ở nơi cảm biến phát hiện vật cản</p>
Ngắn	Khoảng 45-60 cm	Khoảng 45-60 cm	Nhấp Nháy Màu Hồ Phách	
Rất ngắn	Khoảng 35-45 cm	Khoảng 35-45 cm		
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 35 cm trở xuống	Nhấp Nháy Màu Đỏ	

* 1: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái
* 2: Ở giai đoạn này, chỉ các cảm biến giữa phát hiện các vật cản.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có nút hệ thống cảm biến đỗ

■ Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau

Hãy thực hiện các bước dưới đây để tắt các cảm biến sau:

1. Đảm bảo hệ thống cảm biến đỗ không hoạt động.
 - Đèn báo trên nút tắt.
2. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
3. Ấn và giữ nút hệ thống cảm biến đỗ và đặt chế độ nguồn ở BẬT .
4. Ấn và giữ nút trong 10 giây. Nhả nút khi đèn báo trên nút nhấp nháy.
 - Tiếng bíp vang lên một lần.
5. Trong khi đèn báo đang nhấp nháy, ấn nút lần nữa. Đèn báo trên nút sẽ tắt.
 - Tiếng bíp vang lên hai lần, các cảm biến sau sẽ tắt. Các cảm biến sẽ tiếp tục tắt cho đến khi bật lại bằng tay. Để bật lại cảm biến sau, làm theo quy trình trên. Tiếng bíp vang lên ba lần khi bật lại các cảm biến sau.

►►Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau

Khi bạn sang số [R], đèn báo trên nút hệ thống cảm biến đỗ sẽ nhấp nháy để nhắc nhở cảm biến sau đã tắt.

Thông Tin Nhiên Liệu

■ Nhiên liệu khuyến dùng

Loại xe Indonesia

Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

Ngoại trừ loại xe Indonesia

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

■ Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

■ Dung dịch vệ sinh động cơ

Chất lượng nhiên liệu thay đổi theo vùng. Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hiệu theo thời gian và quãng đường được mô tả trong lịch bảo dưỡng. Hãy sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun chính hiệu Honda. Nếu không có sẵn, hãy thay thế bằng dung dịch vệ sinh gốc PEA (polyetheramine). Có thể cần sử dụng thường xuyên dung dịch vệ sinh kim phun ở các quốc gia hoặc khu vực không có lịch bảo dưỡng. Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

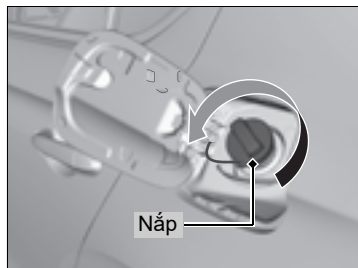
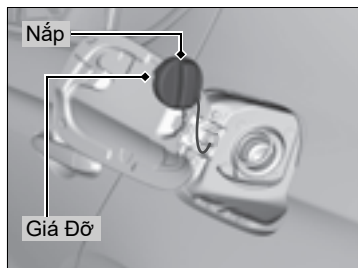
» Thông Tin Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những nguy hại sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

Cách Nạp Nhiên Liệu



1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở phía sau, bên trái của xe.
2. Tắt động cơ.
3. Kéo lấy mở cửa nạp nhiên liệu ở góc ngoài bên dưới bảng táp-lô phía người lái.
► Cửa nạp nhiên liệu mở.
4. Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, đợi đến khi không còn tiếng xì, xoay nút từ từ để mở nắp bình nhiên liệu.
5. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
6. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.
► Khi bình nhiên liệu đầy, vòi phun sẽ tự động ngắt và để lại khoảng trống trong bình phòng khi nhiên liệu nở ra do thay đổi về nhiệt độ.
7. Sau khi đổ đầy, đậy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.
► Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

►► Cách Nạp Nhiên Liệu

⚠ CẢNH BÁO

Nhiên liệu có nguy cơ cháy nổ rất cao. Bạn có thể bị bỏng hoặc bị trọng thương khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ, để xe tránh xa các nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn ra.

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu, để phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động ngắt. Nếu cứ nạp thêm có thể làm tràn nhiên liệu.

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Việc tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO₂ phụ thuộc vào một số điều kiện như điều kiện lái, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng xe. Tùy theo các điều kiện này và một số điều kiện khác, có thể bạn không thể đạt được tiết kiệm nhiên liệu định mức cho xe.

Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Làm theo lịch bảo dưỡng trong sổ bảo hành kèm theo xe.

➤ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 377

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt phù hợp.

➤ **Dầu Động Cơ Khuyến Dùng** Tr. 384

- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không được tải quá trọng lượng cho phép.
- Vệ sinh xe sạch sẽ. Tuyệt hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

» Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

100	×	Lít nhiên liệu	÷	Kilomet đi được	=	Lít trên 100 km
Kilomet đi được	÷	Lít nhiên liệu	=	Kilomet trên Lít		

Loại xe các nước Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)

Bạn có thể cải thiện quãng đường đi được và giảm khí thải CO₂ cho xe bằng cách thực hiện theo các chỉ dẫn sau:

- Vận hành xe đúng cách.
- Bảo dưỡng xe định kỳ.
- Duy trì áp suất lốp tiêu chuẩn.
- Tránh chở quá trọng tải.
- Tận dụng các kỹ thuật lái xe tiết kiệm nhiên liệu như: lái xe ở tốc độ thấp hơn, giảm thời gian không tải và tránh tăng tốc đột ngột.

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Nhà sản xuất/Nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: XĂNG KHÔNG CHÌ

Chu trình thử: QCVN 109:2021/BGTVT

Số loại	Chu trình tổ hợp	Chu trình đô thị cơ bản	Chu trình đô thị phụ
CITY G-GN264RL	5,6	7,3	4,7
CITY L-GN266RLN	5,6	7,3	4,7
CITY RS-GN268REN	5,6	7,3	4,7

Đơn vị: Lít/100km

Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

Bảo Dưỡng

Chương này đề cập quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng	374
An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng	375
Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng	376

Lịch Bảo Dưỡng.....377

Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô.....	382
Mở Nắp Ca-pô	383
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng.....	384
Kiểm Tra Dầu.....	385
Bổ Sung Dầu Động Cơ	386

Nước Làm Mát Động Cơ	387
Dầu Hộp Số	389
Dầu Phanh/Ly Hợp*	390
Bổ Sung Nước Rửa Kính	391
Lọc Dầu	391
Thay Bóng Đèn	392

Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt

Nước	406
Kiểm Tra và Thay Lốp	408
Vạch Báo Độ Mòn Lốp.....	410
Tuổi Thọ Lốp.....	410
Thay Lốp và Bánh Xe	411

Đảo Lốp.....	412
Thiết Bị Bám Đường Tuyệt	413
Ắc Quy.....	415
Bảo Dưỡng Chìa Khóa Điều Khiển Từ	
Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ	
Xa	419

Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi và Hệ Thống Làm Mát* /Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ*

Lọc Gió Điều Hòa	421
Vệ Sinh	
Vệ Sinh Nội Thất	423
Vệ Sinh Ngoại Thất	425
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	428

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện ra bất kỳ sự cố nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, có cặn dầu trên đất, v.v.), hãy đưa xe đến đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo Sổ Bảo Dưỡng kèm theo xe/lich bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin chi tiết về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 377

Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

■ Kiểm tra hàng ngày

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh/dầu ly hợp* hàng tháng.
📖 **Dầu Phanh/Ly Hợp*** Tr. 390
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra xem gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật gì không.
📖 **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 408
- Kiểm tra các đèn ngoài xe hàng tháng.
📖 **Thay Bóng Đèn** Tr. 392
- Kiểm tra tình trạng của các lưới gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
📖 **Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước** Tr. 406

An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Phần này đề cập đến một số biện pháp an toàn quan trọng nhất khi bảo dưỡng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện các công việc bảo dưỡng cụ thể hay không.

An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm khả năng cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy dưới nắp ca-pô.
► Nhiệt nóng từ động cơ và khí xả có thể bắt lửa gây cháy.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng bình xịt hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa CO₂ rất độc hại và có thể gây chết người.
► Chỉ vận hành động cơ ở khu vực có thông gió tốt.

An Toàn Cho Xe

- Phải dừng xe.
► Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
► Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Lưu ý rằng các bộ phận di chuyển trên xe có thể khiến bạn bị thương.
► Không khởi động động cơ trừ khi được chỉ dẫn và không chạm tay vào các bộ phận đang di chuyển.

►► An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố xe trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ Bảo Dưỡng này.

⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện đúng theo các chỉ dẫn và lưu ý bảo dưỡng có thể làm bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng

Hãy sử dụng các phụ tùng và các loại dung dịch chính hiệu Honda khi bảo dưỡng và bảo trì xe. Các phụ tùng chính hiệu Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng riêng cho xe của Honda.

Nếu xe bạn có Sổ Bảo Dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ. Đối với xe không có Sổ Bảo Dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về khí hậu và vùng miền, cần bổ sung vài quy trình bảo dưỡng. Hãy tham khảo sổ bảo hành để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý ủy quyền của bạn sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Ngoại trừ loại xe châu Phi

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước	km x 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Thay dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay màng lọc gió		Sau mỗi 30.000 km ² Sau mỗi 20.000 km ³									
Kiểm tra khe hở xu-páp ¹		Sau mỗi 120.000 km									

* 1: Phương Pháp Cảm Nhận: Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.

* 2: Ngoại trừ loại xe Ấn Độ

* 3: Loại xe Ấn Độ

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.		km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
		tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay bu-gi			Sau mỗi 100.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động				•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ			Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Thay dầu hộp số	MT Bình Thường						•					
	Khắc Nghiệt			•			•			•		
	CVT		•		•		•		•		•	
Thay lọc gió điều hòa			•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kiểm tra phanh trước và sau			Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay lọc nhiên liệu*1	Bình Thường	Sau mỗi 120.000 km*2, *3, *4 Sau mỗi 140.000 km*5										
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 60.000 km*2, *3, *4 Sau mỗi 90.000 km*5										
Thay dầu phanh			Sau mỗi 3 năm									
Kiểm tra việc điều chỉnh phanh đỗ			•	•		•		•		•		•
Đảo lốp (Mỗi tháng kiểm tra lốp xẹp và điều kiện lốp ít nhất một lần)			Sau mỗi 10.000 km									

* 1: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v ... vì lọc có thể nhanh bị tắc.

* 2: Loại xe Ấn Độ, Zambia, Zimbabwe, Botswana, Namibia, Mozambique, Seychelles, Mauritius, Kenya, Guyana, Suriname và Indonesia

* 3: Loại xe các nước Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)

* 4: Loại xe Châu Phi

* 5: Loại xe dành cho các quốc gia khác

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
tùy theo điều kiện nào đến trước. tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120

Kiểm tra bằng mắt các mục sau:

Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái và chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trực truyền động	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Mức dung dịch điện phân trong bình ắc quy* ¹	Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

* 1: Loại xe các nước Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)

Nếu lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, phải bảo dưỡng các mục sau theo lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái Khắc Nghiệt.

Mục	Điều Kiện
Dầu động cơ và lọc dầu	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B, D

►►Lịch Bảo Dưỡng

Các điều kiện sau được cho là điều kiện lái khắc nghiệt:

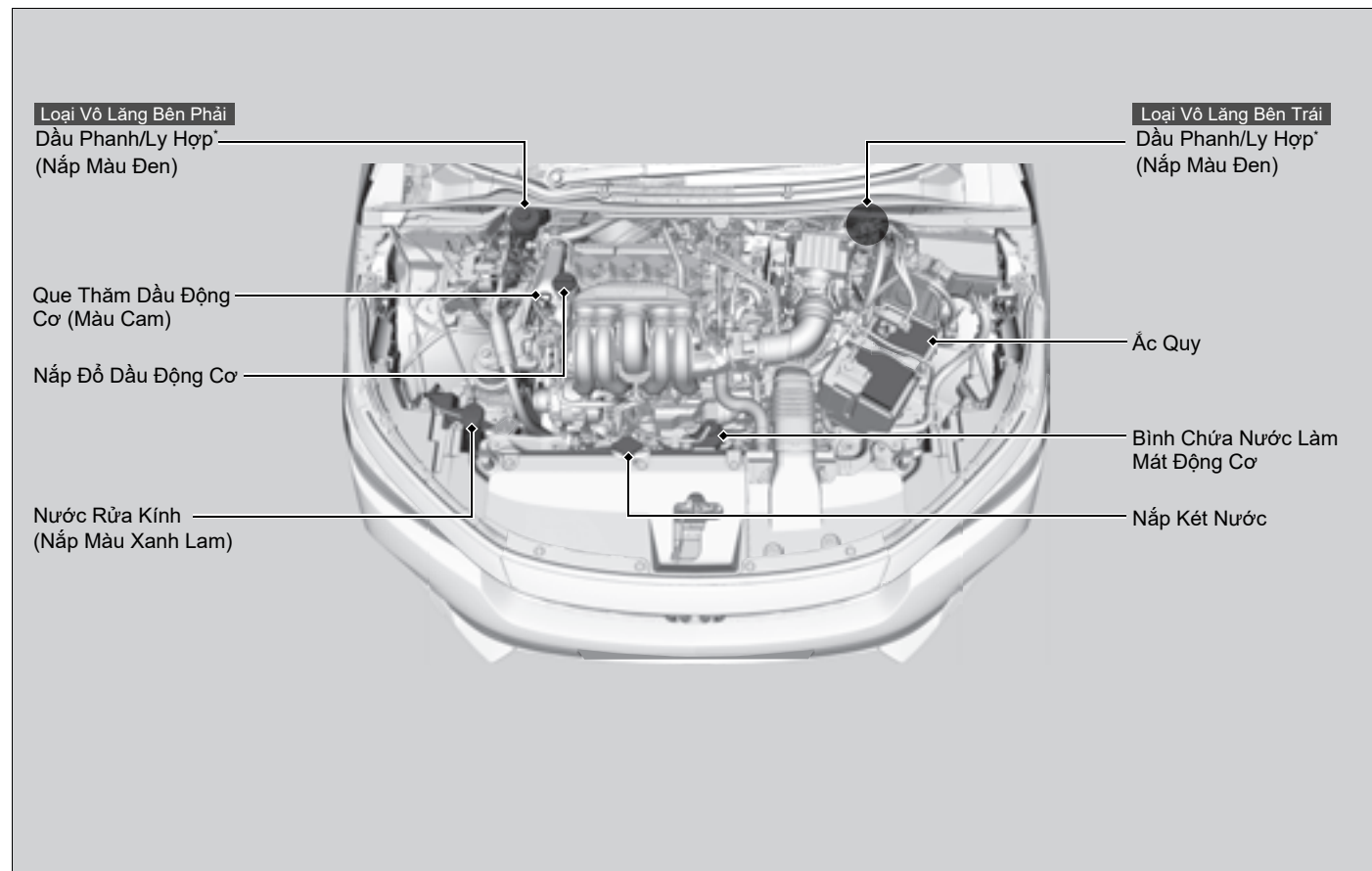
- A. Lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km cho mỗi chuyến đi trong nhiệt độ đóng băng.
- B. Nhiệt độ quá nóng trên 35°C.
- C. Chạy không tải quá lâu hoặc dừng nhiều lần.
- D. Tải nặng trên nóc xe, hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Trên đường bùn đất, bụi hoặc băng tan.

Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Với Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

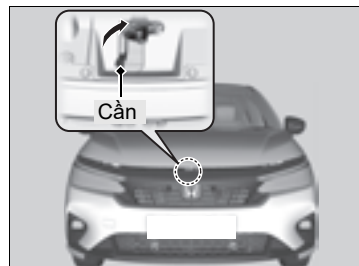
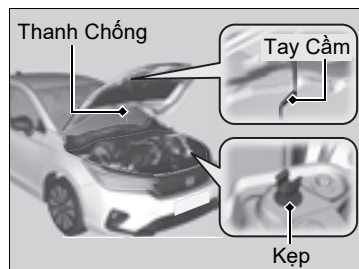
Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

	Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ Ký hoặc Đóng Dấu
20.000 km (hoặc 12 tháng)			
40.000 km (hoặc 24 tháng)			
60.000 km (hoặc 36 tháng)			
80.000 km (hoặc 48 tháng)			
100.000 km (hoặc 60 tháng)			
120.000 km (hoặc 72 tháng)			
140.000 km (hoặc 84 tháng)			
160.000 km (hoặc 96 tháng)			
180.000 km (hoặc 108 tháng)			
200.000 km (hoặc 120 tháng)			

Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô



Mở Nắp Ca-pô



1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và giải phanh đỗ.
2. Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.
► Nắp ca-pô sẽ nảy nhẹ lên.

3. Kéo cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của góc ca-pô tính từ giữa) sang bên và nâng nắp ca-pô. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.

4. Dùng tay cầm để gạt thanh chống nắp ca-pô ra khỏi kẹp. Đặt thanh chống nắp ca-pô vào phía trong nắp ca-pô.

Khi đóng, bỏ thanh chống ra và xếp gọn vào kẹp, sau đó hạ nhẹ nắp ca-pô. Hạ nắp xuống thấp khoảng 30 cm, rồi thả tay ra để đóng nắp ca-pô.

►► Mở Nắp Ca-pô

CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang được nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước, làm hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

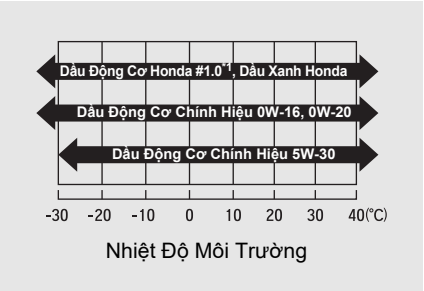
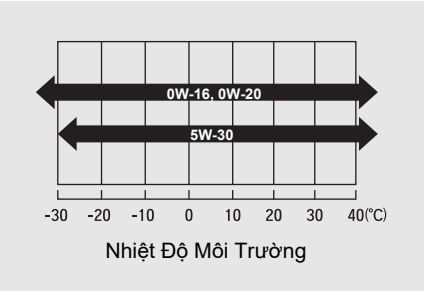
Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nâng cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

Dầu Động Cơ Khuyên Dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hiệu hoặc các loại dầu động cơ khác có trên thị trường có độ nhớt (phù hợp đối với nhiệt độ môi trường) như hình vẽ dưới đây.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
<ul style="list-style-type: none">• Dầu Động Cơ Honda #1.0• Dầu Xanh Honda• Dầu Động Cơ Chính Hiệu Honda	<ul style="list-style-type: none">• Dầu đạt API cấp SN hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn• Nhãn Chứng Nhận API “Starburst” hoặc “Shield”• ACEA A5/B5



* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

►► Dầu Động Cơ Khuyên Dùng

Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ
Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia cho dầu động cơ. Trên thực tế, chất phụ gia không đảm bảo chất lượng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Con dấu dưới đây cho thấy dầu là loại tiết kiệm năng lượng và đáp ứng các yêu cầu mới nhất của Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ.

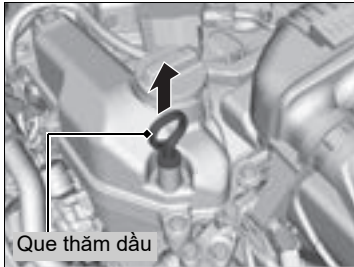
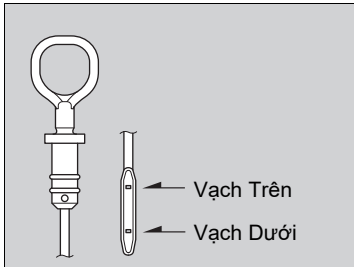


Kiểm Tra Dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ bất cứ khi nào nạp nhiên liệu.

Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

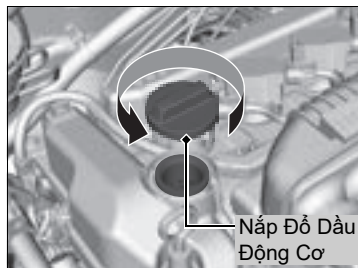


1. Rút que thăm dầu ra (màu cam hoặc màu đen).
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu trở lại vị trí ban đầu, cắm hết cỡ vào đúng vị trí.
4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

►► Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

Bỏ Sung Dầu Động Cơ



1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và siết thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

►► Bỏ Sung Dầu Động Cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch giới hạn trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu dầu bị tràn ra, hãy lau sạch ngay lập tức. Dầu tràn ra có thể làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

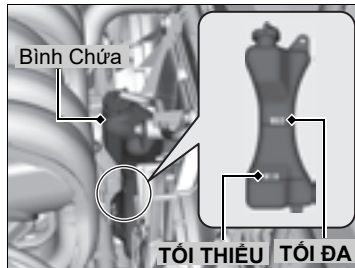
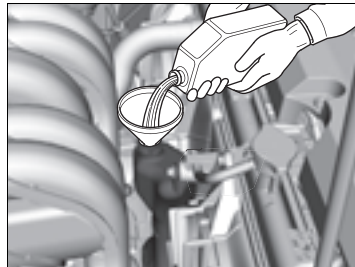
Nước Làm Mát Động Cơ

Nước làm mát chỉ định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không đổ thêm chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

■ Bình Chứa



1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát có trong bình chứa.
► Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, hãy bổ sung nước làm mát quy định cho đến khi đầy đến vạch **MAX**.
3. Kiểm tra xem hệ thống nước làm mát có bị rò rỉ không.

►► Nước Làm Mát Động Cơ

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp bình chứa.

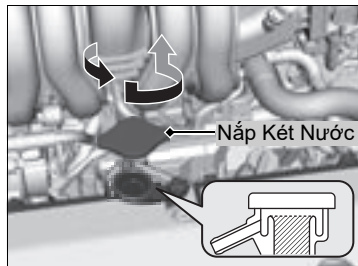
CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới -30°C , thì nên thay đổi hỗn hợp làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hiệu Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các các bộ phận của động cơ.

■ Két Nước



1. Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Nếu ở dưới mức đó, bổ sung nước làm mát.
5. Đậy nắp két nước và vặn nắp thật chặt.

■ Nắp Két Nước*



- Không mở bình chứa khi còn nóng.
- Nước làm mát nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van giảm áp bắt đầu mở ở 108 kPa.

►► Két Nước

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm nước làm mát tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Dầu Hộp Số

Loại xe số sàn

Dầu Hộp Số Sàn

Dầu quy định: Honda MTF

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.
Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số sàn.

📅 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 377

Không tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số sàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

Dầu quy định: Honda HCF-2

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.
Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.

📅 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 377

Không tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.

»Dầu Hộp Số Sàn

CHÚ Ý

Nếu không có sẵn dầu hộp số Honda MTF, bạn có thể sử dụng tạm thời dầu động cơ có độ nhớt SAE 0W-20 hoặc 5W-20 theo tiêu chuẩn API. Thay bằng loại dầu MTF càng sớm càng tốt. Nếu tiếp tục sử dụng dầu động cơ không chứa chất phụ gia phù hợp cho hộp số có thể làm giảm hiệu suất sang số và làm hỏng hộp số.

»Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

CHÚ Ý

Không pha dầu hộp số Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.

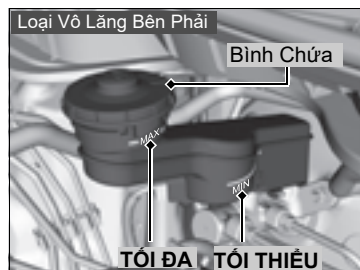
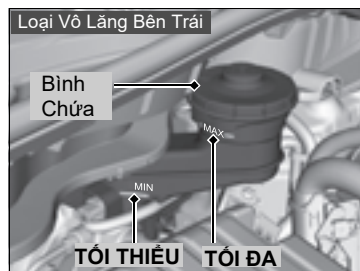
Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền hộp số của xe và gây hỏng hộp số.

Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

Dầu Phanh/Ly Hợp*

Dầu quy định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

Kiểm Tra Dầu Phanh



Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** ở sườn bình chứa.

Loại xe số sàn

Bình chứa dầu phanh cũng có thể được sử dụng để chứa dầu ly hợp của xe. Không cần kiểm tra mức dầu ly hợp miễn là bạn duy trì mức dầu phanh theo chỉ dẫn ở trên.

►► Dầu Phanh/Ly Hợp*

CHÚ Ý

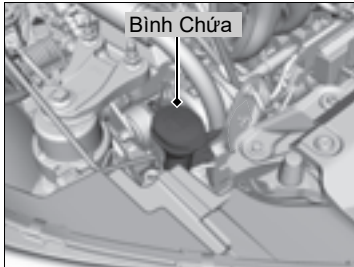
Dầu phanh đạt DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng loại dầu phanh chính hiệu.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN**, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

Bổ Sung Nước Rửa Kính

Nhìn vào bình chứa để kiểm tra mức nước rửa kính.



Nếu ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để tràn ra bình chứa.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên lành nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

»»Bổ Sung Nước Rửa Kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm rửa kính chắn gió. Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường. Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

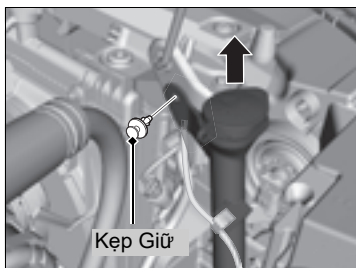
Bóng Đèn Chiếu Sáng

Khi thay bóng đèn, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn chiếu xa: 60 W (HB3 cho loại bóng đèn halogen)*
Loại đèn LED*
Đèn chiếu gần: 55 W (H7 cho loại bóng đèn halogen)*
Loại đèn LED*

Đèn Chiếu Xa

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

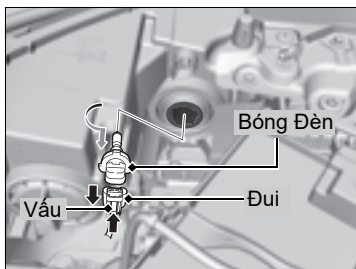


Bên phải

1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo kẹp giữ, sau đó tháo phần trên của bình chứa nước rửa kính.

Cả hai bên

2. Đẩy vấu để tháo đuôi đèn.
3. Xoay bóng đèn cũ ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng ra.
4. Lắp bóng đèn mới vào cụm bóng đèn và xoay theo chiều kim đồng hồ.
5. Luồn đuôi bóng vào trong đầu nối của bóng đèn.



»Bóng Đèn Chiếu Sáng

CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể làm cho bóng đèn bị quá nhiệt và vỡ vụn.

Hướng đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên đi vật nặng trong khoang hành lý, hãy để đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

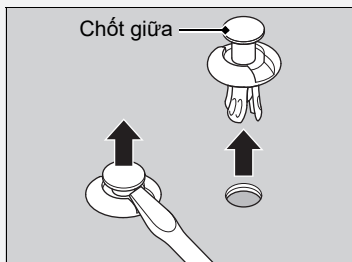
Khi thay bóng đèn halogen, không chạm vào vỏ bóng hoặc không chạm bóng vào các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, lau bóng bằng rượu đã metyl hoá và khăn sạch.

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Đèn chiếu xa và chiếu gần là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

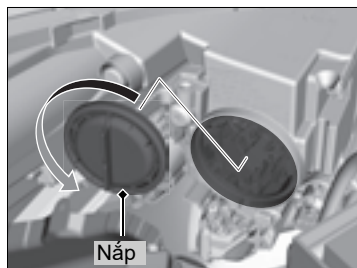
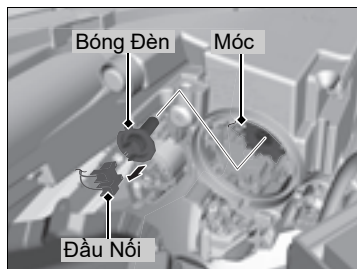
Kẹp giữ

Đưa tua-vít đầu dẹt vào, nâng và tháo chốt giữa để tháo kẹp.



Đèn Chiếu Gần

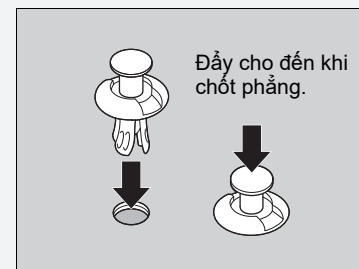
Loại xe có đèn chiếu sáng halogen



1. Xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ để tháo.
2. Tháo móc và kéo đầu nối ra.
3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.
4. Lắp lại đầu nối vào bóng đèn.

►►Bóng Đèn Chiếu Sáng

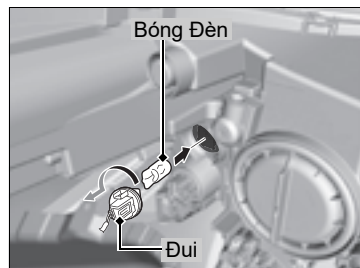
Luồn kẹp vào trong khi nâng chốt giữa lên và đẩy cho đến khi chốt phẳng.



Bóng Đèn Xi Nhan Trước

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Xi Nhan Trước: 21 W (Màu Hổ Phách)*
Loại đèn LED*



1. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng ra.
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày

Các đèn vị trí/đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

»Bóng Đèn Xi Nhan Trước

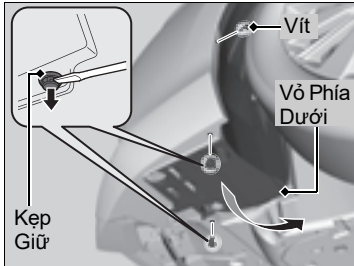
Loại xe có đèn xi nhan trước loại đèn LED

Đèn xi nhan trước là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bóng Đèn Sương Mù Trước*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Sương Mù: 19 W (H16 cho loại bóng đèn halogen)*
35 W (H8 cho loại bóng đèn halogen)*
Loại đèn LED***



1. Sử dụng tua-vít đầu Phillip để tháo các vít và tua-vít đầu dẹt để tháo kẹp giữ.
2. Kéo vỏ phía dưới xuống.

►►Bóng Đèn Sương Mù Trước*

CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi được thắp sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể khiến bóng đèn quá nhiệt và vỡ vụn.

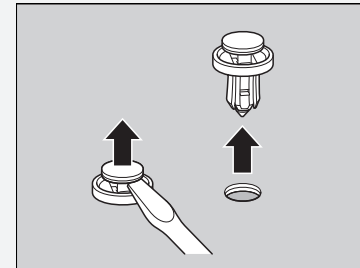
Khi thay bóng đèn halogen, không chạm vào vỏ bóng hoặc không chạm bóng vào các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, hãy lau bóng bằng rượu đã metyl hoá và khăn sạch.

Loại xe có đèn sương mù loại đèn LED

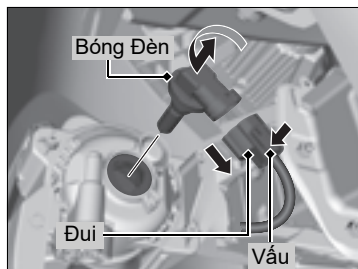
Các đèn sương mù trước là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Kẹp giữ

Đưa tua-vít đầu dẹt vào, nâng và tháo chốt giữ để tháo kẹp.



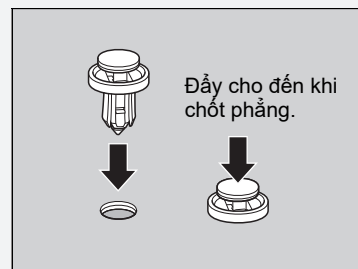
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



3. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
4. Xoay bóng đèn cũ sang trái để tháo ra.
5. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn sương mù và xoay nó sang phải.
6. Luồn đui bóng vào trong đầu nối của bóng đèn.

►►Bóng Đèn Sương Mù Trước*

Luồn kẹp vào trong khi nâng chốt giữa lên và đẩy cho đến khi nó phẳng.

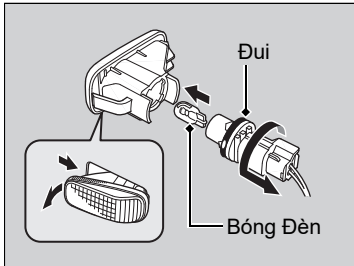


Bóng Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp

Loại lắp ở vè xe

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Xi Nhan: 5 W (Màu Hồng Phách)



1. Đẩy phía trước cụm đèn xi nhan về phía sau xe ra khỏi phần thân bóng.
2. Xoay đui ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng ra.
3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

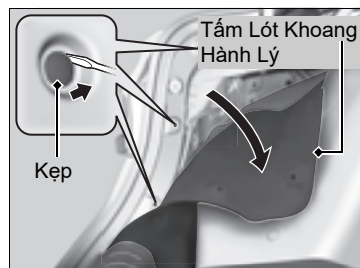
Loại lắp trên gương cửa

Đèn xi nhan bên lắp trên gương cửa là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

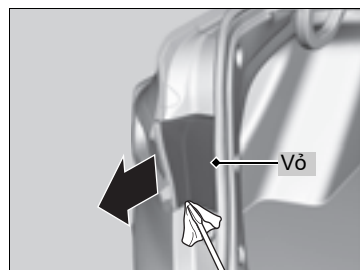
Bóng Đèn Phanh/Hậu, Đèn Bên Hồng Sau và Đèn Xi Nhan Sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Phanh/Hậu:	Loại Đèn LED
Đèn Bên Hồng Sau:	Loại Đèn LED
Đèn Xi Nhan Sau:	21W (Màu Hổ Phách)



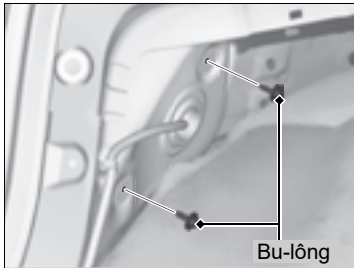
1. Tháo kẹp giữ bằng tua vít đầu dẹt, sau đó kéo tấm lót khoang hành lý về sau.



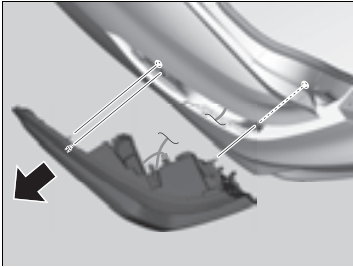
2. Cạy mép vỏ bằng tua-vít đầu dẹt để tháo vỏ.
 - Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

►►Bóng Đèn Phanh/Hậu, Đèn Bên Hồng Sau và Đèn Xi Nhan Sau

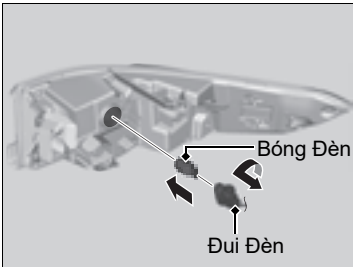
Đèn phanh/hậu, đèn bên hồng sau là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.



3. Sử dụng tua vít đầu Phillips hoặc đầu khẩu để tháo bu-lông.



4. Kéo cụm đèn ra khỏi trụ sau.



5. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng ra.

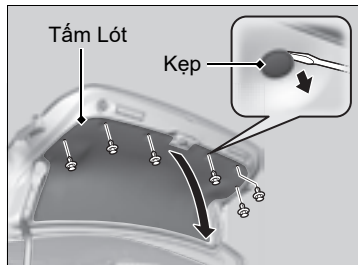
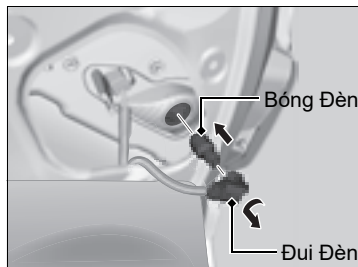
6. Tháo bóng cũ ra và lắp bóng mới vào.

Bóng Đèn Lùi và Đèn Hậu

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Lùi: 16 W

Đèn Hậu: Loại Đèn LED



1. Tháo kẹp giữ bằng tua vít đầu dẹt, sau đó kéo tấm lót về phía sau.

2. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng ra.

3. Tháo bóng cũ ra và lắp bóng mới vào.

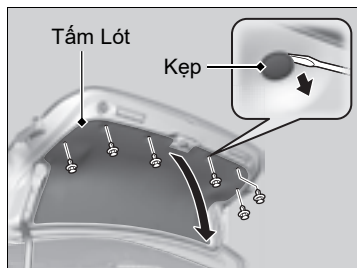
►►Bóng Đèn Lùi và Đèn Hậu

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

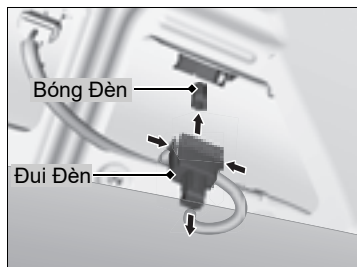
Bóng Đèn Biển Số Sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Biển Số Sau: 5 W



1. Tháo kẹp giữ bằng tua vít đầu dẹt, sau đó kéo tấm lót về phía sau.



2. Tháo cụm đèn biển số sau bằng cách bóp các vấu trên cả hai đầu đui đèn.

3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

Đèn Phanh Cao

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Sương Mù Sau*

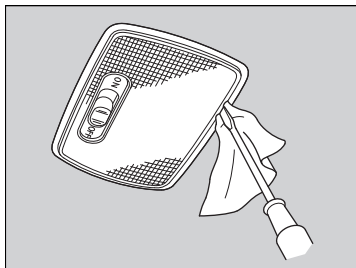
Đèn sương mù sau là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bóng Đèn Khác

■ Bóng Đèn Trần*

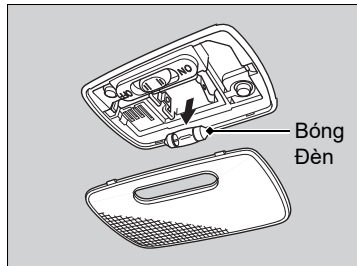
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Trần: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt để cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

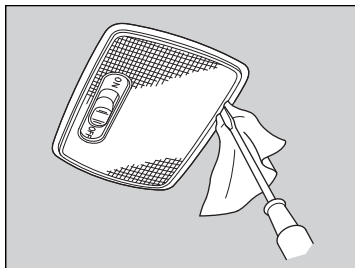


2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

■ Bóng Đèn Trần*

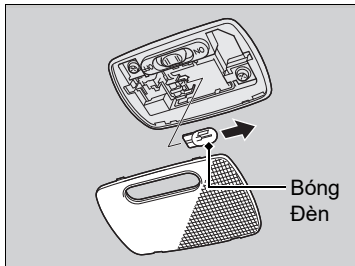
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Trần: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt để cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



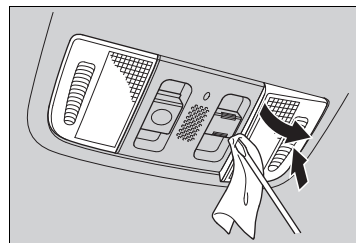
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

Loại xe có cửa sổ trời

■ Bóng Đèn Đọc Sách*

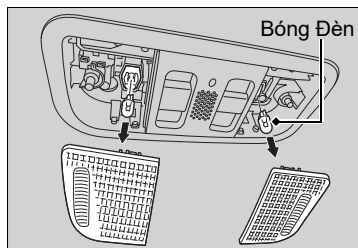
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Đọc Sách: 8 W



1. Đẩy choa đèn của bên đối diện bạn đang thay.
 2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt để cạy mép vỏ để tháo vỏ.
- Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

Loại xe không có cửa sổ trời

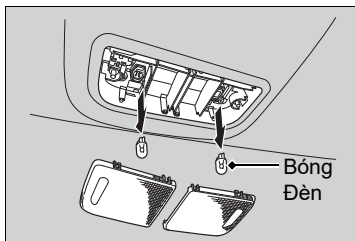
■ Bóng Đèn Đọc Sách*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Đọc Sách: 8 W



1. Đẩy choá đèn của bên đối diện bạn đang thay.
2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



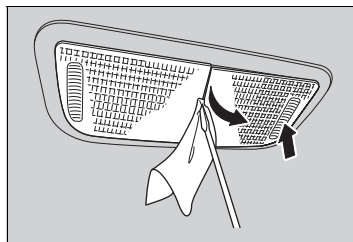
3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

Loại xe có cửa sổ trời

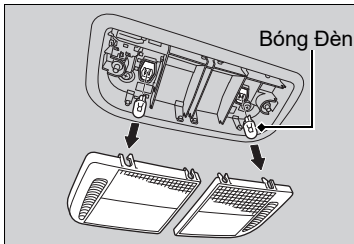
■ Bóng Đèn Đọc Sách Sau*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Đọc Sách Sau: 8 W



1. Đẩy choá đèn của bên đối diện bạn đang thay.
2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

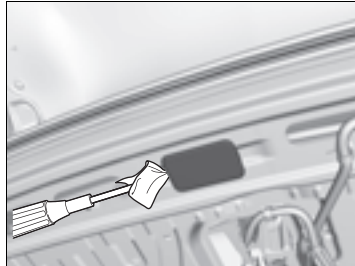


3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

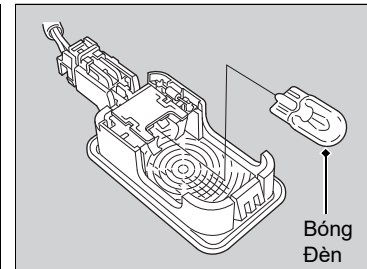
■ Bóng Đèn Khoang Hành Lý

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Khoang Hành Lý: 5 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít đầu dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

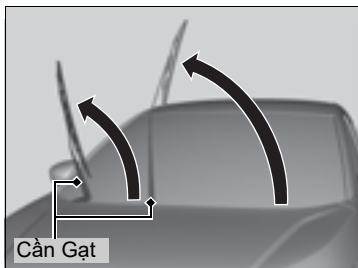


2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

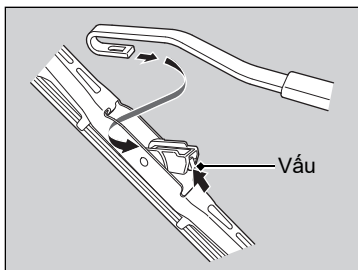
Kiểm Tra Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su lưỡi gạt nước xuống cấp, nó sẽ để lại các vết bẩn và bề mặt lưỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước



1. Nâng cần gạt phía người lái lên trước, sau đó nâng cần gạt phía hành khách.

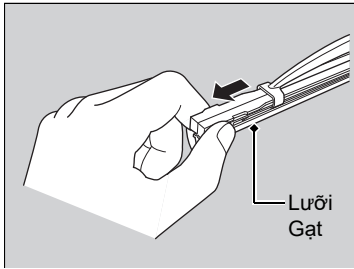


2. Ấn và giữ vấu, sau đó trượt cần gạt nước ra khỏi giá đỡ.

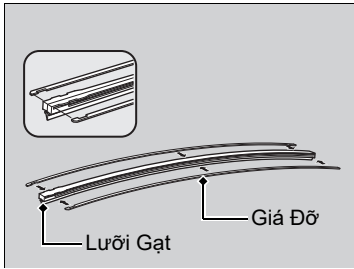
Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước

CHÚ Ý

Không thả mạnh cần gạt nước vào kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.



- 3.** Trượt lưới gạt ra khỏi giá đỡ bằng cách kéo đầu vấu ra.



- 4.** Tháo các thanh giữ ra khỏi lưới gạt đã được tháo và gắn lưới gạt mới vào.
 ► Căn chính xác phần nhô ra bằng cao su thẳng với rãnh thanh giữ.
- 5.** Lắp lưới gạt nước mới vào giá đỡ từ đầu phía dưới.
 ► Vấu trên giá đỡ phải khít vào rãnh của lưới gạt nước.
- 6.** Lắp chắc chắn lưới gạt nước vào giá đỡ.
- 7.** Hạ cần gạt nước phía hành khách trước, sau đó phía người lái.

Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp việc điều khiển xe dễ dàng hơn, nâng cao tuổi thọ lốp và tiện lợi. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp chỉ định.

Lốp quá non hơi sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và tiết kiệm nhiên liệu và dễ hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng sẽ gây khó lái và dễ bị hư hỏng hơn khi đụng phải chướng ngại vật trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một trong các lốp có vẻ không căng như các lốp kia, kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, đo áp suất ở các lốp xe bằng đồng hồ đo áp suất lốp, cả lốp dự phòng. Ngay cả khi lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10-20 kPa (0,1 đến 0,2 bar, 1-2 psi) mỗi tháng.

❏ Kiểm Tra Lốp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến tai nạn gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng về bơm lốp và thay lốp xe.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Tức là đo khi đã đỗ xe ít nhất được ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi ra cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi trời nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra khi trời lạnh.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp xe nếu cảm nhận thấy độ rung khi lái xe. Mỗi khi thay lốp mới hoặc tháo lốp ra rồi lắp lại đều phải cân chỉnh lại bánh xe.

❏ Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

❏ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Tr. 290

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van. Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình ở thành lốp hoặc trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp vải hoặc lớp thép.
- Để loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi.
- Xem nếu độ mòn lốp không đều, hãy đưa xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.

🔧 Vạch Báo Độ Mòn Lốp Tr. 410

- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

►►Kiểm Tra Lốp

Lái xe tốc độ cao

Bạn không nên lái xe nhanh hơn giới hạn tốc độ và điều kiện cho phép. Nếu bạn thường xuyên lái xe ở tốc độ cao (trên 160km), hãy điều chỉnh áp suất lốp khi lốp nguội theo bảng bên dưới để tránh lốp bị quá nhiệt và hỏng đột ngột.

Loại xe có lốp 185/60R15 84H

Kích Thước Lốp	185/60R15 84H
Áp suất ¹	Trước: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi) Sau: 230 kPa (2,3 bar, 33 psi)
Áp suất ²	Trước: 250 kPa (2,5 bar, 36 psi) Sau: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)
Áp suất ³	Trước: 250 kPa (2,5 bar, 36 psi) Sau: 230 kPa (2,3 bar, 33 psi)

* 1: Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

* 2: Loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe ở các quốc gia khác

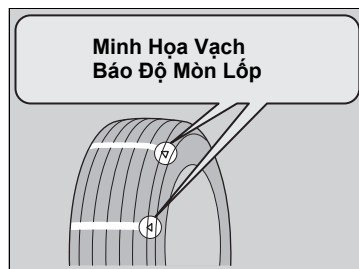
Loại xe có lốp 185/55R16 83H

Kích Thước Lốp	185/55R16 83H
Áp suất	Trước: 250 kPa (2,5 bar, 36 psi) Sau: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)

Loại xe có lốp 185/55R16 87H

Kích Thước Lốp	185/55R16 87H
Áp suất	Trước: 260 kPa (2,6 bar, 38 psi) Sau: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)

Vạch Báo Độ Mòn Lốp



Rãnh lốp là nơi có vạch báo độ mòn lốp.

Rãnh thường nông hơn 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp xe. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thói quen điều khiển xe, điều kiện mặt đường, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp xe, bạn nên tiến hành kiểm tra lốp thường niên khi đã sử dụng lốp được 5 năm. Tất cả lốp xe, gồm cả lốp dự phòng cần phải được thay sau 10 năm kể từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó như thế nào.

Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới cùng kích thước, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích thước, cấu tạo sẽ làm cho các hệ thống ABS và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể, hãy thay hai lốp trước cùng lúc và hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

►►Thay Lốp và Bánh Xe

CẢNH BÁO

Lắp lốp mới không phù hợp có thể gây ảnh hưởng đến vận hành và ổn định xe. Việc này có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

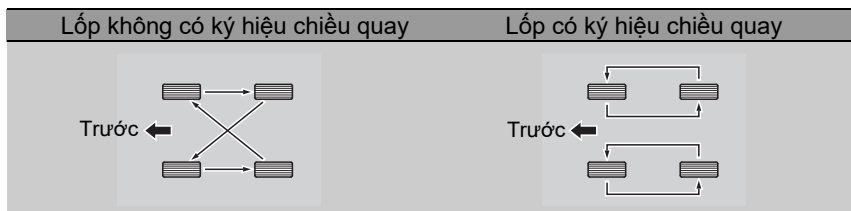
Đào Lốp

Đào lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mài mòn và gia tăng tuổi thọ cho lốp.

Mô Hình Đào Lốp

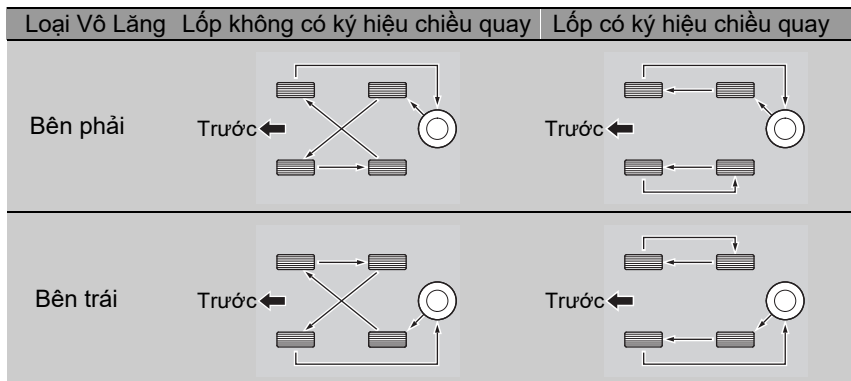
Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ/tam thời

Đào lốp như hình minh họa.



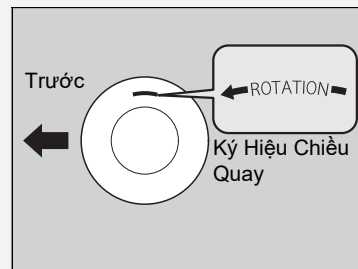
Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

Đào lốp gồm cả lốp dự phòng loại nhỏ như hình minh họa.



Đào Lốp

Lốp xe loại gân lốp một chiều chỉ được đào từ trước ra sau (không đào từ bên này sang bên khác). Hướng lắp của lốp phải giống với dấu hướng quay trên lốp như hình vẽ dưới đây.



Khi đào lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Mỗi khi đào lốp, hãy hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

► **Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*** Tr. 290

Thiết Bị Bám Đường Tuyệt

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách phù hợp với xe khác khi lái. Chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp các mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp lốp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích thước và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Về loại xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì khoảng sáng gầm xe của xe bạn hạn chế, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Loại xe Bhutan, Campuchia, Ấn Độ, Lào, Myanmar, Nepal và Philippin

Kích Thước Lốp Ban Đầu ^{*1}	Loại Xích
185/60R15 84H	RUD-matic classic 48478
185/55R16 83H	RUD-matic classic 48479
185/55R16 87H	

* 1: Kích thước lốp ban đầu được nêu trong nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

►► Thiết Bị Bám Đường Tuyệt

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách, có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng, phần chọn và sử dụng xích bọc lốp.

CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp lốp xe. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh hoặc hệ thống treo.
- Lái xe chậm.

►►Thiết Bị Bám Đường Tuyết

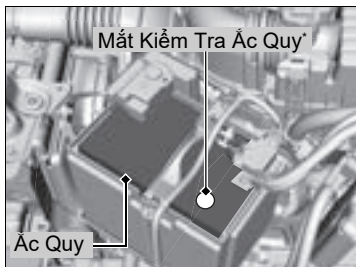
Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn vận hành của xe.

Chỉ sử dụng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

Nếu xe của bạn được trang bị lốp chạy trong điều kiện thời tiết mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý.

Kiểm Tra Ắc Quy



Loại xe có mắt kiểm tra trên ắc quy

Kiểm tra tình trạng ắc quy hàng tháng. Nhìn vào mắt kiểm tra ắc quy để kiểm tra các cực có bị ăn mòn không.

Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình hiển thị thông tin*/màn hình giao diện thông tin cho người lái* sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe không có mắt kiểm tra trên ắc quy

Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình hiển thị thông tin*/màn hình giao diện thông tin cho người lái* sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra ăn mòn các cực ắc quy hàng tháng.

Nếu ắc quy bị tháo hoặc hết điện:

- Cài đặt lại đồng hồ.

➡ Đồng Hồ Tr. 166

»Ắc Quy

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc bị trọng thương.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn và độc hại cao.

Chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo kính bảo hộ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Có thể bị tử vong nếu nuốt phải chất điện phân và không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nạp Ác Quy

Tháo cả hai cáp ác quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp âm (-) trước và nối lại cáp này sau cùng.

► Ác Quy

Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp

Mắt: Rửa bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Da: Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực ác quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ác quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ác quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ác quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Loại xe có mắt kiểm tra trên ác quy

Thông tin về màu của mắt kiểm tra có trên ác quy.

Vị trí của mắt kiểm tra trên ác quy có thể thay đổi tùy từng loại xe.

►► Ác Quy

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)* và Cảnh Báo Chệch Làn Đường* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi tháo ắc quy.

Hãy lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nhãn Ắc Quy



» Nhân Ắc Quy

CẢNH BÁO NGUY HIỂM

- Để ắc quy tránh xa ngọn lửa và tia lửa. Ắc quy sinh ra khí dễ nổ và có thể gây nổ.
- Đeo kính bảo hộ và đeo găng tay cao su khi xử lý ắc quy để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc mù mắt nếu bị dính dung dịch điện phân ắc quy.
- Trong bất kỳ trường hợp nào, không để trẻ sờ vào ắc quy. Đảm bảo rằng bất kỳ ai khi xử lý ắc quy đều phải có sự hiểu biết đúng về sự nguy hiểm và phải thực hiện đúng quy trình xử lý ắc quy.
- Chú ý khi xử lý ắc quy vì nó chứa axit sunphuric loãng. Dính vào mắt hoặc da có thể gây bỏng hoặc mù mắt.
- Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn này và phải hiểu rõ trước khi xử lý ắc quy. Không thực hiện đúng có thể gây thương tích cho bản thân và làm hư hỏng xe.
- Không sử dụng ắc quy nếu mức dung dịch bằng hoặc thấp hơn mức khuyến nghị. Sử dụng ắc quy có mức dung dịch điện phân thấp có thể gây nổ và trọng thương.

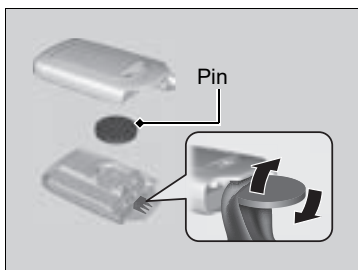
Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin điều khiển.



Loại pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận mép vỏ bằng miếng kim loại mỏng.

► Bọc kẹp chìa khóa bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

► Tháo cẩn thận để tránh mất các nút.

3. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

⚠⚠CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BÔNG HÓA CHẤT

Nếu nuốt phải pin cấp điện cho chìa khóa điều khiển từ xa có thể gây bông nặng và thậm chí có thể gây tử vong.

Đề pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em.

Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

LƯU Ý: Nếu thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng chủng loại hoặc loại tương đương.

LƯU Ý: Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

LƯU Ý: Không vứt pin vào lửa hoặc lò đang nóng, hoặc nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc, vì những việc này sẽ dẫn đến cháy nổ.

LƯU Ý: Không để pin ở độ cao với áp suất không khí cực thấp để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.

» Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

CHÚ Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.

Thay pin có bán trên thị trường hoặc thay tại đại lý.

Lọc Gió Điều Hoà

■ Thời Điểm Nên Thay Lọc Gió Điều Hoà

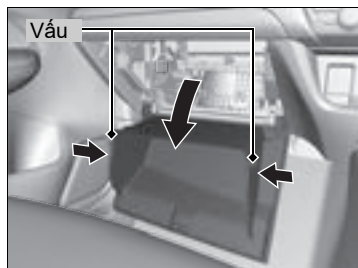
Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng khuyến nghị. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng Tr. 377**

■ Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



1. Mở hộp đựng đồ.



2. Tháo hai vấu bằng cách ấn lên hai cạnh tấm ốp.

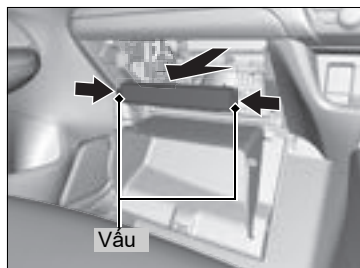
3. Tháo hộp đựng đồ.

» Lọc Gió Điều Hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống sưởi* và hệ thống làm mát/hệ thống điều khiển khí hậu* bị giảm đáng kể và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và mảnh vụn nhỏ trong không khí.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



4. Ấn vào vấu ở hai góc của vỏ lọc gió điều hoà để tháo lọc gió ra.

5. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.

6. Lắp lọc gió mới vào hộp.

► Để mũi tên AIR FLOW (LUỒNG KHÍ) hướng xuống dưới.

►► Lọc Gió Điều Hoà

Nếu bạn không biết cách thay lọc gió điều hoà, hãy đến đại lý để thay.

Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau sạch.

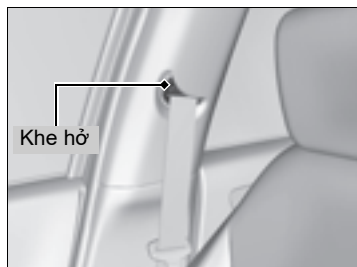
Dùng vải ướt thấm dung dịch trung tính và nước ấm để lau sạch bụi.

Dùng vải sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

Vệ Sinh Dây Đai An Toàn

Dùng khăn mềm, xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn.

Để dây đai an toàn tự khô. Dùng vải sạch lau sạch khe hở của móc luồn dây đai an toàn.



Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng ra xe.

Thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc để tránh làm hỏng thiết bị hoặc gây cháy bên trong xe. Nếu không may để chất thơm có silicon rơi vào thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần hóa học, chất thơm có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt.

Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.

Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

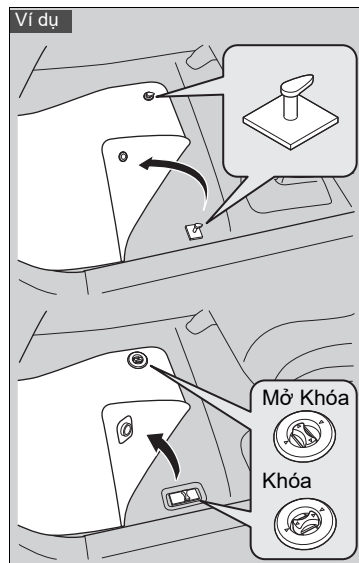
Chú ý không làm đổ chất thơm ra xe.

Vệ Sinh Cửa Kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước rửa kính lên trên hoặc xung quanh nắp của các thiết bị điện xung quanh gương chiếu hậu.

Thảm Lót Sàn



Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt.

Không lắp thêm thảm lên đầu móc neo thảm lót sàn.

Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Để làm sạch đồ da đúng cách:

1. Trước tiên dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi, vết bẩn.
2. Làm sạch da bằng vải mềm ướt với tỷ lệ 90% nước và 10% dung dịch xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ướt lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn đọng lại và để đồ da vào chỗ khô, thoáng mát.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thảm Lót Sàn

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn thiết kế cho loại xe của bạn, thì cần sử dụng loại thảm thiết kế cho loại xe cụ thể, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe.

Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu cố định không đúng, thảm sàn có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn và bụi càng sớm càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da, có thể gây ố. Chất bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo màu tối có thể chà xát vào ghế da, làm thay đổi màu hoặc làm ố da.

Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xe và các vết xước trên bề mặt sơn. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên nhất là khi lái xe trong các điều kiện sau:

- Lái trên đường có muối.
- Lái trên đường bờ biển.
- Lái trên đường nhựa, có muội than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cọp gương cửa lại.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đứng quá gần cửa kính có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.
- Không phun nước vào camera* hoặc khu vực xung quanh camera. Nước có thể lọt vào thấu kính và làm camera bị trục trặc.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Rửa Xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi để tránh xảy ra sự cố.



■ Phủ Sáp

Lớp sáp phủ tốt sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Qua thời gian, sáp sẽ bị mòn và làm lộ ra các bộ phận xe dưới lớp sơn, vì vậy hãy phủ lại sáp ngay khi cần thiết.

■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận tráng nhựa có thể làm các bộ phận này mất màu hoặc bị bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Lau bằng nước rửa kính.

■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm*

Vành nhôm dễ bị hỏng nếu mặt đường có muối hoặc các chất nhiễm bẩn khác. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và các chất tẩy rửa trung tính để lau vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tụ vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

►► Phủ Sáp

CHÚ Ý

Chất dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, lớp kim loại và nhựa trên xe. Nếu để tràn ra xe, hãy lau ngay lập tức.

►► Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý để có vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận tráng nhựa.

■ Chóa Đèn Ngoài Xe Bị Mờ

Các chóa bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi xe chạy qua máy rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là tình trạng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.

Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể làm tích tụ hơi ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Điều này cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp các phụ kiện lên kính chắn gió vì việc này sẽ làm cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
- Không lắp bất kỳ phụ kiện nào ngoại trừ phụ kiện chính hiệu Honda, dành riêng cho xe của bạn lên các khu vực đánh dấu **SRS AIRBAG** (TÚI KHÍ SRS), lên cạnh hoặc lưng ghế trước*, lên các trụ trước hoặc trụ bên*, hoặc gần các cửa kính bên.
Lắp các phụ kiện không chính hiệu Honda và không dành riêng cho xe của bạn những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.
- Đảm bảo các phụ kiện điện không vượt quá tải các mạch điện hoặc không gây cản trở đến hoạt động của xe.
❗ Cầu Chi Tr. 459
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

Phụ Kiện và Điều Chỉnh

⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định, hiệu suất của xe và gây va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các chỉ dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này liên quan đến phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo động, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng phụ kiện Chính Hiệu Honda để đảm bảo xe hoạt động tốt.

Một số phụ kiện chính hiệu Honda cung cấp sách hướng dẫn sử dụng kèm theo về cách vận hành và bảo dưỡng chi tiết của phụ kiện đó. Nếu có sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đó để biết đầy đủ thông tin chi tiết.

Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hiệu Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự như vậy.

Thậm chí điều chỉnh một phần hệ thống xe cũng có thể gây ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của toàn bộ xe. Luôn đảm bảo lắp và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị xe. Không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, hoặc làm hệ thống gặp sự cố như mất điện, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện nào.

►► Phụ Kiện và Điều Chỉnh

Nếu có bất kỳ phụ kiện chính hiệu Honda nào không hoạt động được, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo (nếu có) hoặc hỏi ý kiến đại lý để được hỗ trợ xử lý sự cố.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

Chương này giải thích cách xử lý các tình huống bất ngờ.

Dụng Cụ	
Loại Dụng cụ	432
Nếu Lốp Bị Xẹp	
Thay Lốp Xẹp	433
Động Cơ Không Khởi Động	
Kiểm Tra Động Cơ	443
Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu	444
Dừng Động Cơ Khẩn Cấp	445
Nếu Ác Quy Chết	446
Không Gạt Được Cần Số	449
Quá Nhiệt	
Cách Xử Lý Quá Nhiệt.....	450

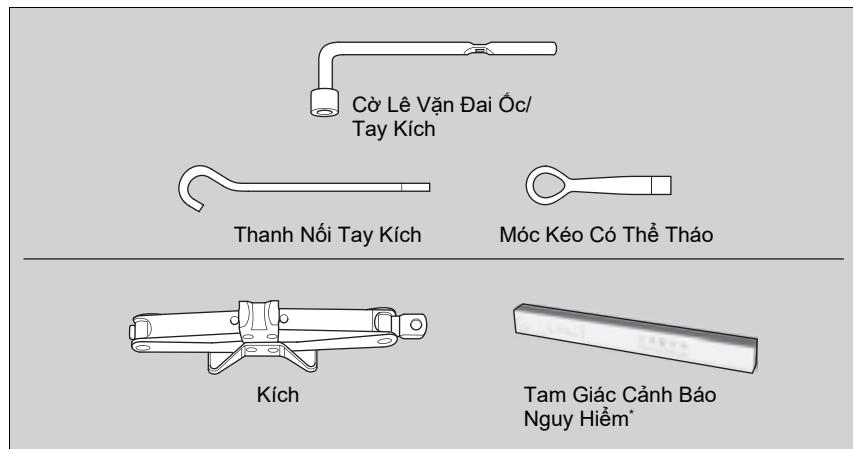
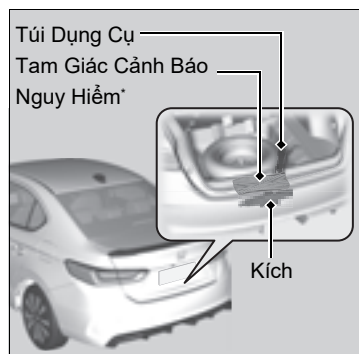
Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin	
Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng.....	453
Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái	
Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện.....	454
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng	455
Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy	456
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng	456

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng	457
Loại xe có Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp	
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy	458
Cầu Chì	
Vị Trí Cầu Chì	459
Kiểm Tra và Thay Cầu Chì	472
Kéo Xe Khẩn Cấp	473
Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*	474

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại Dụng Cụ



Loại Dụng Cụ

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý.

Thay Lốp Xẹp

Nếu lốp bị xẹp khi đang lái, giữ chắc vô lăng và phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, đỗ xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời/lốp dự phòng cùng kích cỡ*. Đưa xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa chữa hoặc thay lốp bị xẹp.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Gạt cần số đến **P**.

Loại xe số sàn

2. Gạt cần số đến **R**.

Tất cả các loại xe

3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Thay Lốp Xẹp

Tuân theo các lưu ý sau đối với lốp dự phòng loại nhỏ/tạm thời:

Lốp dự phòng loại nhỏ

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng loại nhỏ. Áp suất lốp phải đạt mức quy định.

Áp Suất Quy Định: 420 kPa (4,2 bar, 60 psi)

Lốp dự phòng tạm thời

Kiểm tra áp suất lốp dự phòng tạm thời loại kích thước 175/65R15 mỗi lần bạn kiểm các lốp dự phòng cùng kích cỡ của xe. Bạn nên bơm đến áp suất khuyến nghị được ghi ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

Lốp dự phòng loại nhỏ

Khi lắp lốp dự phòng loại nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h. Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

Lốp dự phòng tạm thời

Khi lắp lốp dự phòng tạm thời, cần duy trì tốc độ lái dưới 120 km/h. Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

Lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng chúng cho xe khác cũng như không sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời hoặc bánh xe khác cho xe bạn.

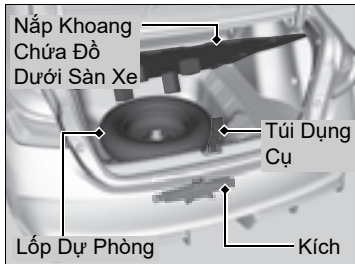
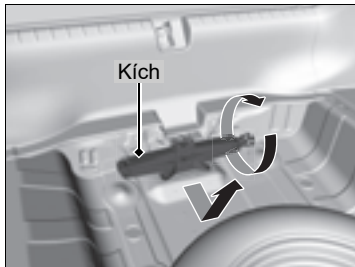
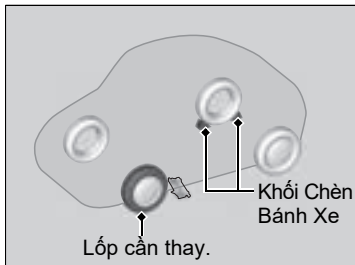
►► Thay Lốp Xẹp

Không gắn xích bọc lốp cho lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời.

Nếu lốp trước có gắn xích bị xẹp, hãy tháo một trong các lốp cùng kích cỡ phía sau để thay cho lốp xẹp đó và lấy lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời thay cho chiếc lốp sau vừa tháo. Sau đó, gắn xích bọc lốp vào lốp trước.

Dùng lốp dự phòng loại nhỏ sẽ làm xe đi gần hơn và độ bám đường kém đi. Bạn cần lái xe cẩn thận hơn.

■ Chuẩn Bị Thay Lốp Xe



1. Mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.

2. Lấy túi dụng cụ và kích ra khỏi cốp xe.

► Xoay để kích sang trái để kích lỏng ra rồi lấy kích ra.

3. Vận bu-lông tai và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.

4. Chèn khối chèn bánh xe hoặc hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh xe chéo với bánh xe cần thay.

►► Thay Lốp Xe

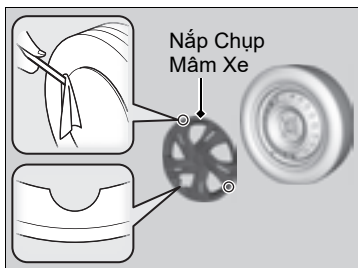
Lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời nhỏ hơn lốp thông thường. Vì vậy, khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn thông thường khi bạn lắp lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có vật cản có thể làm hư hỏng gầm xe.

CẢNH BÁO: Chỉ sử dụng kích để hỗ trợ những trường hợp xe bị hư hỏng bất ngờ, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

CHÚ Ý

Không dùng kích nếu kích không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc đội dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Không dùng quá một lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng tạm thời cùng một lúc.



5. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, ở gần lốp cần được thay.

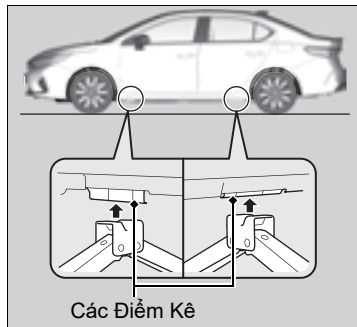
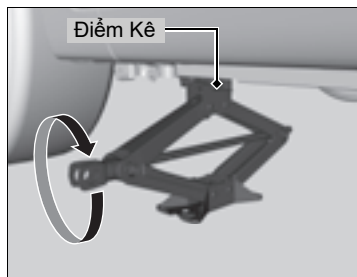
Loại xe có nắp chụp mâm xe

6. Đưa đầu dẹt của thanh nối tay kích vào mép của nắp chụp mâm xe. Cẩn thận khi cạy mép và tháo nắp chụp.
 - Dùng giẻ bọc quanh phần đầu dẹt của thanh nối tay kích để tránh làm xước nắp chụp.

Tất cả các loại xe

7. Dùng cờ lê vặn đai ốc bánh xe xoay một vòng để nới lỏng đai ốc bánh xe.

■ Cách Lắp Kịch



1. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.

2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kịch chạm vào điểm kê.

► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kịch.

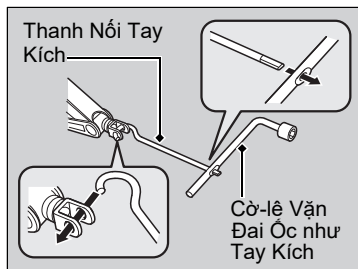
» Cách Lắp Kịch

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kịch, gây trọng thương cho người đang làm việc dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn khi thay lốp, không được để ai lại gần hoặc ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

CẢNH BÁO: Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn bằng với bề mặt đang đỡ xe.



3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

►► Cách Lắp Kích

Không dùng kích khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

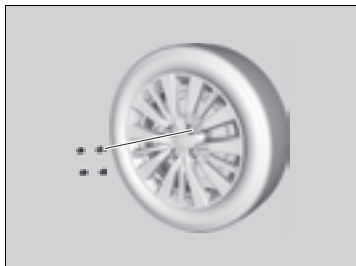
Dùng kích dành riêng cho xe bạn.

Các kích khác có thể không phù hợp với cân nặng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kích.

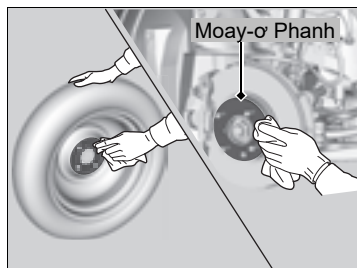
Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kích an toàn:

- Không dùng kích khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kích trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích tại các điểm kê.
- Không được vào xe khi xe đang dùng kích.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích.

Thay Lốp Xẹp



1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.



2. Lau sạch bề mặt lắp ghép bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng loại nhỏ vào.

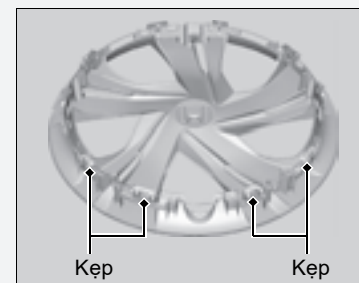
4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi nó chạm vào miệng xung quanh lỗ gắn, sau đó ngừng vặn.

Thay Lốp Xẹp

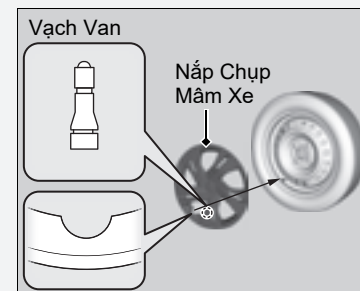
Không dùng chân hoặc ống nổi để siết đai ốc bánh xe quá chặt.

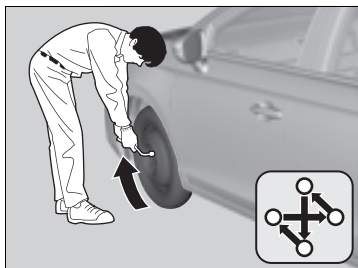
Loại xe có nắp chụp mâm xe

Đảm bảo vòng kẹp dây được móc vào các kẹp xung quanh rìa của nắp chụp mâm xe.



Căn chỉnh vạch van trên nắp chụp mâm xe với van trên bánh xe, sau đó lắp nắp chụp mâm xe.





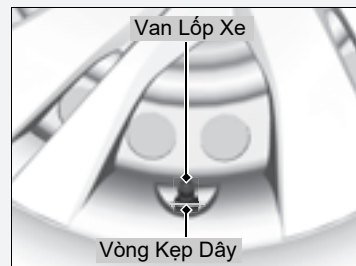
5. Hạ thấp xe và tháo kích ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình vẽ. Siết lần lượt từng ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

Lực siết đai ốc bánh xe:
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

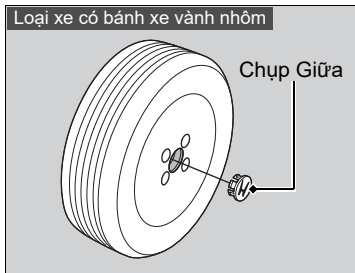
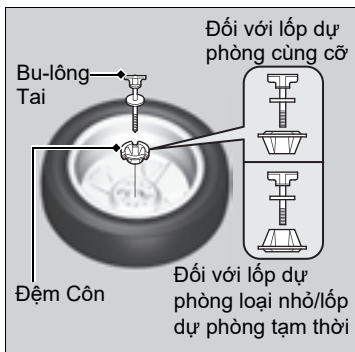
►► Thay Lốp Xẹp

Loại xe có nắp chụp mâm xe

Đảm bảo vòng kẹp dây nằm ở mặt ngoài của van lốp xe như hình vẽ.



■ Cắt Giữ Lốp Xẹp



Loại xe có bánh xe vành nhôm

1. Tháo chụp giữa.

Tất cả các loại xe

2. Đặt úp lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.
3. Tháo đệm côn ra khỏi bu lông tai, lật ngược nó lại và lắp lại vào bu lông. Giữ lốp xẹp bằng bu lông tai.
4. Cắt cẩn thận đai ốc bánh xe và tay kích vào túi dụng cụ. Cắt túi dụng cụ và kích vào trong khoang hành lý.

►► Cắt Giữ Lốp Xẹp

⚠ CẢNH BÁO

Vật dụng không được để chắc chắn có thể văng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.
Cắt bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

Loại xe có Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

■ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp và Lốp Dự Phòng

Nếu bạn thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng, đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ sáng trong khi bạn đang lái xe. Sau khi lái được vài kilomet, **Tyre pressure monitor system problem** (Hệ thống giám sát áp suất lốp có sự cố) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái* và đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng thời gian ngắn và sau đó tiếp tục sáng, nhưng điều này là bình thường.

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp bằng một lốp bình thường đạt tiêu chuẩn.

■ **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 292

Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, kiểm tra bộ khởi động.

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động quá chậm. Có thể ắc quy chết. Hãy kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. <ul style="list-style-type: none">Nếu thông báo To start, touch start button with emblem side of remote (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa) xuất hiện.<ul style="list-style-type: none">➡ Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu Tr. 444▶ Đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động<ul style="list-style-type: none">➡ Phạm Vi Hoạt Động Của Nút ENGINE START/STOP Tr. 201
Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động. Có thể cầu chì có sự cố. Hãy kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	Xem lại quy trình khởi động động cơ. Thử khởi động lại động cơ theo các hướng dẫn. <ul style="list-style-type: none">➡ Khởi Động Động Cơ Tr. 262 Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy. Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ. <ul style="list-style-type: none">➡ Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 191➡ Đèn báo Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 103 Kiểm tra mức nhiên liệu. Cần có đủ nhiên liệu trong bình. ➡ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu Tr. 115 Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <ul style="list-style-type: none">➡ Kiểm Tra và Thay Cầu Chì Tr. 472 Nếu sự cố vẫn còn: <ul style="list-style-type: none">➡ Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 473

Nếu cần khởi động xe ngay, dùng xe khác hỗ trợ hoặc ắc quy nối ngoài để khởi động động cơ.

➡ **Nếu Ắc Quy Chết** Tr. 446

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

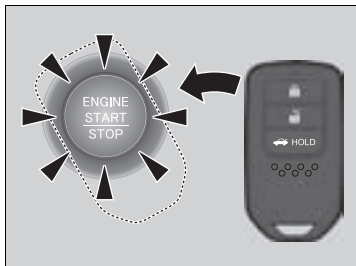
Nếu tiếng bip vang lên, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy và động cơ không khởi động.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote** (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Tất cả các loại xe

Hãy khởi động động cơ như sau:



1. Ấn nút ENGINE START/STOP.

► Tiếng bip vang lên và nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy khoảng 30 giây.

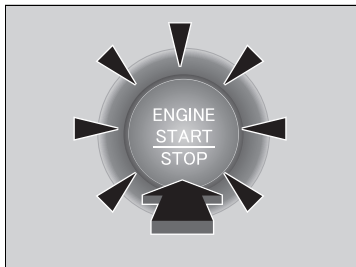
2. Áp logo chữ H trên chìa khóa điều khiển từ xa vào giữa nút ENGINE START/STOP trong khi nút ENGINE START/STOP nhấp nháy. Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa phải quay về phía bạn.

► Tiếng bip vang lên và nút **ENGINE START/STOP** tiếp tục sáng trong khoảng 10 giây.

3. Nhấn bàn đạp phanh (hộp số vô cấp) hoặc bàn đạp ly hợp (hộp số sàn) và ấn nút ENGINE START/STOP trong khi nút ENGINE START/STOP sáng.

► Động cơ khởi động.

► Nếu bạn không nhấn bàn đạp phanh, chế độ sẽ chuyển sang PHỤ KIỆN.



Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Bạn có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong trường hợp khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm hệ thống không cấp trợ lực điện động cơ tới hệ thống lái và phanh nên sẽ cần nhiều sức lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Đặt cả hai chân lên bàn đạp phanh để giảm tốc độ xe và dừng ngay xe ở nơi an toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

Chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN khi động cơ tắt.

Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, gạt cần số đến **P** sau khi xe dừng hoàn toàn.

Sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe số sàn

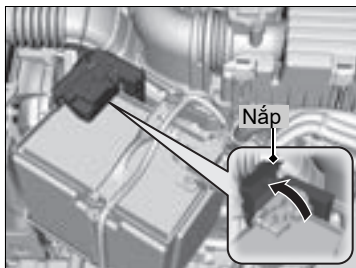
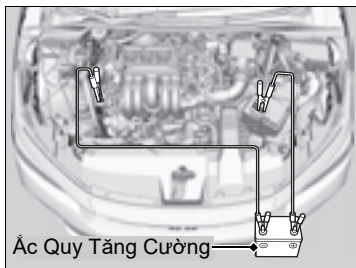
Chế độ nguồn chuyển sang TẮT MÁY.

» Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu bạn ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

■ Quy Trình Khởi Động Bằng Ấc Quy Nối Ngoài

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.



1. Mở nắp hộp cầu chì ở cực dương $\oplus$ ắc quy của xe.

2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc quy hỗ trợ.
 - Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 vôn.
 - Khi sử dụng bộ nạp ắc quy ô tô để hồ trợ ắc quy 12 vôn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để cài đặt cho phù hợp.
4. Nối đầu dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực $\ominus$ ắc quy hỗ trợ.

▣ Nếu Ấc Quy Chết

⚠ CẢNH BÁO

Ấc quy có thể nổ nếu không làm đúng theo quy trình, gây trọng thương cho bất kỳ ai ở gần ắc quy.

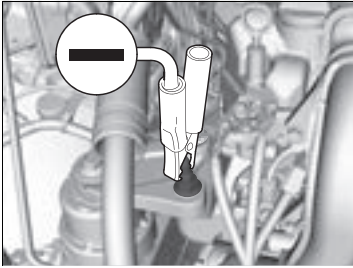
Để ắc quy tránh xa các tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

CHÚ Ý

Nếu để ắc quy trong môi trường lạnh, chất điện phân có thể bị đông lại. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài bị đông có thể gây đoản mạch.

Lắp chắc kẹp dây cáp nối ngoài để cáp không bị tuột khi động cơ rung. Chú ý không để lộn xộn cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi đang lắp hoặc tháo rời các cáp nối ngoài.

Ắc quy để trong môi trường lạnh sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.



5. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ hai vào bu lông hai đầu ren như hình vẽ. Không nối dây cáp nối ngoài vào bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe của bạn được nối với xe khác, khởi động động cơ xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố gắng khởi động động cơ xe của bạn. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng chưa.

■ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo dây cáp nối ngoài ra theo trình tự dưới đây:

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi tiếp mát xe.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\ominus$ của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc quy hỗ trợ.

Đưa xe đến gara gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

►► Nếu Ấc quy Chết

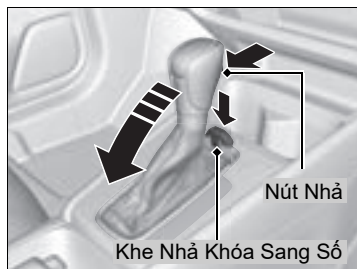
Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)* và Cảnh Báo Chệch Làn Đường* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi tháo ắc quy.

Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có hộp số vô cấp

Làm theo quy trình dưới đây nếu không thể gạt được cần số ra khỏi vị trí **P**.

■ Nhà Khóa



1. Gài phanh đỗ.
2. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.
3. Cắm chìa khóa vào trong khe nhả khóa sang số.
4. Trong khi ấn chìa khóa xuống, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến **N**.
 - Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Đèn báo nhiệt độ cao* sáng hoặc động cơ đột nhiên mất điện.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

- Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Nhiệt độ động cơ quá cao. Không được lái xe. Hãy để động cơ nguội) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Tất cả các loại xe

- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.
2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

► Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:

Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.

► Hơi nước hoặc tia nước bắn ra:

Tắt động cơ và đợi đến khi hơi hoặc tia nước không còn bắn ra.

Sau đó mở nắp ca-pô.

» Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra do động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước đang bắn ra.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

CHÚ Ý

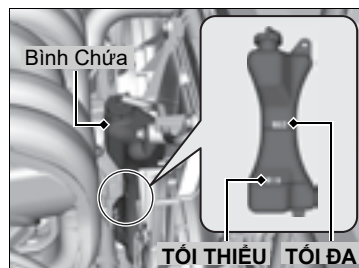
Tiếp tục lái xe khi đèn báo nhiệt độ cao sáng có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Tiếp tục lái xe khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**

(Động cơ quá nhiệt. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

■ Bước tiếp theo



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy không và dừng động cơ khi đèn báo nhiệt độ cao tắt.

► Nếu quạt làm mát không chạy, hãy tắt động cơ ngay lập tức.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy không và dừng động cơ khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive.**

Allow engine to cool. biến mất trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► Nếu quạt làm mát không chạy, hãy tắt động cơ ngay lập tức.

Tất cả các loại xe

2. Khi động cơ nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.

► Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, bổ sung nước làm mát cho đến khi chạm vạch **MAX**.

► Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két nước có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cổ lọc và đóng nắp lại.

►►Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước trong khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay thế nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.

■ Bước cuối cùng

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra đèn báo nhiệt độ cao. Nếu đèn báo nhiệt độ cao tắt, tiếp tục lái xe. Nếu đèn báo vẫn sáng, liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Khi động cơ đã nguội hẳn, hãy khởi động lại.
Nếu thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** không xuất hiện, tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng lên khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay sau khi đèn báo sáng

1. Đỗ ngay xe vào nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.

🔧 **Kiểm Tra Dầu** Tr. 385

3. Khởi động động cơ và kiểm tra đèn báo áp suất dầu thấp.

- ▶ Đèn tắt: Tiếp tục lái xe.
- ▶ Đèn không tắt trong vòng 10 giây: Dừng động cơ ngay lập tức và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

» Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng

CHÚ Ý

Chạy động cơ khi áp suất dầu thấp có thể làm động cơ hư hỏng nghiêm trọng.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện



■ Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay sau khi cảnh báo xuất hiện

1. Đỗ ngay xe vào nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.

📖 Kiểm Tra Dầu Tr. 385

3. Khởi động động cơ và kiểm tra cảnh báo

Áp suất dầu động cơ thấp.

- Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.
- Cảnh báo không biến mất:
Dừng động cơ ngay lập tức và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

» Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện

CHÚ Ý

Chạy động cơ khi áp suất dầu thấp có thể làm động cơ hư hỏng nghiêm trọng.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng nếu hệ thống nạp điện có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tắt hệ thống sưởi* và hệ thống làm mát*/hệ thống điều khiển nhiệt độ*, bộ sấy sau và các hệ thống điện khác, sau đó liên hệ ngay với đại lý để sửa chữa.

»Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu cần dừng tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm ắc quy nhanh hết điện.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện hiện tượng mất lửa động cơ.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa xe đến ngay đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy ở gần, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng đến khi nguội.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Dầu phanh ở mức thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng trong khi đang lái

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất bàn đạp.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số để giảm tốc độ xe bằng cách sử dụng phanh động cơ.

►►Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố đang sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h trở xuống để kiểm tra.

►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng

Đưa xe đi sửa chữa ngay lập tức.

Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm.

Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, hãy giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, chứng tỏ hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

- Nếu thông báo **Do not drive** (Không lái xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe vào nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

Loại xe có Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh. Nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng suốt. Nếu lắp lốp dự phòng loại nhỏ*, đèn báo sẽ sáng hoặc nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng suốt.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định ghi ở nhãn dán trên thành đọc cửa người lái.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi điều chỉnh áp suất lốp.

► Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Tr. 292

Nếu lốp dự phòng loại nhỏ* làm đèn báo sáng, hãy thay lốp cùng kích cỡ. Đèn báo sẽ tắt sau khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng suốt

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu lốp dự phòng loại nhỏ* làm đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng suốt, hãy thay lốp cùng kích cỡ.

Đèn báo sẽ tắt sau khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt và dẫn đến hư hỏng. Luôn bơm lốp đến mức quy định.

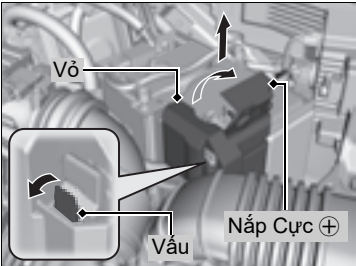
Vị Trí Cầu Chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

Có hai hộp cầu chì trong khoang động cơ.

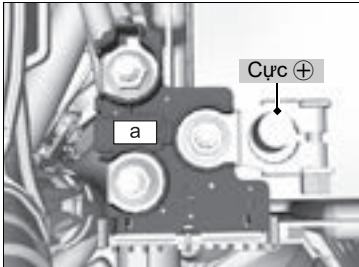
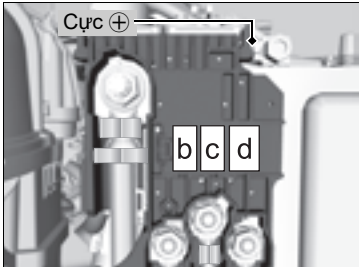
Hộp Cầu Chì A Khoang Động Cơ

Nằm gần cực ⊕ trên ắc quy.



- 1. Mở nắp cực ⊕.
 - 2. Tháo vỏ bằng cách kéo vấu như hình vẽ.
- Hãy thay cầu chì trong khoang động cơ ở đại lý.

Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện



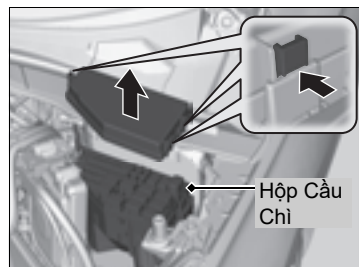
Mạch Được Bảo Vệ		Cường Độ
a	CHÍNH	100 A
b	RB CHÍNH 1	70 A
c	RB CHÍNH 2	80 A
d	CAP CHÍNH	70 A

■ Hộp Cầu Chi B Khoang Động Cơ

Loại xe có số cầu chi ở vỏ

Nằm ở phía sau khoang động cơ, bên trái.

Đẩy các vấu để mở hộp cầu chi.



Các vị trí cầu chi có ở trên vỏ cầu chi. Xác định vị trí cầu chi cần tìm theo số cầu chi và số trên nhãn cầu chi.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Cần Gạt Nước	30 A
2	–	(20 A)
3	Nguy Hiểm	10 A
4	Dừng	10 A
5	–	–
6	–	–
7	–	–
8	IGP	15 A
9	Cuộn IG	15 A
10	DBW	15 A
11	ABS/VSA MTR	40 A
12	Quạt Chính	30 A
13	Công Tắc Từ ST	30 A
14	Ly Hợp MG*	7,5 A
15	Cảm Biến Ác Quy	7,5 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
16	Bộ Điều Khiển Hộp Số*	(10 A)
17	FI-ECU Dự Phòng	10 A
18	Còi	10 A
19	Đèn Sương Mù Trước*	(10 A)
20	Đèn Sương Mù Trước*, ¹ IGP2*, ²	(15 A)
21	Dự Phòng Chính	(15 A)
22	Dự Phòng	10 A
23	Quạt Phụ	(30 A)
24	ABS/VSA FSR	30 A
25	IGP2 Phụ	7,5 A
26	IGPS (LAF)	10 A
27	–	–
28	–	–
29	–	–
30	–	(30 A)
31	Bộ Khởi Động DIAG	(7,5 A)
32	–	–
33	–	–

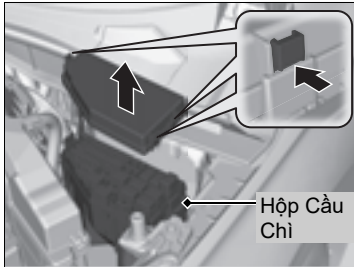
* 1: Loại xe Châu Phi và Thái Lan

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi và Thái Lan

Loại xe không có số cầu chì ở vỏ hộp

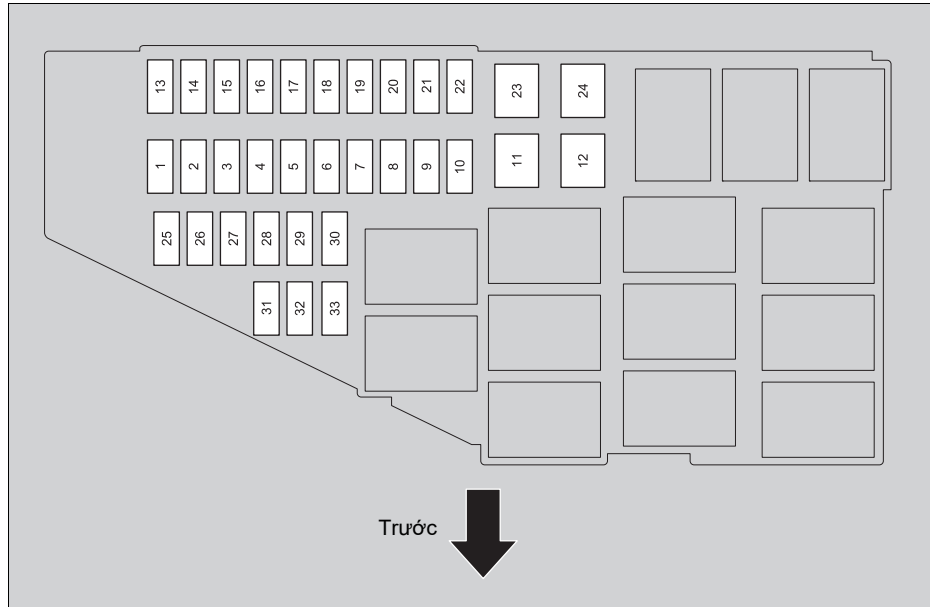
Nằm ở phía sau khoang động cơ, bên trái.

Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.



Các vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình ảnh và sơ đồ dưới đây.



■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

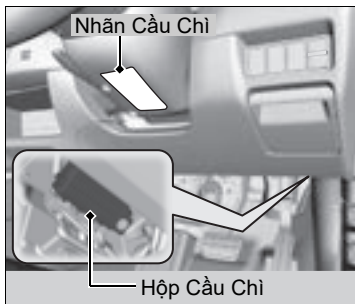
	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Cần Gạt Nước	30 A
2	–	–
3	Nguy Hiểm	10 A
4	Dừng	10 A
5	–	–
6	–	–
7	–	–
8	IGP	15 A
9	Cuộn IG	15 A
10	DBW	15 A
11	ABS/VSA MTR	40 A
12	QUẠT CHÍNH	30 A
13	Công Tắc Từ ST	30 A
14	Ly Hợp MG	7,5 A
15	Cảm Biến Ác Quy	7,5 A
16	Bộ Điều Khiển Hộp Số*	(10 A)
17	FI-ECU Dự Phòng	10 A
18	Còi	10 A
19	Đèn Sương Mù Trước*	(10 A)
20	Đèn Sương Mù Trước*	(15 A)

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
21	Dự Phòng Chính	15 A
22	Dự Phòng	10 A
23	Quạt Phụ	30 A
24	ABS/VSA FSR	30 A
25	IGP2 Phụ	(7,5 A)
26	IGPS (LAF)	(10 A)
27	–	–
28	–	–
29	–	–
30	–	–
31	Bộ Khởi Động DIAG	(7,5 A)
32	–	–
33	–	–

■ Hộp Cầu Chì A Trong Xe Phía Người Lái

Loại xe có nhân cầu chì trong xe

Nằm bên dưới bảng táp-lô.



Các vị trí cầu chì được mô phỏng trên nhãn.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Phụ Kiện	7,5 A
2	Khóa Chìa Khóa Phụ Kiện	7,5 A
3	–	(10 A)
4	–	(7,5 A)
5	Tùy Chọn	10 A
6	Tùy Chọn 2	10 A
7	Đồng Hồ Đo	10 A
8	Bơm Nhiên Liệu	15 A
9	A/C	10 A
10	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Sau	(20 A)
11	Mon	5 A
12	Khóa Cửa Bên Phải	10 A
13	Mở Khóa Cửa Bên Trái	10 A
14	Cửa Kính Điện Sau Trái	20 A
15	Cửa Kính Điện Hành Khách Trước	20 A

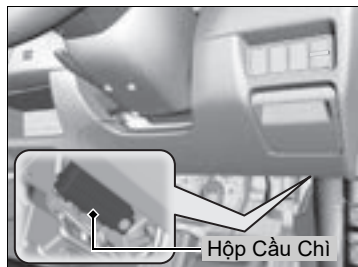
	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
16	Khóa Cửa	20 A
17	Bộ Điều Khiển Hộp Số	(10 A)
18	–	(10 A)
19	Cửa Sổ Trời*	(20 A)
20	Ngắt Bộ Khởi Động	7,5 A
21	ACG	(10 A)
22	Đèn Ban Ngày	7,5 A
23	Đèn Sương Mù Sau*	(10 A)
24	Tùy Chọn	7,5 A
25	–	(10 A)
26	Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
27	Cửa Kính Điện Sau Phải	20 A
28	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
29	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	20 A

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
30	 Thông Minh	(10 A)
31	 –	(15 A)
32	 –	(20 A)
33	 –	(20 A)
34	 ABS/VSA	10 A
35	 SRS	10 A
36	 –	(20 A)
37	 IMG	(10 A)
38	 Khóa Cửa Bên Trái	10 A
39	 –	(10 A)

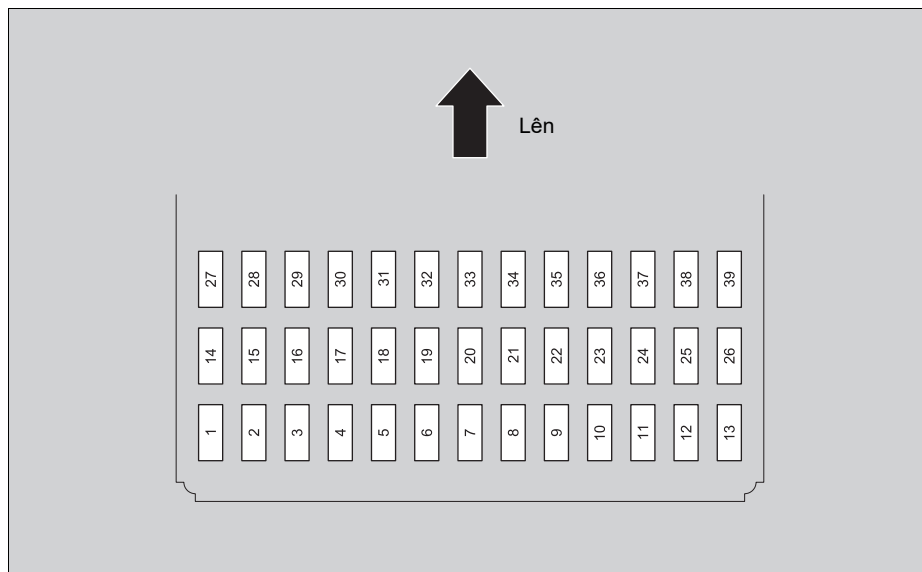
Loại xe không có nhân cầu chi trong xe

Nằm dưới băng tấp-lô.



Các vị trí cầu chi được thể hiện trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chi cần tìm theo số cầu chi trong hình ảnh và sơ đồ dưới đây.



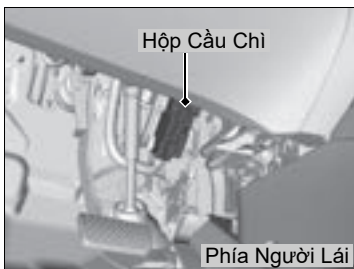
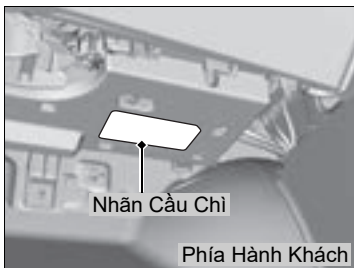
■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Phụ Kiện	7,5 A
2	Khóa Chìa Khóa Phụ Kiện	7,5 A
3	–	–
4	–	–
5	Tùy Chọn	10 A
6	Tùy Chọn 2	10 A
7	Đồng Hồ Đo	10 A
8	Bơm Nhiên Liệu	15 A
9	A/C	10 A
10	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Sau	(20 A)
11	Mon	5 A
12	Khóa Cửa Bên Phải	10 A
13	Mở Khóa Cửa Bên Trái	10 A
14	Cửa Kính Điện Sau Trái	20 A
15	Cửa Kính Điện Hành Khách Trước	20 A
16	Khóa Cửa	20 A
17	Bộ Điều Khiển Hộp Số	(10 A)
18	–	–
19	Cửa Sổ Trời*	(20 A)
20	Ngắt Bộ Khởi Động	7,5 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
21	ACG	10 A
22	Đèn Ban Ngày	7,5 A
23	–	–
24	Tùy Chọn	7,5 A
25	Khóa Cửa Người Lái*	(10 A)
26	Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
27	Cửa Kính Điện Sau Phải	20 A
28	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
29	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	20 A
30	Thông Minh	10 A
31	–	–
32	–	–
33	–	–
34	ABS/VSA	10 A
35	SRS	10 A
36	–	–
37	IMG	10 A
38	Khóa Cửa Bên Trái	10 A
39	Mở Khóa Cửa Người Lái*	(10 A)

Loại Vô Lăng Bên Trái
Hộp Cầu Chì B Trong Xe Phía Người Lái

Loại xe có nhân cầu chì trong xe



Vị trí cầu chì được mô phỏng trên nhãn.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn.

Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	 Hộp Cầu Chì Chính 1 ^{*1}	60 A
2	 IG Chính	30 A
3	 IG Chính 2	30 A
4	 Mô-đun 1 Rơ-le	30 A
5	 Mô-đun 2 Rơ-le	30 A
6	 Hộp Cầu Chì Chính 2	40 A
7	 Hộp Cầu Chì Tùy Chọn	(40 A)
8	 –	–
9	 Mô-tơ Bộ Trợ Lực	(40 A)
10	 DC/DC1	(30 A)
11	 –	–
12	 Mô Tơ Bộ Sưởi	30 A
13	 Bộ Sấy Kính Sau	30 A [*] 40 A [*]
14	 SRS	10 A
15	 –	(10 A)

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
16	 –	(10 A)
17	 –	(10 A)
18	 Ổ Cắm Điện ACC (Hộp Động Đồ 2) [*]	(20 A)
19	 –	–
20	 –	–
21	 Bộ Rửa	15 A
22	 –	–
23	 –	(15 A)
24	 –	–
25	 –	–

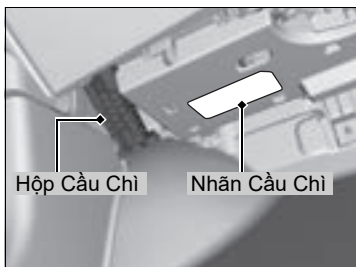
*1: Hãy thay cầu chì này tại đại lý.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại Vô Lãng Bên Phải

Hộp Cầu Chì A Trong Xe Phía Hành Khách

Loại xe có nhãn cầu chì trong xe



Các vị trí cầu chì được mô phỏng trên nhãn.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn.

Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

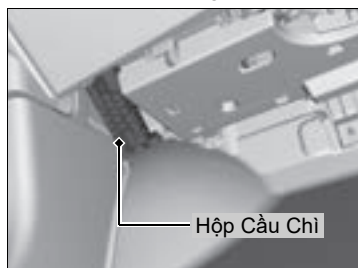
	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Cầu Chì Chính 1 ^{*1}	60 A
2	IG Chính	30 A
3	IG Chính 2	30 A
4	Mô-đun 1 Rơ Le	30 A
5	Mô-đun 2 Rơ Le	30 A
6	Hộp Cầu Chì Chính 2	40 A
7	Hộp Cầu Chì Tùy Chọn (40 A)	
8	–	–
9	Mô-tơ Bộ Trợ Lực	(40 A)
10	DC/DC1	(30 A)
11	–	–
12	Mô-tơ Bộ Sưởi	30 A
13	Bộ Sấy Kính Sau	30 A
14	SRS	10 A
15	–	(10 A)

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
16	–	(10 A)
17	–	(10 A)
18	Ổ Cắm Điện ACC (Hộp Đựng Đồ 2) [*]	(20 A)
19	–	–
20	–	–
21	Bộ Rửa	15 A
22	–	–
23	–	(15 A)
24	–	–
25	–	–

^{*} 1: Hãy thay cầu chì này tại đại lý.

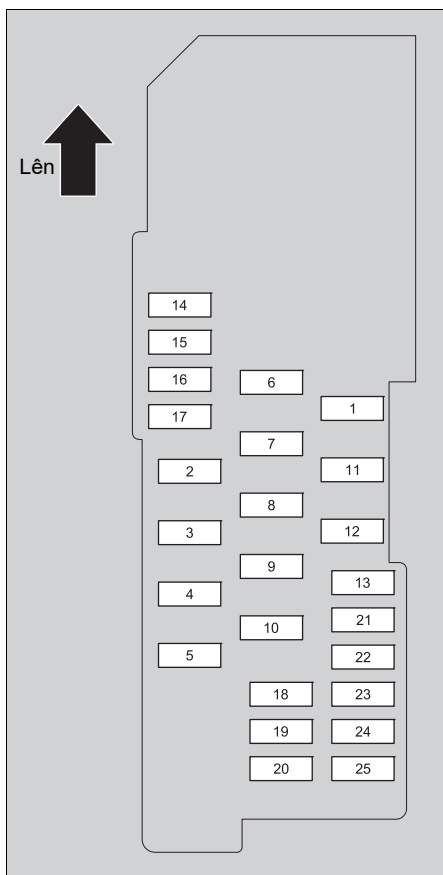
Loại xe không có nhân cầu chì trong xe

Nằm bên dưới bảng táp-lô.



Các vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình ảnh và sơ đồ dưới đây.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Hộp Cầu Chì Chính 1* ¹	60 A
2	IG Chính	30 A
3	IG Chính 2	30 A
4	Mô-đun 1 Rơ Le	30 A
5	Mô-đun 2 Rơ Le	30 A
6	Hộp Cầu Chì Chính 2	40 A
7	Hộp Cầu Chì Tùy Chọn*	(40 A)
8	–	–
9	–	–
10	–	–
11	–	–
12	Mô-tơ Bộ Sưởi	30 A
13	Bộ Sấy Kính Sau*	(30 A)* (40 A)*
14	SRS	10 A
15	–	–

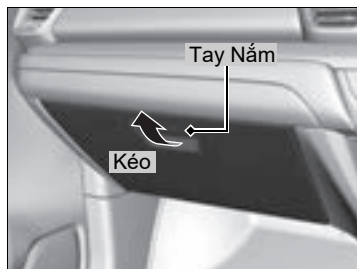
	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
16	–	–
17	–	–
18	Ổ Cắm Điện ACC (Hộp Dụng Đồ 2)*	(20 A)
19	Bộ Nạp USB*	(10 A)
20	–	–
21	Bộ Rửa	15 A
22	–	–
23	–	–
24	–	–
25	–	–

*1: Hãy thay cầu chì này tại đại lý.

■ Hộp Cầu Chì B Trong Xe Phía Hành Khách*

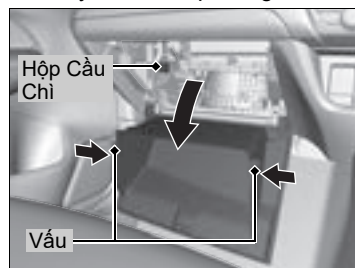
Nằm bên dưới bảng táp-lô.

1. Mở hộp đựng đồ.



2. Đẩy hai bên tấm ốp để tháo vấu.

3. Xoay hết cỡ hộp đựng đồ ra.



Các vị trí cầu chì được mô phỏng trên nhãn.

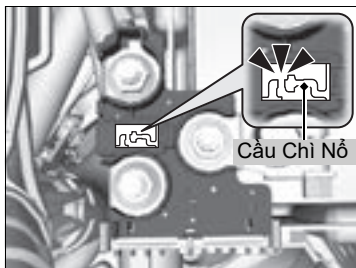
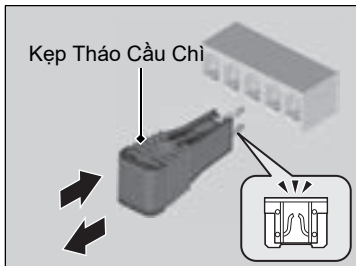
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	VST Ngắt ACC	(7,5 A)
2	-	-
3	VST IG1-1	(7,5 A)
4	Chính Dự Phòng 2	(15 A)

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY. Tắt các đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện.
2. Tháo vỏ hộp cầu chì.
3. Kiểm tra cầu chì to trong khoang động cơ.
 - Nếu cầu chì nổ, hãy đưa xe đến đại lý để thay cầu chì.
4. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và trong xe.
 - Nếu cầu chì nổ, hãy dùng kẹp tháo cầu chì để tháo và thay cái mới.
5. Kiểm tra các cầu chì nhỏ bên trong xe.
 - Nếu cầu chì nổ, hãy dùng kẹp tháo cầu chì để tháo và thay cái mới.

►► Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng hơn.

Loại xe có nhãn cầu chì

Sử dụng bảng để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định trên nhãn cầu chì.

Loại xe không có nhãn cầu chì

Sử dụng bảng để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định.

► Vị Trí Cầu Chì Tr. 459, 460, 463

Tất cả các loại xe

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

Có kẹp tháo cầu chì trên vỏ cầu chì B khoang động cơ.

Hãy gọi đội dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

Đây là cách tốt nhất để di chuyển xe của bạn.

■ Thiết bị nhắc bánh xe

Xe kéo chuyên dụng sử dụng hai tay nâng để nâng hai lốp trước lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

» Kéo Xe Khẩn Cấp

CHÚ Ý

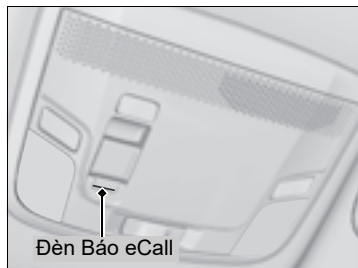
Cố nâng hoặc kéo xe bằng tấm cân sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cân không được thiết kế để nâng đỡ trọng lượng của xe.

CHÚ Ý

Kéo xe không đúng cách như kéo theo nhà di động hoặc một xe khác nữa phía sau có thể làm hỏng hộp số.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Điều này rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể văng từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

Cuộc gọi khẩn cấp tự động



Nếu xe xảy ra va chạm, hệ thống của xe sẽ kết nối với tổng đài Điểm Trả Lỗi An Toàn Công Cộng (PSAP). Khi kết nối thành công, một số thông tin về xe sẽ được gửi đến tổng đài PSAP. Những thông tin đó bao gồm:

- Số nhận dạng xe (VIN)
- Loại xe (xe chở khách hoặc xe tải loại nhỏ)
- Loại nhiên liệu xe sử dụng (xăng/đi-ê-zen/CNG/LPG/điện/hydro)
- Ba điểm đến gần đây nhất của xe
- Hướng xe chạy
- Chế độ khởi động (tự động hoặc bằng tay)
- Mốc thời gian

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của nhân viên tổng đài.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục trong 1 giây, sau đó chuyển sang màu đỏ trong khoảng 1 giây.

» Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Xe của bạn được trang bị hệ thống dịch vụ 999.

Dịch vụ eCall 999 là dịch vụ công cộng mà mọi người đều có quyền lợi chung và miễn phí truy cập.

Hệ thống eCall 999 trên xe hoạt động khi đặt chế độ nguồn ở BẬT. Khi xảy ra va chạm, hệ thống sẽ xác định mức độ va chạm dựa vào thông tin thu được từ các cảm biến trên bảng điều khiển, sau đó kích hoạt chức năng gọi khẩn cấp tùy thuộc vào mức độ va chạm đó.

Nếu cần, có thể kích hoạt hệ thống eCall 999 trên xe bằng cách ấn nút.

» Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút Tr. 476

Khi xử lý bất kỳ dữ liệu cá nhân nào thông qua hệ thống eCall 999 trên xe phải tuân thủ theo luật bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Chỉ Thị số 95/46/EC (thay cho chỉ thị số 2016/679/EC) và 2002/58/EC. Đặc biệt, phải tuân theo Điều 7(d) của Chỉ Thị số 95/46/EC (thay cho chỉ thị số 2016/679/EC) để bảo vệ các quyền lợi quan trọng của cá nhân.

Việc xử lý dữ liệu như vậy được giới hạn nghiêm ngặt theo quy định của dịch vụ cuộc gọi khẩn cấp 999 của Châu Âu hoặc các khu vực khác đề ra.

Nếu hệ thống eCall hoạt động bình thường, đèn báo sẽ sáng màu xanh lục.

- Màu xanh lục: Hệ thống eCall đã sẵn sàng.
- Nhấp nháy màu xanh lục: Hệ thống eCall được kết nối và đang thực hiện cuộc gọi eCall với tổng đài PSAP.
- Nhấp nháy màu đỏ ngắt quãng liên tục: Lỗi kết nối hệ thống eCall với tổng đài. Đèn báo eCall sẽ tiếp tục nhấp nháy như vậy trong 30 giây, sau đó sẽ sáng màu xanh lục.

Nếu hệ thống eCall 999 dừng hoạt động khi hệ thống bị lỗi nghiêm trọng, sẽ có các cảnh báo dưới đây để báo cho người ngồi trên xe:

- Đèn báo sáng màu đỏ hoặc không sáng: Hệ thống eCall có sự cố. Nếu đèn báo tiếp tục sáng màu đỏ hoặc tắt lịm ngay cả khi bạn đã khởi động lại xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
- Đèn báo nhấp nháy màu đỏ: Điện áp ắc quy dự phòng ở mức cực thấp. Khi nguồn ở BẬT, ắc quy sẽ tiến hành nạp điện. Khi ắc quy được nạp đến một mức nhất định, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục.

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Các điểm trả lời an toàn công cộng là nơi nhận dữ liệu được xử lý bởi hệ thống eCall 999 trên xe. Các điểm này được chỉ định bởi các cơ quan có thẩm quyền tương ứng của các quốc gia nơi họ đặt trụ sở, là nơi đầu tiên nhận dữ liệu và chỉ dùng cho dịch vụ cuộc gọi khẩn cấp 999 của Châu Âu hoặc khu vực khác.

Xe của bạn KHÔNG thể kết nối với tổng đài PSAP nếu:

- Cả ắc quy 12V và ắc quy dự phòng đều yếu.
- Xe của bạn nằm ngoài vùng phủ sóng di động.
- Hệ thống eCall hoặc thiết bị ngoại vi của hệ thống như micro hoặc loa có sự cố.

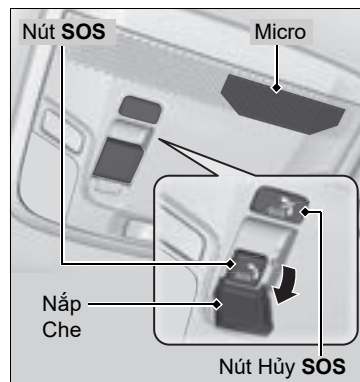
Ắc quy dự phòng có thể hoạt động được trong ít nhất 3 năm, sau đó cần thay ắc quy mới.

Ắc quy dự phòng không có sẵn trên thị trường. Hãy đến đại lý để thay thế.

Không thể sử dụng chức năng này ở những vùng không có dịch vụ eCall.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút



Nếu cần gọi khẩn cấp, bạn có thể kết nối bằng cách ấn nút **SOS** và giữ nút này trong hơn 0,5 giây.

Để hủy cuộc gọi, ấn nút hủy **SOS** trong hơn 0,5 giây, trước khi hết 5 giây tính từ khi ấn nút **SOS**.

Nút **SOS** có nắp bảo vệ. Mở nắp ra để ấn nút.

Khi thực hiện gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của nhân viên tổng đài.

►► Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút

KHÔNG ấn nút khi bạn đang lái xe. Nếu bạn cần liên hệ với tổng đài, hãy đỗ xe ở nơi an toàn trước khi thực hiện cuộc gọi.

Nếu hệ thống eCall báo lỗi kết nối với tổng đài PSAP ở lần gọi đầu tiên, hãy gọi lại cho đến khi kết nối thành công. Tuy nhiên, nếu sau 2 phút từ lần gọi thứ nhất, hệ thống sẽ không thể kết nối được nữa.

Khi hệ thống đã kết nối thành công với tổng đài, bạn không thể hủy cuộc gọi bằng nút hủy **SOS**.

»Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Bảo mật dữ liệu

Hệ thống eCall 999 trên xe được thiết kế để đảm bảo:

- Dữ liệu có trong bộ nhớ hệ thống không được sao lưu ra bên ngoài hệ thống trước khi eCall hoạt động.
- Không thể theo dõi hoặc theo dõi liên tục hệ thống khi hệ thống đang hoạt động.
- Dữ liệu trong bộ nhớ trong của hệ thống được xóa tự động và liên tục.

Để hệ thống hoạt động bình thường, dữ liệu vị trí của xe liên tục được ghi đè vào bộ nhớ hệ thống, vì vậy ba điểm đến gần đây nhất của xe được cập nhật liên tục.

Nhật ký dữ liệu hoạt động trong hệ thống eCall 999 trên xe chỉ cần được lưu giữ trong khoảng thời gian cần thiết nhằm mục đích xử lý eCall khẩn cấp và thường thì được lưu không quá 13 giờ kể từ thời điểm bắt đầu thực hiện cuộc gọi eCall khẩn cấp.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Quyền của chủ xe

Chủ thể dữ liệu (chủ xe) có quyền truy cập dữ liệu và có quyền yêu cầu sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu liên quan đến họ, việc xử lý dữ liệu đó không nằm trong quy định của Chỉ Thị số 95/46/EC (thay thế cho chỉ thị số 2016/679/EC).

Bất kỳ bên thứ ba nào được tiết lộ về dữ liệu phải được thông báo về việc sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu tuân thủ theo đúng Chỉ Thị này, trừ khi chứng minh được việc thông báo là không thể hoặc không cần thiết.

Chủ thể dữ liệu có quyền khiếu nại với cơ quan bảo vệ dữ liệu có thẩm quyền nếu chủ thể thấy rằng quyền của họ bị xâm phạm trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân của họ.

Thông Tin Dịch Vụ eCall của Honda:
Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào về eCall, hãy liên hệ với văn phòng dịch vụ tại quốc gia bạn cư trú. Hãy xem sổ bảo dưỡng để biết danh sách các văn phòng đó.

Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng và các thông tin khác theo quy định.

Thông Số Kỹ Thuật	480
Số Nhận Dạng Xe	
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và	
Số Hộp Số	485
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*	486
Giấy Phép Mã Nguồn Mở TCU*	
Thông Tin Phần Mềm Miễn Phí/	
Mã Nguồn Mở	496

■ Thông Số Kỹ Thuật

Loại Xe	CITY ^{*1} BALLADE ^{*2}
Trọng Lượng Xe	1.083-1.124 kg ^{*3} 1.085-1.119 kg ^{*4} 1.098-1.131 kg ^{*5} 1.107-1.153 kg ^{*6} 1.129-1.153 kg ^{*7} 1.122-1.145 kg ^{*8, *9} 1.117-1.140 kg ^{*10} 1.122-1.136 kg ^{*11} 1.124-1.135 kg ^{*12} 1.115 kg ^{*13}
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	1.580 kg
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép Trên Cầu	Trước 850 kg Sau 735 kg

*1: Loại xe có biểu tượng CITY

*2: Loại xe có biểu tượng BALLADE

*3: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma

*4: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

*5: Loại xe Bangladesh, Brunei và Singapo

*6: Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal

*7: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

*8: Loại xe Trung Đông

*9: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái

*10: Loại xe Việt Nam

*11: Loại xe Malaysia

*12: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

*13: Loại xe Indonesia

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	DOHC 4 xy lạnh thẳng hàng làm mát bằng nước
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,5 mm
Dung Tích	1.498 cm ³
Tỷ Số Nén	10,6 : 1
Bugì	NGK DILZKAR7C11H DENSO DXE22HCR11H
Công Suất Tối Đa ^{*1}	89 kW (119 HP)/6.600 rpm
Mô Men Tối Đa ^{*1}	145 N·m (14,8 kgf·m)/4.300 rpm
Tốc Độ Tối Đa ^{*1}	190 km/h

*1: Loại xe Bahrain, Iraq, Kuwait, Omani, Qatar, Ả Rập Xê Út và Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất

■ Nhiên Liệu

Loại	Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên ^{*1} Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên ^{*2}
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	40 L

*1: Loại xe Indonesia

*2: Ngoại trừ loại xe Indonesia

■ Ấc Quy

Dung Tích	27AH(5)30AH(20) ^{*1, *3} 28AH(5)35AH(20) ^{*2}
-----------	--

*1: Loại xe có vô lăng bên phải ngoại trừ loại xe Châu Phi

*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

*3: Loại xe có vô lăng bên trái

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	1,8 L
----------------	-------

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	55 W (H7) ^{*1} LED ^{*2}
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	60 W (HB3) ^{*1} LED ^{*2}
Đèn Sương Mù Trước*	19 W (H16) ^{*3, *4} 35 W (H8) ^{*5, *6} LED ^{*7}
Đèn Xi Nhan Trước	21 W (Hỗ Phách) ^{*1} LED ^{*2}
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày	LED
Đèn Xi Nhan Bên (trên Cán Trước)*	5 W (Hỗ Phách)
Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa)*	LED
Đèn Phanh	LED
Đèn Hậu/Đèn Bên Hồng Sau	LED
Đèn Hậu	LED
Đèn Xi Nhan Sau	21 W (Hỗ Phách)
(Các) Đèn Lùi	16 W
Đèn Sương Mù Sau*	LED
Đèn Phanh Cao	LED
Đèn Biển Số Sau	5 W
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách Trước	8W ^{*8} LED ^{*9}
Đèn Đọc Sách Sau*	8W ^{*10} LED ^{*11}
Đèn Viên*	LED
Đèn Trần*	8W ^{*12} LED ^{*13}
Đèn Hộc Dụng Đồ Giữa	LED
Đèn Khoảng Hành Lý	5 W
Đèn Chỗ Để Chân*	LED
Đèn Ngăn Đồ Ở Cửa*	LED
Đèn Tay Nắm Bên Trong Cửa*	LED

- *1: Loại xe có đèn chiếu sáng halogen
 *2: Loại xe có đèn chiếu sáng LED
 *3: Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal có đèn sương mù trước halogen
 *4: Loại xe Châu Phi và Trung Đông có đèn sương mù trước halogen
 *5: Loại xe Mỹ La Tinh có đèn sương mù trước halogen
 *6: Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma có đèn sương mù trước halogen
 *7: Loại xe có đèn sương mù trước LED
 *8: Loại xe không có đèn đọc sách trước LED
 *9: Loại xe có đèn đọc sách trước LED
 *10: Loại xe không có đèn đọc sách sau LED
 *11: Loại xe có đèn đọc sách sau LED
 *12: Loại xe không có đèn trần LED
 *13: Loại xe có đèn trần LED

■ Điều Hoà Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối Lượng Nạp	395 - 445 g

■ Dầu Phanh/Ly hợp*

Quy Định	Dầu Phanh có DOT 3 hoặc DOT 4
----------	-------------------------------

■ Dầu Hộp Số Sàn*

Quy Định	Honda MTF
Dung Tích	Thay 1,4 L

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp*

Quy Định	Honda HCF-2
Dung Tích	Thay 2,8 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	·DẦU Động Cơ Honda #1.0 ·DẦU Xanh Honda ·Dầu Chính Hiệu Honda Motor 0W-16, 0W-20, 5W-30 ·ACEA A5/B5, API cấp SN hoặc cao hơn 0W-16, 0W-20, 5W-30
	Thay 3,1 L
Dung Tích	Thay cả lọc 3,3 L

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Quy Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
----------	---

Tỷ Lệ	50/50 nước chưng cất
-------	----------------------

Loại vô lăng bên phải

Dung Tích	3,53 L ^{*1} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa) 3,67 L ^{*2} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
-----------	--

Loại vô lăng bên trái

Dung Tích ^{*1}	3,84 L (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
-------------------------	---

Dung Tích ^{*2}	3,85 L ^{*3} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa) 3,88 L ^{*4} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa) 3,98 L ^{*5} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
-------------------------	---

*1: Loại xe Số Sàn
*2: Loại xe có Hộp Số Vô Cấp
*3: Loại xe Bahrain, Iraq, Kuwait, Oman, Qatar, Ả Rập Xê Út và Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất
*4: Loại xe Ghana, Angola, Benin, Ethiopia, Gabon, Bờ Biển Ngà, Madagascar, Nigeria, Tunisia, Ai Cập, Jordan và Li-băng.
*5: Loại xe Mỹ La Tinh và Đông Nam Á

■ Lốp Xe

Thường	Kích Thước ^{*1}	185/60R15 84H 185/55R16 83H 185/55R16 87H
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái

Lốp Dự Phòng Loại Nhỏ	Kích Thước ^{*1}	T135/80D15 99M T135/80D15 100M
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái

Lốp Dự Phòng Tạm Thời [*]	Kích Thước	175/65R15 84T
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái

Dự Phòng (Cùng kích cỡ)	Kích Thước ^{*1}	185/60R15 84H 185/55R16 83H 185/55R16 87H
	Áp Suất	Giống như lốp thường. Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái

Kính Thước Bánh Xe	Thường	15 x 6J ^{*2} 16 x 6J ^{*3}
	Dự Phòng Loại Nhỏ [*]	15 x 4T
	Dự Phòng Tạm Thời [*]	15 x 5 1/2J
	Dự Phòng cùng kích cỡ [*]	15 x 6J ^{*2} 16 x 6J ^{*3}

*1: Để biết thông tin về kích thước lốp ban đầu, hãy xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
*2: Loại xe có bánh xe 15 in-sơ
*3: Loại xe có bánh xe 16 in-sơ

Chỉ với loại xe Ấn Độ
Lốp xe đáp ứng yêu cầu của BIS và tuân thủ các yêu cầu theo luật phương tiện cơ giới (CMVR), 1989.

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc ^{*1} Tang trống ^{*2}
Đỗ	Cơ

*1: Loại xe Malaysia và Việt Nam có bánh xe 16 in-sơ
*2: Các loại xe khác

■ Kích Thước Xe

Loại xe Malaysia

Chiều Dài	4.580 mm ^{*1}
	4.589 mm ^{*2}
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.467 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.591 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.496 mm ^{*3}
	Sau 1.497 mm ^{*4}
Bánh Xe	Trước 1.483 mm ^{*3}
	Sau 1.485 mm ^{*4}

*1: Loại xe không có cánh thông gió khoang hành lý

*2: Loại xe có cánh thông gió khoang hành lý

*3: Loại xe có bánh xe 15 in-sơ

*4: Loại xe có bánh xe 16 in-sơ

Loại xe Philippin, Lào, Campuchia và Myanma

Chiều Dài	4.580 mm ^{*1}
	4.589 mm ^{*2}
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.457 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.591 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.496 mm
	Sau 1.483 mm

*1: Loại xe không có cánh thông gió khoang hành lý

*2: Loại xe có cánh thông gió khoang hành lý

Loại xe Việt Nam

Chiều Dài	4.580 mm ^{*1}
	4.589 mm ^{*2}
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.467 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.600 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.495 mm
	Sau 1.483 mm ^{*3}
	1.485 mm ^{*4}

*1: Loại xe không có cánh thông gió khoang hành lý

*2: Loại xe có cánh thông gió khoang hành lý

*3: Loại xe có bánh xe 15 in-sơ

*4: Loại xe có bánh xe 16 in-sơ

Loại xe Trung Đông và Châu Phi có vô lăng bên trái

Chiều Dài	4.593 mm ^{*1}
	4.603 mm ^{*2}
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.458 mm ^{*3, *4}
	1.467 mm ^{*5, *6}
Chiều Dài Cơ Sở	2.590 mm ^{*3, *4}
	2.600 mm ^{*5, *6}
Vệt Bánh Xe	Trước 1.495 mm ^{*5, *6}
	Sau 1.496 mm ^{*3, *4}
	1.483 mm

*1: Loại xe không có cánh thông gió khoang hành lý

*2: Loại xe có cánh thông gió khoang hành lý

*3: Loại xe Ghana, Angola, Benin, Ethiopia, Gabon, Bờ Biển Ngà, Madagascar, Tunisia và Ai Cập

*4: Loại xe Jordan và Li-băng không có bộ làm mát dầu hộp số vô cấp

*5: Loại xe Bahrain, Iraq, Kuwait, Oman, Qatar,

Ả Rập Xê Út, Nigeria và Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất

*6: Loại xe Jordan và Li-băng có bộ làm mát dầu hộp số vô cấp

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Chiều Dài	4.593 mm ^{*1}
	4.603 mm ^{*2}
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.467 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.591 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.496 mm
	Sau 1.483 mm

*1: Loại xe không có cánh thông gió khoang hành lý

*2: Loại xe có cánh thông gió khoang hành lý

Loại xe Ấn Độ, Bhutan, và Nepal

Chiều Dài	4.574 mm ^{*1}
	4.583 mm ^{*2}
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.489 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.593 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.496 mm
	Sau 1.484 mm

*1: Loại xe không có cánh thông gió khoang hành lý

*2: Loại xe có cánh thông gió khoang hành lý

Loại xe Indonesian

Chiều Dài	4.580 mm
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.467 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.600 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.495 mm
	Sau 1.483 mm

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

Chiều Dài	4.593 mm
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.467 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.592 mm
Vệt	Trước 1.497 mm
Bánh Xe	Sau 1.483 mm

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái

Chiều Dài	4.593 mm
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.477 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.600 mm
Vệt	Trước 1.493 mm
Bánh Xe	Sau 1.483 mm

Loại xe Bangladesh, Brunei và Singapo

Chiều Dài	4.580 mm ^{*1}
	4.589 mm ^{*2}
Chiều Rộng	1.748 mm
Chiều Cao	1.467 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.600 mm
Vệt	Trước 1.495 mm
Bánh Xe	Sau 1.483 mm

*1: Loại xe không có cánh thông gió khoang hành lý

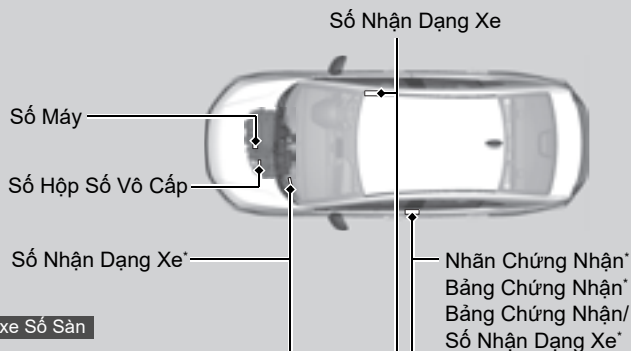
*2: Loại xe có cánh thông gió khoang hành lý

Sổ Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

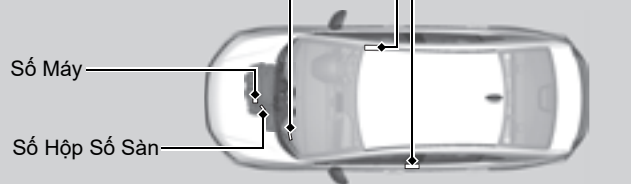
Xe có số nhận dạng gồm 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm.

Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.

Loại xe có Hộp Số Vô Cấp



Loại xe Số Sàn



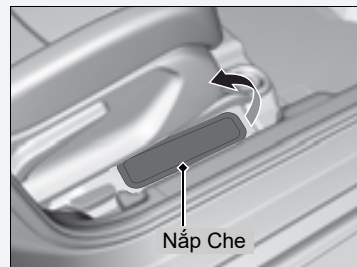
»Sổ Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Số nhận dạng xe (VIN) nằm ở bên dưới nắp che.

Loại xe Đông Nam Á và Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

Loại xe Banglades

Loại vô lăng bên trái



Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Loại xe Ấn Độ, Bhutan và Nepal



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*

Các thiết bị và hệ thống sau trên xe phát ra sóng radio khi hoạt động.

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

FOB:

Loại xe Zambia



FOB:

Loại xe Botswana

BOCRA
REGISTERED No :
BOCRA/TA/2019/4826

FOB:

Loại xe Singapo

Complies with
IMDA Standards
DA107248

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*		
Loại xe Omani	FOB:	BCM:
	Oman-TRA	Oman-TRA
	D090024	D090024
	TRA/TA-R/4240/17	TRA/TA-R/7711/19
Loại xe Benin	FOB:	
	AGREE PAR L'ATRPT BENIN Numero d'agrement :2022-095/ARCEP/PT/SE/DJPC/DAR/GU Date d'agrement : 04 AVR 2022	
	BCM:	
	AGREE PAR L'ATRPT BENIN Numéro d'agrément :193/ARCEP/SE/DR/DAJRC/GU/2019 Date d'agrément : 28 OCT 2019	

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

Loại xe Ai Cập, Lào, Sint Maarten, Suriname, Zimbabwe và Grenada

FOB:

<http://www.alps.com/products/common/pdf/HandUnit/TWB1G0090.pdf>



Bằng văn bản này, ALPSALPINE CO., LTD. tuyên bố rằng thiết bị vô tuyến loại TWB1G0090 tuân thủ Chỉ Thị 2014/53/EU.

Toàn văn tuyên bố tuân thủ tiêu chuẩn của Liên Minh Châu Âu có trên trang web: <http://www.alps.com/products/common/pdf/HandUnit/TWB1G0090.pdf>

Mục đích sử dụng:

Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa

Địa chỉ bưu điện:

6-3-36, Nakazato, Furukawa, thành phố Osaki, Miyagi-pref., NHẬT BẢN 989-6181

(Các) dải tần khi bật radio; 433.92MHz.

Tần số tối đa được truyền trong (các) dải tần khi bật radio; 80.8dBuV/m@3m.

Đơn Vị Nhập Khẩu: Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst

Địa chỉ bưu điện:

Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300 Aalst - Bỉ

Loại xe Ai Cập, Lào, Sint Maarten, Suriname và Zimbabwe

BCM:

<http://www.sws.co.jp/en/product/document/certificate/HAR0004>



Bằng văn bản này, Sumitomo Wiring Systems, Ltd. tuyên bố rằng thiết bị vô tuyến loại HAR0004 tuân thủ Chỉ Thị 2014/53/EU.

Toàn văn tuyên bố tuân thủ tiêu chuẩn của Liên Minh Châu Âu có trên trang web:

<https://www.sws.co.jp/en/product/document/certificate/HAR0004>

Mục đích sử dụng:

Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa

Địa chỉ bưu điện:

1820, Nakanoike, Mikkaichi-cho, Suzuka, Mie 513-8631 NHẬT BẢN

(Các) dải tần khi bật radio; 125kHz, 433.92MHz.

Tần số tối đa được truyền trong (các) dải tần khi bật radio; 107.2dBuV/m@10m.

Đơn Vị Nhập Khẩu: Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst

Địa chỉ bưu điện:

Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300 Aalst - Bỉ

Loại xe Ai Cập, Lào, Sint Maarten, Suriname, Zimbabwe và Grenada

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa		
Loại xe Ghana	FOB: Mục đích sử dụng: Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa Địa chỉ bưu điện: 6-3-36, Nakazato, Furukawa, thành phố Osaki, Miyagi-pref., NHẬT BẢN 989-6181 (Các) dải tần khi bật radio; 433.92MHz. Tần số tối đa được truyền trong (các) dải tần khi bật radio; 80.8dBuV/m@3m. Đơn Vị Nhập Khẩu: THP Ghana Ltd. Địa chỉ bưu điện: P.O. BOX 3464, KANESHIE, ACCRA, GHANA	BCM: Mục đích sử dụng: Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa Địa chỉ bưu điện: 1820, Nakanoike, Mikkaichi-cho, Suzuka, Mie 513-8631 NHẬT BẢN (Các) dải tần khi bật radio; 125kHz, 433.92MHz. Tần số tối đa được truyền trong (các) dải tần khi bật radio; 107.2dBuV/m@10m. Đơn Vị Nhập Khẩu: THP Ghana Ltd. Địa chỉ bưu điện: P.O. BOX 3464, KANESHIE, ACCRA, GHANA

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

Loại xe Guyana và Seychelles

Thiết bị này phải tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.

Quy định của FCC:

Loại xe
Grenada,
Guyana và
Seychelles

Người dùng có thể mất quyền sử dụng nếu thay đổi hoặc chỉnh sửa thiết bị mà không có sự phê duyệt của bên chịu trách nhiệm.

Loại xe Grenada, Guyana và Seychelles

BCM:

Thiết bị này phải tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.

Quy định của FCC:

Người dùng có thể mất quyền sử dụng nếu thay đổi hoặc chỉnh sửa thiết bị mà không có sự phê duyệt của bên chịu trách nhiệm.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái ngoại trừ loại xe Sint Maarten

Mỗi thiết bị vô tuyến lắp đặt trên xe đều phải tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn của quy định dưới đây:

Quy định của FCC:

Thiết bị này phải tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.

Người dùng có thể mất quyền sử dụng nếu thay đổi hoặc chỉnh sửa thiết bị mà không có sự phê duyệt của bên chịu trách nhiệm.

Dấu Hợp Quy

Các thiết bị và hệ thống trên xe phát ra sóng radio khi hoạt động.

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*		Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*		Bộ Điều Khiển Viễn Thông*	
Loại xe Việt Nam	FOB:				
	<div><div>HONDA TRADING VIET NAM A00692019</div><div> ICT</div></div>	<div><div>HONDAVN A00092011</div><div> ICT</div></div>	—	<div><div>HONDAVN A00092011</div><div> ICT</div></div>	

Dấu hợp quy cho các phụ tùng an toàn



1. Vành hợp kim xe ô tô.

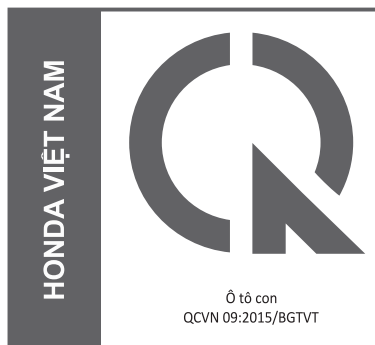


2. Vành hợp kim xe ô tô

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Dấu Hợp Quy

Dấu hợp quy cho các phụ tùng an toàn



3. Ô tô con



4. Gương chiếu hậu xe ô tô – Gương trong



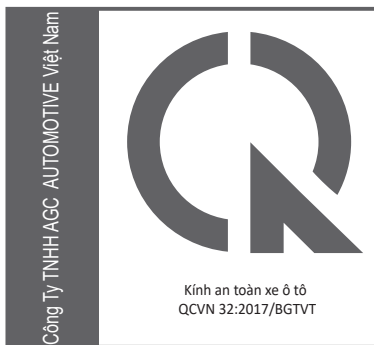
5. Đèn chiếu sáng phía trước xe ô tô



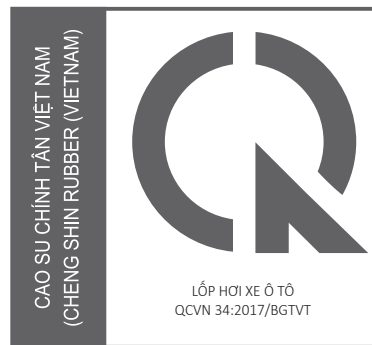
6. Gương chiếu hậu xe ô tô – Gương ngoài

Dấu Hợp Quy

Dấu hợp quy cho các phụ tùng an toàn



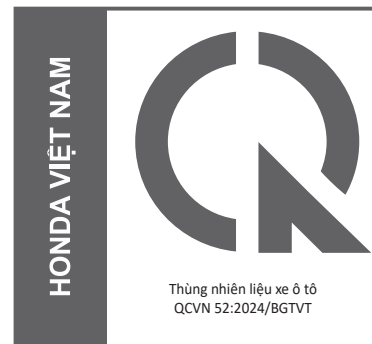
7. Kính an toàn xe ô tô



8. Lớp hơi xe ô tô



9. Lớp hơi xe ô tô



10. Thùng nhiên liệu xe ô tô

Thông Tin Phần Mềm Miễn Phí/Mã Nguồn Mở

Xe này có Phần Mềm Miễn Phí/Mã Nguồn Mở (FOSS).

Hãy truy cập theo đường dẫn dưới đây để biết thêm thông tin về giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS.

<https://www.denso.com/global/en/opensource/tcu/honda/>

A

ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng	
Phanh)	360
An Toàn Cho Trẻ	60
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	181
Áp Suất Lốp	482

Ă

Ăc Quy	415
Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ăc Quy)	415
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	95, 455
Nếu Ăc Quy Chết	446
Nhãn	418
Ăc Quy Chết	446

B

Bảng Điều Khiển	91
Điều chỉnh Độ Sáng	219
Bảng Thông Số Kỹ Thuật Chất	
Bôi Trơn	481
Bảo Dưỡng	373
An Toàn	375
Ăc Quy	415
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	419
Dầu	385
Dầu Hộp Số	389
Dầu Phanh	390
Dưới Nắp Ca-pô	382
Điều Khiển Nhiệt Độ	421
Hệ Thống Làm Mát	421
Két Nước	388

Lốp Xe	408
Lưu Ý	374
Nước Làm Mát	387
Thay Bóng Đèn	392
Vệ Sinh	423

Bổ Sung

Dầu Động Cơ	386
Nước Làm Mát	387
Nước Rửa Kính	391
Bóng Đèn	392, 393, 395
Bugì	480

C

Cài Đặt	128, 151
Cài Đặt Đồng Hồ	166
Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành	
Trình	119, 123, 145
Camera Trước	356
Cảm Biến Nhiệt Độ	116, 254
Cảnh Báo	127
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	216
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước	406
Cần Số	271, 276
Đèn Báo Vị Trí Số	272
Không Gạt Được	449
Nhả	449
Vận Hành	271, 276
Cầu Chì	459
Kiểm Tra và Thay Thế	472
Vị Trí	459, 460, 463, 467, 468, 471
Chất Phụ Gia, Dầu	
Động Cơ	384, 385

Chế Độ ECON	279
Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp	274
Chìa Khóa	169
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	171
Chống Khóa Cửa	179
Không Mở Được Cửa Hậu	181
Loại và Chức Năng	169
Nhãn Mã Số	170
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	171
Chiều Xa Tự Động	211
Chọn Cần Số	271, 276
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	67
Chờ Hành Lý	259, 260
Chuyển Động Từ Từ (Hộp Số Vô	
Cấp)	270
CMBS (Hệ Thống Phanh Giảm	
Va Chạm)	299
Cờ-lê Vận Dai Ốc Bánh Xe	
(Tay Kịch)	437
Công Tắc (Quanh Vô Lãng)	4, 6, 201
Công Tắc Đèn	205
Cổng USB	244
Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)	474
Cửa	169
Chìa Khóa	169
Đèn Báo Cửa/Khoang Hành Lý	
Mở	37, 99
Hệ Thống Chống Khóa Cửa	179
Khóa Cửa Tự Động	182
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài	171
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong	180
Mở Khóa Cửa Tự Động	182

Cửa Kính (Mở và Đóng).....	194
Cửa Nạp Nhiên Liệu.....	25, 370
Cửa Sổ Trời.....	199

D

Dầu (Động Cơ)	384
Bổ Sung	386
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp.....	454
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng.....	384
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp.....	95, 453
Độ Nhớt	384
Kiểm Tra	385
Dầu Ly Hợp	390
Dây Đai An Toàn	39
Đèn Cảnh Báo	41, 97
Kiểm Tra	47
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai.....	82
Nhắc Thắt	41
Phụ Nữ Mang Thai	46
Thắt.....	44
Dung Dịch	
Dầu Hộp Số Sàn.....	389
Dầu Hộp Số Vô Cấp	389
Dầu Ly Hợp	390
Dầu Phanh.....	390
Nước Làm Mát Động Cơ	387
Nước Rửa Kính Chấn Gió.....	391
Dung Cụ	432

Đ

Đèn	205, 392
Đèn Ban Ngày	215
Đèn Báo Chiều Xa	101
Đèn Báo Đèn Bật.....	101
Đèn Sương Mù	208
Thay Bóng Đèn	392
Trong Xe	235
Xi Nhan	204
Đèn Ban Ngày	215
Đèn Báo	92
ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)	98
Áp Suất Dầu Thấp	95
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp.....	454
Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Hỗ Phách).....	111
Cảnh Báo Chệch Làn Đường (Màu Xám)	111
Cảnh Báo Tốc Độ	108
CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH	
CHÍNH.....	280, 282
Chế Độ Chạy Ổn Định Chính	105
Chế Độ ECON	105
Chiếu Xa	101
Chiếu Xa Tự Động.....	101
Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)	106
Cửa và Khoang Hành Lý Mở.....	99
Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp	107
Đèn Báo M (chế độ sang số thường 7 cấp)/Sang Số	96
Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau.....	97
Đèn Báo Sự Cố	95
Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống	108
Đèn Bật.....	101

Đèn Sương Mù Sau	102
Đèn Sương Mù Trước	102
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định.....	105
ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY	
ỔN ĐỊNH.....	282
Điều Khiển Đèn.....	102
ECO	105
Giảm Số	96
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	98
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	104
Hệ Thống Chống Nổ Máy	103
Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Hỗ Phách).....	109
Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Trắng/Màu Xanh Lục).....	109
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hỗ Phách).....	110
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/Màu Xanh Lục).....	110
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA).....	100
Hệ Thống Hộp Số	96
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	100
Hệ Thống Nạp Điện	95
Hệ Thống Phanh	94
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Hỗ Phách)	110
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)	110
Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	105
Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hỗ Phách).....	112, 113
Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/ Màu Xám)	114
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	97
Nhiên Liệu Thấp.....	98
Nhiệt Độ Cao	99
Nhiệt Độ Thấp.....	99

Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh	94
Sang Số Đỗ	106
Tăng Số	96
TẮT Tự Động Hỗ Trợ lái của Hệ Thống	
Cảnh Báo Chệch Làn Đường	111
TẮT VSA	100, 288
Vị Trí Số	96
Xi Nhan	101
Xoay Vô Lãng	106
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	95, 453
Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Hệ Thống Cảnh	
Báo Xẹp Lốp	107, 458
Đèn Báo Chiếu Xa	101
Đèn Báo Đèn Sương Mù	102
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	95, 455
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	98
Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống	
Phanh	94, 456
Đèn Báo Sự Cố	95, 456
Đèn Báo Tăng/Giảm Số	277
Đèn Báo Vượt	205
Đèn Cảnh Báo Sáng/Nhấp Nháy	453
Đèn Chiếu Sáng	205
Chỉnh Hướng Đèn	392
Điều Chỉnh	210
Làm Mờ	205
Vận Hành	205
Đèn Đọc Sách	236
Đèn Trong Xe	235
Điều Chỉnh	
Đèn Chiếu Sáng	210
Ghế Sau	229
Ghế Trước	226
Gương	223
Nhiệt Độ	116
Tựa Đầu	232

Tựa Tay	234
Vô Lãng	222
Điều Chỉnh Độ Sáng	
Núm	219
Điều Chỉnh Độ Sáng (Bảng Điều	
Khiển)	219
Điều Khiển	165
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định	280
Đèn Báo	105
Đi-ê-zen	25
Độ Nhớt (Dầu)	384, 481
Đổ Xe	363
Động Cơ	
Bộ Phát Tiếng Bíp Công Tắc	201
Dầu	384
Khởi Động	262
Nếu Ác Quy Chết	446
Nước Làm Mát	387
Số Máy	485
Đồng Hồ	166
Đồng Hồ, Đồng Hồ Đo	115
Đồng Hồ Đo	115
Đồng Hồ Đo Hành Trình	119, 123, 145
Đồng Hồ Đo Lượng Tiêu Thụ Nhiên Liệu	
Tức Thời	115
Đồng Hồ Đo Quãng Đường	119
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ	115
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe	115
Đồng Hồ Đo Trọng Lực	148

E	
eCall (Cuộc Gọi Khẩn Cấp)	474

G	
Gập Ghế Sau	229
Ghế	226
Điều Chỉnh	226
Ghế Sau	229
Ghế Trước	227
Ghế Lót Đặc Biệt (Cho Trẻ)	86
Ghế Sau (Gập Xuống)	229
Ghế Trước	227
Điều Chỉnh	227
Giới Hạn Tải	260
Gương	223
Bên Ngoài	224
Cửa	224
Điều Chỉnh	223
Gương Chiếu Hậu Trong Xe	223
Gương Bên Ngoài	224
Gương Cá Nhân	9
Gương Chiếu Hậu Trong Xe	223
Gương Cửa	224

H	
Hành Lý (Giới Hạn Tải)	260
Hệ Thống An Ninh	191
Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	104
Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	103
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)	51
Hệ Thống Cảm Biến Đỗ	365
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn	
Đường	342
Bật và Tắt	346
Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước	
Khởi Hành	350
Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp	290
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh	
(ABS)	360

Đèn Báo	98
Hệ Thống Chống Khóa Cửa	179
Hệ Thống Chống Nổ Máy	191
Đèn Báo	103
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ)	250
Cảm Biến	254
Chế Độ Lấy Gió Trong/Gió Ngoài	250, 251
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	252
Lọc Gió Điều Hòa	421
Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động	250
Thay Đổi Chế Độ	250
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Hệ Thống Làm Mát)	245
Làm Mát	247
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	248
Lọc Gió Điều Hòa	421
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Hệ Thống Sưởi và Làm Mát)	246
Sưởi	246
Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ôn Định Thích Ứng (ACC)	311
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ	250
Cảm Biến	254
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài	250, 251
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	252
Lọc Gió Điều Hòa	421
Sử Dụng Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động	250
Thay Đổi Chế Độ	250
Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện)	100

Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	60
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	67
Ghế Lót Đặc Biệt	86
Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Nhỏ	66
Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Sơ Sinh	64
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Quay Mặt Về Phía Sau	64
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hông/Vai	82
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới	78
Sử Dụng Dây Thắt Trẻ Lớn	84
Hệ Thống Hỗ Trợ Eco	85
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)	11
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	329
Đèn Báo	100, 457
Hệ Thống Làm Mát	245
Làm Mát	247
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	248
Lọc Gió Điều Hòa	421
Hệ Thống Phanh	358
Dầu	390
Đèn Báo	94, 456
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	360
Hệ Thống Phanh Khẩn Cấp	361
Phanh Chân	359
Phanh Đỗ	358
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	299
Hệ Thống Sưởi và Làm Mát	246
Hệ Thống Sưởi	246
Honda Sensing	26, 296
Hỗ Trợ An Toàn	126, 149

Hỗ Trợ Ôn Định Xe (VSA)	287
Đèn Báo Hệ Thống	100
Đèn Báo TẮT	100
Nút Tắt	288
Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh	289
Hộp Đựng Đồ	238
Hộp Đựng Đồ Trung Tâm	238
Hộp Số	271, 276
CVT	271
Dầu	389
Đèn Báo Số	96
Đèn Báo Vị Trí Cần Số	272
Số Hộp Số	485
Số Sàn	276
Hộp Số Vô Cấp	270
Chuyển Động Từ Từ	270
Dầu	389
Không Gạt Được Cần Số	449
Nhảy Về Số	270
Sang Số	271
Vận Hành Cần Số	271, 272

K

Kéo Rơ-moóc	261
Kéo Xe Của Bạn	
Khẩn Cấp	473
Két Nước	388
Khẩn Cấp	473
Khí CO	88
Khí Xả Nguy Hiểm (Khí CO)	88
Khóa/Mở Khóa	169
Chìa Khóa	169
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	182
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	181
Sử Dụng Chìa Khóa	178

Từ Bên Ngoài.....	171
Từ Bên Trong.....	180
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	182
Khoang Hành Lý	188
Bóng Đèn.....	405
Nắp.....	188
Khởi Động BằngẮc Quy Nối Ngoài	446
Khởi Động Động Cơ	262
Bộ Phát Tiếng Bíp Công Tắc Động Cơ... ..	201
Không Khởi Động.....	443
Nổ Ắc Quy Chết.....	446
Khởi Động Động Cơ Từ Xa	264
Kích (Cờ-lê Vận Đai Ốc Bánh Xe)	437
Kiểm Tra An Toàn	37
Kính Chắn Gió	
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	216
Làm Tan Sương/Làm Tan Băng	248, 252
Lưỡi Gạt Nước.....	406
Nước Rửa Kính	391
Vệ Sinh	423, 426

L

Lái Xe	257
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định.....	280
Hộp Số Vô Cấp	270
Khởi Động Động Cơ	262
Phanh.....	358
Sang Số	271, 276
Lái Xe An Toàn	33
Làm Mờ	
Đèn Chiếu Sáng.....	205
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	248, 252

Lịch Bảo Dưỡng	377
Lọc	
Lọc Gió Điều Hòa	421
Lọc Gió Điều Hòa	421
Lốp Bị Mòn	408
Lốp Dự Phòng	433, 482
Lốp Dự Phòng Loại Nhỏ	433, 482
Lốp Mùa Đông	413
Xích Bọc Lốp	413
Lốp Xe	408
Áp Suất Lốp.....	482
Đảo Lốp.....	412
Kiểm Tra	409
Kiểm Tra và Thay	408
Lốp Dự Phòng.....	433, 482
Lốp Mùa Đông.....	413
Thùng (Xẹp Lốp)	433
Vạch Báo Độ Mòn	410
Xích Bọc Lốp	413
Lốp Xẹp	433
Lưu Ý Khi Lái Xe	269
Khi Trời Mưa	269

M

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái	120, 141
Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị.....	120, 141
Màn Hình Hiển Thị Thông Tin	118
Móc Neo Phía Dưới	78
Móc Treo Áo	241
Mở/Đóng	
Cửa Kính Điện.....	194
Cửa Sổ Trời	199

Khoang Hành Lý	188
Nắp Ca-pô	383
Mở Khóa Cửa	171
Mở Khóa Cửa Người Lái từ Bên Trong	180

N

Nạp Điện Ắc Quy Yếu	455
Nạp Nhiên Liệu	369
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	98
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu	115
Xăng	369, 480
Nắp Bình Nhiên Liệu	25, 370
Ngăn Đẻ Cốc	239
Ngăn Đẻ Đồ	241
Ngăn Đẻ Đồ Phía Người Lái	241
Nhãn An Toàn	89
Nhãn Cảnh Báo	89
Nhãn Chứng Nhận	485
Nhãn Mã Số Chia Khóa	170
Nhảy Về Số (Hộp Số Vô Cấp)	270
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau	230
Nhiên Liệu	25, 369
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	98
Đồng Hồ Đo	115
Khuyến Dùng	369
Nạp Nhiên Liệu	369
Quãng Đường.....	119, 123
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO ₂	371
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình.....	123
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời.....	115, 123, 145

Nhiên Liệu Quy Định	369
Nhiệt Độ	
Đèn Báo Nhiệt Độ Cao	99
Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp	99
Hiển Thị Nhiệt Độ Ngoài Trời	116
Nhiệt Độ Ngoài Trời	116
Điều Chỉnh	116
Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm	4, 5
Nút ENGINE START/STOP	201
Nút HÀNH TRÌNH/ĐỒNG HỒ	118
Nút Sấy Kính Sau	221
Nước Làm Mát Động Cơ	387
Bổ Sung Nước Làm Mát	388
Đèn Báo Nhiệt Độ Cao	99
Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp	99
Kiểm Tra Nước Làm Mát	387
Quá Nhiệt	450
Nước Rửa Kính	
Bổ Sung/Đổ Đầy Nước Rửa Kính	391
Công Tác	216

O

Oát	481
------------------	-----

Ô

Ô Cắm Điện Phụ Kiện	242
----------------------------------	-----

P

Phanh Chân	359
Phanh Đổ	358
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	428
Phụ Nữ Mang Thai	46

Q

Quá Nhiệt	450
Quăng Đường	119, 123, 145
Que Thăm Dầu (Dầu Động Cơ)	385

S

Sang Số (Hộp Số)	271, 276
Số Nhận Dạng Xe	485
Số Máy và Số Hộp Số	485
Số Nhận Dạng Xe	485
Số Sàn	276

T

Tám Che Nắng Sau	243
Thay	
Ắc Quy	415, 419
Bóng Đèn	392
Cao Su Lưỡi Gạt Nước	406
Cầu Chi	459, 460, 463
Lốp Xe	433

Thay Bóng Đèn	392
Đèn Bên Hồng Sau	398
Đèn Bên Số Sau	401
Đèn Chiếu Sáng	392
Đèn Đọc Sách	403, 404
Đèn Đọc Sách Sau	404
Đèn Hậu	398, 400
Đèn Khoang Hành Lý	405
Đèn Lùi	400
Đèn Phanh	398
Đèn Phanh Cao	402
Đèn Sương Mù Sau	402
Đèn Sương Mù Trước	395
Đèn Trần	403
Đèn Trong Xe	403
Đèn Vị Trí/Ban Ngày	394
Đèn Xi Nhan Bên	397
Đèn Xi Nhan Sau	398
Đèn Xi Nhan Trước	394
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio	486
Thời Gian (Cài Đặt)	166
Thời Gian Xe Chạy	125, 147
Thông Báo An Toàn	0
Thông Gió	245, 250
Thông Số Kỹ Thuật	480
Thông Số Kỹ Thuật Bóng Đèn	481
Thùng (Lốp)	433
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải	
CO ₂	371
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình	119, 123, 145

Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	115, 123, 145
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp	362
Tính Năng	255
Tính Năng Tùy Chọn	128
Tốc Độ Trung Bình	125, 147
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	260
Túi Khí	49
Cảm Biến.....	49
Đèn Báo.....	57, 98
Sau Va Chạm.....	52
Thay Túi Khí.....	59
Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố.....	1
Túi Khí Bên.....	54
Túi Khí Rèm.....	56
Túi Khí Trước (SRS).....	51
Túi Khí Bên	54
Túi Khí Rèm	56
Túi Khí SRS (Túi Khí)	51
Túi Khí Trước (SRS)	51
Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	183
Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị	127, 150
Tựa Đầu	232
Tựa Tay	234

V

Vạch Báo Độ Mòn (Lốp)	410
Vệ Sinh Cửa Kính	423, 426
Vệ Sinh Ngoại Thất	425
Vệ Sinh Nội Thất	423
Vị Trí Cản Số	
Hộp Số Vô Cấp.....	271
Số Sàn.....	276
Vô Lăng	222
Điều Chỉnh.....	222
VSA (Hỗ Trợ Ổn Định Xe)	287

X

Xăng	25, 369
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp.....	98
Đồng Hồ Đo.....	115
Nạp Nhiên Liệu.....	369
Thông Tin.....	369
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO ₂	371
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời.....	115, 123
Xi Nhan	204
Đèn Báo (Bảng Điều Khiển).....	101

Xử Lý Sự Cố	431
Bàn Đạpphanh Rung.....	29
Cầu Chì Nổ.....	459, 460, 463
Đèn Cảnh Báo.....	92
Động Cơ Không Khởi Động.....	443
Kéo Xe Khẩn Cấp.....	473
Không Gạt Được Cản Số.....	449
Không Mở Được Cửa Sau.....	30
Lốp Thủng/Xẹp.....	433
Ồn Khi Phanh.....	31
Quá Nhiệt.....	450
Tiếng Bíp Vang Lên Khi Mở Cửa.....	31

HONDA



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Màn Hình Giải trí

Thông Tin An Toàn

Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng thiết bị này. Để tài liệu hướng dẫn sử dụng này trong xe để tránh làm mất. Khi chuyển nhượng xe cho người khác, hãy giao cho họ cả tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Để đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị này, cần chú ý các mục dưới đây được mô tả bằng các biểu tượng.

	Cảnh báo	Mô tả các mục là nguyên nhân gây tai nạn dẫn đến tử vong hoặc trọng thương nếu bạn không chú ý.
	Lưu ý	Mô tả các mục có thể là nguyên nhân gây tai nạn, thương tích hoặc làm hỏng xe nếu bạn không chú ý.
	Chú ý	Mô tả các mục bạn cần chú ý khi sử dụng thiết bị này để đảm bảo an toàn và thoải mái khi lái xe.

Để đảm bảo an toàn

	Cảnh báo	<ul style="list-style-type: none">● Người lái không nên nhìn vào màn hình hoặc vận hành hệ thống trong khi lái xe. Nhìn vào màn hình hoặc vận hành hệ thống khi đang lái xe sẽ khiến người lái mất tập trung không quan sát phía trước xe và có thể gây ra tai nạn. Luôn dừng xe ở nơi an toàn và giải phanh đỗ trước khi xem màn hình hoặc vận hành hệ thống.
--	-----------------	---

- **Luôn tuân thủ các hướng dẫn khi lắp đặt, tháo hoặc đấu dây cho thiết bị.**

Lắp đặt hoặc đi dây sai sẽ làm hỏng thiết bị hoặc làm cháy xe. Để đảm bảo an toàn, hãy liên hệ với nơi mua hàng để được tư vấn về lắp và tháo thiết bị.

- **Sử dụng nguồn điện phù hợp.**

Thiết bị này là để dùng cho hệ thống ắc quy 12 V DC có tiếp mát âm. Không được vận hành hệ thống này bằng các hệ thống ắc quy khác, đặc biệt là hệ thống ắc quy 24 V DC.

- **Đề pin và phim cách nhiệt cách xa tầm tay trẻ nhỏ.**

Hãy đề pin và phim cách nhiệt cách xa tầm tay trẻ nhỏ để tránh trường hợp chúng nuốt phải. Hãy đưa trẻ đến cơ sở y tế ngay nếu chúng nuốt phải pin hoặc phim cách nhiệt.

- **Không tháo rời hoặc sửa đổi thiết bị.**

Không tháo rời, sửa đổi hoặc tự sửa chữa thiết bị. Nếu cần phải sửa chữa, hãy liên hệ với đại lý của bạn.

- **Không sử dụng thiết bị khi có sự cố.**

Nếu thiết bị có sự cố (không có điện, không phát ra âm thanh) hoặc có hiện tượng bất thường (bên trong có vật lạ, bị dính nước, bốc khói hoặc có mùi lạ), hãy tắt thiết bị ngay và liên hệ với đại lý.

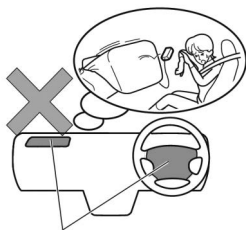
- **Yêu cầu nhân viên dịch vụ kỹ thuật thay cầu chì.**

Nếu cầu chì nổ, hãy tìm hiểu nguyên nhân rồi yêu cầu nhân viên dịch vụ kỹ thuật thay đúng loại cầu chì chuyên dùng cho thiết bị này. Nếu thay cầu chì không đúng loại quy định sẽ làm cầu chì bốc khói, cháy và làm hỏng thiết bị.

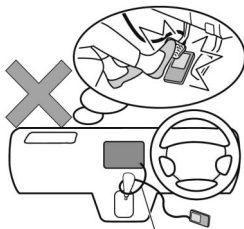
● Lưu ý Trước Khi Sử Dụng Thiết Bị Âm Thanh Di Động



Cảnh báo



Khoang túi khí SRS



Cáp kết nối

- Không đặt thiết bị âm thanh di động được kết nối hoặc cáp kết nối ở nơi làm túi khí SRS không nổ được. Túi khí SRS có thể không hoạt động tốt hoặc thiết bị âm thanh di động có thể bị bung ra khi túi khí nổ, dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.

* Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với xe để biết thông tin về vị trí nổ của túi khí SRS.

- Đặt hoặc cố định tạm thời thiết bị âm thanh di động và cáp kết nối ở nơi không ảnh hưởng đến người lái khi lái xe. Nếu không, các thiết bị âm thanh này có thể ảnh hưởng đến việc lái xe hoặc gây tai nạn.



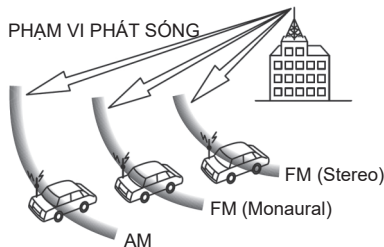
Lưu ý

- Duy trì âm lượng ở mức phù hợp.
Duy trì mức âm lượng vừa đủ nghe để nhận biết được tình trạng giao thông xung quanh khi đang lái xe.
- Đây là thiết bị dành riêng cho ô tô.
- Không sử dụng thiết bị này trong thời gian dài khi động cơ tắt.
Vận hành hệ thống âm thanh trong thời gian dài khi động cơ tắt sẽ làm hao điện ắc quy.
- Không để thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp hoặc nhiệt độ cao.
Việc này sẽ làm tăng nhiệt độ bên trong thiết bị, và có thể gây bốc khói, cháy hoặc hư hỏng khác cho thiết bị.
- Không sử dụng thiết bị bị dính nước, bị ẩm hoặc bụi bẩn.
Để thiết bị bị dính nước, bị ẩm, hoặc bụi bẩn có thể gây bốc khói, cháy hoặc hư hỏng khác cho thiết bị. Đặc biệt, đảm bảo thiết bị không bị ẩm khi rửa xe hoặc trong những ngày mưa.
- Không tắt nguồn thiết bị khi chưa kết thúc quá trình đọc chương trình.
Nếu kết nối với ắc quy bị ngắt hoặc điện áp giảm, chương trình đang tải xuống thiết bị sẽ bị xóa. Nếu điều này xảy ra, chương trình sẽ được tải lại trong khi Màn hình Mở xuất hiện khi khởi động lại thiết bị. Hãy đợi cho đến khi quá trình đọc chương trình hoàn tất.
Nếu nguồn bị tắt trong khi đang đọc chương trình, có thể xảy ra hư hỏng bất ngờ như chức năng âm thanh không thể hoạt động.
- Không tắt nguồn trong khi cập nhật phiên bản người dùng.
- Không chạm hoặc giữ màn hình trong khi bật nguồn cho đến khi màn hình chú ý xuất hiện trên màn hình.

Lưu Ý khi Sử Dụng

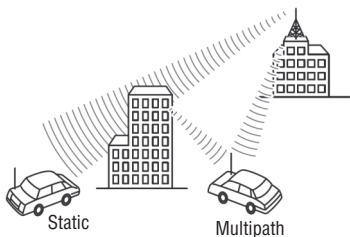
Radio

PHẠM VI PHÁT SÓNG



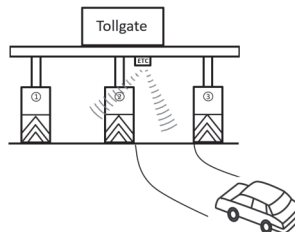
Nên điều chỉnh ăng ten để có thể thu nhận sóng tốt nhất. Thông thường, nên điều chỉnh ăng ten ngắn lại khi ở khu vực đô thị và nên kéo dài hết cỡ ăng-ten khi ở vùng xa xôi. Luôn cụp ăng ten trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Về Việc Thu Nhận Sóng Đài FM



Nghe chương trình phát sóng FM khi xe đang chạy, các điều kiện thu nhận sóng sẽ liên tục thay đổi theo các tòa nhà, địa hình, và khoảng cách từ thiết bị phát và tiếng ồn từ các xe khác. Các hiện tượng thu nhận sóng FM trong phần Chú ý là bình thường và không phải là do radio có sự cố.

Wifi



Khi kết nối điện thoại thông minh qua Wifi và ở gần trạm thu phí điện tử (ETC), Màn Hình Giải trí và điện thoại thông minh có thể tạm thời bị ngắt kết nối do nhiễu sóng.



Chú ý

- **Tín hiệu kém và mất tín hiệu:** Phạm vi FM là khoảng 25 dặm (40 km), ngoại trừ đối với trạm điện công suất cao. Nếu xe di chuyển cách xa bộ truyền tín hiệu, tín hiệu nhận được sẽ kém dần và/hoặc mất tín hiệu. Điều này là bình thường khi phát sóng FM và có thể kèm theo hiện tượng méo tiếng. Có thể giảm thiểu tình trạng này bằng cách điều chỉnh sang mức tín hiệu mạnh hơn.
- **Nhiều và rung:** Khi đường truyền giữa bộ truyền tín hiệu và xe bị cản trở bởi các tòa nhà lớn hoặc vật thể tương tự, âm thanh của đài sẽ bị nhiễu và rung. Bạn cũng có thể cảm nhận âm thanh rung khi lái xe dọc theo con đường có nhiều cây. Có thể giảm độ nhiễu và rung của âm thanh bằng cách giảm âm bồng.
- **Đa tuyến:** Do đặc điểm phản xạ của các tín hiệu FM, các tín hiệu trực tiếp và phản xạ sẽ truyền đến ăng-ten cùng lúc (được gọi là đa đường), và triệt tiêu lẫn nhau. Khi xe chạy qua các điểm như vậy, có thể xảy ra tình trạng âm thanh bị rung hoặc mất tín hiệu nhất thời.
- **Hoán đổi trạm thu phát:** Khi hai trạm phát FM ở gần nhau trong cùng một phổ tần số, tín hiệu sẽ bị gián đoạn bởi điểm chết điện tử do nhiễu hoặc đa đường, do đó hệ thống sẽ tự động chuyển sang tín hiệu mạnh hơn cho đến khi tín hiệu ban đầu quay trở lại. Hiện tượng hoán đổi trạm thu phát cũng có thể xảy ra khi xe chạy cách xa trạm thu phát đó và chạy gần trạm thu phát có tín hiệu mạnh hơn.



Chú ý

- **Hiện tượng ngưng tụ hơi nước**

Màn hình cảm ứng của thiết bị này có thể bị ngưng tụ hơi nước và không hoạt động tốt nếu bật máy sưởi khi nhiệt độ trong xe ở mức thấp, v.v. Trong những trường hợp như vậy, hãy tắt thiết bị trong khoảng một giờ. Tình trạng ngưng tụ sẽ biến mất và thiết bị sẽ hoạt động bình thường. Nếu thiết bị không hoạt động bình thường ngay cả sau vài giờ, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương của bạn.

- **Đèn nền màn hình không đều**

Khi vặn nút hoặc xoay khóa điện sang BẬT ở nhiệt độ thấp, đèn nền LCD có thể không đều hoặc màn hình có thể trở nên tối hơn. Đây là đặc điểm của đèn nền LCD.

- Hãy ấn nhẹ vào màn hình. Nếu không, hình ảnh có thể bị mờ/biến dạng.

- Tham khảo ý kiến đại lý về các tùy chọn nâng cấp.
- Màn hình ở tài liệu này có thể khác so với màn hình thực tế trên thiết bị. Hãy lưu ý rằng, nội dung của tài liệu này có thể không giống với thiết bị thực tế do những thay đổi về thông số kỹ thuật.



Chú ý

- Thiết bị này sử dụng một cơ chế có độ chính xác; vì vậy, tiếng ồn tĩnh, điện tử hoặc rung có thể sẽ xóa dữ liệu bạn đã lưu. Ghi lại dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này.

- Cần lưu ý rằng các trường hợp sau đây không được bảo hành.

- ① Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa do thiết bị bị hỏng, trục trặc hoặc lỗi hoặc ảnh hưởng của nhiễu điện từ đối với thiết bị.
- ② Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa do bạn hoặc bên thứ ba sử dụng không đúng cách.
- ③ Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa trong khi thiết bị này đang được sửa chữa.

- Tùy thuộc vào vị trí của ăng-ten GNSS, có thể không thu được tín hiệu vệ tinh GNSS (ví dụ: trong bãi đỗ xe nhiều tầng, bãi đỗ xe ngầm, v.v.).

Nội Dung

Giới Thiệu

Trước Khi Sử Dụng Thiết Bị Này	1
Bật Nguồn	2
Bố Trí Các Nút Điều Khiển	3

Thao Tác Cơ Bản

Thao Tác Nút Màn Hình Chính	5
Chuyển Nguồn Âm Thanh.....	6
Danh Sách Nút Bấm Cảm Ứng và Danh Sách Sử Dụng	8

Âm Thanh

Radio.....	9
USB.....	11
Phát Nhạc Trên iPod.....	15
Phát Nhạc Qua Âm Thanh Bluetooth®	19

Camera

Camera	24
--------------	----

Hệ Thống Bluetooth® Rảnh Tay

Điện Thoại (Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay).....	26
Kết nối Điện Thoại Bluetooth®	31
Gọi Điện trên Điện Thoại Bluetooth®	33
Nhận Cuộc Gọi trên Điện Thoại Bluetooth®	36
Nói Chuyện trên Điện Thoại Bluetooth®	37

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh.....	39
-------------------------------------	----

Bảng Điều Khiển Bên Ngoài

Sử Dụng Các Nút Điều Khiển Trên Vô Lãng.....	40
--	----

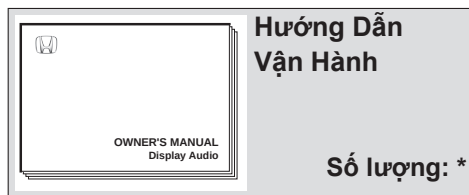
Cài Đặt

Cài Đặt	41
Cài Đặt Ngôn Ngữ	42
Cài Đặt Bluetooth®	43
Cài Đặt Danh Sách Điện Thoại	47
Cài Đặt Âm Thanh và Âm Lượng	48
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị.....	49
Cài Đặt Đồng Hồ.....	50
Cài Đặt Màn Hình Mở	51
Cài Đặt Wi-Fi.....	52
Cài Đặt Camera Lùi.....	53
Cài Đặt Quan Sát Làn Đường	54
Cài Đặt Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB)	55
Cài Đặt Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)	56

Phụ Lục

Thông Tin Phần Mềm và Giấy Phép Mã Nguồn Mở	57
Khôi Phục Cài Đặt Gốc.....	58
Thông Báo Lỗi.....	59
Xử Lý Sự Cố	61
Thông Số Kỹ Thuật.....	64
Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có thể Sử Dụng trên Hệ Thống Âm Thanh.....	65
Thương Hiệu và Giấy Phép.....	68
Luật và Quy Định	69
Mục Lục	72

Phụ Kiện



Ghi chú: * Số lượng khác nhau tùy theo quốc gia.

Trước Khi Sử Dụng Thiết Bị Này

- **Cần sử dụng cẩn thận thiết bị cơ khí chính xác này.**

Không sử dụng thiết bị này ở nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp để tránh gây ra sự cố hoặc lỗi.

Không để các vật kim loại và chất lỏng tiếp xúc với thiết bị, va đập mạnh cũng có thể làm hỏng thiết bị.

- **Vệ Sinh Thiết Bị**

<Vệ Sinh Thiết Bị>

- Không sử dụng benzen hoặc chất tẩy rửa để vệ sinh thiết bị, vì những chất này có thể làm hỏng vỏ và bề mặt sơn.
- Nếu bạn sử dụng khăn lau thấm hóa chất, hãy cẩn thận làm theo hướng dẫn.

<Vệ Sinh Màn Hình>

- Để vệ sinh màn hình, lau cẩn thận bằng vải mềm và khô như vải dùng để lau mắt kính.
- Chà xát màn hình bằng vải thô có thể làm trầy xước bề mặt màn hình. Màn hình là dạng tinh thể lỏng. Sử dụng benzen hoặc dung dịch kiềm có thể làm hỏng màn hình.

Bật Nguồn

Chức năng âm thanh của thiết bị này tự động bật khi nổ máy. Tắt máy sẽ làm nguồn thiết bị tự động tắt.



- (1) Ấn nút khởi động động cơ hoặc xoay khoá điện đến BẬT hoặc PHỤ KIỆN.
 - Âm thanh được bật.



- Màn hình vận hành xuất hiện.



- Màn hình chú ý xuất hiện.

- (2) Đọc thông báo cảnh báo trên màn hình, rồi chọn **OK**.



Chú ý

Để thay đổi ngôn ngữ, ấn Nút [Language].



- Màn hình âm thanh xuất hiện.
- Màn hình được hiển thị theo chế độ ở lần tắt nguồn gần đây nhất (ACC Ở TẮT).

Bố Trí Các Nút Điều Khiển

Ấn các nút trên bảng điều khiển, hoặc chạm vào màn hình để vận hành thiết bị này.



● Các nút điều khiển

① Màn Hình Chính

Ấn nút này để hiển thị Màn Hình Chính khi ở chế độ bất kỳ.

② Quay Lại

Quay lại màn hình hiển thị trước đó. Ấn và giữ nút này để hiển thị màn hình cài đặt.

③ Tăng Âm Lượng

Ấn nút này để tăng âm lượng lên một mức hoặc bật tiếng. Ấn và giữ nút này để tiếp tục tăng âm lượng.

④ Giảm Âm Lượng

Ấn nút này để giảm âm lượng xuống một mức hoặc bật tiếng. Ấn và giữ nút này để tiếp tục giảm âm lượng.

⑤ Nguồn

Ấn nút này để tắt âm thanh hoặc ấn và giữ nút này để tắt màn hình.

⑥ Màn hình cảm ứng

Chạm ngón tay vào màn hình để điều khiển các chức năng được chọn.



Chú ý

Có thể thao tác các nút ③ **Tăng Âm Lượng** và ④ **Giảm Âm Lượng** khi đang phát chế độ âm thanh bất kỳ trên nền thiết bị.



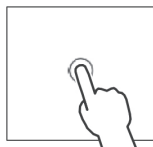
Chú ý

- Không cắm bất kỳ thiết bị nào ngoại trừ iPod, điện thoại thông minh hoặc USB vào cổng USB. Các thiết bị được kết nối qua bộ chia USB sẽ không hoạt động.
- Nếu bạn tắt nguồn của thiết bị âm thanh di động trong khi đang xem/nghe trên thiết bị này, sẽ có tiếng ồn phát ra và có thể làm hỏng loa. Tắt thiết bị âm thanh di động sau khi tắt nguồn thiết bị hoặc chuyển sang chế độ khác.
- Mỗi thiết bị có một mức âm lượng khác nhau. Không nên để âm lượng quá cao.
- Nếu âm lượng của thiết bị được kết nối ở mức cao, có thể xảy ra hiện tượng méo tiếng. Trong trường hợp như vậy, hãy điều chỉnh âm lượng trên thiết bị được kết nối.
- Nếu đã thay đổi âm lượng của thiết bị âm thanh di động kết nối với thiết bị này, hãy đặt lại mức âm lượng sau khi ngắt kết nối thiết bị âm thanh với thiết bị này.

● Các thao tác cơ bản trên màn hình

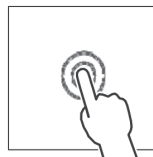
● Các thao tác màn hình cảm ứng

Để thực hiện các thao tác trên màn hình, bạn có thể chạm, bấm và giữ, gạt hoặc vuốt để chọn một mục, để hiển thị màn hình danh mục và để chuyển trang, v.v.



Bấm

Bấm nhẹ vào màn hình để chọn một mục trên màn hình.



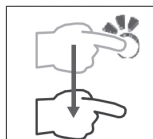
Bấm và Giữ

Dùng ngón tay bấm và giữ màn hình cho đến khi màn hình thay đổi hoặc thông báo xuất hiện.



Gạt

Trượt nhanh ngón tay sang trái hoặc phải trên màn hình để chuyển trang.



Vuốt

Trượt ngón tay lên hoặc xuống trên màn hình để cuộn màn hình.

Thao Tác Nút Màn Hình Chính

● Thao Tác Nút Home (Màn Hình Chính)

Ấn nút Home hiển thị Màn Hình Chính.



● Màn Hình Chính

Bạn có thể sử dụng nhiều chức năng khác nhau trên màn hình Chính.



Các Biểu Tượng/Nút và ý nghĩa của chúng trên Màn Hình Chính:

- **Tiêu đề của màn hình**
Thể hiện tên của màn hình hiện tại.
- **Đồng Hồ/Lịch**
Hiển thị thời gian và ngày.
- **Thanh Trạng Thái**
Hiển thị các chỉ báo.
- **Biểu tượng ứng dụng (lỗi tắt)**
Lỗi tắt cho nguồn phát âm thanh.
- **Danh Sách Thiết Bị (lỗi tắt)**
Lỗi tắt cho danh sách thiết bị.



Chú ý

- Chức năng này sẽ không hoạt động khi xem hình ảnh Camera Quan Sát Sau hoặc/và sử dụng các chức năng hệ thống rảnh tay Bluetooth®.
- Ấn nút Nguồn để tắt âm thanh.
- Ấn và giữ nút Nguồn để tắt đa phương tiện (Màn hình âm thanh tắt).

● Thanh Trạng Thái

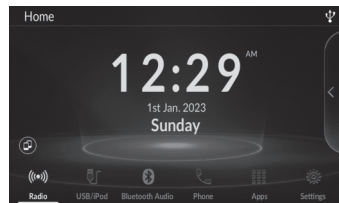
Thanh Trạng Thái hiển thị các chỉ báo và thời gian. Chi tiết và ý nghĩa của từng biểu tượng chỉ báo được mô tả trong bảng bên dưới.

Chỉ Báo	Tên	Chức Năng
	Ký hiệu USB	Hiển thị kết nối USB/iPod
	Quá nóng trong USB	Quá nóng ở Cổng 1 hoặc Cổng 2 USB
	Cường độ tín hiệu	Hiển thị cường độ tín hiệu BT-HF (Bluetooth® - Rảnh Tay) của điện thoại được kết nối
	Tắt tính năng gọi	Hiển thị trạng thái tắt tính năng gọi BT-HF (Bluetooth®-Rảnh Tay)
	Biểu tượng mức pin	Hiển thị mức pin của điện thoại BT-HF (Bluetooth®- Rảnh tay) được kết nối
	Biểu tượng BT	Hiển thị kết nối Bluetooth®
	Đồng hồ	Hiển thị đồng hồ cho màn hình ngoài Màn Hình Chính
	Kết nối từ xa	Hiển thị trạng thái kết nối ứng dụng từ xa qua kết nối Bluetooth®
	Bản tin giao thông	Tín hiệu đài thông tin giao thông
	Chương trình giao thông	Phát hiện chương trình tín hiệu bản tin giao thông
	Cường độ tín hiệu DAB	Cường độ kết nối với tín hiệu đài kỹ thuật số DAB

Chuyển Nguồn Âm Thanh

1 Cách Chuyển Nguồn Âm Thanh

Bạn có thể chuyển các nguồn âm thanh bằng lối tắt ở từng nguồn âm thanh.



Lối tắt

Từ Màn Hình Chính.

- **Radio** Chuyển sang radio FM/AM.
- **USB/iPod** Chuyển sang USB hoặc iPod.
- **Bluetooth® Audio** Chuyển sang âm thanh Bluetooth®.
- **Phone** Chuyển sang điện thoại Rảnh Tay Bluetooth®.
- **Apps** Chuyển sang kết nối Điện Thoại Thông Minh.
- **Setting** Chuyển sang các Cài đặt.

Từ Lối Tắt ở từng Nguồn Âm Thanh.

- **Radio** Chuyển sang radio FM/AM.
- **USB/iPod** Chuyển sang USB hoặc iPod.
- **Bluetooth® Audio** Chuyển sang âm thanh Bluetooth®.
- **Phone** Chuyển sang điện thoại Rảnh Tay Bluetooth®.
- **Apps** Chuyển sang kết nối Điện Thoại Thông Minh.
- **Settings** Chuyển sang các Cài đặt.



Chú ý

Biểu tượng Ứng dụng sẽ thay đổi theo nguồn được kết nối.

● Mã ký tự hỗ trợ

Thiết bị này hỗ trợ các mã ký tự sau đây.

Các mã ký tự ngoài các mã dưới đây có thể không được hiển thị đúng.

Chức Năng	Mục	Mã ký tự hỗ trợ
USB	Tên File/Thư mục	ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
		UNICODE (UTF-16)
	Tên nghệ sĩ (ID3 Tag Ver.1.x)	ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
	Tên nghệ sĩ (ID3 Tag Ver.2.x)	UNICODE (UTF-16)
iPod	Danh sách phát / Nghệ sĩ/ Album/ Bài hát/ Podcast/ Sách nói/ Thể loại/ Tên nhạc sĩ	UNICODE (UTF-8)
		UNICODE (UTF-16)
Âm Thanh Bluetooth®	Bài hát / Album / Tên nghệ sĩ	UNICODE (UTF-8)
Rảnh Tay	Tên / Số	ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
		UNICODE (UTF-16)

*ISO8859-1 (Tiếng Anh), ISO8859-15 (Bahasa)

2 Các Điều Kiện Vận Hành Âm Thanh

Các tính năng của thiết bị này có thể hoặc không thể hoạt động tùy thuộc vào các điều kiện vận hành dưới đây, bao gồm cả động cơ bật hoặc tắt.

Khóa điện	Âm thanh	USB (Video)
OFF	Không hoạt động	Không hoạt động
PHỤ KIỆN	Hoạt động	Hoạt động (Chỉ khi đã gài phanh đỗ)
ON	Xe đỗ	Hoạt động (Chỉ khi đã gài phanh đỗ)
	Xe đang chạy	Chỉ âm thanh (Chỉ có âm thanh vì các lý do an toàn)

Nút khởi động-dừng động cơ	Âm thanh	USB (Video)
KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ	Xe đỗ	Hoạt động
	Xe đang chạy	Hoạt động (Chỉ khi đã gài phanh đỗ) Chỉ Âm Thanh (Chỉ có âm thanh vì các lý do an toàn)
DỪNG ĐỘNG CƠ	Không hoạt động	Không hoạt động



Lưu ý

Đảm bảo rằng ắc quy không bị hết điện khi đặt khóa điện ở vị trí PHỤ KIỆN.

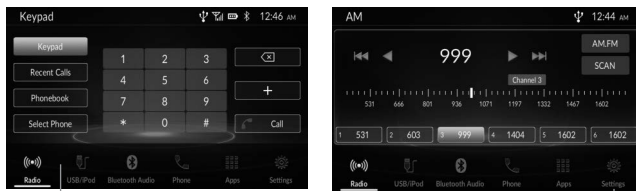
Tránh sử dụng thiết bị này trong thời gian dài khi động cơ không chạy. Nếu không, ắc quy sẽ bị hết điện và động cơ không khởi động được.



Chú ý

Trong khi xe đang chạy, một số nút cảm ứng sẽ không hoạt động, thể hiện bằng cách làm mờ màu của biểu tượng nút. Các nút sẽ không hoạt động ngay cả khi bấm chọn.

Danh Sách Nút Bấm Cảm Ứng và Danh Sách Sử Dụng



Các Nút Bấm

Bấm vào các nút trên màn hình để bật các chức năng này.

1 Các Nút Bấm Cảm Ứng

- Giữ nút trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.
- Bấm các nút một cách nhẹ nhàng để tránh làm hỏng màn hình.
- Nếu chức năng của nút không hoạt động, nhấc ngón tay ra khỏi màn hình và bấm lại.
- Các nút bấm không hoạt động được hiển thị bằng màu mờ.
- Một số nút sẽ sáng lên khi bấm vào.
- Để trở lại màn hình trước đó, bấm nút .

<Ký hiệu của các nút bấm cảm ứng có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này>

- Các nút bấm cảm ứng được thể hiện như bên dưới trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

(Ví dụ)



Bạn có thể chuyển sang trang khác hoặc thay đổi tên danh sách hiển thị.

2 Sử Dụng Danh Sách Thư Mục và Danh Sách File



(1) Bấm  hoặc  để quay về trang trước hoặc sang trang sau.

(2) Vuốt lên hoặc xuống trên màn hình cảm ứng để cuộn danh sách.



Radio

Có thể nhận và phát Radio AM hoặc FM1 hoặc FM2.

Tên Chế Độ Đang Phát

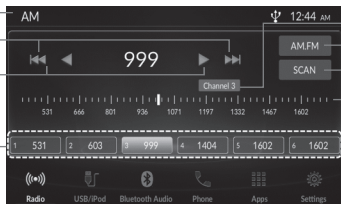
Tim Kênh Tiếp Theo/Trước Đó

Dò Kênh Tiếp Theo/Trước Đó

Thanh Tần Số

Thang Chia Tần Số

Các Nút Kênh Cài Đặt Sẵn



Kênh Cài Đặt Sẵn

Nút Dài Tần

Nút Quét

Thanh Tần Số

Thang Chia Tần Số

Số

Tên Kênh Đang Phát

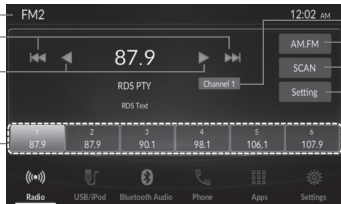
Tim Kênh Tiếp Theo/Trước Đó

Dò Kênh Tiếp Theo/Trước Đó

Thanh Tần Số

Thang Chia Tần Số

Các Nút Kênh Cài Đặt Sẵn



Kênh Cài Đặt Sẵn

Nút Dài Tần

Nút Quét

Cài Đặt RDS

Vào màn hình Radio bằng cách bấm nút **Radio** trên Màn Hình Chính (➔ Trang 6).

- Bấm nút **AM.FM** trên màn hình Radio, dải tần radio sẽ thay đổi như sau FM1 → FM2 → AM → FM1... (mặc định là FM1).



Chú ý

Chức năng RDS không có sẵn trên tất cả loại các xe.

1 Chọn Kênh

Dò kênh mong muốn bằng một trong các cách sau.



● Dò kênh cài đặt sẵn

Bấm vào một trong các nút Kênh Cài Đặt Sẵn để chọn kênh mong muốn. Nút trên màn hình sẽ sáng và tần số kênh sẽ xuất hiện trên màn hình.

● Điều chỉnh bằng tay

- Tim kênh radio mong muốn bằng cách bấm vào Thang Chia Tần Số, hoặc kéo Thanh Tần Số.
- Ấn nút **◀ ▶** để Dò Kênh Trước Đó/Kênh Tiếp Theo bằng tay.
- Ấn giữ nút **◀ ▶** để Dò Nhanh Kênh Trước Đó/Tiếp Theo.

● Dò tìm kiếm

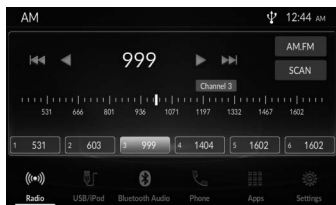
Radio bắt đầu tìm kiếm kênh có tần số gần nhất và sẽ dừng lại khi tìm thấy kênh.

- Ấn nút **◀▶▶▶** để Tìm Kiếm Kênh Trước Đó/Kênh Tiếp Theo.
- Ấn giữ nút **◀▶▶▶** để Tìm Kiếm Nhanh Kênh Trước Đó/Tiếp Theo.

● Quét

Bấm nút **SCAN**. Các kênh radio được tìm kiếm và phát lần lượt trong 5 giây. Nếu bạn bấm nút **SCAN** khi tìm thấy kênh mong muốn, kênh đó sẽ được giữ lại.

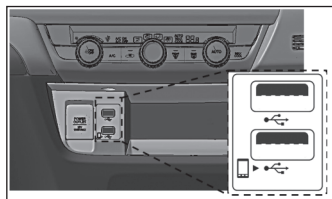
2 Cài Đặt Sẵn Kênh



- (1) Dò đến kênh mong muốn.
 - (2) Bấm một trong các nút chọn kênh (1-6) và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp. Thao tác này sẽ thiết lập tần số hiện tại vào nút màn hình. Tần số của kênh sẽ được hiển thị trên nút màn hình.
- Để thay đổi kênh cài đặt sẵn bằng một kênh khác, thực hiện quy trình tương tự.

USB

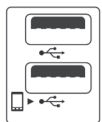
● Cắm USB.



(1) Cắm USB.



Chú ý



Cổng USB này chỉ dùng để sạc thiết bị.

Cổng USB dùng để phát các file Đa phương tiện lưu trong USB, kết nối điện thoại di động và nạp điện thiết bị.



Chú ý

- Không thể cắm qua bộ chia USB hoặc ổ cứng di động HDD.
- Tham khảo “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có Thể Sử Dụng Được trên Hệ Thống Âm Thanh” để biết chi tiết về các định dạng file được hỗ trợ (➡ Trang 65).
- Không phát được các file âm thanh và video không được mô tả trong “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có thể được Sử dụng trên Hệ Thống Âm Thanh” (➡ Trang 65).

Màn Hình Phát Nhạc Trên USB

● Màn Hình Nhạc USB

Tên Thư Mục, Tên Bài Hát, Tên Nghệ Sĩ

Tên Chế Độ Đang Phát

Nút Chuyển Chế Độ

Thời Gian Phát/Thanh Thời Gian

Nút Phát/Tạm Dừng

Nút Danh Sách

Nút Phát Ngẫu Nhiên

Nút Bài Hát Trước Đó/ Tiếp Theo

Nút Lặp Lại Thư Mục

Số Bài Hát/

USB

MP3

SongName1

1:17

Folder 2

Radio USB/iPod Bluetooth Audio Phone Apps Settings

01:18 AM

● Màn Hình Video USB

Tên Bài Hát Thời Gian Phát

Tiêu Đề Chế Độ Đang Phát

Nút Thay Đổi

Nút Phát/Tạm Dừng

Nút Danh Sách

Nút Chế Độ Xem Rộng

Thanh Thời Gian

Số File Bài Hát

Số Thư Mục Trước Đó/ Tiếp Theo

USB

Video 1

Country Roads Take Me Home

13:28

Folder 4

Radio USB/iPod Bluetooth Audio Phone Apps Settings

10:30 PM

1 Phát file Đa Phương Tiện từ USB



(1) Bấm nút **USB/iPod** trên màn hình Chính (→ Trang 6).

- Hệ thống âm thanh sẽ bật ở chế độ đã sử dụng gần đây nhất.



(2) Bấm nút  trên màn hình Nhạc USB để chuyển sang chế độ Video USB.

Bấm nút  trên màn hình Video USB để chuyển sang màn hình USB.



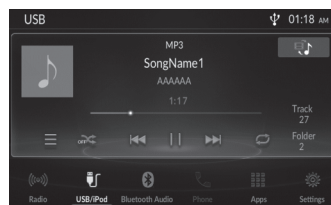
Chú ý

USB bị vô hiệu hoá khi Apple CarPlay Không Dây hoặc Android Auto™ Không Dây hoạt động.

2 Chọn Thư Mục/File

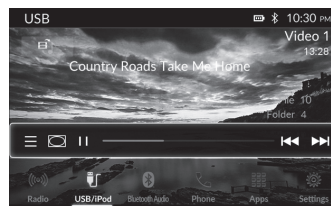
Có thể chọn thư mục bạn muốn lưu trong USB.

● Chọn màn hình Danh Sách Thư Mục/File

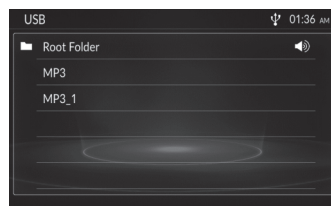


(1) Bấm nút  trên màn hình Nhạc USB.

- Màn Hình Danh Sách Thư Mục được hiển thị.



HOẶC Bấm  trên màn hình Video USB.



(2) Bấm vào thư mục (danh sách) mà bạn muốn nghe.

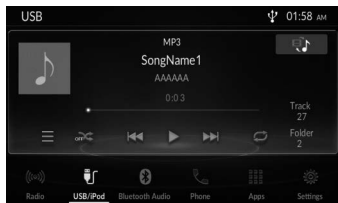
- Màn Hình Danh Sách File hiển thị.



(3) Bấm file (danh sách).

- Bắt đầu phát lại file được chọn.

● Chọn các nút trên màn hình cảm ứng



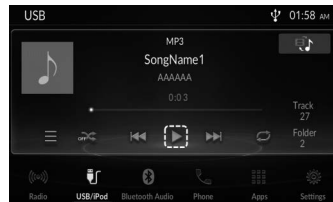
(1) Bấm nút  .

- Bấm nút  để chuyển sang file tiếp theo.
- Bấm nút  để chuyển đến phần đầu của file.
- Bấm nút  để chuyển sang file trước đó, nếu thời gian phát lại dưới 1 giây.



3 Tạm Dừng và Phát Lại

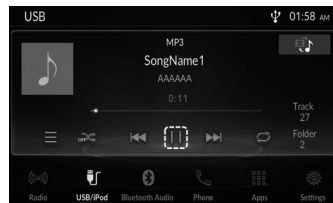
● Phát Lại



(1) Bấm  trên Màn Hình USB (➡Trang 11).

- Màn hình sẽ hiển thị  trong khi đang phát.

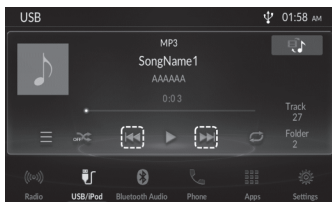
● Tạm Dừng



(1) Bấm nút  trên Màn Hình USB (➡Trang 11).

- Màn hình sẽ hiển thị  trong khi tạm dừng.
- Bấm nút  để phát lại.

4 Tua Đi và Tua Lại

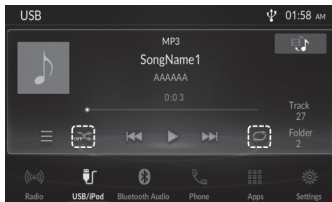


(1) Bấm nút  .

● Giữ nút  để tua đi.

● Giữ nút  để tua lại.

5 Ngẫu Nhiên và Phát Lại



● Bấm các nút [Ngẫu Nhiên] hoặc [Phát Lại] trên màn hình Nhạc USB.

● Các nút [Ngẫu Nhiên] và [Phát Lại] sẽ thay đổi như mô tả ở bảng bên phải.



Chú ý

Phát lại:

[Lặp Lại TẤT CẢ] → [Lặp Lại 1 Folder] → [Lặp Lại 1 File] → (trở lại) [Lặp Lại TẤT CẢ].

Phát ngẫu nhiên:

[TẮT Ngẫu Nhiên] → [BẬT Ngẫu Nhiên] → [Ngẫu Nhiên 1 Thư Mục] → (quay lại) [TẮT Ngẫu Nhiên].

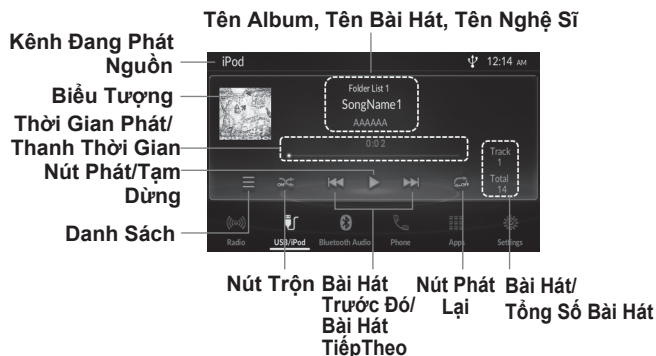
Nút	Tên	Chức Năng
	TẮT ngẫu nhiên	Các file đang phát không ở chế độ ngẫu nhiên.
	BẬT ngẫu nhiên	Các file trong tất cả các thư mục của USB sẽ được chọn và phát ngẫu nhiên.
	Ngẫu nhiên 1 Thư Mục	Các file trong thư mục đang phát sẽ được chọn và phát ngẫu nhiên.
	Phát lại TẤT CẢ	Phát lại tất cả các file có thể phát trong USB.
	Phát lại 1 Thư mục	Phát lại tất cả các file có thể phát trong thư mục đang phát.
	Phát lại 1 File	Phát lại file đang phát.

6 Chuyển Sang Chế Độ Xem Rộng

Nút	Tên	Chức Năng
	Phóng to (mặc định)	Mở rộng video so với tỷ lệ khung hình gốc, cho đến khi video rộng toàn bộ màn hình. Hình ảnh có thể bị cắt một phần.
	Bình thường	Hiện thị ở tỷ lệ khung hình gốc vừa với chiều rộng hoặc chiều cao.
	Toàn màn hình	Mở rộng video hết toàn bộ màn hình.

Phát Nhạc Trên iPod

● Màn Hình Phát Nhạc Trên iPod



(1) Bấm nút **USB/iPod** trên màn hình Chính ➔ (Trang 6).

Chú ý

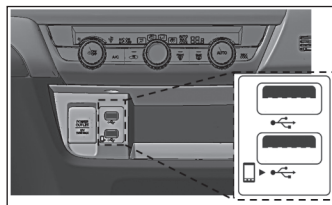
- Hệ thống này có chức năng sạc pin cho iPod.
- Khi pin của iPod yếu, iPod có thể không hoạt động. Nếu pin yếu, hãy sạc đầy pin cho iPod trước khi sử dụng.
- Tùy thuộc vào iPod được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể không có. Nếu không có một số chức năng do bị lỗi, hãy ngắt kết nối iPod và kết nối lại để xử lý lỗi.
- Để kết nối với hệ thống này, hãy sử dụng cáp Lightning hợp lệ.



Lưu ý

- Không kết nối iPod hoặc thao tác điều khiển thiết bị trong khi lái xe.
- Không để iPod trong xe. Đặc biệt, nhiệt độ cao bên trong xe có thể làm hỏng iPod.
- Không ấn hoặc tác động mạnh lên iPod trong khi đang kết nối vì có thể làm hỏng iPod hoặc chân iPod.
- Không đưa vật thể lạ vào cổng USB vì có thể làm hỏng iPod và chân iPod.

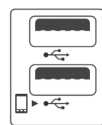
1 Kết Nối iPod



(1) Cắm cáp kết nối iPod vào cổng USB.

- Bật nguồn nếu iPod chưa bật.
- Sử dụng cáp tương thích cho thiết bị của bạn để kết nối tốt.

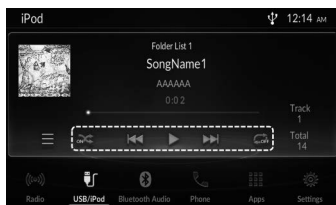
Chú ý



Cổng USB này chỉ dùng để sạc thiết bị.

Cổng USB này dùng để phát các file lưu trong USB, kết nối điện thoại di động và nạp điện thiết bị.

2 Phát nhạc trên iPod

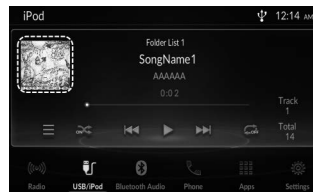


-  Bấm để tiếp tục phát bài hát.
-  Bấm để tạm dừng bài hát.
-  Bấm để chuyển sang bài hát tiếp theo.
Giữ để tua đi.
Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.
-  Bấm để chuyển đến phần đầu của bài hát.
Bấm nút để chuyển sang bài hát trước đó, nếu thời gian phát lại dưới 1 giây.
Giữ để tua lại.
Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.
-  Bấm để phát lại.
-  Bấm để phát ngẫu nhiên.

● Chọn Bài Hát

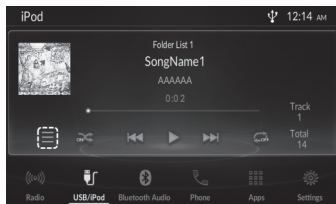
Bấm nút  hoặc nút  để chọn bài hát mong muốn.

● Biểu Tượng iPod

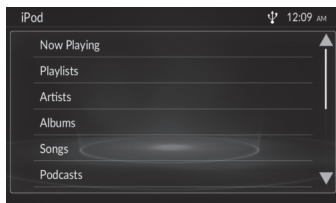


- (1) Biểu tượng iPod có thể được hiển thị trên màn hình tùy thuộc vào loại iPod hoặc dữ liệu lưu trong iPod.

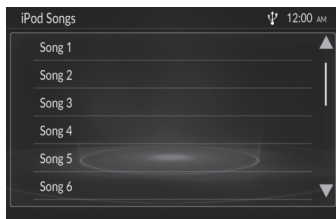
● Chọn chế độ phát hoặc danh mục



(1) Bấm  trên màn hình thao tác iPod cơ bản.



(2) Danh sách trong chế độ phát được chọn như danh sách phát, nghệ sĩ, album, bài hát, podcast, sách nói hoặc Trộn Bài sẽ được hiển thị.



(3) Chọn bài hát mong muốn từ danh sách.

- Khi chọn một danh sách nhạc, danh sách các bài hát sẽ hiển thị. Tiếp tục chọn cho đến khi bài hát hiển thị.
- Nhạc bắt đầu phát khi bài hát được chọn.

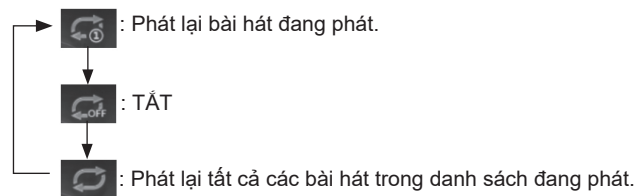
● Phát Lại và Trộn Bài

Bạn có thể phát lại bài hát bằng các chế độ phát lại và trộn bài.

<Chế Độ Phát Lại>

Tự động phát lại bài hát đang phát.

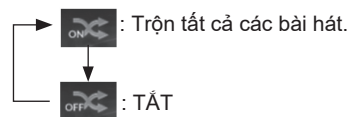
- Chế độ phát lại thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm vào nút trên màn hình.



<Chế Độ Trộn Bài>

Tự động trộn tất cả các bài hát trong iPod.

- Chế độ trộn bài thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm nút trên màn hình.



Chú ý

Khi có nhiều bài hát được lưu trong iPod, việc chọn chế độ trộn bài sẽ mất nhiều thời gian hơn.

3 Các loại iPod tương thích

Dưới đây là danh sách các loại iPod được hỗ trợ. Thiết bị này chỉ hỗ trợ các loại iPod sau. Các loại đời cũ hơn không được hỗ trợ.

Dành cho

- iPod touch (thế hệ thứ 7)
- iPod touch (thế hệ thứ 6)
- iPod touch (thế hệ thứ 5)

Dành cho

- iPhone 7 Plus
- iPhone 7
- iPhone 8
- iPhone 8 Plus
- iPhone X
- iPhone XR
- iPhone XS
- iPhone XS Max
- iPhone 11
- iPhone 11 Pro
- iPhone 11 Pro Max
- iPhone SE (thế hệ thứ 2)
- iPhone 12 mini
- iPhone 12
- iPhone 12 Pro
- iPhone 12 Pro Max
- iPhone 13 Mini
- iPhone 13
- iPhone 13 Pro
- iPhone 13 Pro Max



Chú ý

- Chú ý rằng các loại được liệt kê ở trên có thể không sử dụng được với thiết bị này do những khác biệt riêng, như loại hoặc phiên bản phần mềm.
- Truy cập trang web của Apple để biết chi tiết về cách cập nhật phần mềm iPod.
- Các iPod từ thế hệ thứ 4 trở về trước không tương thích với thiết bị này.
- iPad, iPod mini, iPod shuffle và iPod photo không tương thích với thiết bị này.
- Thiết bị này không thể phát video trong iPod.
Truy cập trang web URL
http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/HONDA23M/compatible_models.html



- Đối với một số loại iPod, hoạt động có thể không bình thường hoặc không ổn định. Trong trường hợp này, hãy ngắt kết nối iPod, sau đó kiểm tra tình trạng của iPod. Nếu hoạt động vẫn không được cải thiện hoặc chậm, hãy khởi động lại iPod.
- Khi bạn bật thiết bị này, iPod sẽ được sạc pin thông qua thiết bị.
- Thông tin văn bản có thể không được hiển thị chính xác.

Phát Nhạc Qua Âm Thanh Bluetooth®

● Bluetooth®

Hệ thống âm thanh Bluetooth® cho phép người dùng nghe nhạc trên máy nghe nhạc qua loa của xe thông qua kết nối không dây.

Hệ thống âm thanh này hỗ trợ Bluetooth®, một hệ thống dữ liệu không dây có khả năng phát file nhạc trên máy nghe nhạc mà không cần dây cáp. Nếu máy nghe nhạc của bạn không hỗ trợ Bluetooth®, hệ thống âm thanh Bluetooth® sẽ không hoạt động.



Lưu ý

- Không vận hành máy nghe nhạc hoặc kết nối với hệ thống âm thanh Bluetooth® trong khi lái xe.
- Không để máy nghe nhạc ở trong xe. Đặc biệt, nhiệt độ cao bên trong xe có thể làm hỏng máy nghe nhạc.



Chú ý

- Trong các điều kiện sau đây, hệ thống có thể không hoạt động.
 - Máy nghe nhạc tắt.
 - Máy nghe nhạc không được kết nối.
 - Máy nghe nhạc yếu pin.
- Tùy thuộc vào loại máy nghe nhạc được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể không có.
- Có thể mất nhiều thời gian để kết nối hệ thống âm thanh Bluetooth® và điện thoại di động.
- Một số thiết bị Bluetooth® (thấp hơn phiên bản Bluetooth® 2.0) có thể không kết nối với thiết bị này tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth® của thiết bị.
- Thiết bị này có thể không hoạt động đối với một số thiết bị Bluetooth®.
- Điều kiện kết nối có thể khác nhau tùy thuộc vào môi trường của bạn.

- Máy nghe nhạc phải đáp ứng các thông số kỹ thuật sau đây thì mới có thể kết nối với hệ thống âm thanh Bluetooth®. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng một số chức năng có thể bị giới hạn tùy thuộc vào loại máy nghe nhạc.

• Thông Số Kỹ Thuật Bluetooth®

Phiên bản.1.1 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản.4.2 trở lên)

• Cấu Hình

A2DP (Advanced Audio Distribution Profile) (Cấu Hình Phân Phối Âm Thanh Nâng Cao) Phiên bản 1.0 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản 1.3 trở lên). Đây là cấu hình để truyền âm thanh nổi hoặc âm thanh chất lượng cao đến loa.

AVRCP (Audio/Video Remote Control Profile) (Cấu Hình Điều Khiển Âm Thanh/Video Từ Xa) Phiên bản 1.0 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản 1.6 trở lên). Đây là một cấu hình để điều khiển từ xa các thiết bị A/V.



Lưu ý

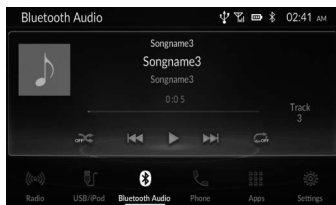
- Các dải tần mà thiết bị sử dụng cũng được sử dụng cho một số thiết bị như lò vi sóng, các trạm phát sóng vô tuyến trong nhà để xác định thiết bị di động được sử dụng trong dây chuyền sản xuất của nhà máy (các trạm phát sóng vô tuyến phải có giấy phép), các trạm phát sóng vô tuyến công suất thấp (trạm phát sóng vô tuyến không cần giấy phép), và các trạm phát sóng vô tuyến nghiệp dư (các trạm phát sóng vô tuyến cần có giấy phép) (3 loại trạm phát sóng vô tuyến nêu trên sau đây sẽ được gọi là "các trạm phát sóng vô tuyến khác") ngoại trừ các thiết bị hóa chất/y tế. Trước khi sử dụng thiết bị, hãy xác nhận rằng không có "các trạm phát sóng vô tuyến khác" đang được sử dụng ở khu vực gần đó. Trong trường hợp thiết bị gây nhiễu có hại cho "các trạm phát sóng vô tuyến khác", hãy nhanh chóng di chuyển đến vị trí không bị nhiễu.
- Thiết bị này được sử dụng ở tần số 2.4GHz.
- Sử dụng kỹ thuật trải phổ FH-SS.
- Khoảng cách nhiều được giả thuyết là không quá 10m.
- Thiết bị có thể được sử dụng trên tất cả các dải tần đảm bảo có thể tránh được băng thông của bộ nhận dạng thiết bị di động.
- Thiết bị viễn thông này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của NTC.

1 Chuyển sang Chế Độ Âm Thanh Bluetooth®



- (1) Bấm **Bluetooth® Audio** trên Màn Hình Chính (➡Trang 6).

- Hệ thống âm thanh sẽ bật ở chế độ đã sử dụng gần đây nhất.



- (2) Màn hình Âm Thanh Bluetooth® (Màn hình phát nhạc qua Âm Thanh Bluetooth®) sẽ hiển thị khi âm thanh Bluetooth® được kết nối.

2 Kết nối Âm Thanh Bluetooth®

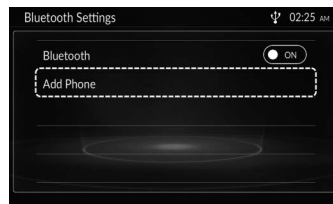
Để sử dụng hệ thống âm thanh Bluetooth®, bạn cần ghép đôi máy nghe nhạc di động của bạn với hệ thống. Khi đã ghép đôi xong, bạn có thể nghe nhạc trên hệ thống âm thanh của xe.

● Khi Thiết Bị Bluetooth® không Được Ghép Đôi

Nếu bạn chưa ghép đôi bất kỳ thiết bị Bluetooth® nào, trước tiên bạn phải ghép đôi thiết bị theo quy trình sau.

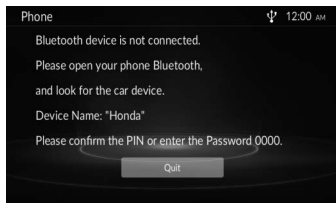


- (1) Chọn **Bluetooth Settings**.



- (2) Bấm **Add Phone** để kết nối với thiết bị Bluetooth®.

- Không thể chọn [Add Phone] trong khi lái xe.
Hãy dừng xe và gài phanh đỗ.



- (3) Khi màn hình này hiển thị, hãy tiến hành dò tìm thiết bị “Honda” trong điện thoại của bạn.
- (4) Nhập mã bảo mật hiển thị trên màn hình vào máy nghe nhạc của bạn. Sau đó, bấm nút **Pair** trên thiết bị.

● Không yêu cầu mật khẩu đối với điện thoại Bluetooth® tương thích SSP (Secure Simple Pairing) (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản). Tùy thuộc vào loại điện thoại Bluetooth® được kết nối, thông báo xác nhận ghép đôi có thể được hiển thị trên màn hình điện thoại Bluetooth®. Xác nhận và thao tác trên điện thoại Bluetooth® theo thông báo xác nhận.

● Nếu bạn muốn hủy, bấm **Cancel** trên thiết bị của bạn hoặc **Quit** trên màn hình.

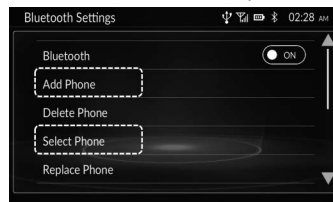
- (5) Khi kết nối thành công, một màn hình tương tự bên trái sẽ được hiển thị.

● Sau khi ghép đôi thành công, hệ thống sẽ tự động kết nối với máy nghe nhạc của bạn mỗi khi bạn khởi động xe.

● Thông tin máy nghe nhạc sẽ được ghép đôi khi hệ thống âm thanh Bluetooth® được kết nối. Khi bạn chuyển nhượng xe cho người khác, hãy rút máy nghe nhạc của bạn ra (Xem phần “Rút Thiết Bị Bluetooth® Ra” ➔ Trang 45).

● Khi Thiết Bị Bluetooth® không Được Ghép Đôi

Sau khi ghép đôi một số thiết bị Bluetooth®, bạn có thể thay đổi thiết bị đã kết nối và thêm thiết bị mới.



- (1) Bấm **Add Phone** Phone trên màn hình Cài Đặt Bluetooth® để thêm thiết bị mới.

● Bạn có thể thêm tối đa đến 5 thiết bị.

● Mỗi lần chỉ kết nối được một thiết bị.

- (2) Nếu bạn bấm **Select Phone**, màn hình Chọn Điện Thoại sẽ được hiển thị.

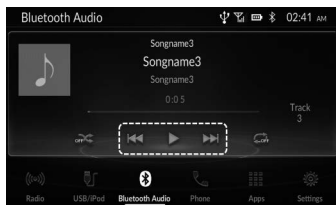
● Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối.

● Màn hình Cài Đặt Bluetooth®

Để thay đổi cài đặt Bluetooth®, xem phần “Cài Đặt Bluetooth®”.

(➔ Trang 43)

3 Phát Nhạc Qua Máy Nghe Nhạc Bluetooth®



- Tiêu đề của bài hát và album hiện đang phát sẽ hiển thị.
- Một số tiêu đề và nút điều khiển có thể không hiển thị tùy vào loại máy nghe nhạc Bluetooth®.



Bấm để tạm dừng bài hát.



Bấm để tiếp tục phát bài hát.



Bấm nút để chuyển đến phần đầu của bài hát.

Bấm nút để chuyển sang bài hát trước đó, nếu thời gian phát dưới 1 giây.

Giữ để tua lại.

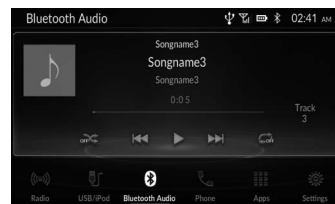
Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.



Bấm để chuyển sang bài hát tiếp theo.

Giữ để tua đi. Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.

● Hiển Thị Trạng Thái



Hiển thị trạng thái kết nối Bluetooth®.

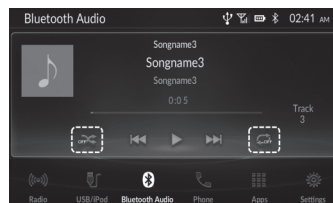
Chỉ Báo	Tên	Chức Năng
	Cường độ tín hiệu BT	Hiển thị cường độ tín hiệu BT-HF (Bluetooth® - Rảnh Tay) của điện thoại được kết nối
	Tắt tính năng gọi	Hiển thị trạng thái tắt tính năng gọi BT-HF (Bluetooth®-Rảnh Tay)
	Biểu tượng mức pin	Hiển thị mức pin của điện thoại BT-HF (Bluetooth®- Rảnh tay) được kết nối
	Biểu tượng BT	Hiển thị kết nối Bluetooth®

Chú ý

Ăng-ten dùng để kết nối Bluetooth® được tích hợp trong màn hình. Tình trạng kết nối Bluetooth® có thể không tốt và hệ thống có thể không hoạt động khi bạn sử dụng máy nghe nhạc trong các điều kiện sau.

- Máy nghe nhạc của bạn để khuất sau màn hình (phía sau ghế hoặc trong hộp đựng đồ và hộp đựng đồ trung tâm).
- Máy nghe nhạc của bạn chạm vào hoặc bị vật liệu kim loại đè lên trên. Có thể không điều khiển được Âm Thanh Bluetooth bằng công tắc trên vô lăng, tùy thuộc vào Màn Hình Giải Trí.

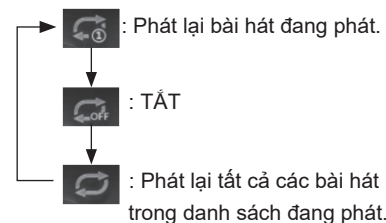
● Thứ Tự Phát Lại và Ngẫu Nhiên



<Chế Độ Phát Lại>

Phát lại bài hát đang phát.

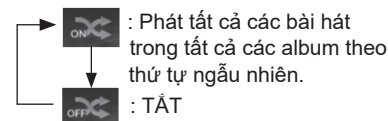
- Chế độ phát lại thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm vào nút trên màn hình.



<Chế Độ Ngẫu Nhiên>

Thiết bị chọn và phát các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

- Chế độ ngẫu nhiên thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm nút trên màn hình.



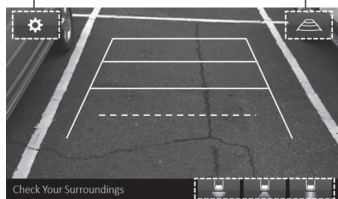
Camera

● Camera Quan Sát Sau

Khi cần số được gạt sang vị trí SỐ LÙI (R), màn hình sẽ tự động chuyển sang hình ảnh camera quan sát sau ở chế độ toàn màn hình. Hình ảnh camera quan sát sau tự động đảo chiều và hiển thị trên màn hình phía trước.

Cài Đặt
Camera Lùi

Nút Đường
Dẫn Hướng



Nút Chế Độ Quan Sát



(1) Hiển thị màn hình camera quan sát sau.

(2) Hiển thị màn hình cài đặt camera.

- Bấm vào màn hình camera quan sát sau để điều chỉnh độ sáng và độ tương phản.

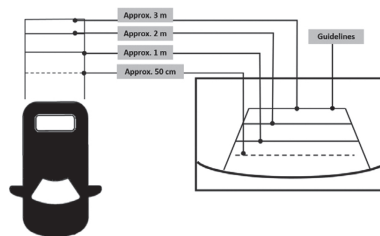
Các mục cài đặt

● Brightness	● Điều chỉnh độ sáng của màn hình camera.
● Contrast	● Điều chỉnh độ tương phản của màn hình camera.

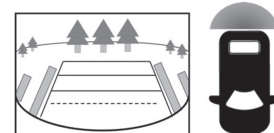
Hình ảnh hiển thị là để tham khảo và có thể khác với hình ảnh thực tế tùy theo tình trạng xe.

Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng

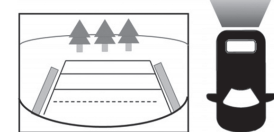
Bấm vào biểu tượng trên màn hình cảm ứng để thay đổi chế độ xem.



Chế Độ Quan Sát Rộng



Chế Độ Quan Sát Thường



Bạn có thể quan sát ba chế độ camera khác nhau trên màn hình quan sát sau.

● Loại xe có Màn Hình Giải Trí

Bấm vào biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ.



: Chế độ quan sát rộng

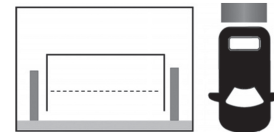


: Chế độ quan sát thường



: Chế độ quan sát từ trên xuống

Chế Độ Quan Sát Từ Trên Xuống



Chú ý

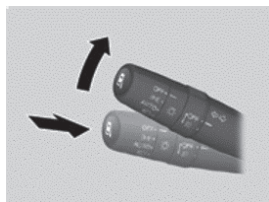
- Chức năng camera có thể không có trên tất cả các loại xe.
- Nếu thấu kính camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính và bụi bẩn.

Hệ Thống Quan Sát Làn Đường

Quan Sát Làn Đường là một hệ thống hỗ trợ cho phép bạn kiểm tra các khu vực sau phía hành khách, được hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin khi gạt xi nhan về phía hành khách. Camera trong gương cửa phía hành khách sẽ theo dõi khu vực này và cho phép bạn kiểm tra được xe, đồng thời kiểm tra bằng mắt thường qua gương cửa hành khách. Bạn cũng có thể để hệ thống bật để thuận tiện trong khi lái xe.

Kích Hoạt Chức Năng Quan Sát Làn Đường

Gạt xi nhan phải/trái (tùy thuộc bạn lái xe bên nào/quốc gia nơi bạn lái xe). Màn hình Quan Sát Làn Đường xuất hiện. Kiểm tra màn hình để biết các điểm mù và quan sát bằng mắt thường để xác nhận rằng việc thay đổi làn đường là an toàn. Bạn cũng có thể ấn nút Quan Sát Làn Đường ở cuối nút xi nhan để quan sát màn hình thời gian thực. Ấn nút thêm một lần nữa để tắt màn hình.



Chú ý

Nếu thấu kính camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính và bụi bẩn.

Hình ảnh Quan Sát Làn Đường

Khi gạt xi nhan sang vị trí Quan Sát Làn Đường hoặc ấn công tắc Quan Sát Làn Đường, màn hình sẽ tự động chuyển sang hình ảnh Quan Sát Làn Đường ở chế độ toàn màn hình.

Cài Đặt Quan Sát Làn Đường



(1) Hiển thị màn hình Quan Sát Làn Đường.



(2) Hiển thị màn hình cài đặt Quan Sát Làn Đường.

- Bấm nút để điều chỉnh độ sáng và độ tương phản.

Vạch Khoảng Cách

Ba đường kẻ xuất hiện trên màn hình biểu thị khoảng cách giữa xe của bạn với xe khác hoặc với vật thể. Nếu vật thể ở gần đường kẻ 1 (màu đỏ), nghĩa là vật thể đó ở gần xe của bạn, còn nếu vật thể ở gần đường kẻ thứ 3 thì có nghĩa là vật thể đó cách xa xe bạn.

Điện Thoại (Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay)



- (1) Bấm **Phone** trên màn hình Chính
(⇒ Trang 6).

Hệ thống rảnh tay Bluetooth® cho phép bạn gọi điện hoặc nhận cuộc gọi mà không cần thao tác trực tiếp trên điện thoại thông minh.

Hệ thống này hỗ trợ Bluetooth®.

Bluetooth® là một hệ thống dữ liệu không dây mà qua đó bạn có thể gọi điện mà không cần kết nối điện thoại thông minh của bạn với cáp hoặc đặt trên giá đỡ.

Quy trình vận hành của hệ thống được trình bày trong phần này.

- Về ghép đôi điện thoại Bluetooth®, xem phần “Kết Nối Điện Thoại Bluetooth®” (⇒ Trang 31).



Lưu ý

- Chỉ sử dụng điện thoại thông minh hoặc kết nối điện thoại Bluetooth® khi nó an toàn và hợp pháp.
- Không để điện thoại thông minh trong xe. Vì nhiệt độ cao trong xe có thể làm hỏng điện thoại.
- Nếu để điện thoại Bluetooth® ở quá gần hệ thống, chất lượng âm thanh và tình trạng kết nối có thể kém đi.

Keypad

Hiển thị “Bàn phím” hoặc màn hình thao tác cơ bản của điện thoại.

0-9, *, #, +

Được sử dụng để nhập số điện thoại.

Recent Calls

Hiển thị màn hình “Cuộc Gọi Gần Đây” để tạo cuộc gọi bằng lịch sử cuộc gọi.

Phonebook

Hiển thị màn hình “Danh Bạ Điện Thoại” để tạo cuộc gọi bằng danh bạ.

Select Phone

Hiển thị màn hình “Chọn Điện Thoại” để chọn thiết bị.



Call

Dùng để tạo cuộc gọi.



Chú ý

- Nếu điện thoại thông minh của bạn không hỗ trợ tính năng Bluetooth®, hệ thống này sẽ không hoạt động.
- Tùy thuộc vào loại điện thoại thông minh, một số chức năng có thể bị hạn chế.
- Trong các điều kiện sau đây, hệ thống có thể không hoạt động.
 - Điện thoại thông minh tắt.
 - Điện thoại ở ngoài khu vực kết nối.
 - Điện thoại thông minh không được kết nối.
 - Điện thoại thông minh bị yếu pin.
 - Khi cuộc gọi đi bị hạn chế, do đường truyền điện thoại bị quá tải, v.v.
 - Khi chính điện thoại không thể sử dụng được.
 - Khi đang sao chép dữ liệu danh bạ từ điện thoại thông minh.
- Ngay cả khi điện thoại thông minh của bạn hỗ trợ cả tính năng điện thoại rảnh tay và âm thanh Bluetooth®, bạn cũng không thể kết nối hai tính năng này cùng một lúc.
- Khi sử dụng cùng lúc cả âm thanh Bluetooth® và chế độ rảnh tay, có thể xảy ra các sự cố sau.
 - Kết nối Bluetooth® có thể bị ngắt.
 - Có thể nghe thấy tiếng ồn khi phát âm thanh Bluetooth®.
- Pin điện thoại Bluetooth® sẽ nhanh bị hết hơn khi được kết nối với Bluetooth®.

- Hệ thống này hỗ trợ các cấu hình sau đây.
 - Thông Số Kỹ Thuật Bluetooth®
Công Nghệ : Bluetooth® 4.2
 - Cấu Hình
 - HFP (Hands Free Profile) (Cấu Hình Rảnh Tay) 1.7
 - A2DP (Advanced Audio Distribution Profile) (Cấu Hình Phân Phối Âm Thanh Nâng Cao) Phiên bản 1.3
 - AVRCP (Audio/Video Remote Control Profile) (Cấu Hình Điều Khiển Âm Thanh/Video Từ Xa) Phiên bản 1.6
 - GAP (Generic Access Profile) (Cấu Hình Truy Cập Chung)
 - PBAP (Phone Book Access Profile) (Cấu Hình Truy Cập Danh Bạ) Phiên bản 1.2
 - SPP (Serial Port Profile) (Cấu Hình Cổng Nối Tiếp) Phiên bản 1.2



Chú ý

- Giọng nói của người bên kia sẽ phát ra từ loa trước. Khi nhận cuộc gọi hoặc có giọng nói phát ra, âm thanh từ hệ thống âm thanh sẽ bị tắt tiếng.
- Bạn và người đầu dây bên kia lần lượt nói trên điện thoại. Nếu bạn và bên kia nói cùng một lúc, giọng nói của hai bên có thể không đến được bên kia. (Đây không phải là sự cố.)
- Để âm lượng cuộc gọi ở mức thấp. Nếu không, sẽ có tiếng vang và bên ngoài xe có thể nghe thấy giọng nói của người gọi đến. Khi nói chuyện trên điện thoại di động, hãy nói rõ ràng hướng về phía micro.
- Trong những tình huống dưới đây, người đầu dây bên kia có thể không nghe thấy giọng của bạn.
 - Lái xe trên đường không trải nhựa. (Do tiếng ồn giao thông).
 - Lái xe ở tốc độ cao.
 - Cửa kính mở.
 - Có tiếng ồn lớn từ quạt điều hòa không khí.
 - Bị ảnh hưởng từ mạng điện thoại thông minh.

1 Danh Bạ Điện Thoại trong Hệ Thống

Dữ liệu dưới đây sẽ được lưu cho mỗi điện thoại được đăng ký. Khi kết nối với điện thoại khác, bạn sẽ không đọc được dữ liệu đã lưu.

- Danh bạ điện thoại
- Lịch sử cuộc gọi (Cuộc Gọi Gần Đây)



Chú ý

Khi bạn xóa điện thoại, dữ liệu nói trên cũng sẽ bị xóa.

2 Khi Bạn Chuyển Nhượng Xe

Nhiều dữ liệu cá nhân được lưu khi bạn sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay. Khi bạn chuyển nhượng xe, hãy khởi tạo dữ liệu của bạn.

Bạn có thể khởi tạo dữ liệu dưới đây trong hệ thống.

- Danh bạ điện thoại
- Lịch sử cuộc gọi
- Dữ liệu điện thoại Bluetooth®



Chú ý

Nếu bạn khởi tạo dữ liệu, trạng thái trước đó sẽ không trở lại nữa.
Cẩn thận khi khởi tạo dữ liệu.
Dữ liệu sẽ bị xóa khi ngắt kết nối điện thoại thông minh.

3 Màn Hình Trạng Thái Điện Thoại



- 1 Hiển thị trạng thái của kết nối Bluetooth®.



Kết nối: Xuất hiện
Không kết nối: Không xuất hiện

- 2 Hiển thị lượng pin còn lại.



Hết pin ← → Đầy pin

- Biểu tượng này không hiển thị khi điện thoại Bluetooth® không được kết nối.
- Tùy thuộc vào loại điện thoại Bluetooth®, mức pin còn lại có thể không hiển thị.
- Không phải lúc nào cũng biểu thị đúng lượng pin thực tế của điện thoại Bluetooth®. Hệ thống này không có chức năng sạc pin.

③ Hiển thị mức độ thu sóng.



- Không phải lúc nào cũng biểu thị đúng mức độ thu sóng thực tế của điện thoại.
- Mức độ thu sóng có thể không hiển thị tùy thuộc vào loại điện thoại.
- Khi bạn ra khỏi khu vực dịch vụ hoặc ở một nơi không thể truy cập bằng sóng radio,  sẽ hiển thị.



Chú ý

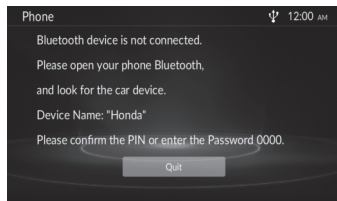
- Ăng-ten dùng để kết nối Bluetooth® được tích hợp trong màn hình.
- Tình trạng kết nối Bluetooth® có thể không tốt và hệ thống có thể không hoạt động khi bạn sử dụng điện thoại Bluetooth® trong các điều kiện sau.
 - Điện thoại Bluetooth® để khuất sau màn hình (phía sau ghế hoặc trong hộp đựng đồ và hộp đựng đồ trung tâm.)
 - Điện thoại Bluetooth® chạm vào hoặc bị vật liệu kim loại đè lên trên.
- Để điện thoại Bluetooth® ở nơi có độ nhạy Bluetooth® tốt.

Kết nối Điện Thoại Bluetooth®

Để sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay Bluetooth®, bạn cần kết nối điện thoại với hệ thống. Khi đã kết nối xong, bạn có thể tạo cuộc gọi điện thoại rảnh tay.

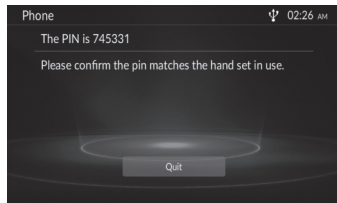
Nếu bạn chưa kết nối bất kỳ điện thoại Bluetooth® nào, trước tiên bạn phải ghép đôi theo quy trình sau.

- Hãy xem phần “Cài Đặt Bluetooth®” (➡ Trang 43) để biết cách ghép đôi thêm một thiết bị mới.



- (1) Bấm **Phone** trên màn hình Chính.

- (2) Khi màn hình này hiển thị, hãy tiến hành dò tìm thiết bị từ điện thoại Bluetooth® của bạn.



- (3) Xác nhận mã hiển thị trên màn hình và mã hiển thị trên điện thoại của bạn khớp nhau.

- Bấm **Pair** để tiếp tục.

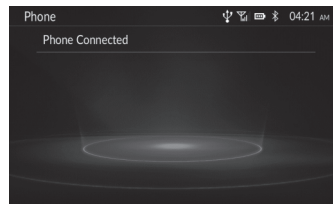
- Phương pháp ghép đôi sẽ khác nhau tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth® của thiết bị.

– Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.1: Bạn có thể ghép đôi điện thoại với Màn Hình Giải Trí bằng SSP (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản), cách này chỉ yêu cầu xác nhận.

– Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.0: Bạn cần nhập mã PIN trên cả điện thoại và Màn Hình Giải Trí để ghép đôi.

- Nếu bạn muốn hủy ghép đôi, bấm **Cancel**.

- Nếu điện thoại Bluetooth® được ghép đôi có chức năng âm thanh Bluetooth®, chức năng này có thể được ghép đôi cùng một lúc.



- (4) Khi kết nối hoàn tất, màn hình này sẽ được hiển thị.

- Nếu Bluetooth® bị ngắt kết nối do bạn tắt điện thoại Bluetooth®, kết nối không thành công. Kết nối lại điện thoại Bluetooth® bằng tay.



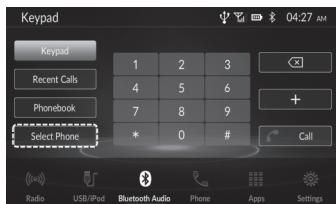
Chú ý

Để biết chi tiết về dò tìm thiết bị cho điện thoại Bluetooth® của bạn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại Bluetooth®.

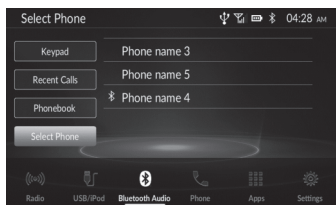
Chỉ thực hiện ghép đôi sau khi đỗ xe.

1 Chọn Điện Thoại Bluetooth®

Sau khi ghép đôi một số thiết bị Bluetooth®, bạn có thể thay đổi thiết bị đã kết nối và thêm thiết bị mới.



(1) Bấm **Select Phone** .



(2) Bấm tên thiết bị Bluetooth® để kết nối.

- Biểu tượng chọn nằm ở bên trái của tên thiết bị.
- Biểu tượng Bluetooth® sẽ xuất hiện khi bạn kết nối với thiết bị.

Chú ý

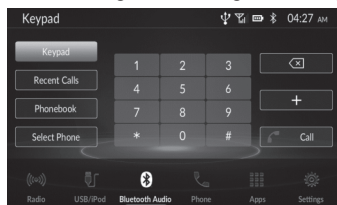
Khi bạn kết nối điện thoại trong khi đang phát âm thanh Bluetooth®, âm thanh Bluetooth® sẽ tạm dừng. Kết nối điện thoại trong khi phát âm thanh Bluetooth® có thể mất nhiều thời gian. Âm thanh có thể không phát ra.

Gọi Điện trên Điện Thoại Bluetooth®

Sau khi đăng ký điện thoại Bluetooth®, bạn có thể gọi điện bằng hệ thống điện thoại rảnh tay Bluetooth®.

1 Bảng Cách Quay Số

Bạn có thể gọi điện bằng cách nhập số điện thoại.



(1) Nhập số điện thoại bằng cách bấm các phím số (0 - 9, *, #, +).

- Mỗi lần bạn bấm vào , số đã nhập sẽ bị xóa.

(2) Bấm  .



Chú ý

Không sử dụng chức năng Chọn Điện Thoại khi đang lái xe.

2 Bảng Danh Bạ Điện Thoại

Bạn có thể gọi điện bằng danh bạ được sao chép từ điện thoại thông minh của bạn. Hệ thống sẽ lưu một danh bạ điện thoại cho mỗi điện thoại. Bạn có thể lưu tối đa 1.000 số liên hệ cho mỗi danh bạ điện thoại.



(1) Bấm **Phonebook** .



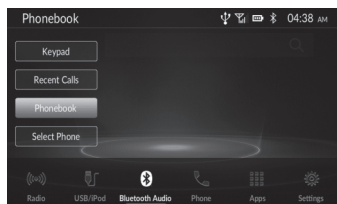
(2) Bấm vào liên hệ bạn muốn gọi trong danh sách.

- Bấm vào liên hệ bạn muốn gọi trong danh bạ điện thoại.



- Hoặc bấm vào  để hiển thị danh sách số điện thoại và bấm vào số điện thoại để gọi điện.

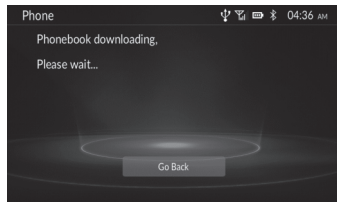
● Khi Danh Bạ Điện Thoại trống



(1) Bấm **Phonebook**.

- Nếu điện thoại của bạn không hỗ trợ dịch vụ PBAP hoặc OPP, bạn không thể sao chép danh bạ.

● Khi Đang Tải Danh Bạ Điện Thoại



(1) Đợi vài giây và bấm lại **Phonebook**.

HOẶC

Bấm **Go back** để quay lại.



Chú ý

Khi một tên liên hệ có nhiều số điện thoại, tối đa 3 số điện thoại sẽ hiển thị.

3 Cuộc Gọi Gần Đây



(1) Bấm **Recent Calls**.



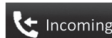
(2) Bấm số điện thoại muốn gọi.

Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cuộc gọi gần đây ở 3 mục như sau.
(Hiện thị 4 liên hệ gần đây nhất của mỗi mục.)



Outgoing

Cuộc gọi đi: Các cuộc gọi bạn đã gọi



Incoming

Cuộc gọi đến: Các cuộc gọi bạn đã nhận



Missed

Cuộc gọi nhớ: Các cuộc gọi bị nhớ

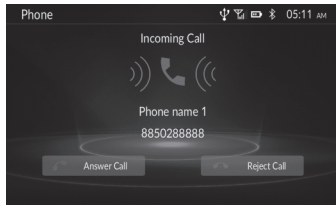


Chú ý

- Khi bạn gọi điện bằng danh bạ điện thoại, tên liên hệ (nếu đã lưu) sẽ được hiển thị.
- Khi nhận được cuộc gọi từ số điện thoại đã lưu trong danh bạ, tên liên hệ và số sẽ được hiển thị.
- Các cuộc gọi không hiện số cũng được ghi nhớ trong hệ thống.
- Có thể không thực hiện được cuộc gọi quốc tế tùy thuộc vào điện thoại thông minh của bạn.

Nhận Cuộc Gọi trên Điện Thoại Bluetooth®

Khi có cuộc gọi đến, màn hình này sẽ hiển thị cùng với âm thanh.



Để trả lời cuộc gọi:

Bấm  **Answer Call**

Để từ chối cuộc gọi:

Bấm  **Reject Call**

Để điều chỉnh âm lượng cuộc gọi đến:

Bấm nút “-” hoặc “+”.

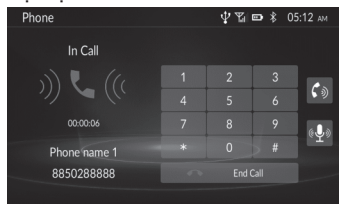


Chú ý

- Khi thực hiện cuộc gọi quốc tế, tên của người nghe có thể không hiển thị chính xác tùy thuộc vào điện thoại thông minh của bạn.
- Nếu điện thoại di động đang hiển thị video, màn hình có thể vẫn giữ nguyên.

Nói Chuyện trên Điện Thoại Bluetooth®

Trong khi bạn đang nói chuyện qua điện thoại, màn hình này sẽ hiển thị. Bạn có thể thao tác trên màn hình như sau.



Để gác máy:

Bấm End Call.

Để tắt tiếng:

Bấm .

Để nhập số:

Bấm .

Để chuyển cuộc gọi:

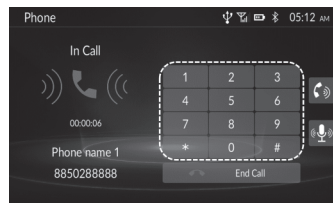
Bấm đối với chế độ Rảnh Tay
hoặc cho chế độ dùng tay.



Chú ý

- Khi bạn chuyển cuộc gọi từ điện thoại sang cuộc gọi rảnh tay, màn hình cuộc gọi rảnh tay sẽ được hiển thị và bạn có thể thao tác trên màn hình.
- Nếu điện thoại di động đang hiển thị video, màn hình có thể vẫn giữ nguyên.

● Khi bạn Bấm số “0-9”



(1) Nhập số bằng cách bấm các phím số.

Để gác máy:

Bấm End Call.

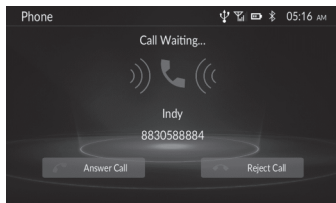


Chú ý

- Bạn có thể thực hiện thao tác bấm số này khi muốn dùng máy trả lời điện thoại hoặc sử dụng dịch vụ điện thoại trong ngân hàng. Bạn có thể lưu số điện thoại và mã số vào trong danh bạ điện thoại.

1 Cuộc Gọi Chờ

Khi có một người khác gọi đến trong khi đang nói chuyện, màn hình này sẽ xuất hiện.

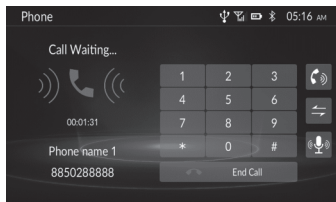


Để trả lời cuộc gọi:

Bấm  Answer Call.

Để từ chối cuộc gọi:

Bấm  Reject Call.



- Mỗi lần bạn bấm  trong khi có một người khác gọi đến, bạn sẽ chuyển cuộc gọi từ người này sang người kia.



Chú ý

- Vận hành cuộc gọi chờ có thể khác nhau tùy thuộc vào hãng điện thoại và loại điện thoại thông minh của bạn.
- Tính năng dịch vụ cuộc gọi chờ không có sẵn tùy thuộc vào chi tiết hợp đồng với hãng điện thoại.

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh

1 Về Liên Kết Điện Thoại Thông Minh

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh cho phép Màn Hình Giải Trí này kết nối với điện thoại thông minh qua cáp USB hoặc kết nối wifi. Khi ở chế độ kết nối, bạn có thể sử dụng các ứng dụng của điện thoại thông minh trên thiết bị này.

Để biết cách sử dụng và điện thoại thông minh được hỗ trợ, hãy truy cập trang web.

URL

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/HONDA23M/index.html>



Lưu ý

- Không kết nối điện thoại thông minh hoặc thao tác điều khiển thiết bị trong khi lái xe.
- Không để điện thoại thông minh trong xe. Vì nhiệt độ cao ở trong xe có thể làm hỏng điện thoại thông minh.
- Không ấn hoặc tác động mạnh lên điện thoại thông minh trong khi đang kết nối vì có thể làm hỏng điện thoại thông minh hoặc chân điện thoại.
- Không cho bất kỳ vật gì vào điện thoại thông minh vì có thể làm hỏng điện thoại thông minh và chân điện thoại.



Chú ý

- Các ứng dụng có thể không hiển thị do tình trạng truyền dữ liệu, v.v.
- Một số ứng dụng có thể không có ở khu vực của bạn.
- Khi ở chế độ kết nối sau khi kết nối điện thoại thông minh, không thao tác trực tiếp trên điện thoại thông minh. Nếu làm như vậy, điện thoại thông minh không đảm bảo hoạt động tốt.
- Không sử dụng chức năng âm thanh Bluetooth® và chức năng Liên Kết Điện Thoại Thông Minh bằng cáp cùng một lúc trên cùng một điện thoại thông minh.
- Chức năng này chỉ cho phép vận hành ứng dụng.
- Sau khi kết nối với điện thoại thông minh, có thể sẽ mất một khoảng thời gian để hiển thị ứng dụng do tốc độ truyền dữ liệu của điện thoại thông minh.
- Khi sử dụng ứng dụng điện thoại thông minh qua kết nối wifi, thì sẽ không sử dụng được bất kỳ chức năng USB nào, ngay cả khi cắm USB.
- Phải bật ứng dụng Siri ở điện thoại thông minh để kết nối wifi với Apple CarPlay.

Sử Dụng Các Nút Điều Khiển Trên Vô Lãng

Bạn có thể điều khiển các tính năng âm thanh cơ bản bằng các nút trên vô lăng.

● Chức năng của các nút

- Nút **SOURCE** (Nguồn)
- Nút **VOL+ và VOL-** (Âm Lượng)
- Nút (Kênh) **⏮️⏭️**
- Nút (HFT) **📞**
- Nút (Nhận Diện Giọng Nói) **🗣️**



1 Nút NGUỒN (Chế Độ)

Thay đổi chế độ nguồn âm thanh.

- Ấn nút **SOURCE**.

Thay đổi chế độ nguồn âm thanh theo thứ tự:

FM1 → FM2 → AM → (USB/iPod*) → BT Audio(*) → (quay lại) FM1.

*1 Chế độ này chỉ hiển thị khi thiết bị được kết nối.

2 Nút VOL+ và VOL- (Âm Lượng)

Điều chỉnh âm lượng

- Ấn nút **VOL+** (âm lượng) để tăng âm lượng và bật tiếng.
- Ấn nút **VOL-** (âm lượng) để giảm âm lượng và bật tiếng.

3 **⏮️⏭️** Nút (Kênh)

Radio (AM, FM1, FM2)

- Ấn nút **⏭️** (Kênh) để chuyển sang kênh cài đặt sẵn tiếp theo.
- Ấn nút **⏮️** (Kênh) để chuyển sang kênh cài đặt sẵn trước đó.
- Ấn và giữ trong một giây để tìm kênh có tín hiệu mạnh. Có thể vận hành tất cả các chế độ nguồn bằng nút này.
- Ấn nút **⏭️** (Kênh) để bỏ qua sang bài hát, file tiếp theo, v.v.
- Ấn nút **⏮️** (Kênh) để bỏ qua đến phần đầu của bài hát, file đang phát, v.v. Ấn lại nút **⏮️** (Kênh) để chuyển đến phần đầu của bài hát, file trước đó, v.v.
- Ấn và giữ để tua đi/tua lại đến bài hát đầu tiên của thư mục hoặc album tiếp theo.

4 **📞** Nút (HFT) <Tuỳ Chọn>

Chức năng Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) <Hỗ trợ tùy chọn đối với một số loại xe>

Trong khi có cuộc gọi đến điện thoại rảnh tay:

- Ấn nút **📞** (NHẮC MÁY) để trả lời cuộc gọi.
- Ấn nút **📞** (GÁC MÁY) để từ chối cuộc gọi.
- Trong khi nói chuyện điện thoại rảnh tay:
- Ấn nút **📞** (GÁC MÁY) để kết thúc cuộc gọi.



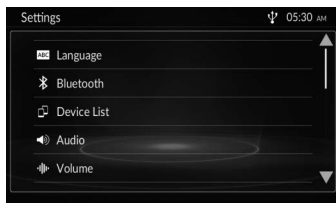
Chú ý

Chức năng của từng nút phụ thuộc vào loại xe và kết nối.

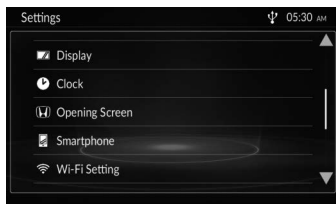
Cài Đặt



(1) Trên màn hình Chính (⇒ Trang 6) bấm **Settings**.



(2) Bấm vào một mục để cài đặt.



Các mục cài đặt

Language	Cài Đặt Ngôn Ngữ (⇒ Trang 42)
Bluetooth®	Cài Đặt Bluetooth® (⇒ Trang 43)
Device List	Cài Đặt Danh Sách Thiết Bị (⇒ Trang 47)
Audio	Cài Đặt Âm Thanh (⇒ Trang 48)
Volume	Cài Đặt Âm Lượng (⇒ Trang 48)
Display	Cài Đặt Màn Hình (⇒ Trang 49)
Clock	Cài Đặt Đồng Hồ (⇒ Trang 50)
Opening Screen	Cài Đặt Màn Hình Mở (⇒ Trang 51)
Wi-Fi Setting	Cài Đặt Wi-Fi (⇒ Trang 52)
Rear Camera	Cài Đặt Camera Lùi (⇒ Trang 53)
LaneWatch	Cài Đặt Quan Sát Làn Đường (⇒ Trang 54)
DAB	Cài Đặt Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB) (⇒ Trang 55)
RDS	Cài Đặt Hệ Thống Dữ Liệu Radio (⇒ Trang 56)
Software Information	Cài Đặt Thông Tin Phần Mềm (⇒ Trang 57)
Open Source Licences	Cài Đặt Giấy Phép Mã Nguồn Mở (⇒ Trang 57)
Factory Reset	Khôi Phục Cài Đặt Gốc (⇒ Trang 58)

Cài Đặt Ngôn Ngữ

Thay đổi cài đặt ngôn ngữ như sau.



- (1) Bấm **Language** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt Ngôn Ngữ xuất hiện.
 - Bấm vào ngôn ngữ bạn muốn.

Cài Đặt Bluetooth®

● Màn Hình Cài Đặt Bluetooth®

Bạn có thể xác nhận và thay đổi các cài đặt Bluetooth®.

● Khi Chưa Có Thiết Bị Nào Được Ghép Đôi



(1) Chọn các mục cần cài đặt.

- Hãy tham khảo bảng bên phải để biết các mục cần cài đặt.

● Khi Thiết Bị Được Ghép Đôi



(1) Chọn các mục cần cài đặt.

- Hãy tham khảo bảng bên phải để biết các mục cần cài đặt.
- Bấm  để cuộn xuống phía cuối màn hình.
- Bấm  để cuộn lên phía trên màn hình.

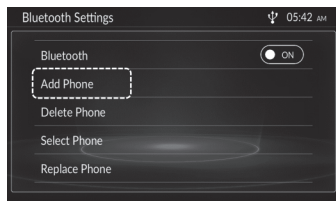


Nút	Tên Nút	Chức Năng
	Bluetooth® (BẬT/TẮT)	Bật hoặc tắt Bluetooth®.
Add Phone	Thêm Điện Thoại	Ghép đôi điện thoại.
Delete Phone	Xóa Điện Thoại	Xóa điện thoại.
Select Phone	Chọn Điện Thoại	Chọn/thay đổi điện thoại.
Replace Phone	Thay Thế Điện thoại	Thay thế điện thoại.
	Tải Danh Bạ Điện Thoại	Bật hoặc tắt Tải Danh Bạ Điện Thoại.

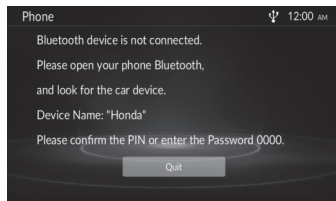
- Khi đang lái xe, có một số nút không chọn được. Hãy dừng xe và gài phanh đỗ.

- Tải Danh Bạ Điện Thoại sẽ xuất hiện khi điện thoại thông minh được kết nối.

● Thêm Thiết Bị Mới



- (1) Bấm **Add Phone** để thêm điện thoại Bluetooth® của bạn vào hệ thống.

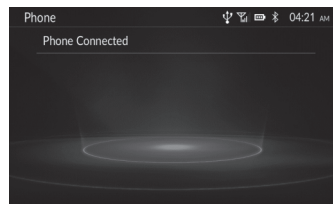


- (2) Khi màn hình này xuất hiện, tiến hành dò tìm thiết bị từ điện thoại Bluetooth® của bạn.

- (3) Nhập mã bảo mật hiển thị trên màn hình vào máy nghe nhạc của bạn. Sau đó, bấm **Pair** trên điện thoại của bạn.

- Với những điện thoại Bluetooth® tương thích SSP (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản) sẽ không yêu cầu nhập mã bảo mật. Tùy loại điện thoại Bluetooth® được kết nối, trên màn hình điện thoại Bluetooth® của bạn có thể xuất hiện thông báo yêu cầu xác nhận việc đăng ký. Xác nhận và thao tác trên điện thoại Bluetooth® theo thông báo xác nhận.

- Nếu bạn muốn hủy thêm mới thiết bị, bấm **Cancel** trên điện thoại của bạn hoặc **Quit** trên màn hình.



- (4) Khi kết nối hoàn tất, màn hình này sẽ xuất hiện.

- Sau khi ghép đôi thành công, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại Bluetooth® của bạn mỗi khi bạn khởi động xe.

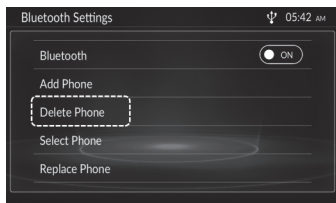


Chú ý

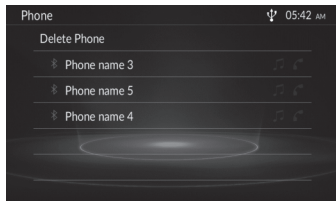
- Để biết chi tiết về dò tìm thiết bị cho điện thoại Bluetooth® của bạn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại Bluetooth®.
- Khi bạn ghép đôi điện thoại của bạn, âm thanh Bluetooth® sẽ bị ngắt.
- Nếu điện thoại Bluetooth® có cả chức năng gọi điện Bluetooth® và âm thanh Bluetooth®, cả hai chức năng này sẽ được đăng ký cùng một lúc. Nếu thông báo xuất hiện trên màn hình, hãy làm theo thông báo và đăng ký một trong hai chức năng hoặc cả hai chức năng gọi điện Bluetooth® và âm thanh Bluetooth®.
- Phương pháp ghép đôi sẽ khác nhau tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth® của điện thoại.
 - Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.1: Bạn có thể ghép đôi điện thoại với Màn Hình Giải Trí bằng SSP (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản), cách này chỉ yêu cầu xác nhận.
 - Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.0: Bạn cần nhập mã PIN trên cả điện thoại và Màn Hình Giải Trí để ghép đôi.

● Xóa một Thiết Bị Bluetooth®

Bạn có thể xóa điện thoại Bluetooth® đã ghép đôi.



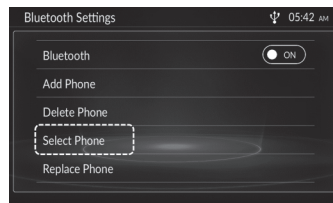
(1) Bấm **Delete Phone** để hiển thị danh sách điện thoại.



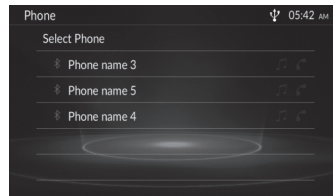
(2) Chọn điện thoại muốn xóa.

● Chọn Thiết Bị Bluetooth®

Bạn có thể chọn điện thoại Bluetooth® đã được ghép đôi.



(1) Bấm **Select Phone** để hiển thị danh sách điện thoại.



(2) Chọn thiết bị muốn xóa.

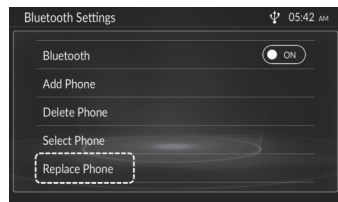


Chú ý

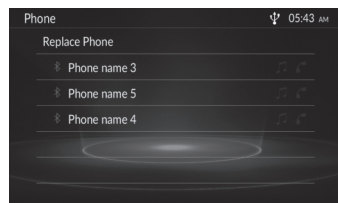
Khi bạn xóa điện thoại Bluetooth®, danh bạ điện thoại cũng sẽ bị xóa.

● Thay Thế Điện Thoại Bluetooth®

Bạn có thể thay thế điện thoại Bluetooth® đã ghép đôi bằng một điện thoại mới.

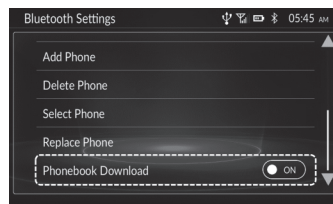


(1) Bấm **Replace Phone** để hiển thị danh sách điện thoại.



(2) Chọn thiết bị muốn thay thế.

● Tải Danh Bạ Điện Thoại



● Tải Danh Bạ Điện Thoại sẽ không xuất hiện khi không có thiết bị nào được kết nối.

Tải Danh Bạ Điện Thoại

- ON (Mặc Định): Bật Tải Danh Bạ Điện Thoại.
- OFF: Tắt Tải Danh Bạ Điện Thoại.



Chú ý

Khi Tải Danh Bạ Điện Thoại ở ON

- Danh bạ điện thoại tự động truyền sang khi điện thoại được kết nối.
- Danh bạ của điện thoại được kết nối sẽ được hiển thị. Sau khi cho phép trên điện thoại, tiến trình tải danh bạ sẽ bắt đầu.

Khi Tải Danh Bạ Điện Thoại ở OFF

- Danh bạ điện thoại không tự động truyền sang khi điện thoại được kết nối.

Cài Đặt Danh Sách Điện Thoại

Hiển thị các điện thoại được kết nối với hệ thống âm thanh.



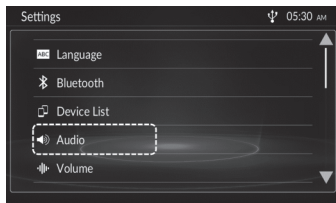
- (1) Bấm **Device List** để hiển thị danh sách điện thoại.



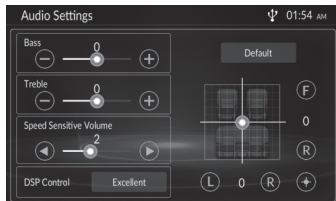
- (2) Chọn điện thoại để kết nối.

Cài Đặt Âm Thanh và Âm Lượng

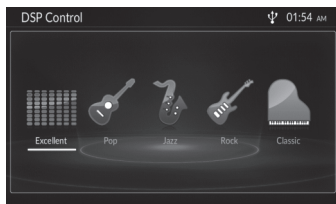
● Cài Đặt Âm Thanh



- (1) Bấm **Audio** trên màn hình Cài Đặt.

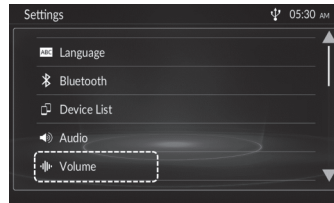


- (2) Màn hình Cài Đặt Âm Thanh xuất hiện và bạn có thể điều chỉnh vị trí của loa.
- [Bass] Điều chỉnh âm trầm.
 - [Treble] Điều chỉnh âm bổng.

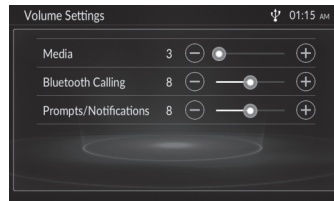


- [DSP Control] Điều chỉnh DSP âm thanh (Chuẩn/Pop/Jazz/Rock/Cổ Điển).
- [Speed Sensitive Volume] Điều chỉnh mức SVC (âm lượng tự điều chỉnh theo tốc độ xe).
Mục này có ở một số xe.
- [Default] Thay đổi cài đặt âm thanh về mặc định.

● Cài Đặt Âm Lượng



- (1) Bấm **Volume** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt Âm Lượng xuất hiện.
- [Media] Điều chỉnh âm lượng phát âm thanh đa phương tiện.
 - [Bluetooth® Calling] Điều chỉnh âm lượng phát ra của cuộc gọi rảnh tay Bluetooth®.
 - [Prompts/Notifications] Điều chỉnh âm lượng phát ra của hướng dẫn hoặc thông báo.

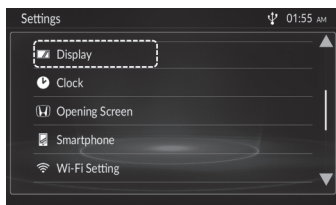


Chú ý

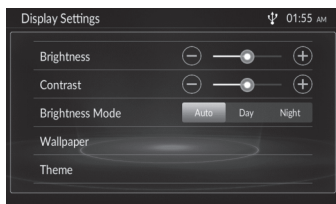
Cài đặt âm lượng khác nhau tùy thuộc vào loại xe.

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

● Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

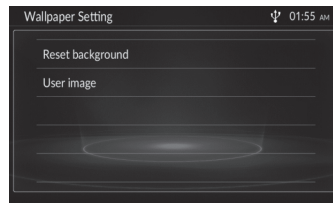


(1) Bấm **Display** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị xuất hiện.

- [Brightness] Điều chỉnh độ sáng.
- [Contrast] Điều chỉnh độ tương phản.
- [Brightness Mode] Chọn chế độ chiếu sáng (Tự Động, Ban Ngày, Ban Đêm)
- [Wallpaper] Tùy chọn hình nền.
- [Theme] Tùy chọn chủ đề.



(3) Màn hình Cài Đặt Hình Nền xuất hiện.

- [Reset background] Chọn để cài đặt lại hình nền về mặc định.
- [User image] Tùy chọn hình ảnh lưu trong USB để làm hình nền.



(4) Màn hình Cài Đặt Chủ Đề xuất hiện.

Tùy chọn một trong ba chủ đề Xanh Lam, Xanh Lục hoặc Đỏ. (Xanh Lam là màu mặc định.)

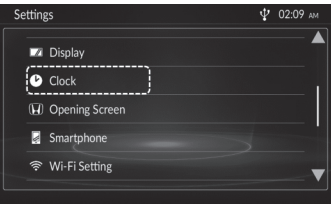


Chú ý

- Tham khảo “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có Thể Sử Dụng Được trên Hệ Thống Âm Thanh” để biết chi tiết về các định dạng file được hỗ trợ (➡ Trang 65).
- Không thể hỗ trợ các file hình ảnh không được mô tả trong “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu có thể sử dụng được trên hệ thống Âm Thanh” (➡ Trang 65).
- Độ phân giải của hình ảnh được hỗ trợ là 800x480 pixel.
- Có thể điều chỉnh độ sáng màn hình theo điều kiện chiếu sáng hiện tại khi cài đặt Chế Độ Chiếu Sáng ở “Tự động”. Độ sáng của chế độ Bản đồ cũng sẽ được điều chỉnh.

Cài Đặt Đồng Hồ

Bạn có thể cài đặt đồng hồ như sau.

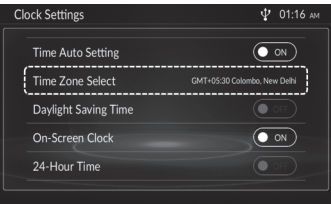


(1) Bấm **Clock** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Cài Đặt Đồng Hồ xuất hiện.

- [Time Auto Setting] Ấn ON để cài đặt ngày và giờ tự động.
- [Time Zone Select] Cài đặt múi giờ của từng quốc gia.
- [Clock Adjust] Cho phép điều chỉnh ngày và giờ theo cách thủ công.
- [On-Screen Clock] ON/OFF Nút này điều khiển chỉ báo đồng hồ ở phía trên bên phải màn hình.
- [24-Hour Time] ON/OFF Các nút này thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ “24 tiếng” hoặc “12 tiếng”.



(3) Màn hình Điều Chỉnh Đồng Hồ hiển thị khi bấm nút [Clock Adjust].

- Sau khi cài đặt giờ/ngày, ấn nút **Enter** để lưu giá trị.

Phạm vi giá trị và giá trị mặc định như sau:

Mục	Nội dung điều chỉnh	Phạm Vi Giá Trị	Mặc Định
Điều Chỉnh Đồng Hồ	Cài đặt ngày giờ (giờ/phút/ngày/tháng/năm).	11:59 trưa đến 12:00 trưa 11:59 đêm đến 12:00 đêm 1-1-2000 đến 31-12-2069	12:00 trưa 1-1-2023
Đồng Hồ Trên Màn Hình	Cài đặt bật hoặc tắt hiển thị đồng hồ trên màn hình.	ON/OFF	ON
24 Tiếng	Cài đặt kiểu hiển thị đồng hồ trên màn hình.	12/24 Tiếng	OFF (12 Tiếng)

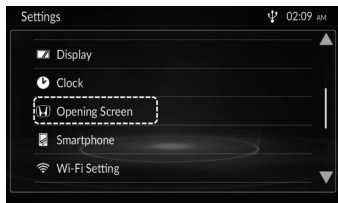


Chú ý

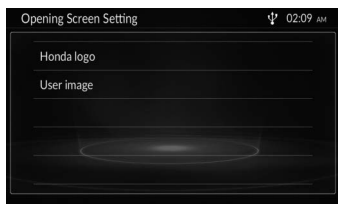
Cài đặt giờ tự động và lựa chọn múi giờ tùy thuộc vào loại xe.

Cài Đặt Màn Hình Mở

● Cài Đặt Màn Hình Mở



(1) Bấm **Opening Screen** trên màn hình Cài Đặt.

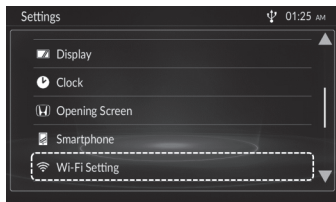


(2) Màn hình Cài Đặt Màn Hình Mở xuất hiện

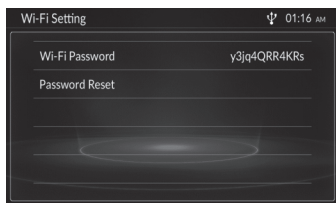
- **Honda logo** Cài đặt màn hình mở là Honda logo.
(Mặc định là Honda logo.)
- **User image** Tùy chọn màn hình mở bằng hình ảnh lưu trong USB.

Cài Đặt Wi-Fi

Bạn có thể cài đặt mật khẩu Wi-Fi như sau.



(1) Bấm **Wi-Fi Setting** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Bấm **Password Reset** để tự động tạo mật khẩu.



Chú ý

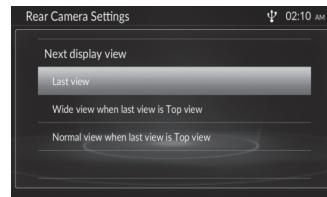
Cài đặt Wi-Fi có thể có hoặc không tùy thuộc vào loại xe.

Cài Đặt Camera Lùi

Bạn có thể cài đặt camera lùi như sau.



- (1) Bấm **Rear Camera** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt Camera Lùi xuất hiện.

● **Last view**

Chế độ xem chính là chế độ xem lần gần đây nhất khi sang số LÙI (R).

● **Wide view when last view is Top view**

Nếu chọn chế độ xem lần gần đây nhất là Từ trên xuống trước khi bạn tắt động cơ, chế độ xem Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi xoay khóa điện sang BẬT và sang số LÙI (R).

● **Normal view when last view is Top view**

Nếu chọn chế độ xem lần gần đây nhất là Từ trên xuống trước khi bạn tắt động cơ, chế độ xem Thường sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn xoay khóa điện sang BẬT và sang số LÙI (R).

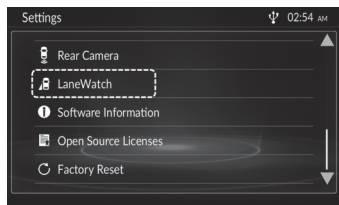


Chú ý

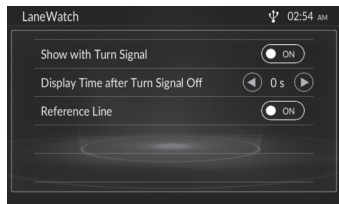
Chức năng camera lùi có ở một số loại xe.

Cài Đặt Quan Sát Làn Đường

Bạn có thể cài đặt Quan Sát Làn Đường như sau.



(1) Bấm **LaneWatch** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Cài Đặt Quan Sát Làn Đường xuất hiện.

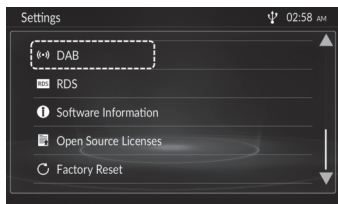
- **Show with Turn Signal**
Màn hình Quan Sát Làn Đường sẽ xuất hiện khi bật xi nhan.
- **Display Time after Turn Signal Off**
Bạn có thể đặt khoảng thời gian hiển thị của màn hình Quan Sát Làn Đường sau khi tắt xi nhan.
- **Reference Line**
Bạn có thể cài đặt hoặc tắt vạch khoảng cách.

Chú ý

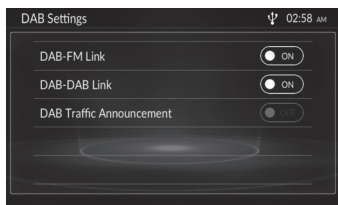
Chức năng Quan Sát Làn Đường có ở một số loại xe.

Cài Đặt Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB)

Bạn có thể cài đặt DAB như sau.



(1) Bấm **DAB** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Cài Đặt DAB xuất hiện.

- DAB-FM Link / DAB-DAB Link có chức năng nhận các kênh giống nhau của đài FM/DAB khi tín hiệu DAB đang nhận bị mất.
- Bản Tin Giao Thông DAB có chức năng nhận các bản tin giao thông.

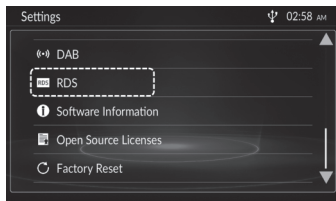


Chú ý

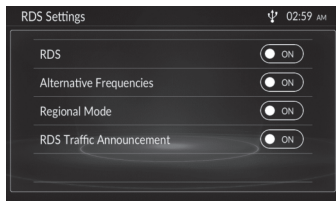
Chức năng DAB có ở một số loại xe.

Cài Đặt Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)

Bạn có thể cài đặt RDS như sau.



(1) Bấm **RDS** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Cài Đặt RDS xuất hiện.

- [RDS] Cài đặt bật hoặc tắt chức năng RDS
- [Alternative Frequencies] Cài đặt bật hoặc tắt tự động theo dõi thay đổi tần số
- [Regional Mode] Cài đặt tự động theo dõi điều kiện hoạt động
 - ON: Bao gồm phạm vi mã phát sóng
 - OFF: Không bao gồm phạm vi mã phát sóng
- [RDS Traffic Announcement] Cài đặt bật hoặc tắt tạm dừng TA

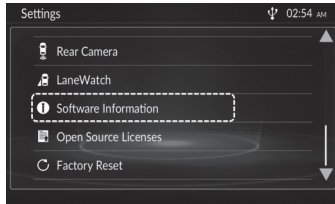


Chú ý

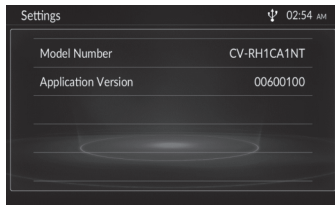
Chức năng RDS có ở một số loại xe.

Thông Tin Phần Mềm và Giấy Phép Mã Nguồn Mở

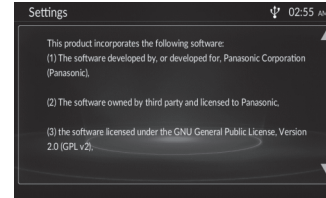
Bạn có thể xem thông tin Phần mềm như sau.



- (1) Bấm **Software Information** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Thông Tin Phần Mềm xuất hiện. Thông tin sau sẽ hiển thị.
- [Model Number] (Số Đòir Xe)
 - [Application Version] (Phiên Bản Phần Mềm)

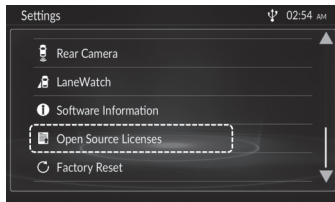


- Giấy Phép Mã Nguồn Mở
- Về iAuto

Chú ý

[Open Source Licenses] Hiển thị nội dung giấy phép Mã Nguồn Mở.
[About iAuto] Hiển thị biểu tượng iAuto và thông tin công ty.

Bạn có thể xem thông tin về Giấy Phép Mã Nguồn Mở như sau.



- (1) Bấm **Open Source Licenses** trên màn hình Cài Đặt.

Khôi Phục Cài Đặt Gốc

Khởi tạo tất cả các cài đặt bạn đã thực hiện, sau khi khởi tạo, tất cả các cài đặt và dữ liệu trước đó sẽ bị mất.



(1) Bấm **Factory Reset** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Khôi Phục Cài Đặt Gốc xuất hiện.

Để thực hiện việc Khôi Phục Cài Đặt Gốc

1. Ấn [Factory Reset] trên màn hình Cài Đặt.
2. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện. Bấm nút [Yes] để tiếp tục.
3. Thông báo <Initializing> (Khởi Tạo) xuất hiện.
4. Hệ thống âm thanh của chiếc xe này sẽ khởi động lại khi tiến trình khôi phục cài đặt gốc hoàn tất.

Thông Báo Lỗi

Nếu xảy ra lỗi trong khi đang sử dụng thiết bị, thông báo sẽ xuất hiện. Thao tác phù hợp theo thông báo/biện pháp khắc phục/danh sách nguyên nhân sau đây.

Thông báo	Thông báo xuất hiện khi:
In initialization...	Mô-đun WebLink chưa chuẩn bị xong và không sử dụng được.
Media Library loading	Thư viện Đa Phương Tiện đang tải, xin vui lòng chờ trong giây lát.
No Playable Tracks	Trong thiết bị iPod của bạn không có bài hát nào có thể phát được.
No USB Memory	Chưa kết nối USB.
No Playable Files	Trong USB của bạn không có bài hát nào có thể phát được.
Check the USB device	Khi xảy ra lỗi, không thể tiếp tục phát nhạc lưu trong USB được kết nối.
Not support USB HUB	Cổng chia USB được kết nối.
Device No Response	Thiết bị không phản hồi một lúc lâu.
Device connection exception! Please check USB interface is correct and restart the vehicle.	Xảy ra quá dòng.
Unsupported Device	Khi bạn kết nối thiết bị iPod iAP1.

Thông báo	Thông báo xuất hiện khi:
Pairing Failed	Không ghép đôi và không kết nối được điện thoại Bluetooth®.
5 Phones had added	5 Điện thoại đã được kết nối với Màn hình Giải Trí.
Not connected	Không kết nối được điện thoại Bluetooth® sau khi đã chọn.

Xử Lý Sự Cố

Không phải tất cả các sự cố rõ ràng đều là nghiêm trọng. Kiểm tra các mục sau trước khi gọi trung tâm dịch vụ.

- Khi vận hành các thiết bị được kết nối, hãy tham khảo các hướng dẫn đi kèm các bộ phận kết nối (và các hướng dẫn được đi kèm với các thiết bị được kết nối).

Tình Trạng	Giải Pháp
Tình Trạng Tổng Quát	
Loa không phát ra âm thanh.	⇒ Điều chỉnh âm lượng đến mức cao nhất. ⇒ Kiểm tra dây và kết nối.
USB	
Trên màn hình không xuất hiện "Reading" (đang đọc).	⇒ Tắt và bật lại nguồn.
Khi đang phát bài hát, âm thanh thỉnh thoảng bị chập chờn.	⇒ Việc sao chép các bài hát vào USB chưa đúng. Sao chép lại các bài hát và thử lại.
Các bài hát không phát theo thứ tự bạn muốn.	⇒ Thứ tự phát lại có thể khác khi sử dụng máy phát nhạc khác.
iPod/iPhone	
Loa không phát ra âm thanh.	⇒ Ngắt kết nối iPod/iPhone, sau đó kết nối lại. ⇒ Chọn sang chế độ khác, sau đó chọn lại "iPod".
iPod/iPhone không bật hoặc không hoạt động.	⇒ Kiểm tra kết nối. ⇒ Cập nhật phiên bản phần mềm. ⇒ Sạc pin. ⇒ Cài đặt lại iPod/iPhone.
Âm thanh bị méo.	⇒ Tắt bộ chỉnh âm trên thiết bị này hoặc trên iPod/iPhone.
Có nhiều tiếng ồn.	⇒ Tắt (bỏ chọn) "Voice Over" (Chế Độ Dành Cho Người Khiếm Thị) trên iPod/iPhone. ⇒ Để biết chi tiết, truy cập trang < http://www.apple.com >.
Không thể thực hiện bất kỳ thao tác nào khi đang phát bài hát chứa hình ảnh.	⇒ Vận hành thiết bị sau khi tải xong hình ảnh.

Tình Trạng	Giải Pháp
WebLink	
WebLink không bật hoặc không hoạt động.	⇒ Tối thiểu phải là mạng 3G. ⇒ Kiểm tra kết nối. ⇒ Cập nhật phiên bản phần mềm. ⇒ Sạc pin. ⇒ Cài đặt lại điện thoại thông minh.
Khi kết nối WebLink lần đầu tiên, có thể mất nhiều thời gian tùy thuộc vào điện thoại và mạng.	⇒ Hãy thử kết nối lại USB hoặc khởi động lại ứng dụng.
Radio	
Thu Sóng Radio kém	Điều chỉnh ăng ten để thu sóng tốt nhất.
Bluetooth®	
Chất lượng âm thanh điện thoại kém.	⇒ Rút ngắn khoảng cách giữa thiết bị và điện thoại di động Bluetooth®. ⇒ Lái xe đến nơi thu sóng tốt hơn.
Âm thanh bị gián đoạn hoặc không nghe được trong khi đang sử dụng máy phát nhạc Bluetooth®.	⇒ Rút ngắn khoảng cách giữa thiết bị và máy phát nhạc Bluetooth®. ⇒ Ngắt kết nối thiết bị được kết nối với điện thoại Bluetooth®. ⇒ Tắt, sau đó bật thiết bị. (Khi âm thanh chưa được khôi phục) kết nối lại máy nghe nhạc.
Không điều khiển được máy nghe nhạc đã được kết nối.	⇒ Kiểm tra xem máy phát nhạc Bluetooth đã kết nối có hỗ trợ AVRCP (Cấu Hình Điều Khiển Từ Xa Âm Thanh/Video) không.

Tình Trạng	Giải Pháp
Bluetooth®	
Điện thoại Bluetooth® không phát hiện thiết bị.	⇒ Tìm kiếm lại từ điện thoại Bluetooth®.
Thiết bị không ghép đôi với điện thoại Bluetooth®.	⇒ Đối với các thiết bị tương thích với Bluetooth® 2.1: Đăng ký thiết bị bằng mật khẩu. (➡ Trang 44) ⇒ Đối với các thiết bị tương thích với Bluetooth® 2.0: Nhập cùng mật khẩu cho cả điện thoại và thiết bị mục tiêu. ⇒ Tắt điện thoại Bluetooth, sau đó bật lại.
Thiết bị không phản hồi khi bạn sao chép danh bạ điện thoại sang thiết bị.	⇒ Có thể bạn đã sao chép trùng số liên hệ (đã được lưu) vào thiết bị.

Thông Số Kỹ Thuật

Kích Thước Màn	
Hình Giải Trí 1.4DIN	: 216 mm x 132,2 mm x 160 mm (W x H x D)
Trọng Lượng	: 1,5 kg
Điện Áp Vận Hành	: 12 V (cho phép 10 V tới 16 V)
Dòng Điện Tối Đa	: 10 A
Mức Tiêu Thụ	
Phạm Vi Nhiệt Độ	: -30°C tới +70°C
Hoạt Động	
Loại	: AH2201/BH2201
Tên Nhà Sản Xuất	: Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd
Địa Chỉ Nhà Sản Xuất	: 101 Moo 2 Teparak Rd, T. Bangsaotrong, A. Bangsaotrong, Samutprakarn 10570 Thái Lan

<Các phần chung>

Công suất tối đa	: 40 W x 4 ch
Công suất định mức	: 20 W x 4 ch (10 %T.H.D.)
Trở kháng loa thích hợp	: 4 Ω

<Bộ thu sóng FM>

Dải tần số nhận được	: 87,50 MHz tới 108,00 MHz / 87,50 MHz tới 107,90 MHz
Độ nhạy khả dụng	: 10 dB (μV)
Tỷ số tín hiệu trên nhiễu	: 45 dB

<Bộ thu sóng AM>

Dải tần số nhận được	: 531 kHz tới 1602 kHz / 530 kHz tới 1710 kHz
Độ nhạy khả dụng	: 37 dB (μV)
Tỷ số tín hiệu trên nhiễu	: 40 dB

<Phần bộ nhớ USB>

Tiêu chuẩn USB	: USB 2.0 Tốc Độ Cao
Hệ thống file	: FAT 32
Dòng cấp nguồn tối đa	: DC 5 V 1,5
Bộ giải mã âm thanh	: MP3/WMA/AAC/WAV/FLAC/APE
Bộ giải mã video	: 3GP/MP4/AVI/MOV/FLV

<Bluetooth®>

Công nghệ	: Bluetooth® 4.2
Tần số	: 2,402 GHz tới 2,480 GHz
Công suất ra	: 4 dBm (MAX), Nguồn Class 2
Phạm vi truyền dữ liệu tối đa	: Đường truyền thẳng xấp xỉ 10 m
Bộ mã hóa âm thanh	
Cấu hình	: BC

: HFP (V 1.7) (Hands Free Profile)
(Cấu Hình Rảnh Tay)
A2DP (V 1.3) (Advanced Audio
Distribution Profile) (Cấu Hình Phân Phối
Âm Thanh Năng Cao)
AVRCP (V 1.6)
(Audio/Video Remote Control Profile)
(Cấu Hình Điều khiển Âm thanh/Video
Từ xa)
GAP (Generic Access Profile) (Cấu Hình
Truy Cập Chung)
PBAP (Phone Book Access Profile) (Cấu
Hình Truy Cập Danh Bạ Điện Thoại)
SPP (V 1.2) (Serial Port Profile) (Cấu
Hình Cổng Nối Tiếp)
: IEEE 802,11 a/ac/n
: 5745 MHz - 5825 MHz

<Wi-Fi>

Tiêu Chuẩn Kỹ Thuật	: IEEE 802,11 a/ac/n
Tần Số Hoạt Động	: 5745 MHz - 5825 MHz

<Phần màn hình hiển thị>

Loại màn hình hiển thị	: 8 in-sơ TFT LCD
Kích thước drive	: 174,0 mm x 104,4 mm (H x V)
Độ Phân Giải Màn Hình	: WVGA
Số pixel	: 800 x 480 (H x V)
Bảng điều khiển cảm ứng	: Bảng điều khiển cảm ứng loại màn điện dung

Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có thể Sử Dụng trên Hệ Thống Âm Thanh

1 Đa Phương Tiện

Thông số kỹ thuật của các USB, v.v có thể sử dụng với thiết bị này được mô tả bên dưới.

USB

Định dạng, tiêu chuẩn và hạn chế của các USB có thể sử dụng được mô tả dưới đây.

Định dạng USB	USB 2.0 HS
Định dạng file	FAT 32
Loại dữ liệu	Loại lưu trữ lớn

Chú ý

- Thiết bị này có thể không phát các file lưu trong USB một cách hiệu quả khi sử dụng cấp mở rộng USB.
- Không thể sử dụng những USB được trang bị các chức năng đặc biệt như chức năng bảo mật dữ liệu cho thiết bị này.
- Không sử dụng USB có từ 2 phân vùng trở lên.
- Tùy thuộc vào hình dạng của USB và cổng kết nối, một số USB có thể không được cắm đúng cách hoặc kết nối có thể bị lỏng.
- Thiết bị này có thể không nhận dạng thẻ nhớ được lắp vào đầu đọc thẻ USB.
- Không sử dụng USB nếu ảnh hưởng đến lái xe an toàn.
- Không được rút và cắm USB nhiều lần trong khi trên màn hình đang hiển thị “Reading” (Đang Đọc).
- Sốc tĩnh điện khi đang kết nối USB có thể làm cho thiết bị phát bất thường. Trong trường hợp này, rút USB ra sau đó cài đặt lại thiết bị này và USB.
- Sự vận hành và nguồn có thể không hoạt động như mong muốn đối với một số USB.
- Không để USB trong xe, hoặc tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời hoặc nhiệt độ cao để tránh bị biến dạng hoặc hư hỏng.

2 Định Dạng File Có Thể Phát

Bảng dưới đây đưa ra các định dạng file đa phương tiện có thể phát trên thiết bị này.

○ Biểu thị định dạng có thể phát.

Hạng mục	Định dạng file	Đa phương tiện
	Phân mở rộng file	USB
Nhạc	.mp3	○
	.wma	○
	.m4a	○
	.wav	○
	.flac	○
	.ape	○
Video	.3gp	○
	.mp4	○
	.avi	○
	.mov	○
	.flv	○
Hình ảnh	.PNG	○
	.JPG	○

Chú ý

Chỉ sử dụng hạng mục “Hình ảnh” để thay đổi hình nền và thay đổi màn hình mở.

3 Thông Số Kỹ Thuật Dữ Liệu

Đa Phương Tiện Âm Thanh Có Thể Phát

Bộ mã hoá \ Định dạng		AAC	WMA	MP3	APE	FLAC	WAV	Ghi chú
		.m4a	.wma	.mp3	.ape	.flac	.wav	
Audio	MP3	-	-	Y	-	-	-	MPEG1 Layer3(32kHz, 44.1kHz, 48kHz) MPEG2 Layer3(16kHz, 22.05kHz, 24kHz)
	PCM (WAV)	-	-	-	-	-	Y	SampleRate: 8kHz~48kHz
	AAC-LC (*1)	Y	-	-	-	-	-	(*1) AAC chỉ cho (.m4a) file âm thanh
	WMA Tiêu Chuẩn	-	Y	-	-	-	-	Phiên bản cấu hình: V9.2
	APE	-	-	-	Y	-	-	
	FLAC	-	-	-	-	Y	-	

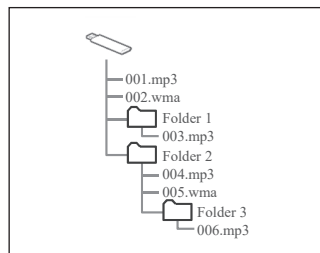
Phương Tiện Video Có Thể Phát

Bộ mã hoá \ Định dạng		3GP	MP4	AVI	MOV	FLV	Ghi chú
		.3gp	.mp4	.avi	.mov	.flv	
Video	Hình Ảnh MPEG-4	-	Y	Y	Y	-	
	H.264	-	Y	-	Y	Y	
	H.263	Y	-	-	Y	-	
Audio	MP3	-	Y	Y	Y	Y	
	AAC	Y	-	-	Y	Y	
	LPCM	-	Y	Y	Y	-	

- DRM không được hỗ trợ
- Hỗ trợ độ phân giải video 1080P
- Hỗ trợ tốc độ khung hình video 30FPS

Giới Hạn Ghi Dữ Liệu Bộ Nhớ USB và Cấu Trúc Thư Mục.

Số lượng cấp bậc tối đa trong thư mục	8
Số thư mục tối đa	255 (bao gồm thư mục gốc và thư mục trống)
Số lượng file tối đa trong một thư mục	255
Số lượng file tối đa	2.500
Số lượng hình ảnh tối đa	1.000



- Thứ tự phát của file lưu trong USB theo cấu trúc ở hình bên trái như sau:

001. mp3 → 002. wma... → 6. mp3

- Thứ tự thay đổi tùy thuộc vào phần mềm mã hóa dữ liệu máy tính và Nhạc được sử dụng.

- Số lượng ký tự tối đa (khi các ký tự là 1 byte):

- Tên thư mục: 64 ký tự
- Tên file: 64 ký tự

CÁC ĐIỀU KHOẢN

- MP3

MP3 (MPEG Audio LAYER3) là định dạng chuẩn của công nghệ nén âm thanh. Sử dụng định dạng MP3 cho phép các file được nén đến khoảng 1/10 kích thước ban đầu của chúng.

- WMA

WMA (Windows Media Audio) là định dạng nén file được phát triển bởi Microsoft. Định dạng này có thể nén các file đến kích thước thậm chí nhỏ hơn MP3.

- AAC

AAC (Advanced Audio Coding) (Mã Hóa Âm Thanh Nâng Cao) là định dạng chuẩn của công nghệ nén âm thanh được sử dụng cho MPEG4. Thiết bị này có thể phát các file AAC được tạo bằng MPEG4.

- ID3 TAG

Siêu dữ liệu được gọi là thẻ ID3 có thể được nhập vào file MP3 để lưu trữ thông tin như tiêu đề bài hát và tên nghệ sĩ.

- WMA TAG

Siêu dữ liệu được gọi là thẻ WMA có thể được nhập vào file WMA để lưu trữ thông tin như tiêu đề bài hát và tên nghệ sĩ theo cách tương tự với thẻ ID3.

- AAC TAG

Siêu dữ liệu được gọi là thẻ AAC có thể được nhập vào các file AAC để lưu trữ thông tin như tên bài hát, tên nghệ sĩ và tên album theo cách tương tự với thẻ ID3.

Thương Hiệu và Giấy Phép



Sử dụng thương hiệu Made for Apple có nghĩa là một phụ kiện có chức năng kết nối riêng biệt với (các) sản phẩm của Apple, được chứng nhận thương hiệu và được các công ty sáng lập chứng nhận đã đáp ứng các tiêu chuẩn vận hành của Apple. Apple không chịu trách nhiệm cho hoạt động của thiết bị này hoặc việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và theo quy định.

Lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với sản phẩm của Apple có thể ảnh hưởng đến vận hành không dây.

Apple, Apple TV, Apple Watch, iPad, iPad Air, iPad Pro, iPhone và Lightning là các nhãn hiệu của Apple Inc được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. tvOS là thương hiệu của Apple Inc.

- Google, Android, và Android Auto là thương hiệu của Google LLC. Để sử dụng Android Auto trên màn hình ô tô, bạn cần có điện thoại Android có hệ điều hành Android 6 trở lên, gói dịch vụ dữ liệu và ứng dụng Android Auto.



Nhãn hiệu và biểu tượng Bluetooth® là thương hiệu đã được đăng ký bởi Bluetooth SIG, Inc. và mọi việc sử dụng thương hiệu như vậy của Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd., đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

● Microsoft Media Audio (WMA)

Sản phẩm này được bảo vệ bởi một số quyền sở hữu trí tuệ của Tập đoàn Microsoft và các bên thứ ba. Việc sử dụng hoặc phân phối công nghệ đó bên ngoài sản phẩm này đều bị cấm nếu không có giấy phép từ Microsoft.

● MPEG4 Visual

Sản phẩm này được cấp phép theo giấy phép danh mục đầu tư bằng sáng chế của MPEG-4 cho mục đích sử dụng cá nhân của người tiêu dùng hoặc mục đích sử dụng khác mà người sử dụng không phải trả phí để

(i) mã hóa video tuân thủ Tiêu Chuẩn Hình Ảnh MPEG-4 ("Video MPEG4") và/hoặc

(ii) giải mã Video MPEG-4 đã được mã hóa bởi khách hàng tham gia hoạt động cá nhân và/hoặc được lấy từ nhà cung cấp video được cấp phép cung cấp Video MPEG-4.

Không được cấp phép hay ngụ ý cấp phép cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác. Bạn có thể thu thập thêm thông tin từ MPEG LA, L.L.C. Xem tại <http://www.mpegla.com>

● MPEG4 AVC (H.264)

Sản phẩm này được cấp phép theo giấy phép danh mục đầu tư bằng sáng chế của AVC cho mục đích sử dụng cá nhân của khách hàng hoặc mục đích sử dụng khác mà người sử dụng không phải trả phí để

(i) mã hóa video tuân thủ Tiêu Chuẩn của AVC ("Video AVC") và/hoặc

(ii) giải mã Video AVC được mã hóa bởi khách hàng đã tham gia hoạt động cá nhân và/hoặc có được từ nhà cung cấp đã được cấp phép cung cấp Video AVC. Không được cấp phép hay ngụ ý cấp phép cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác.

Bạn có thể thu thập thêm thông tin từ MPEG LA, L.L.C. Xem tại <http://www.mpegla.com>

Luật và Quy Định

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị tuân theo hai điều kiện sau: (1) thiết bị có thể không gây nhiễu có hại và (2) thiết bị này phải nhận bất cứ nhiễu nào thu được, gồm cả nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn.

Thiết bị này đã được kiểm tra và đảm bảo tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị số Loại B, theo phần 15 của các Quy tắc FCC. Những giới hạn này được đưa ra để tránh bị nhiễu có hại khi lắp đặt ở khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng tần số radio, nếu không lắp đặt và sử dụng đúng theo các hướng dẫn sẽ gây ra nhiễu sóng có hại cho hệ thống dữ liệu radio. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nhiễu vẫn có thể xảy ra khi bạn lắp đặt đúng cách. Để xác định xem thiết bị này có gây nhiễu có hại khi thu sóng radio hoặc vô tuyến hay không, hãy tắt và bật lại thiết bị, sau đó người dùng nên xử lý nhiễu theo một trong các cách sau đây:

- Xoay hoặc dịch chuyển ăng ten thu sóng.
- Đặt thiết bị và máy thu cách xa nhau.
- Cắm thiết bị và máy thu vào hai ổ cắm trên hai mạch điện khác nhau.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc nhờ thợ sửa chữa radio/TV có kinh nghiệm hỗ trợ.

Lưu Ý Của FCC: Bất cứ sự thay đổi hoặc chỉnh sửa nào chưa được bên chịu trách nhiệm tuân thủ chấp thuận một cách rõ ràng sẽ khiến người dùng không vận hành được thiết bị.

Không đặt hoặc vận hành bộ truyền phát này với bất kỳ ăng-ten hoặc máy phát nào khác.

Tuyên Bố Phơi Nhiễm Bức Xạ:

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC cho môi trường không được kiểm soát. Phải lắp đặt và vận hành thiết bị cách xa kết nước và cơ thể bạn với khoảng cách tối thiểu là 20cm.

Bổ sung (bản quyền)

Sản phẩm này kết hợp các phần mềm sau:

- (1) Phần mềm được phát triển bởi, hoặc phát triển cho Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd.,
- (2) Phần mềm thuộc sở hữu của bên thứ ba và đã cấp phép cho Panasonic,
- (3) Phần mềm được cấp phép theo Giấy Phép Công Cộng GNU, Phiên bản 2.0 (GPL v2),
- (4) Phần mềm được cấp phép theo Giấy Phép Công Cộng GNU, Phiên bản 2.1 hoặc Giấy Phép Công Cộng Thư Viện GNU, Phiên bản 2 (LGPL v2) và/hoặc,
- (5) Phần mềm mã nguồn mở khác với phần mềm được cấp phép theo GPLv2 và/hoặc LGPL.
- (6) Sản phẩm này bao gồm Monkey's Audio được cấp phép theo các điều khoản và điều kiện mà bạn có thể tìm thấy ở trang dưới đây.

<http://www.monkeysaudio.com/license.html>

Đối với phần mềm được phân loại là (3), (4) và (5), vui lòng tham khảo các điều khoản và điều kiện của GPL v2 và LGPL, tùy từng trường hợp tại

- GPL (Giấy Phép Công Cộng GNU):
<http://spdx.org/licenses/GPL-2.0>
- LGPL (Giấy Phép Công Cộng Thư Viện GNU):
<http://spdx.org/licenses/LGPL-2.0>
- LGPL (Giấy Phép Công Cộng GNU Hạn Chế):
<http://spdx.org/licenses/LGPL-2.1>

Phần mềm được phân loại là (3), (4) và (5) ở trên được cấp bản quyền bởi nhiều người. Vui lòng tham khảo các trang web dưới đây liên quan đến thông báo bản quyền của những người đó.

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/jk79/license>

Phần mềm được cấp phép theo GPL/LGPL ("Phần mềm GPL/LGPL") được phân phối với mục đích mang lại sự hữu ích, chứ KHÔNG CÓ BẤT KỲ ĐẢM BẢO NÀO, thậm chí không có đảm bảo ngầm định nào về TÍNH THƯƠNG MẠI hoặc SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ.

Ít nhất là ba (3) năm kể từ khi giao sản phẩm, Panasonic sẽ cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào liên hệ với chúng tôi theo Thông Tin Liên Hệ được cung cấp dưới đây, với chi phí không vượt quá chi phí phân phối mã nguồn thực tế của chúng tôi, một bản sao hoàn toàn có thể đọc được bằng máy của mã nguồn tương ứng được bảo vệ theo GPL v2 và/hoặc LGPL.

Xin lưu ý rằng chúng tôi không thể trả lời bất kỳ truy vấn nào liên quan đến chi tiết mã nguồn, v.v.

Ngoài ra, người dùng cuối cần cung cấp kết nối Internet của riêng họ. Người dùng cuối chịu trách nhiệm cho bất kỳ chi phí kết nối hoặc đường dây phát sinh thông qua các trang web duyệt hoặc tải xuống.

<Địa Chỉ Liên Hệ>

Giám Đốc Phát Triển Sản Phẩm, Phòng Nghiên Cứu và Phát Triển,
Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd

101 Moo 2 Teparak Rd, T.Bangsaothong A.Bangsaothong Samutprakarn
Thái Lan 10570

Ngoài ra, mã nguồn tương ứng có sẵn miễn phí cho bạn và bất kỳ thành viên nào trong cộng đồng tại trang web dưới đây:

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/jk79/license>

Xem trang web dưới đây để biết về các điều khoản và điều kiện của giấy phép và các thông tin khác liên quan đến OSS dưới đây và các OSS khác có trong Sản phẩm này:

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/wl/OSS.html>

Phần mềm được phân loại là (5) ở trên có chứa các phần mềm nguồn mở khác nhau (OSS) bao gồm các phần mềm sau:

Lưu ý về giấy phép phần mềm

Các giấy phép cho phần mềm mã nguồn mở được sử dụng trong sản phẩm này được trình bày dưới đây. Để đảm bảo chính xác, ở đây chúng tôi có đính kèm các văn bản gốc (bằng tiếng Anh).

Bản quyền (C) 2010-2014 của tyPoland Lukasz Dziedzic (team@latofonts.com) với Tên Phong Chữ Riêng "Lato". Phần mềm phong chữ này được cấp phép theo Giấy Phép Phong Chữ Mở SIL, Phiên Bản 1.1. Giấy phép này có đường link ở bên dưới và cũng có FAQ ở: (<http://scripts.sil.org/OFL>) Bản quyền (C) 2017 của Honda R&D Americas, Inc., với Tên phong chữ Reserved "HondaGUI".

Mục Lục

A

A2DP.....	Trang 19
AAC.....	Trang 67
AM.....	Trang 9
AVRCP.....	Trang 19

Â

Âm Lượng.....	Trang 3
Âm Thanh.....	Trang 48
Âm Thanh Bluetooth®.....	Trang 19

B

Bật nguồn.....	Trang 2
Bluetooth®.....	Trang 26

C

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị.....	Trang 49
Camera.....	Trang 24, 53, 54

D

Danh Bạ Điện Thoại.....	Trang 33
Danh Sách Sử Dụng.....	Trang 8
DSP.....	Trang 48

Đ

Điện Thoại Thông Minh.....	Trang 39
Đồng Hồ.....	Trang 50

F

FM.....	Trang 9
---------	---------

G

GAP.....	Trang 27
----------	----------

H

HFP.....	Trang 27
----------	----------

I

iPod.....	Trang 15
-----------	----------

L

Lặp Lại.....	Trang 14, 23
Liên Hệ.....	Trang 33

N

Ngẫu Nhiên.....	Trang 14, 23
Nút Bấm Cảm Ứng.....	Trang 8
Nút Điều Khiển Âm Thanh Trên Vô Lăng.....	Trang 40
Nút Màn Hình Chính.....	Trang 5

P

PBAP.....	Trang 27
Phát Nhạc MP3.....	Trang 67

Q

Quét.....	Trang 9
Quét Kênh Radio.....	Trang 9

R

Radio.....	Trang 9
Rảnh Tay.....	Trang 26

S

SPP.....	Trang 27
----------	----------

T

Trộn Bài.....	Trang 17
---------------	----------

U

USB.....	Trang 11
----------	----------

W

WMA.....	Trang 67
----------	----------

HONDA

08A40-PR5 -7M00-8A

YEFM0413747

